

Hành Hương Tứ Đại Danh Sơn Trung Quốc



TT Thích Phước Thái

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

Chuyển sang ebook 13-07-2015

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Thành Kính Tri Ân

Lời Giới Thiệu

Lời Đầu Sách

A. Phần Vào Chuyện

I. Một Tâm Nguyên

II. Những Ngày Chuẩn Bị

III. Khởi Hành

B. Tham Quan Các Nơi

I. Bắc Kinh

01. Giới Đàn Tự

02. Đàm Thạch Tự

03. Bát Đại Xứ

04. Vạn Lý Trường Thành

05. Thăm Ung Hòa Cung

II. Đại Đồng

01. Thạch Động Vân Cương

02. Thăm chùa Hoa Nghiêm

03. Thăm Cửu Long Bích

III. Ngũ Đài Sơn

01. Huyền Không Tự

02. Chùa Long Tuyền

03. Vạn Phật Các

04. Tháp Viện Tự

05. Hiền Thông Tự

06. Bồ Tát Đảnh

07. Phổ Hóa Tự

08. Đỉnh Đại Loa

09. Bích Sơn Tự

10. Tập Phước Tự

11. Thù Tượng Tự

12. Kim Các Tự

13. Tôn Thắng Tự

IV. Thái Nguyên

V. Thành Đô

VI. Lạc Sơn

01. Đại Phật

VII. Nga Mi Sơn

01. Báo Quốc Tự

02. Phục Hồ Tự

03. Nga Mi Sơn

04. Vạn Niên Tự

VIII. Đại Lý

IX. Kê Túc Sơn

01. Kim Đỉnh Tự

02. Ca Diếp Điện

X Côn Minh

01. Thất Thái Vân Nam

02. Thạch Lâm

03. Trà Lục Vũ

XI. Thượng Hải

01. Ngọc Phật Tự

XII. Ninh Ba

XIII. Phổ Đà Sơn

01. Phổ Tế Tự
02. Viên Thông Tự
03. Đại Tôn Tượng Quán Âm Nam Hải
04. Phổ Tế Tự, còn gọi Phật Đảnh Sơn Tự
05. Phạm Âm Động
06. Pháp Vũ Tự
07. Nam Thiên Môn
08. Phổ Tế Tự (Hậu Tự)

XIV. Ninh Ba

01. A Dục Vương Tự
02. Quốc Thanh Tự

XV. Hàng Châu

XVI. Cửu Hoa Sơn

01. Hóa Thành Tự
02. Bái Kinh Đài
03. Thiên Thai Đài
04. Kim Thánh Điện
05. Bá Tuế Cung
06. Đông Nhai Tự
07. Kỳ Viên Tự

XVII. Nam Kinh

XVIII. Vô Tích

01. Huệ Sơn Tự
02. Ký Xương Viên
03. Đại Phật Linh Sơn
04. Shop Bán Hạt Trai
05. Phi Trường Thượng Hải
06. Trên Máy Bay

C. Phi trường Sydney

D. Nhìn lại

Phân Phụ Lục

Vài Nét Về Ý Nghĩa Hành Hương

Nhóm 1 : Bồ Thí Độ

I / Lý Thuyết

II / Thật hành

Nhóm 2 : Trì Giới Độ

I / Lý Thuyết

II / Thật Hành

Nhóm 3 : Nhẫn Nhục Độ

I / Lý Thuyết

II / Thật Hành
Nhóm 4 : Tinh Tấn Độ
I / Lý Thuyết
II/ Thật Hành
Nhóm 5 : Thiên Định Độ
I / Lý Thuyết
II/ Thật Hành
Nhóm 6 : Trí Huệ Độ
I / Lý Thuyết
II / Thật Hành

Sách Tham Khảo và trích dẫn

Sách Chữ Hán
Sách Việt Ngữ trích dẫn

Hồi Hương Công Đức

---o0o---

Thành Kính Tri Ân

Sách này được hình thành là nhờ công ơn của:

- Hòa Thượng Tông Trưởng Tổ Đình Phước Huệ duyệt sửa.
- Quý Đại Đức Thích Phước Viên, Thích Phước Lạc, Thích Phước Quảng, Sư Cô Thích Phước Thanh và quý đạo hữu Hồ Sĩ Trung, Diệu Thanh, Pháp Âm, Nguyên Hoa đã tận tình giúp cho phần đánh máy, kỹ thuật trình bày, sửa bản in và in ấn.
- Nhà xuất bản Quang Minh.
- Chư Tôn Đức Tăng Ni, quý liên hữu của hai đạo tràng: Quang Minh và Phước Huệ cùng chư Phật tử xa gần đã phát tâm ủng hộ hỷ cúng tịnh tài ấn tống. Xin tất cả nhận nơi đây lòng tri ân chân thành của bút giả.

Nguyện đem công đức pháp thí này hồi hướng cho quý ân nhân cùng pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

Kính

Thích Phước Thái.

Lời Giới Thiệu

Tứ Đại Danh Sơn theo truyền thuyết, là những nơi có các vị Đại Bồ Tát: Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Địa Tạng, hiện thân tu hành để hóa độ chúng sanh. Đó còn là những nơi thắng cảnh nổi tiếng tuyệt vời vượt thời gian qua nhiều phương diện của Phật giáo Trung Quốc từ xưa tới nay. Vì thế, mà hằng năm có nhiều đoàn du lịch đến những nơi này để tham quan chiêm bái. Xưa nay, đã có biết bao tác phẩm xưng tán ca ngợi hết lời nhiều điều màu nhiệm thiêng liêng ở những nơi thắng tích này. Tuy nhiên, mỗi tác phẩm chuyên tải mỗi cách nhìn khác nhau. Có những tác phẩm chuyên sâu trong lãnh vực khảo cứu nặng phần triết lý, hay lịch sử. Có những tác phẩm chỉ diễn tả những phong cảnh núi non hay chuyên sâu trong lãnh vực phong hóa, mỹ thuật. Dù nhìn từ góc độ nào tự nó cũng đã mang lại cho nhơn sinh nhiều điều tìm hiểu, học hỏi thú vị.

Tác phẩm Hành Hương Tứ Đại Danh Sơn của thầy Thích Phước Thái không nằm trong các lãnh vực chuyên sâu nói trên. Tác phẩm này chỉ ghi lại những kỷ niệm trên bước đường hành hương chiêm bái các danh lam thắng tích. Vì thế, nó mang tính ký sự hơn là một tác phẩm chuyên trong lãnh vực khảo cứu. Tuy nhiên, nội dung của sách cũng đem lại cho chúng ta nhiều tài liệu rất quý giá hữu ích về mặt văn hóa, kiến trúc, mỹ thuật cũng như lịch sử của các ngôi đại già lam và các nơi thắng cảnh. Tác giả đã có công sưu tầm và ghi lại cặn kẽ nhiều chi tiết lý thú, mà đoàn đã trải nghiệm. Sách còn cho chúng ta rất nhiều kinh nghiệm học hỏi qua những điều thuận hoặc nghịch duyên, hay những thử thách chướng ngại khó khăn trong khi đi chiêm bái. Thiết nghĩ, đó cũng là điều rất bổ ích cho mọi người có thêm kinh nghiệm học hỏi, nhất là, để chuẩn bị, khi có dịp hành hương chiêm bái ở những nơi này.

Tác phẩm này lẽ ra đã được ra mắt sớm hơn, nhưng vì chưa đủ nhân duyên, nên mãi đến hôm nay mới được ra mắt độc giả.

Mong rằng, trong tập sách nhỏ này độc giả (nhất là những người bạn đồng hành) sẽ tìm thấy những điều ghi nhận rất bình dị, thật thà của tác giả qua những điều hay, dở, thuận, nghịch mà chính tác giả đã kinh nghiệm mục kích ghi lại.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

---o0o---

Lời Đầu Sách

Tập sách nhỏ này, chúng tôi ghi lại những ngày hành hương chiêm bái Tứ Đại Danh Sơn Phật Giáo Trung Quốc. Đây là chúng tôi vâng theo tôn ý của Hòa Thượng. Hòa Thượng coi đây là một chuyến đi hành hương trong lịch sử đời ngài. Trong bức tâm thư gửi cho Phật tử, Hòa Thượng đã bày tỏ nỗi lòng biết ân đối với đức Bồ Tát Quán Thế Âm. Cho nên, chuyến đi này, Hòa Thượng tổ chức với một tâm nguyện rất thiết tha và có thể nói là chuyến đi cuối đời. Do đó, nên Hòa Thượng muốn có những hình ảnh ghi lại, trước hết là để cho những người đồng hành khi nhìn lại, thấy có một cái gì vui vui trong lòng, qua những ngày gian khổ có nhau. Kế đến, cho những ai chưa hội đủ duyên lành, đến tận nơi chiêm bái, cũng có thể xem qua đôi điều ghi lại, thiết nghĩ, cũng được thêm phần lợi ích.

Đứng về mặt Tục Đế hay Thế giới tất đàn mà nói, thì đây là một sự kiện tương đối cũng có lợi ích cho mọi người. Song có điều, thời gian đi thì quá ngắn, mà chương trình tham quan chiêm bái các nơi thì quá nhiều. Vì vậy, cho nên khi đến mỗi nơi, chúng tôi không được ở lâu để tìm hiểu cặn kẽ. Đa phần, chúng tôi chỉ ghi vội lại những gì mà người hướng dẫn giới thiệu và qua một vài chi tiết mà các vị trụ trì sở tại cho chúng tôi biết. Đôi khi người giới thiệu cũng không trình bày rõ ràng lắm, do đó, nên việc ghi chép của chúng tôi chắc chắn là có nhiều điều thiếu sót. Để bổ túc phần nào cho những điểm thiếu sót đó, chúng tôi có sưu tầm thêm một số ít tài liệu nói về những ngôi già lam (chùa) hay thắng tích cũng như những địa danh, mà chúng tôi đã tới thăm viếng. Việc làm này, chúng tôi nhắm vào 3 mục đích chính:

Thứ nhất, vâng theo tôn ý của Hòa Thượng dạy bảo.

Thứ hai, nhằm giúp phần nào cho những người bạn đồng hành nhớ lại những hình ảnh đã trải qua.

Thứ ba, là góp thêm chút ít tài liệu cho những ai chưa có dịp đi, muốn tìm hiểu sơ qua về các nơi đó.

Mục đích của chúng tôi chỉ có ngần ấy thôi. Ngoài ra, chúng tôi cũng có góp nhặt một vài bài thơ do những vị trong đoàn cảm hứng sáng tác. Như

vậy, tập sách nhỏ này, được xem như là một tập bút ký hơn là một quyển sách khảo cứu thông thường. Vì không phải là một nhà văn chuyên nghiệp, nên việc ghi chép hành văn của chúng tôi, chắc chắn là còn rất vụng về và có nhiều lỗi lầm khuyết điểm. Chúng tôi kính mong quý độc giả, các bậc cao minh thương tình lượng thứ và chỉ giáo cho. Người viết xin hết lòng tri ân và đa tạ.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin cảm ơn chư Tôn Đức Tăng Ni, nhất là những người bạn đồng hành và quý ân nhân Phật tử đã phát tâm ủng hộ tịnh tài để góp phần in ấn tập tài liệu này.

Lời sau cùng, con xin chân thành đánh lễ tri ân Hòa Thượng rất nhiều. Hòa Thượng đã cho con một cơ hội đến tận nơi tham quan chiêm bái Tứ Đại Danh Sơn Phật Giáo Trung Quốc. Ngoài ra, Hòa Thượng còn chỉ dạy giúp con trong việc duyệt sửa lại những điều sai sót trong tập sách nhỏ này.

Một lần nữa, con xin thành tâm đánh lễ và tri ân Hòa Thượng.

Kính nguyện cầu Tam Bảo gia hộ cho Hòa Thượng pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ và chúng tôi cũng xin cầu chúc cho những người bạn đồng hành cùng quý độc giả vạn sự an khang, kiết tường như ý.

Kính.

Thích Phước Thái.

---o0o---

A. Phần Vào Chuyện

I. Một Tâm Nguyện

Từ lâu, chúng tôi hằng mơ ước, nếu có đủ thuận duyên, thì chúng tôi sẽ đi hành hương chiêm bái hai nước có hai nền văn minh, văn hóa, thánh tích Phật giáo cổ đại nhất của nhơn loại, đó là: Ấn Độ và Trung Hoa. Năm rồi (2003), chúng tôi có được cơ may đã đi Ấn Độ. Năm nay, thật là một hạnh duyên rất lớn cho tôi, được Hòa Thượng cho tháp tùng với phái đoàn hành hương chiêm bái Tứ Đại Danh Sơn Phật giáo Trung Quốc. Phái đoàn gồm chư Tăng Ni và Phật tử tất cả là 65 vị mà Hòa Thượng là Trưởng phái đoàn. Cần nói thêm, lý do mà Hòa Thượng đứng ra tổ chức hành hương lần này, như trong bức “Tâm Thơ” gởi cho Phật tử, Hòa Thượng có bày tỏ nỗi

lòng và nguyện vọng cũng như mục đích của Hòa Thượng trong chuyến đi hành hương này.

Trước đây, Hòa Thượng đã nhiều lần hướng dẫn Tăng Ni và Phật tử đi hành hương chiêm bái Phật tích ở Ấn Độ. Hòa Thượng luôn ôm ấp một hoài bão với tâm niệm câu: *“Làm người đệ tử của Phật, ít nhất một lần trong cuộc đời được chiêm bái Tứ Thánh địa”*. Tâm nguyện hoài bão này, Hòa Thượng đã cưu mang từ lâu, đã hơn mấy mươi năm về trước khi còn ở quê nhà. Nay có đầy đủ thuận duyên, nên Hòa Thượng, ngoài việc đích thân đến tận nơi chiêm bái, ngài còn muốn tạo cơ duyên cho những người khác cũng đồng đi chiêm bái như ngài. Đó cũng là thể hiện tấm lòng từ bi, thường nghĩ đến sự lợi ích cho mọi người. Lần đi này, Hòa Thượng có một tâm nguyện rất lớn lao đối với Đức Bồ Tát Quán Thế Âm. Ngài xem Bồ Tát như một bà Mẹ hiền đã hơn một lần cứu độ ngài khi ngài còn nhỏ. Trong bức Tâm Thư, có đoạn Hòa Thượng viết: *“Bởi vì tôi sanh ra và lớn lên trong cuộc đời đầy bất hạnh: sanh thiếu thốn, nhiều bệnh, ốm o, một lần tôi mắc phải chứng bệnh nan y, gần kề cái chết, mẹ tôi phải dập đầu khẩn cầu với Đức Bồ Tát Quán Âm trong hình ảnh đang ngự tại bờ Nam Hải, non Phổ Đà, và từ đó, tôi lớn lên, mạnh khỏe trong sự cứu độ của Ngài. Cho tới bây giờ trong lòng tôi thâm cảm thật gần gũi với tâm từ bi, hạnh cứu khổ của Ngài. Tôi thừa thọ ân điển của Ngài, với mong ước một ngày nào đó, tôi được quỳ dưới chân Ngài với lời bộc bạch: Kính lạy Đức Bồ Tát đã từng cứu độ con. Con đã bao phen sanh tử dập dòn, và đã được Bồ Tát bao lần tế độ. Con nguyện đem tấm thân hèn với chuỗi ngày còn lại tập tễnh làm theo hạnh nguyện của Ngài để giúp ích được phần nhỏ nào cho đồng loại của con”* Thật là cảm động! Qua đó, chúng ta thấy, ngài đã bày tỏ hết tâm tư nguyện vọng của ngài kính dâng lên đấng Mẹ hiền cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm. Đó cũng là lý do chính yếu khởi nguyên cho chuyến đi hành hương lịch sử này. Cũng nhờ đó, mà điều mơ ước của chúng tôi hôm nay mới được thành tựu.

Đọc sử Phật giáo Trung Quốc, ngoài việc tìm hiểu về Giáo đoàn và Giáo nghĩa của Phật giáo ra, chúng tôi rất thiết tha muốn biết qua về Tứ Đại Danh Sơn của Phật Giáo. Nghĩa là chúng tôi muốn đến tận nơi để tham quan chiêm bái. Vì nơi đây, xưa kia đã có nhiều kỳ tích; là nơi mà các vị Đại Bồ Tát như các Ngài: Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Địa Tạng, đã thị hiện ứng thân hóa độ chúng sanh. Ngoài những kỳ tích màu nhiệm thiêng liêng đó, nơi đây, còn có biết bao thắng cảnh hữu tình ngoạn mục mà do tạo hóa cũng như sức người tạo nên.

Trong ý nguyện thiết tha đó, không phải riêng tôi, mà hầu như những người khác trong đoàn cũng có cùng chung tâm nguyện. Vì thế, hôm nay hội tụ trong một nhân duyên thù thắng tốt đẹp, cùng nhau theo gót chân Thầy, đến tận nơi xa xôi Trung Quốc đồng chiêm bái những thắng tích Tứ Đại Danh Sơn Phật Giáo.

---o0o---

II. Những Ngày Chuẩn Bị

Chuyến đi nào cũng vậy, muốn có kết quả tốt đẹp tương đối, thì ít ra cũng phải có sự sắp xếp tổ chức. Với kinh nghiệm sẵn có trong những chuyến hành hương trước, lần này, vì số người tham gia đồng hành đông, nên Hòa Thượng phải nghĩ đến việc tổ chức cho chu đáo hơn. Do đó, ngoài việc cử người liên lạc dò hỏi giá cả qua các đại lý bán vé, xem nơi nào có giá cả tương đối thấp nhất để mình có thể mua vé mà không sợ lầm. Song song đó, Hòa Thượng còn nghĩ đến việc sắp xếp cho những người đi có nề nếp trật tự. Bởi vì, chuyến đi hành hương này, nó mang tính chất đặc biệt, đây là đoàn hành hương của Phật Giáo do Hòa Thượng hướng dẫn, những người đi đều là Tăng Ni và Phật tử, nên ngoài việc tham quan chiêm bái những thánh tích ra, trong khi đi, tất cả còn phải thể hiện nét đặc thù của người con Phật. Nó khác hơn với những tổ chức hành hương thường có tánh cách du lịch tìm những thú vui giải trí. Ở đây, đi trong tinh thần vừa nghiên cứu học hỏi mà cũng vừa tỉnh tu theo hạnh nguyện của chư Bồ Tát.

Với ý hướng đó, Hòa Thượng đã phân nhiệm cho mỗi người đặc trách một số công việc cần phải xúc tiến. Sau khi dò hỏi giá cả và đã quyết định xong xuôi, Hòa Thượng cho ra thông báo trong phạm vi nội bộ hạn chế, tức ưu tiên cho quý Phật tử ở 3 chùa: Phước Huệ, Quang Minh và Hoa Nghiêm. Vì số người đi có giới hạn, nên không có đăng báo phổ biến rộng rãi. Ấy thế mà, không bao lâu số người ghi tên quá đông, hơn con số đã quy định. Đã đủ số người đi rồi, Hòa Thượng liền giao phó cho Thầy Phước Đạt có nhiệm vụ theo dõi giữa công ty China Travel Service (AUST) PTY. LTD ở Sydney và Trung Quốc. Mọi vấn đề diễn tiến như thế nào họ đều phải cung cấp cho mình biết rõ. Đồng thời, còn phải lo trang bị một số các vật dụng cá nhân khác cho đồng nhứt, như túi mang và túi xách tay v.v...

Về lịch trình đi từng nơi qua từng ngày, trong thời gian 20 ngày ở Trung Quốc, chúng tôi thấy, chính Hòa Thượng đích thân đọc từng chữ cho Sư Cô Phước Thanh đánh máy. Nói thế, để quý vị thấy sự cẩn thận của Hòa

Thượng đến mức độ nào rồi. Ngoài thầy Phước Đạt ra, Hòa Thượng còn giao mọi việc liên lạc với những người đi, để lo mọi thủ tục giấy tờ xuất nhập cảnh v.v... cho thầy Phước Lạc. Phải thành thật mà nói, trong những ngày gần đi, tôi thấy thầy Phước Lạc làm việc lo mọi thứ thủ tục giấy tờ thật nhúc nhúc óc, mất ăn, mất ngủ. Lý do là vì, cứ người này rút tên ra, người kia ghi tên vào, mỗi lần như thế phải thay đổi giấy tờ, chạy tới, chạy lui mệt trời chết. Thấy thầy làm có khi tới sáng không ngủ, mỗi lần đi công phu khuya ngang qua phòng computer, thấy đèn cháy sáng trưng, ghé mắt nhìn vô, tôi thấy thầy đang cặm cụi lui cui miệt mài làm việc. Tôi hỏi: suốt đêm nay, thầy không có ngủ sao? Thầy trả lời: thưa thầy, chẳng những đêm nay thôi, mà đã thức trọn mấy đêm qua rồi! Thật thầy làm việc chỉ nghĩ đến mọi người mà quên mình.

Ngoài những công việc nêu trên, Hòa Thượng còn nghĩ đến và đặt nặng vấn đề tổ chức cho có hàng ngũ trật tự trong khi đi. Do đó, Hòa Thượng bảo tôi, biên soạn tập tài liệu "**CẨM NANG HÀNH HƯƠNG**", để mọi người y theo đó mà thực hành. Hòa Thượng nói: "*Chuyến đi này, Thầy muốn cho mọi người đi trong sự tu học, nói rõ ra, là phải tập tành thật hành theo công hạnh của Bồ Tát, nên chia số người đi ra thành 6 nhóm. Mỗi nhóm, có một vị trưởng nhóm và phó nhóm và lấy tên của mỗi độ trong Lục Độ mà đặt tên cho mỗi nhóm, từ Độ Bố Thí cho đến Trí Huệ. Mỗi độ là 10 người. Phước Thái nên biên soạn tập tài liệu này rồi phát cho mỗi người*".

Sau khi nghe Hòa Thượng dạy bảo như thế, thật tình mà nói, lúc đầu, tôi cũng không biết phải biên soạn như thế nào mới hợp ý Hòa Thượng. Tuy nhiên, Hòa Thượng đã dạy bảo, thì tôi cũng phải cố gắng suy nghĩ mà làm theo. Thú thật, nhờ năm rồi, có đi hành hương ở Ấn Độ và cũng có tham gia cùng với quý thầy trong Ban Tổ Chức, nên tôi cũng có chút ít kinh nghiệm. Từ đó, tôi mới cố gắng suy nghĩ phương cách để biên soạn. Biên soạn xong, tôi trình lên cho Hòa Thượng duyệt sửa. Hòa Thượng sửa thấy được rồi, thì mới cho in ra phổ biến. Nhờ cơ hội này, tôi cũng được học hỏi thêm qua kinh nghiệm của Hòa Thượng.

Song song với việc biên soạn tập tài liệu Cẩm Nang này, chúng tôi còn có biên soạn tập tài liệu nhỏ với danh đề là: "*Tìm Hiểu Sơ Qua Tứ Đại Danh Sơn Phật Giáo Trung Quốc*". Đây là tập sách nhỏ mà chúng tôi sưu tầm nói về một số các ngôi cổ tự nổi tiếng, cũng như một vài nơi thắng tích mà đoàn sẽ đến thăm viếng, với mục đích là để giúp cho mọi người tiện bề trong việc tìm hiểu thêm.

Mọi việc đã chuẩn bị xong, Hòa Thượng liền cử người vào trong Ban Tổ Chức hướng dẫn để phụ lục cùng với Hòa Thượng. Ngoài Hòa Thượng là Trưởng Phái Đoàn, cố vấn và chỉ đạo toàn bộ ra, Hòa Thượng còn cử Thầy Phước Tấn làm Phó 1, chuyên đặc trách hướng dẫn tổng quát đời sống thể chất. Tôi làm Phó 2, chuyên đặc trách hướng dẫn đời sống tinh thần tu học. Ngoài ra, còn có các Tiểu Ban khác như: Đặc trách tiếp xúc giao tế là Thầy Phước Đạt. Phụ tá là cô Phật tử Tâm Quang. Được biết, Tâm Quang là một Phật tử thuần thành của chùa Phước Huệ. Cô được Hòa Thượng giao cho trách nhiệm liên lạc với các đại lý bán vé để dò hỏi về vấn đề giá cả, vì cô đã có đi qua đôi lần ở Trung Quốc, cho nên cô rất thông thạo biết rõ về việc giá cả của các đại lý. Theo lời cô cho tôi biết, đại lý mà cô mua đây, so với các đại lý khác, thì tương đối nó có giá thấp nhất ở thành phố Sydney.

Về quay phim nhiếp ảnh, thì thầy Phước Trí phụ trách. Ngoài ra, còn có thêm hai vị phụ tá cùng thầy, đó là chú Phước Từ và đạo hữu Tuệ Giác. Về Y Tá, thì thầy Phước Lạc và cô Diệu Đức. Về phần ghi chép tài liệu và tường thuật, Hòa Thượng giao trách nhiệm cho tôi và Sư cô Phước Hỷ.

Ngoài việc công cử Ban Tổ Chức ra, Hòa Thượng còn cho bầu các Trưởng nhóm và thành lập các nhóm:

1. Trưởng nhóm Bồ Thí: Sư Cô Phước Duyên.

- Phó nhóm: Đạo hữu Quảng Liên .

- Các nhóm viên gồm có: Diệu Đức, Tâm Lạc, Tâm Hiệp, Diệu Khiết, Diệu Hạnh 1, Từ Kim Quang, Tâm Quang và Diệu Xuân.

2. Trưởng nhóm Nhẫn Nhục: Sư Cô Phước Hòa.

- Phó nhóm: Sa Di Ni Phước Lễ.

- Các nhóm viên gồm có: Chú Phước Từ, chú Huệ Chiếu, Tắc Thịnh, Nguyên Định, Từ Hương, Diệu Hương 1, Diệu Huyền và Tâm Trúc.

3. Trưởng nhóm Trì Giới: Đại Đức Thích Phước Đạt.

- Phó nhóm: Đại Đức Phước Độ.

- Các nhóm viên gồm có: Sư Cô Phước Nghiêm, Sư Cô Phước Tịnh, Sư Cô Phước Trường, Sư Cô Phước Chơn, Sư Cô Phước Lượng, Sư Cô Phước Chiếu, Sư Cô Phước Chí và Sư Cô Phước Hồng.

4. Trưởng Nhóm Tinh Tấn: Sư Cô Phước Định.

- Phó nhóm: Đạo hữu Diệu Lộc.

- Các nhóm viên gồm có: Hồ Thương, Hạnh Thắng, Minh Hiền, Diệu Ngọc, Tuệ Phúc, Từ Nhân, Diệu Huy và Tâm Lộc.

5. Trưởng Nhóm Thiên Định: Sư Cô Phước Liễu.

- Phó nhóm là Diệp Thị Loan.

- Các Nhóm viên gồm có: Nguyễn văn Cao, Diệu Hương 2, Lê thị An, Diệu Như, Chơn Trì, Diệu Huy, Diệu Thanh và Đức Ngọc.

6. Trưởng Nhóm Trí Huệ: Sư Cô Phước Hỷ.

- Phó nhóm: Diệu Huệ.

- Các nhóm viên gồm có: Thiện Đức, Diệu Hạnh 2, Chân Mỹ Tiến, An Tịnh, Tâm Hoa, Nguyễn Hoa, Tâm Thành và Minh Huệ.

Việc phân nhóm này, trải qua đôi lần, sắp đi sắp lại, xong rồi, trình lên Hòa Thượng xem, nhưng không lần nào Hòa Thượng vừa ý. Cuối cùng, chính Hòa Thượng tự sắp xếp như danh sách đã nêu trên.

Mọi việc đã chuẩn bị xong xuôi, Hòa Thượng cho triệu tập những vị ghi tên đi ở Sydney về chùa Phước Huệ họp. Trước sau gồm có 2 buổi họp. Buổi họp đầu tiên tại trai đường vào lúc 7 giờ tối, ngày 7/9/04. Nội dung của buổi họp này, Hòa Thượng giải thích cặn kẽ về những điều ghi trong tập sách. Hòa Thượng luôn nhắc nhở và nhấn mạnh về 6 pháp Ba la mật mà Bồ Tát đã thật hành. Hòa Thượng cũng ân cần khuyên bảo mọi đoàn viên trong khi đi, mỗi người nên cố gắng thật hành theo công hạnh của Bồ Tát. Hạnh của Bồ tát làm là các Ngài bất chấp gian lao và luôn vượt qua mọi chướng duyên thử thách. Các Ngài chỉ nhắm vào một mục đích duy nhất là vì lợi ích chúng sanh. Chúng ta nên cố gắng tập tành làm theo công hạnh đó. Có như thế, thì việc đi hành hương chiêm bái của chúng ta mới thật sự có ý nghĩa và có lợi ích thiết thực.

Buổi họp lần thứ hai cũng vào lúc 7 giờ tối ngày thứ tư, 8/9/04 tại giảng đường chùa Phước Huệ. Mục đích của buổi họp này, Hòa Thượng và Ban Tổ Chức phổ biến một số tin tức cần thiết trong khi đi. Buổi họp đa số đều có mặt, chỉ có một hai vị, vì lý do riêng, nên không thể đến dự được. Trong buổi họp lần này, Hòa Thượng nhắc nhở lại một số điều kiện và những lời nhắc nhở chung mà trong buổi họp trước đã nêu ra. Đồng thời cũng cấp phát cho một tập “Cẩm Nang”, và tài liệu Tứ Đại Danh Sơn cùng những vật dụng linh tinh khác như: vải vàng buộc va li, phù hiệu buộc vào va li, cờ nhóm, bảng tên mang vào cổ, áo mưa v.v... Lẽ ra, buổi họp này phải có mặt các đoàn viên ở dưới Melbourne, nhưng vì thầy Phước Tấn đặt mua vé trễ, nên những vị đó không thể lên đúng giờ họp được. Do đó, họ sẽ có một buổi họp riêng. Sau buổi họp này, mọi người về nghỉ ngơi để lấy sức chuẩn bị sáng mai 9/9/04 lên đường.

Chuyến đi này, với sự chỉ bảo và hướng dẫn của Hòa Thượng, nên mọi việc sắp xếp chuẩn bị tương đối khá chu đáo. Từ việc nhỏ đến việc lớn, nhứt nhứt đều được Hòa Thượng thường xuyên lưu tâm nhắc nhở.

---o0o---

III. Khởi Hành

Ngày 1, tức ngày 9/9/04

Chuẩn bị bao nhiêu ngày qua, nay đã đến lúc mọi người phải lên đường. Các đoàn viên ở Melbourne lên đêm qua ngủ ở Phước Huệ, và một số ít các đoàn viên khác ở Sydney, vì muốn tiện, nên đêm hôm qua cũng đến ngủ lại chùa. Niềm hân hoan đã hiện rõ trên gương mặt của mọi người, nhất là Hòa Thượng Trưởng Phái Đoàn, trông ngài rất mạnh khỏe, thể hiện qua từng bước đi. Vì hôm nay, thực sự khởi đầu cho tâm nguyện của ngài như ngài đã trút hết tâm tư nguyện vọng bày tỏ qua bức Tâm Thư, mà nhiều người đọc qua rất là cảm động. Niềm mơ ước của ngài hôm nay đã được toại nguyện. Nhìn thấy ngài vui bao nhiêu, chúng tôi cũng vui lây bấy nhiêu. Làm sao tôi có thể quên được đoàn người khi giả từ Phước Huệ để lên đường ra phi trường. Trước khi rời khỏi, Hòa Thượng đã hướng dẫn đoàn người lên chánh điện để đánh lễ Tam Bảo, nguyện cầu Tam Bảo thăm gia hộ cho đoàn khứ hồi bình an vô sự.

Trước khi đánh lễ, Hòa Thượng cũng không quên thức nhắc lại cho mọi người những điều cần thiết. Hòa Thượng bảo thầy Phước Lạc phân phát trao cờ nhóm tận tay cho các vị trưởng nhóm. Đây là những cờ hiệu mà

trong khi đi, trưởng nhóm cần sử dụng để điều khiển nhóm của mình. Đồng thời mọi người trong nhóm sẽ dễ dàng nhận ra, mỗi khi trưởng nhóm trưng cờ hiệu lên. Mọi việc thức nhắc xong xuôi, Hòa Thượng và mọi người thành tâm đánh lễ Tam Bảo. Đánh lễ xong, tất cả đều ra phía trước chánh điện để đồng chụp chung bồi hình kỷ niệm. Sau đó, mọi người mang hành lý ra hai chiếc xe buýt đang túc trực sẵn chờ. Đoàn người ra đi với một kỳ vọng trong niềm tin sáng ngời là phải đến tận nơi Tứ Đại Danh Sơn để đánh lễ các vị Đại Bồ Tát. Trong niềm hoài vọng khát khao đó, giờ đây đoàn đã thực sự khởi hành.

Đoàn khởi hành từ chùa Phước Huệ vào lúc 7 giờ sáng đến phi trường Sydney vào lúc 8 giờ 10 phút. Vì sáng sớm kẹt xe, nên xe chạy chậm hơn mọi khi. Đến nơi, đoàn phải chờ check-in hành lý cho đến 10 giờ 30 mới hoàn tất mọi thủ tục. Xong rồi, mọi người vào bên trong ngồi chờ đợi, đến 10 giờ 50 tất cả lên máy bay. Đúng 11 giờ 20 máy bay cất cánh.

Đoàn đến phi trường Thượng Hải vào lúc 8 giờ tối, tính theo giờ địa phương (từ đây trở đi đều tính theo giờ địa phương, giờ ở Trung Quốc đi sau Úc 2 tiếng đồng hồ). Sau đó, phải chuyển hành lý và ngồi đợi chuyển máy bay quốc nội về Bắc Kinh. Đoàn đến phi trường Bắc Kinh vào lúc 2 giờ khuya, mọi người ngồi ở đây chờ đợi lấy hành lý mất gần cả tiếng đồng hồ. Sau đó, tất cả lên 2 chiếc xe buýt đã chờ sẵn để về khách sạn Rainbow.

Từ phi trường về khách sạn, xe chạy mất nửa tiếng đồng hồ. Đến khách sạn vào lúc 2 giờ 30 khuya. Nơi đây làm thủ tục nhận phòng mất khoảng 1 giờ đồng hồ mới xong. Cần nói rõ thêm, phái đoàn gồm tất cả là 65 vị kể cả chư Tăng Ni và Phật tử. Riêng Tăng Ni, tất cả là 23 vị. Nhờ vào sự phân nhóm đã nói như trên, nên rất tiện cho việc sắp xếp và rất có trật tự, giải quyết mọi việc rất nhanh chóng. Điều này đã được nói rất rõ trong tập sách nhỏ với danh đề là “Cẩm Nang Hành Hương”, (xin xem ở phần phụ lục) do chúng tôi biên soạn. Ngoài việc phân sáu nhóm ra, Ban Tổ Chức cũng đã cho đoàn viên tự chọn người ở chung một phòng. Tất cả khách sạn, suốt thời gian ở đây, đều là hai người một phòng. Nhờ sự sắp xếp chia trước như thế, nên khi đến mỗi khách sạn, chỉ cần kêu tên và cho biết số phòng là mọi người cứ theo đó mà vào nghỉ ngơi. Nhờ thế, nên đỡ mất nhiều thời giờ.

---o0o---

B. Tham Quan Các Nơi

I. Bắc Kinh

Ngày 2, tức ngày 10/9/04

01. Giới Đàn Tự

Hôm nay là ngày thứ hai của chuyến hành hương. Sau một ngày, ngày đi đêm thức, nên ai nấy đều uể oải mệt nhoài. Có lẽ vì quá giấc ngủ và lạ chỗ, nên ít có ai ngủ được ngon giấc. Mọi người chỉ ngủ chập chờn được vài tiếng đồng hồ, rồi thì phải thức dậy sớm để chuẩn bị ăn điểm tâm và rồi đi tham quan chiêm bái một vài ngôi cổ tự thắng cảnh ở Bắc Kinh.

Khách sạn Rainbow tương đối khá tiện nghi, có tầm cỡ so ở thành phố Bắc Kinh. Bắc Kinh là thủ đô của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, là một trong bốn thành phố trực thuộc trung ương của Trung Quốc và là thành phố lớn thứ nhì của nước này. Đây là một đô thị cổ, thành lập rất lâu đời, khoảng trên 10 thế kỷ. Nơi này, đã được chọn làm kinh đô trải qua nhiều triều đại, không biết bao nhiêu lần thay đổi danh xưng. Tên gọi Bắc Kinh kể từ sau khi phe Cộng Sản của họ Mao lên nắm chánh quyền vào năm 1949, bấy giờ mới lấy tên thành phố là Bắc Kinh. Trước đó có tên là Bắc Bình. Bắc Kinh nằm trong địa phận của tỉnh Hà Bắc. Về dân số, có hơn 9 triệu người, chỉ sau Thượng Hải. Bắc Kinh được xem như trung tâm chánh trị, văn hóa và giáo dục của Trung Quốc. Xét về mặt kinh tế, thì Bắc Kinh đứng sau Hồng Kông và Thượng Hải. Thành Bắc Kinh nằm ở phía Tây Bắc của đồng bằng rộng lớn Hoa Bắc. Phía Tây và phía Bắc của Bắc Kinh có núi non bao bọc, phía Nam là vùng đất bằng phẳng nhìn ra Bột Hải (theo tài liệu của Sở Du Lịch Trung Quốc).

Nói chung chuyến đi này khách sạn đều từ 3 đến 4 sao, không có một khách sạn nào tệ cả. Hai người ở chung một phòng. Ai nấy đều cảm thấy rất vui vẻ hài lòng. Buổi sáng hôm nay, chúng tôi được báo thức lúc 7 giờ. Sau khi thức giấc, thu xếp hành lý xong, mọi người đều đến phòng ăn vào lúc 7 giờ 30 để ăn điểm tâm. Tất cả đều ăn chay. Buổi điểm tâm sáng nay, thức ăn tương đối cũng khá đầy đủ và ngon miệng. Mọi người đều hài lòng. Chúng tôi dùng hai bữa điểm tâm ở khách sạn này. Sau khi dùng xong, đúng 8 giờ 30, mọi người đều xếp hàng theo từng nhóm để chuẩn bị đi tham quan chiêm bái.

Theo chương trình ngày hôm nay, đoàn sẽ đến tham quan ba ngôi Phật bảo tự: Giới Đàn Tự hay còn gọi là Giới Đài Tự, Đàm Thác Tự, còn gọi là Đàm Thạch Tự và Bát Đại Xứ. Chúng tôi rời khách sạn vào lúc 9 giờ sáng. Vì phái đoàn quá đông, nên phải chia làm 2 xe và mỗi xe có 3 nhóm.

Trên xe của chúng tôi đi gồm có 3 nhóm: Tinh Tấn, Thiên Định và Trí Huệ, có hai anh hướng dẫn viên. Một anh nói tiếng Việt tên là Tô Đình Tiêu. Anh này sinh trưởng và lớn lên tại Bắc Kinh. Nhưng vào năm 1970 đến 1973 anh sang Việt Nam ở Hải Phòng, vì mẹ anh là người Việt sinh trưởng tại Hải Phòng, còn cha anh là người Hoa, sinh trưởng tại Bắc Kinh. Do vì có thời gian ở bên Việt Nam, nên anh nói được tiếng Việt, mặc dù anh nói không được lưu loát lắm, nhưng cũng tạm hiểu được. Hiện anh ta đang làm việc cho công ty du lịch Hoa Việt. Còn anh kia là người Hoa chánh tông. Anh ta không nói được tiếng Việt, tên là Tề Vĩnh Lợi hướng dẫn viên địa phương.

Cần nói rõ thêm, trong đoàn của chúng tôi đi, gồm có ba anh đi theo chúng tôi suốt cuộc hành trình. Ngoài anh Tiêu ra, còn có hai anh nữa là: Backer và Sam cả hai anh đều là người Hoa, hai anh này nói tiếng Anh khá thông thạo. Sam và Backer không nói được tiếng Việt. Backer là người ở Trung Quốc, nơi sinh ra và lớn lên của anh là thành phố Vô Tích, thuộc Tỉnh Giang Tô. Còn anh Sam hiện đang định cư ở Sydney, anh là người làm việc cho Công Ty China Travel Service ở Sydney. Hai anh này cùng đi một chiếc xe của 3 nhóm kia: Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục. Hòa Thượng và đa số Tăng Ni cùng đi chiếc xe của 3 nhóm này. Chúng tôi đến mỗi nơi, đều có một hướng dẫn viên địa phương phụ trách.

Ngôi chùa mà chúng tôi đến thăm viếng đầu tiên là Chùa Giới Đàn. Từ khách sạn đến nơi đây, xe chạy mất khoảng 1 tiếng đồng hồ. Chùa nằm trên đỉnh núi khá cao. Tên của ngọn núi này là Bạch Mã Yên. Vì vậy, đường lên chùa có nhiều quanh co khúc khuỷu. Chúng tôi tới chùa đúng 10 giờ. Sau khi xuống xe, đoàn sắp hàng theo mỗi nhóm trước khi lên chùa tham quan chiêm bái. Mọi người đi lên chùa trong trật tự và im lặng. Hòa Thượng Trưởng phái đoàn dẫn đầu, kế tiếp là quý Thầy trong Ban Tổ Chức và sau cùng là các nhóm.

Khi tới chùa, đoàn đi thẳng vào chánh điện lễ Phật. Sau đó, có một vị tăng hướng dẫn đoàn đến gặp thầy trụ trì ở phòng khách. Phòng khách hơi chật, nên chỉ có Hòa Thượng và một số ít Tăng Ni vào bên trong, còn những vị khác thì ở bên ngoài chụp hình, viếng cảnh. Thầy trụ trì còn trẻ khoảng trên dưới 40 tuổi, pháp danh là Diệu Hữu. Được hỏi về sự sinh hoạt và tăng chúng ở đây như thế nào? Thầy trụ trì cho biết, hiện tăng chúng có khoảng trên 20 vị thường trú, sự sinh hoạt, phần lớn là tự túc. Thầy Phước Tấn nêu ra câu hỏi về cách thức cúng dường như thế nào, mới phù hợp nghi thức ở đây? Thầy Diệu Hữu cho biết, theo luật lệ ở đây là phải lên trên bảo điện mới dâng cúng. Sau đó, thầy pha trà mời Hòa Thượng và mọi người uống

trà. Cách pha trà và cách uống trà của vị thầy này, trông có vẻ sành điệu lắm. Khi uống, thầy hít hà một cách rất tự nhiên. Trước khi lên Bảo điện, thầy có tặng cho Hòa Thượng và đoàn một món quà lưu niệm.

Xong rồi, thầy Diệu Hữu hướng dẫn phái đoàn lên chánh điện. Vào trong chánh điện, Thầy Diệu Hữu xướng lễ, Hòa Thượng và mọi người đánh lễ Tam Bảo. Sau đó, Hòa Thượng nói qua vài lời về mục đích của chuyến đi và ngỏ lời thăm toàn thể tăng chúng trong chùa. Kế tiếp, Hòa Thượng trao bao thư dâng cúng chút ít tịnh tài lên Tam Bảo cho thầy trụ trì, đồng thời ủng hộ chút ít riêng cho tăng chúng. Thầy trụ trì thay mặt tăng chúng rất hoan hỷ nhận bao thư và chân thành cảm ơn Hòa Thượng cùng phái đoàn.

Ngôi chùa này rất nổi tiếng ở tỉnh Bắc Bình (nay gọi là Bắc Kinh). Chùa nằm về hướng Tây, cách thành phố Bắc Kinh khoảng 30 km (theo hướng dẫn viên địa phương cho biết) Đường tới chùa có nhiều đoạn quanh co rất khó đi, nhất là đoạn đường gần tới chùa, phải lên dốc cao, vì chùa nằm trên đồi núi cao, nên xe chạy rất chậm.

Theo sử liệu cho biết : “Chùa được xây vào năm 622 Tây Lịch, tên ban đầu của chùa là Huệ Tụ. Khoảng năm 1065- 1074, đại sư Pháp Quân lập giới đàn rất lớn ở chùa này, trên giới đàn thờ tượng Phật trang trí thêm bằng đá ngọc trắng, điêu khắc tinh vi. Đây là giới đàn lớn nhất của Phật giáo Trung Quốc, nên chùa còn được gọi là chùa Giới Đàn. Năm 1152, Tôn Giả Ba La thuyết giáo ở đây. Khoảng năm 1436 - 1449, tức vào thời đại nhà Minh, chùa được đổi tên là Vạn Thọ. Năm 1465, có pháp sư Đạo Phù (Nga Đầu Tổ Sư) trụ ở đây xây dựng thêm điện đường, phòng ốc...

Chánh điện là Đại Hùng Bảo Điện. Tương truyền chữ viết trên tấm ngạch là của Ngài Nghiêm Tung. Phía sau Điện là gác thiên Phật. Phía Tây của gác là Phương Trượng. Phía Đông của gác là Giới Đàn (Huệ Tụ Đường), do Cung Thân Vương Xích Tư của triều Thanh kiến lập. Trên Huệ Tụ đường có Điện Quán Âm, phía trước có một cái đỉnh bạc của Thái Hậu Từ Thánh Đời Minh cúng dường, phía sau có tấm bia rất quý lập vào năm 1152”¹

Chùa được trùng tu lần cuối cùng vào đầu thập niên 1980. Chung quanh chùa, có nhiều cây cổ thụ, ít nhất là 10 cây. Có cây tuổi thọ hơn cả ngàn năm. Chùa có diện tích khá rộng lớn, phong cảnh rất trang nhã, tĩnh mịch, thật phải thế một ngôi đại già lam. Nhìn thấy cảnh trí trang nghiêm nên thơ này, chúng tôi có sáng tác một bài thơ lưu niệm.

Giới Đàn

*Giới Đàn phong cảnh nên thơ
Đồi cao cổ thụ bóng mờ rêu xanh
Đoàn lên thăm viếng tâm thành
Đài cao Điện báu nghiêm thanh tịnh nhàn
Tịch liêu thoát tục lâm toàn
Vạn duyên phóng hạ Niết bàn vô sinh
Hữu duyên ngộ cảnh hữu tình
Lòng không vướng bận tâm linh sáng ngời
Cảnh nhàn nhẹ thoát thanh thoi
Chơn không diệu hữu đạo chơi Ta bà
Nhìn đời ánh mắt vị tha
Cùng chung bản thể chan hòa tình thương
Không gian vạn cảnh vô thường
Thời gian vật đổi khác đường bèo mây
Giàu sang trắng khuyết voi đầy
Thủy triều bọt nước sum vầy hợp tan
Ngàn xưa mây trắng bạt ngàn
Ung dung tự tại đạo tràng độ sanh.*

---o0o---

02. Đàm Thạch Tự

Sau khi viếng chùa Giới Đàn, đoàn xuống núi lên xe rời khỏi chùa vào lúc 12 giờ 20 trưa, để đi đến thăm viếng ngôi Phật Bảo Tự thứ hai, là chùa

Đàm Thác hay Đàm Thạch. Từ chùa Giới Đàn đến chùa Đàm Thạch mất khoảng 25 phút lái xe. Trên đường đi, hướng dẫn viên địa phương cho chúng tôi biết qua một vài nét về những cảnh vật chung quanh. Anh ta cho biết, ở Bắc Kinh có 3 dãy núi: Yên Sơn, Sơn Mạch và Thái Hằng Sơn Mạch. Về Thái Hằng Sơn Mạch, núi này chạy dài từ Bắc chí Nam, còn Yên Sơn Sơn Mạch, thì chạy dài từ Đông sang Tây. Những đồi núi ở đây, ngày xưa, đều là những đồi trọc cả. Lý do là vì dân chúng quanh vùng, quá nghèo đói, nên họ phải lên đồi núi đốn chặt những cây lớn nhỏ để làm củi. Do đó, nên không có ngọn đồi nào còn có cây cối, nên người dân địa phương thường gọi là đồi trọc.

Đến nơi, vì quá trưa, cho nên mọi người dùng cơm trước khi tham quan chiêm bái. Được biết, ngôi chùa này có chiều dài lịch sử khoảng gần một ngàn bảy trăm năm. Có lịch sử lâu đời sớm hơn Thành Đô ở Bắc Kinh.

Chùa này xưa kia, thuộc về hoàng gia, do vua chúa tạo dựng nên. Chùa được xây dựng vào thời đại Đông Tấn. Cách nay là 1.679 năm. Lối kiến trúc của chùa thật là độc đáo. Chùa nằm trên đồi núi khá cao. Anh hướng dẫn viên cho biết thêm, sở dĩ chùa có tên là Đàm Thác hay Đàm Thạch (chữ Tàu, chữ này có 2 âm đọc, thác hoặc thạch, dân địa phương hay gọi là Đàm Thác) là vì ở phía sau chùa có một cái đầm rộng lớn (long đàm) và có nhiều loại cây Thác. Trong khuôn viên chùa gồm có 72 cái tháp lớn nhỏ. Những tháp này là để tôn thờ linh cốt của các bậc Tôn Đức trụ trì trước sau của ngôi bảo tự này. Lối kiến trúc mô hình của những cái tháp này, tùy theo mỗi thời đại mà có hơn 40 kiểu khác nhau.

Sau khi dùng cơm, chúng tôi đi tham quan chiêm bái. Cũng như khi sáng, đoàn sắp hàng đi vào Điện Phật rất trang nghiêm. Khi vào trong chánh điện, mới biết là thầy trụ trì đi vắng. Do đó, chúng tôi được một vị tăng thay mặt thầy trụ trì đón tiếp. Trong ngôi điện chánh, chính giữa thờ đấng Trung Tôn Thích Ca Mâu Ni, có hai vị tôn giả: Ca Diếp và Ngài A Nan đứng hầu hai bên. Ngài Ca Diếp, sơ Tổ của Thiên Tông, thì đứng hầu bên trái (từ ngoài nhìn vào) với hai bàn tay cung thủ, còn Ngài A Nan thì đứng hầu phía bên phải, với đôi bàn tay hiệp chưởng. Hai bàn thờ hai bên là Đức Bồ tát Phổ Hiền và Bồ tát Văn Thù. Hai bên vách tường chùa là thờ Thập Đại Đệ Tử của đức Phật Thích Ca. Đặc biệt ngôi chùa này được triều đình nhà Thanh ban sắc tứ. Được biết, tên đầu tiên của ngôi chùa là Tự Vân Thiên. Rất tiếc, hôm nay vì vắng thầy trụ trì, nên về những chi tiết về ngôi chùa này, mà đoàn muốn biết thì lại không được ai giải thích cặn kẽ.

Sau khi đoàn lễ Phật ở chánh điện xong, tất cả mọi người ra phía sau chùa để tham quan. Cảnh trí của ngôi chùa này cũng không kém chùa Giới Đàn. Phía sau chùa có nhiều tòa nhà thờ phượng và trang trí rất cổ kính. Đặc biệt nhất là có hai cây Ngân Hạnh hay còn gọi là Bạch Quả. Hai cây song song nhau như hai cây Ta La Song Thọ nơi Phật nhập Niết Bàn. Cây bên phải, tức từ phía trong chùa chánh nhìn ra, thì gọi là cây đực, còn cây bên trái thì gọi là cây cái. Theo vị tăng trong chùa cho biết như thế. Về tuổi thọ của hai cây này, cũng vẫn theo vị tăng đó nói, cây phía bên phải có một tuổi thọ rất lâu dài trên 2000 năm. Chúng tôi thấy chu vi của cây rất lớn, hỏi ra mới biết là 9 mét vuông và cao hơn 30 mét, tàn cây che mát cả một vùng đất rộng lớn khoảng 6 mét vuông. Vì tuổi thọ của cây sống quá lâu, nên vua Càn Long đời Thanh đặt tên cho cây là thánh thọ, và nhà vua có ngự đề thi, bài thi được khắc trên tấm đá còn nguyên vẹn. Còn cây phía bên trái, thì có tuổi thọ ít hơn 300 năm. Nghĩa là cây cái nơi gốc, thân và tàn nhánh hơi nhỏ hơn cây đực một tí.

Tóm lại, ngôi chùa này về mặt kiến trúc mỹ thuật cũng như chiều dài lịch sử, thì đây là một ngôi chùa có nhiều đặc sắc và nổi tiếng.

---o0o---

03. Bát Đại Xứ

Đoàn rời khỏi chùa này vào lúc 2 giờ 30 chiều và đi đến Bát Đại Xứ. Thời gian đến nơi mất khoảng 1 giờ. Tức khoảng cách độ 35 cây số. Xe chạy chậm, vì đường có nhiều quanh co giống như con đường ra miền Trung ở xứ mình. Vừa bước xuống xe, đưa mắt nhìn về hướng phía trước có một cái cổng lớn đề là “Tây Sơn Bát Đại Xứ”. Nói Bát đại xứ, bởi nơi đây có 8 thắng tích đặc thù. 1. Trường An Tự. 2. Linh Quang Tự. 3. Tam Sơn Am. 4. Đại Bi Tự. 5. Long Tuyền Am. 6. Hương Giới Tự. 7. Bảo Châu Động. 8. Chúng Quả Tự. Về 8 nơi thắng tích này, chúng tôi xin được ghi lại đại khái như sau.

3.1 Trường An Tự

Chùa tọa lạc ở góc Đông Nam thuộc ngọn núi Thúy Vi, cách Linh Quang Tự khoảng 2 cây số. Lưng chùa dựa vào vách núi, giống hình con cọp. Cho nên người đời thường gọi là: “Hổ Đầu Sơn”. Chùa có một vị thế khá đặc biệt, đất bằng phẳng, phía trước chùa là ngọn núi Thúy Vi, trông rất đẹp mắt.

Đời Minh, niên hiệu Hồng Trị, năm thứ 17 (1504) chùa có tên là Thiện Ứng Trường An Thiền Lâm. Đến đời Thanh Thuận Trị năm thứ mười sáu (1659) có một vị cư sĩ tên là Tế Nam phát tâm đi quyên tiền của bá tánh để trùng tu. Đến thời đại Khang Hy, năm thứ 10 (1671) lại có một vị tăng đứng ra trùng tu đại qui mô. Hiện nay, chùa lại được bảo trì và xây dựng qui mô hơn.

Chùa có một diện tích khá rộng khoảng 30 mẫu, chung quanh chùa có trồng nhiều cây bạch quả và nhiều loại hoa đẹp. Đường vào chùa 2 bên có nhiều cây tùng bách rậm rạp.

Trong chùa có nhiều điện thờ và có nhiều tượng Phật. Người ta chú ý nhất là tượng Phật Thích Ca bằng đá Hán ngọc rất đẹp.

3.2 Linh Quang Tự

Chùa nằm lưng chừng núi Thúy Vi, về phía Bắc cách chùa Trường An khoảng hơn cây số. Đường lên chùa nhỏ hẹp hơi khó đi, vị thế cao hơn chùa Trường An khoảng vài mươi mét. Hiện tại chùa được kiến tạo theo lối kiến trúc tân thời. Trong chùa có tháp thờ Xá Lợi Phật. Tháp xây kết hợp dựa theo thế núi, mặt tháp hướng về phía Đông Nam. Đây là bảo tháp 13 tầng thờ răng Phật. Đoàn đến nơi vào ngày thường, nên Ban Bảo Quản họ không mở cửa. Tháp do Hiệp Hội Phật Giáo Trung Quốc kiến tạo, bắt đầu khởi công vào năm 1958 mãi cho đến năm 1964 mới hoàn thành.

Theo sử ghi lại, chùa được xây dựng vào đời Đường năm Đại Lịch (766 - 77) lúc đó chùa có tên là Long Tuyên Tự. Đến thời đại nhà Liêu niên hiệu Hàm Ứng năm thứ 7 (1071) chùa được mở rộng thêm. Đến đời Kim, Đại Định năm thứ 2 (1162) chùa lại được trùng tu, đổi tên là Giác Sơn Tự. Đời Minh, Tuyên Đức năm thứ 3 (1428) lại kiến tạo thêm vẫn gọi là Giác Sơn Tự. Đời Minh, Thành Hóa năm 15 (1479) lại sửa thêm điện sau, Hiến Tông Hoàng Đế sắc tứ là Đại Linh Quang Tự. Từ đó tên chùa Linh Quang được thông dụng cho đến ngày nay trải qua có hơn 5 trăm năm. Đời Thanh, chùa không có trùng tu và xây dựng thêm. Mãi đến cuối đời Thanh, năm đầu Dân quốc có Trương Lão Thánh An quyết tâm sửa sang lại và xây dựng thêm. Trong suốt thời gian tu bổ và xây dựng thêm, ngài trải qua lắm vất vả thiên nan vạn nan trong việc quyên góp tài vật để xây dựng. Nhờ đó, nên ngôi chùa mới có được nguy nga khang trang tráng lệ như ngày hôm nay.

3.3 Tam Sơn Am

Tam Sơn Am, người đời quen gọi là Ma Gia Am. Am này nằm ở phía dưới chùa Đại Bi, và được xây dựng vào thời đại Càn Long. Về tên gọi của am, có 2 thuyết khác nhau: Một, do có 3 hòn núi: Thúy Vi, Bình pha và Lư Sư giao nhau, nên lấy sự kết hợp của 3 hòn núi này mà đặt tên là Tam Sơn. Hai, trong quyển “Thúy Vi Sơn”, của tác giả Cung Tự Trân, nói rằng: “Gần am có 3 hòn đá to đứng sừng sững như hình 3 hòn núi, gọi là “Tam cự thạch” cách am vài mươi bước. Trên 3 hòn đá lớn này, người ta có thể đứng trên đó hơn mười người. Đứng dưới nhìn lên thấy đá ẩn hiện trong những tàn cây thông che phủ trông rất đẹp mắt”. Nhiều người đến ngắm nhìn cảnh này cho là rất thơ mộng. Theo ông Cung Tự Trân nói rằng, người ta dựa vào 3 hòn đá này giống như 3 hòn núi, nên lấy đó mà đặt tên am là Tam Sơn. Cả 2 thuyết này, cho đến nay, người ta cũng không biết thuyết nào là đúng nhất.

Tam Sơn Am chiếm diện tích khoảng 1 ngàn mét vuông. Năm 1979 toàn am đã được trùng tu. Về điện thờ, Sơn Môn điện có 3 gian và điện Chánh có 5 gian. Chạy dài theo hai bên điện mỗi bên có 6 gian, bên trong mỗi điện đều tôn thờ Phật, Bồ Tát rất trang nghiêm.

3.4 Đại Bi Tự

Đại Bi Tự, đời Minh gọi là Ân Tịch Tự. Khang Hy năm thứ 51 (1712), tạo dựng thêm, đổi lại gọi là Đại Bi. Đến đời Càn Long năm 60 (1795) vua cho trùng tu. Hồi đời Càn Long năm thứ 12, Cao Tông Càn Long Hoàng Đế đã từng đến nơi đây để lãm cảnh và quan sát các tự viện. Trong lúc ngẫu hứng vua có đề bài thi để lại nơi đây.

Chùa kiến trúc theo kiểu của thời đại Nam Bắc triều. Nghĩa là hình thể không có chiều rộng mà có chiều dài, chiếm diện tích khoảng hơn 5 ngàn mét vuông. Chùa cũng có nhiều điện thờ. Từ ngoài vào cũng có điện Tứ Thiên Vương và các điện thờ Phật và Bồ Tát trang nghiêm.

3.5 Long Tuyền Am

Rời chùa Đại Bi, đi dọc theo đường núi về hướng Tây Bắc, mỗi bước lên cao, khoảng 1 cây số, xuyên qua một khu rừng có nhiều cây tùng lâu đời, du khách sẽ thấy Long Tuyền Am ẩn hiện trong khu rừng tùng đó. Ngày xưa, có một vị tăng ở Long Tuyền Am, sau khi tịch được xây tháp thờ nơi đây. Ngôi tháp này có 19 tầng, đã có lần bị tàn phá, nhưng không phá được.

Nơi đây, vào ba tháng mùa xuân, người ta thường thấy hoa anh đào nở rộ khoe hương, sắc tuyệt đẹp. Ngày xuân các thi nhân thường đến nơi này để ngâm thơ vịnh phú. Thật là một phong cảnh nên thơ hữu tình ngoạn mục.

Am này, được kiến tạo từ thời nhà Minh, nhưng đến cuối đời Minh thì bị tàn phá hư hại. Đến đời nhà Thanh, Khang Hy năm thứ 11 (1672) do Hòa Thượng Chiêu Tĩnh chủ trì trùng kiến. Toàn am có một diện tích khoảng 6 ngàn mét vuông. Trong đó có một ao nước trong xanh hình vuông, vách ao dùng toàn đá xanh xây lót rất kiên cố. Nước trong ao từ Long Vương điện phía Bắc chảy qua một khe đá rớt vào trong ao sâu khoảng 5 thước, nước cứ chảy như thế quanh năm, ngày đêm không dứt, nên gọi là Long Tuyền.

3.6 Hương Giới Tự

Ra khỏi cửa hướng Đông của Long Tuyền Am, đi bộ dọc theo con đường mòn hai bên có vách đá xanh, hướng về phía Đông Bắc đi tới khoảng độ cây số, du khách sẽ thấy Hương Giới Tự. Chùa được xây dựng vào thời đại Nam Bắc Triều, toàn khuôn viên chiếm một diện tích khoảng 1.8 vạn mét vuông. Trải qua hai triều đại Khang Hy và Càn Long, chùa lại được kiến tạo thêm rất quy mô. Các điện thờ đều lộng lẫy nguy nga, kiến trúc rất tinh xảo. Toàn chùa người ta dựa vào thế núi mà kiến trúc. Có 5,6 đường lên chùa. Nhưng đi đường nào du khách cũng phải men theo những hẻm đá mà đi lên.

Theo Đại Thanh Nhứt Thống Chí ghi: “Núi chiếm phân nửa đất, chùa xây theo dốc đá. Chùa được trùng kiến vào đời Minh, Hồng Hy nguyên niên (1425) đến Tuyên Đức nguyên niên (1426) mới lạc thành, bấy giờ chùa được đổi tên là Viên Thông. Đến đời vua Khang Hy năm thứ 17 (1678) chùa được đổi tên là Thánh Cảm. Đến đời Càn Long năm thứ 13 (1748) chùa lại được trùng tu một lần nữa và đổi tên là Hương Giới”.

Về lối kiến trúc và thờ phụng thì, chùa Hương Giới cũng có những nét giống như các chùa khác. Từ ngoài vào trong theo thứ lớp gồm có các điện thờ: Sơn Môn Điện, Đại Thừa Môn, Thiên Vương Điện, Hương Nham Sơ Địa Điện, Tam Thế Phật Điện, Tàng Kinh Lâu. Toàn chùa có vách tường màu hồng, khí thế rất thâm nghiêm.

3.7 Bảo Châu Động

Ra cửa hông của chùa Hương Giới, đi thẳng về hướng Bắc cách hơn cây số, du khách sẽ nhìn thấy Bảo Châu Động hiện ra trước mắt. Đường lên chùa trải qua nhiều dốc đá, gần đến chùa về phía Tây có một cái miếu thờ Quan Công. Lối kiến trúc và thờ phụng trong chùa cũng như một số các chùa khác, không có gì đặc biệt lắm.

3.8 Chứng Quả Tự

Địa thế của chùa này ở lưng chừng núi Lư Sư, cách Linh Quang Tự về phía Đông Bắc khoảng cây số rưỡi. Người ta quen gọi là Đệ Bát Xứ. Chùa Chứng Quả ở núi Lư Sư cùng với các chùa khác ở núi Bình Pha cách nhau khá xa. Trong chùa có thờ Thần Tăng Giáng Long Bí Ma Nhai, danh đồn khắp nơi. Do đó, đối với dân chúng địa phương nói chùa Chứng Quả, ít ai biết đến, mà nói Bí Ma Nhai, thì mọi người đều biết. Thật ra, thì Bí Ma Nhai ở phía Tây Bắc, chiếm một góc của chùa không lớn lắm.

Đời Đường Thiên Bảo năm thứ 8 (749) chùa này được đặt tên là Chơn Ứng Tự cũng gọi là Cẩm Ứng Tự. Nhân Lư Sư Hòa Thượng tụng kinh cầu mưa linh nghiệm, nên Ngài được dân chúng kính trọng, gọi Ngài là Khí Đại Chấn. Từ đó về sau, người ta hay gọi chùa này là chùa Lư Sư, gọi núi là Lư Sư Sơn. Đời Nguyên, Thái Định năm thứ 3 (1326) chùa được đổi tên là Đại Thiên Nguyên Diên Thánh Tự. Từ đây trở đi chùa rất được sung túc hưng thịnh.

Đến đời Minh, Chánh Thống năm 11 (1446) chùa có tên là Thanh Lương Tự. Đời Minh, Cảnh Thái (1450-1456) chùa đổi tên là Trấn Hải Tự. Đời Minh, năm Thiên Thuận (1457-1464) vua Anh Tôn trùng tu, sắc tứ là Chứng Quả Tự.

Nhìn chung, mỗi thắng tích đều ở một vị trí khác nhau. Toàn bộ chu vi của phong cảnh thắng tích này khá rộng lớn, và lại, phải leo lên từng bậc thang để lên cao, nên đoàn không đi viếng thăm hết những nơi này. Chỉ đi được 4 nơi là mọi người đều thấm mệt, cộng thêm thời gian không cho phép, nên mọi người đành phải bỏ dở 4 nơi không đến viếng được. Thật đáng tiếc! Nhưng biết sao hơn, vì đã đến giờ ăn chiều ở nhà hàng. Như đã dự trù sẵn, cứ đến mỗi nơi danh lam chiêm bái, đoàn đều có cúng dường chút ít tịnh tài. Do đó, Hòa Thượng Trưởng Phái Đoàn có cúng dường Tam Bảo bằng một bao thư đưa cho 2 cô cư sĩ ở trong chùa Đại Bi. Hiện nay, qua 4 nơi ở Bát Đại Xứ mà đoàn đến viếng thăm, không thấy nơi nào có chư tăng ni trụ trì cả.

Sau khi chiêm bái ở nơi Bi Nguyên Hải, nơi thờ thánh tượng Bồ Tát Quán Thế Âm, đoàn ra xe để đi dùng cơm chiều tại nhà hàng Công Đức Lâm, vào lúc 4giờ 30. Sau đó, về lại khách sạn vào lúc 6giờ 30.

04. Vạn Lý Trường Thành

Ngày 3, tức ngày 11/9/04

Hôm nay, sau khi ăn điểm tâm ở khách sạn, đoàn ngồi hai chiếc xe buýt để đi thăm Vạn Lý Trường Thành. Đoàn đến nơi khoảng 9 giờ 30 sáng. Xe chạy mất khoảng 1 tiếng rưỡi đồng hồ. Thành cách thành phố Bắc Kinh khoảng 80 cây số. Khi chúng tôi đến, nhìn thấy rất nhiều du khách đã có mặt nơi đây. Nhiều đoàn du lịch đến đây từ khắp mọi nơi, nhứt là đối với người Tây phương. Trong số đó, chúng tôi được biết có vài đoàn du lịch đến tham quan từ Việt Nam. Họ đến sớm hơn chúng tôi. Thời tiết hôm nay rất tốt khoảng 25 độ. Cảnh người cười nói xôn xao qua lại, xuống lên tấp nập dập dìu, như hội chợ Tết không khác. Về truyền thuyết của thành này, hầu hết mọi người đều biết qua về công trình sáng tạo của nó. Ở đây, chúng tôi chỉ xin được trình bày một cách vắn tắt vài nét về kỳ công thành tích vĩ đại của thành này. Thành dài khoảng 5000 cây số và tất cả đều làm bằng sức người. Phần đầu của thành được xây vào thời chiến quốc, khoảng 2500 năm trước đây.

“Theo nhiều tài liệu, thì công trình này bắt đầu xây dựng trong khoảng giữa thế kỷ thứ 8 và thứ 5 trước Tây lịch. Đến đời Chiến Quốc (457 - 221) nó được các nhà vua thời đó tiếp tục tu bổ để phòng vệ chống rợ hung nô và các bộ lạc Tây Vực. Trung Quốc được Tần Thủy Hoàng thống nhất năm 221 trước Tây lịch, ông là người cho xây dựng Trường thành trở nên một dãy liên lạc dài trên 5 ngàn cây số. Dưới thời nhà Hán (Khoảng 200 năm trước Tây lịch và năm 200 Tây lịch) Trường thành được phát triển đến 10 ngàn cây số. Trong đời nhà Minh (1368 - 1644 TL) Trường thành được tu bổ thêm và giữ hình thể đó đến ngày hôm nay. Qua thời gian, Trường thành đã hư hại nhiều, nhưng công trình to lớn này cho thấy ý chí ghê gớm của các vương triều cũng như công lao đầy mồ hôi và xương máu của người dân Trung Quốc”.²

Được biết, Trường Thành hiện nay, dài khoảng 6.700 cây số. Nó chạy bao bọc qua các nơi như: Hồ Bắc, Thiên Tân, Bắc Kinh, Sơn Tây, Nội Mông, Ninh Hạ, Thiểm Tây và Cam Túc. Phần đầu của Vạn lý trường thành được Tần Thủy Hoàng xây dựng. Công trình này đã huy động đến 500 ngàn nhân công trong khi dân số toàn Trung Quốc lúc bấy giờ khoảng 20 triệu người. Có thể nói nó đã được xây dựng bằng chính xương máu của nhơn dân thời bấy giờ. Phần thứ hai, được xây dựng chống lại giặc Hung Nô. Phần ba được xây dựng bởi khoảng một triệu nhân công. Phải nói đây là một công

trình kiến trúc độc đáo đại quy mô, mà người dân Trung Quốc phải đổ ra không biết bao nhiêu xương máu mới được hoàn thành. Vì lẽ đó, nên năm 1984 chính phủ bắt đầu chương trình bảo vệ với ngân sách tài trợ của nhà nước cũng như các tổ chức nước ngoài để Vạn Lý trường thành khỏi bị phá hủy tiêu mòn bởi thời gian. (Theo tài liệu của Sở Du Lịch trên trang Website)

Khi nhìn thấy quang cảnh này, chúng tôi có cảm tác hai bài thơ lưu niệm:

Niềm Đau

*Công trình kiến tạo một kỳ quan
Nô dịch lao công khổ ngút ngàn!
Ngăn giặc Hung Nô tràn chiếm cứ
Dân tình khôn khổ lắm than van
Người xưa đau khổ, người nay ngắm
Nghĩ đến mà thương lệ ướt tràn
Vạn Vật ngàn năm còn để lại
Ngắm nhìn khen ngợi lắm bi tang!*

Vịnh Cảnh Trường Thành

*Trường thành vạn lý quá dài cao
Du khách tham quan cảnh rộn xao
Kẻ mệt than chân ngồi nghỉ khỏe
Người đau bước mỏi đứng nhìn cao
Già nua trọng tuổi lên không nổi
Trẻ nhỏ leo lên thở hển hào
Cảnh đẹp kỳ quan ai chẳng ngắm*

Công trình kiến tạo ngập tràn đau!

---o0o---

05. Thăm Ung Hòa Cung

Sau khi tham quan Vạn lý trường thành, đoàn đi ăn trưa tại nhà hàng Golden Celestial Restaurant vào lúc 2 giờ. Dùng cơm xong, đoàn đi tham quan Ung Hòa Cung, vào lúc 3 giờ 20 chiều.

Ung Hòa Cung là nơi du khách tới lui nhộn nhịp đông như hội. Nó là một đền thờ rực rỡ nhứt ở Bắc Kinh. Người ta chú ý nhứt là pho tượng Phật Di Lặc tuyệt đẹp. Được biết, tượng Phật Di Lặc này có mối quan hệ sâu xa giữa Trung Quốc và Tây Tạng về ý nghĩa và sự tích. Nhìn vào sự thiết kế thờ phụng, ta thấy nó pha trộn màu sắc chịu ảnh hưởng Phật giáo Tây Tạng khá nhiều. Trong quyển Mùi Hương Trầm, ông Nguyễn Tường Bách có nêu ra vài nét đơn sơ về tiểu sử của cung này như sau: “*Đây là một cung điện hay một ngôi chùa? Cả hai! Thời nhà Thanh (1662 -1911) có một vị hoàng tử tên là Dận Chân. Năm 1694 Dận Chân cho xây một cung điện. Về sau, năm 1723 Dận Chân lên ngôi thành vua Thế Tôn Ung Chính, dời cung về Tử Cấm thành. Từ đó không ai được vào cung điện cũ mang tên Ung Hòa của hoàng tử Dận Chân nữa. Sau đó, vua Thế Tôn tặng cung Ung Hòa cho Phật giáo Tây Tạng, thời đó được gọi là Lạt ma giáo. Lý do của sự hiến tặng đầy hào phóng đó là lòng nhiệt tâm tôn giáo trộn lẫn với tính toán chính trị*”

Từ cổng ngoài đi vào, du khách phải trải qua thứ tự 5 điện: Điện Di Lặc, Điện Ung Hòa, Điện Tam Thế Phật, Điện Vĩnh Hưu, Điện Pháp Luân. Ở điện Pháp Luân thờ tượng đại sư Tông Khách Ba (Tsongkhapa 1357-1419) ông là người cải cách Phật giáo Tây Tạng ở vào thế kỷ thứ 14, và cũng là Thầy dạy của các vị Đạt lai Lạt ma. Cuối cùng là Vạn Phúc Các, thờ tôn tượng Di Lặc cao 18 mét, bằng gỗ trầm hương.

Cảm khái quang cảnh nơi đây, chúng tôi có ghi lại bài thơ:

Ung Hòa Cảm Tác

Đoàn đến tham quan cảnh Thánh Hòa

Dập dìu du khách tới vào ra

Đường vào râm mát cây Nhân Hạnh

Cổng lớn Tam Quan biển Ung Hòa

Điện Bái bên trong thờ Thánh tượng

Dược Sư, Giáo Chủ, Phật Di Đà

Thành tâm chiêm bái đồng qui hướng

Bát Nhã hòa quang dứt lụy sa

---o0o---

II. Đại Đồng

Sau khi thăm viếng Cung Ung Hòa, đoàn đến nhà hàng gần Thiên An Môn ăn cơm để chuẩn bị tối đi Đại Đồng. Vì tới nhà hàng còn sớm, nên đoàn đến quảng trường Thiên An Môn để chụp vài bối hình kỷ niệm. Chúng tôi nghe danh Thiên An Môn đã lâu, nay mới có dịp chứng kiến tận mắt. Quảng trường rất rộng lớn. Có thể nói quảng trường này rộng lớn như thế giới, dung chứa khoảng 1 triệu người. Đưa mắt nhìn chung quanh, chúng tôi thấy, phía đông là Đài Kỷ Niệm Mao Trạch Đông. Nghe nói, nơi đây cũng còn là nơi bảo tồn tài liệu cách mạng Cộng Sản và thi hài họ Mao. Phía Tây là Đại sảnh Nhân Dân, tức tòa nhà Quốc Hội có thể dung chứa khoảng 10 ngàn người vừa ăn ở và có chỗ hội họp. Phía trước Thiên An Môn, trong khu vực Hoàng Thành có Đền Tế Trời (Temple of Heaven) xây dựng cách đây khoảng 500 năm, kiến trúc độc đáo, nhà hình trụ, mái tròn trên một nền cao 3 tầng, bằng đá cẩm thạch, bên trong có cột.

Trong khi quan sát cảnh trí chung quanh Thiên An Môn, chúng tôi không khỏi ngậm ngùi và thán phục phong trào nổi dậy đấu tranh của sinh viên vào khoảng tháng 5 năm 1989. Họ là những con người đầy can trường, anh dũng dám hiên ngang đứng lên để đối kháng đòi hỏi tự do dân chủ trước một bạo quyền cai trị của tập đoàn Cộng Sản Trung Quốc. Trong cuộc chạm trán đùng độ này, theo báo chí loan tin thời đó cho biết, số người bị thiệt mạng khoảng 800 và tổng số bị thương có hơn 10.000 người. Quả nơi đây là một quảng trường đẫm máu có biết bao người đã hy sinh một cách vô tội, chỉ vì cái tội đòi quyền sống tự do dân chủ. Trong niềm hoài cảm thán phục và tiếc thương đó, chúng tôi chỉ biết thành tâm thâm cầu nguyện cho những hương linh quá cố đã bỏ mình vì lý tưởng Tự Do nơi đây, sớm được tiêu diêu nơi miền lạc cảnh.

Trước Thiên An Môn là Đại Lộ Trường An. Nơi đây, du khách tới lui dập dìu đông đúc. Khi đoàn đứng chụp chung những bồi hình kỷ niệm, thiên hạ bu quanh xem thật đông. Có lẽ, lần đầu tiên, họ rất đỗi ngạc nhiên khi nhìn thấy chư Tăng Ni và Phật tử đông đảo ở đây. Chụp hình xong, đoàn vội vã trở lại nhà hàng Cung Đình Ngự Thiện để dùng cơm. Dùng cơm xong, mọi người ngồi xe buýt ra ga xe lửa Bắc Kinh để đi Đại Đồng.

Chúng tôi ra đến ga xe lửa vào lúc 7 giờ 30 tối, để chuẩn bị đi chuyển xe lửa lúc 8 giờ. Tuy nhiên, khi đến nơi, hướng dẫn viên cho biết, vì lý do kỹ thuật, xe lửa đến trễ nên đoàn phải ngồi chờ đợi ở nhà ga hơn 2 tiếng đồng hồ. Đoàn bắt đầu lên xe lửa vào lúc 10 giờ tối. Suốt đêm trên xe lửa, người nào dễ ngủ, thì họa may còn ngủ được, ngược lại, những ai khó ngủ, thì phải thức suốt đêm. Dù vậy, mọi người vẫn khỏe mạnh. Đó cũng là điều đáng mừng. Điều rất tiếc, là đoàn đi xe lửa ban đêm, nên không nhìn thấy được cảnh trí hai bên mênh mông của đất nước này. Chúng tôi đến Đại Đồng vào lúc 6 giờ sáng. Vừa tới nhà ga Đại Đồng, thì các hướng dẫn viên đã có mặt tại đây và các vị đó hướng dẫn chúng tôi lên 2 chiếc xe buýt đã chục sẵn để đưa chúng tôi về khách sạn Đại Đồng. Đại Đồng là một thị trấn, thuộc tỉnh Sơn Tây. Tổng diện tích là 6 ngàn cây số vuông, dân số có khoảng 1 triệu ba trăm ngàn người.

Đại Đồng cách thành phố Bắc Kinh khoảng 350 km về hướng tây và được bao bọc bởi Vạn lý trường thành. Theo sử liệu, nơi đây xưa kia khoảng thế kỷ thứ 5 trước công nguyên, là trung tâm Phật giáo Bành Thành. Đây là một trong ba trung tâm nổi tiếng của Phật giáo: “Bành Thành, Lạc Dương và Luy Lô”. Hai trung tâm Bành Thành và Lạc Dương là của Phật Giáo Trung Quốc, nhưng trung tâm “Luy Lô” đặc biệt lại là của Phật giáo Việt Nam. Theo Việt Nam Phật Giáo Sử Luận của giáo sư Nguyễn Lang, thì ông cho rằng, trung tâm Luy Lô có trước hai trung tâm Bành Thành và Lạc Dương. Vấn đề này, xin được miễn bàn thêm, vì không phải trong phạm vi nghiên cứu ở đây. Đặc sản ở nơi đây chủ yếu là ngành kỹ nghệ sản xuất than đá.

---o0o---

01. Thạch Động Vân Cương

Ngày 4, tức ngày 12/9/04

Sau khi ăn sáng, chúng tôi đi tham quan Thạch Động Vân Cương. Từ khách sạn đến Thạch động xe chạy khoảng 15 phút. Đến nơi, chúng tôi xuống xe đi bộ vào Thạch động. Trên đường vào Thạch động, phải đi ngang qua một dãy phố nhỏ, họ bày bán một số hàng lặt vặt để cho khách du lịch mua làm quà kỷ niệm. Kỷ luật của đoàn rất nghiêm khắc, cấm tuyệt đối không một ai đang đi mà dừng lại mua đồ. Nhờ thế, mà đoàn đi rất trang nghiêm và trật tự. Trước khi vào bên trong động, đoàn dừng lại trước tảng đá thật to, trên đó có khắc 4 chữ lớn là “*Thạch Động Vân Cương*”, để chụp bồi hình lưu niệm. Vị trí của Thạch Động này tọa lạc dưới chân núi Vũ Châu, thuộc thành phố Đại Đồng, tỉnh Sơn Tây. Thạch động này được xem là một di sản văn hóa thế giới và cũng là một di tích Phật giáo lớn nhất, đẹp nhất, lâu đời nhất có từ thời Bắc Ngụy (439 STL).

Chụp hình xong, mọi người đến trước bảng chỉ dẫn để nghe hướng dẫn viên giải thích về bản đồ toàn động. Sau đó, mọi người đi vào bên trong lần lượt xem qua các động. Nơi đây, có tất cả là 53 hang động lớn nhỏ. Trong mỗi động đều có đục khảm thờ Phật. Đây là tiêu biểu cho chuyên ngành nghệ thuật điêu khắc Phật giáo ở vào thời đại Nam Bắc Triều. Tất cả các động này được khởi công thực hiện vào thời đại Bắc Ngụy có ước khoảng 51.000 bản điêu khắc trên đá và đã được hoàn tất cũng vào thời đại này (460 - 494) .

Đây là một công trình vĩ đại, một kỳ công tuyệt tác của ngành nghệ thuật điêu khắc thời xưa. Mọi người vào đây, ai nấy đều tham quan ngắm nghía một cách rất say mê thích thú, như lạc vào mê hồn trận. Những tượng Phật đục khảm bằng đá, thật rất công phu tinh xảo. Khi chúng tôi tới đây, đã có rất nhiều phái đoàn du lịch đến trước, người người qua lại tới lui tấp nập thật đông đảo như một ngày Hội lớn.

Nói về Thạch động này, theo sử liệu ghi lại: “*Trong động có đục khảm thờ Phật, Tháp. Động này và động Long Môn tiêu biểu cho nghệ thuật điêu khắc Phật giáo thời Nam Bắc triều. Vào thời Bắc Ngụy (420 TL) vua Thái Vũ Đế hủy Phật, tạo ác nghiệp, là nguyên do khiến Ngài Đàm Diệu đến thuyết phục vua Văn Thành Đế tạo năm tượng Phật lớn trong động đá Đại Đồng để sám hối, truy điệu và cúng dường 4 vị Tiên Đế, đồng thời cũng là bằng chứng để đời sau ghi nhớ công đức vua. Vào năm 460 bắt đầu khởi cung, đến niên hiệu Thái Hòa thứ 17 (493 TL) khi dời đô về Lạc Dương, công trình vẫn chưa hoàn thành.*

Về kiến trúc, các động đều khác nhau. Phật Bốn Tôn được thờ chính giữa trong ngôi song tháp, trên vách và phía lầu gác đều có khảm thờ Phật và 4 tôn tượng chư Phật, Bồ tát.

Dưới chân núi Vũ Chu có một đoạn đường rất hẹp, dài khoảng 2km có 42 động đá, đều có đục các tượng đá cao khoảng 5 đến 6 mét, phần nhiều làm theo dạng thức Kiền đà la và Cấp đa, Ấn Độ. Về sau trải qua nhiều thời đại, dần dần trở thành kiểu dáng Trung Quốc. Trong đó, từ động thứ 16 đến 20, bên trong là hình bầu dục, rất quy mô hùng vĩ. Các động: Lãng, Giá, Kỳ, Tha và Đại Đồng được suy đoán là 5 động có sớm nhất”³.

Một tài liệu khác nói về lịch sử của hang Thạch động này xin được ghi lại nguyên văn như sau:

“Hang bắt đầu được đục khắc vào năm thứ hai Hưng An thời Bắc Ngụy (năm 453), hoàn thành vào năm 494, trước khi triều đình Bắc Ngụy dời đô đến Lạc Dương.

Công trình tạc tượng kéo dài cho mãi đến giữa những năm Chính Quan (từ năm 520 đến năm 523) mới hoàn thành. Hang đá đục tạc theo sườn núi dài khoảng ? km từ đông sang tây, nội dung phong phú, khí thế hoành tráng, pho tượng cao nhất 17m, tượng nhỏ nhất chỉ vài cm. Các pho tượng Bồ tát, lực sĩ, Phi thiên, rất sinh động và hoạt bát. Hang đá Vân Cương cùng với hang Mạc Cao Đôn Hoàng tỉnh Cam Túc và Hang Đá Long Môn tỉnh Hà Nam được coi là ba hang đá lớn Trung Quốc, là một trong những kho tàng nghệ thuật khắc đá quý giá nổi tiếng trên thế giới.

Trong hang hiện còn lại 45 động chính, 252 khám động lớn nhỏ, 51.000 pho tượng đá. Đường nét điêu khắc trên thân cột tháp rất tinh xảo và tỉ mỉ, đã kế thừa tinh hoa nghệ thuật hiện thực của thời nhà Tần và thời nhà Hán (221 TCN – 220)”.

Đoàn người cứ theo hướng dẫn viên xem hết hang động này tới hang động khác. Có khi hai động dính liền nhau, không có khoảng cách. Thạch động tuy nhiều, chạy dài khoảng một cây số từ đông sang tây, nhưng những động còn có thể tham quan thích thú được, khoảng chừng 20 động là cùng. Công trình điêu khắc nghệ thuật này, xuất phát từ tấm lòng sám hối của Văn Thành Đế, vì các vị Tiên Đế mà tạo thành. Tuy nhiên, nếu không có những bàn tay nghệ nhân điêu luyện tinh xảo, thì làm gì thành tựu được những tác phẩm nghệ thuật trác tuyệt vượt thời gian như thế này. Đây cũng là một thành tích đánh giá cao độ của một tấm lòng sùng mộ Phật giáo qua hiện tượng vật thể để đời cho hậu thế, bằng chứng là ngày nay mọi người đến tham quan chiêm bái một cách rất sùng tín ngưỡng mộ. Có lẽ, mọi người chú ý nhất là động số 3, vì động này có tượng Phật và hai vị Bồ Tát lớn nhất. Kế

tiếp là động số 5 với bức tượng thật lớn cao 17 mét. Động số 6, có một cột đá cao 6 mét, trong đó, trình bày về cuộc đời của đức Phật. Động thứ 17 có tượng Phật Di Lặc với tư thế ngồi Kiết Già và nụ cười hoan hỷ thật tươi. Cuối cùng là động thứ 20, trong động có tượng Phật Thích Ca, cao 13 mét 7, trông thật trang nghiêm đẹp mắt.

Chúng tôi chỉ xin nêu ra một vài động đại khái nổi bật qua cái nhìn của chúng tôi. Ngoài ra, còn biết bao động khác cũng có những tượng Phật qua nghệ thuật điêu khắc kỳ công tuyệt hảo. Tùy theo trình độ nghệ thuật qua cái nhìn thẩm mỹ của mỗi người mà có những đánh giá dị biệt. Tuy nhiên dù nhìn qua góc độ khía cạnh nào, theo tôi, cũng không thể phủ nhận được một công trình sáng tạo nghệ thuật thẩm mỹ tuyệt vời của người xưa. Đối với tôi, động nào cũng tuyệt đẹp cả. Có thể mượn câu thơ của Cụ Tiên Điền Nguyễn Du diễn tả trong truyện Kiều rằng: “*Mỗi động một vẻ, mười phân vẹn mười*”.

Trong khi xem qua từng hang động một, chúng tôi có nhã hứng cảm tác một bài thơ để lưu niệm. Dù rằng, chúng tôi không phải là một thi sĩ, nhưng vì quá cảm xúc mà đánh bạo để dặt vài dòng thơ kỷ niệm cho vui. Cần nói rõ để quý độc giả thông cảm, tất cả những bài thơ mà chúng tôi sáng tác trong tập sách nhỏ này, chúng tôi chỉ có hai mục đích chính: Một, sáng tác để đọc lên cho đoàn nghe vui, gọi là công hiến mua vui cho mọi người trong lúc mệt mỏi. Hai, để ghi lại cho dễ nhớ những nơi đã đến. Ngoài hai ý này ra, tuyệt nhiên, chúng tôi không có ý gì khác. Mong rằng, khi quý độc giả xem qua, nếu thấy có chỗ nào sai sót về hình thức lẫn nội dung, xin quý vị vui lòng bỏ qua và chỉ giáo cho. Người viết xin hết lòng tri ân đa tạ.

Vân Cương Cảm Niệm

Vân Cương Thạch Động mấy ngàn năm

Đá đục tạc hình nổi tiếng tăm

Mỗi động bên trong nhiều Phật tượng

Không đồng lớn nhỏ mấy thiên trăm

Khen ai khéo tạo kỳ công tích

Nghệ thuật tinh vi kính phục thâm

Ai nấy xem qua đều thích thú

Hết lòng quy ngưỡng tận thâm tâm.

Tham quan xong, chúng tôi rời nơi đây vào lúc 12 giờ 30 đến nhà hàng Cửu Long Tử Gia để dùng cơm trưa. Nhà hàng này gần Thạch động, chỉ mất khoảng 10 phút lái xe.

Sau khi dùng cơm, đoàn trở về khách sạn nghỉ ngơi, vì khách sạn ở gần nhà hàng. Và lại, khi sáng, chúng tôi đến khách sạn còn quá sớm, nên khách sạn không có đủ phòng để cung ứng cho chúng tôi. Họ bảo sau 12 giờ trưa, du khách trả phòng lại, khách sạn mới có phòng trống cho chúng tôi vào. Vì vậy, Hòa Thượng Trưởng Phái Đoàn quyết định phải trở về khách sạn, trước là để chia phòng và sau cho mọi người nghỉ ngơi một chút cho khỏe để chiều lại đi thăm chùa Hoa Nghiêm và Cửu Long Bích.

---o0o---

02. Thăm chùa Hoa Nghiêm

Đoàn đến thăm chùa Hoa Nghiêm vào lúc 3 giờ 30 chiều. “Chùa Hoa Nghiêm ở cửa Tây thành phố Đại Đồng, thuộc tỉnh Sơn Tây, là một trong những ngôi chùa quan trọng của Tông Hoa Nghiêm ở vào thời đại Liêu, Kim.

Trong chùa thờ những tượng Thiên Đê bằng đá, hoặc đồng, mang tính chất Tô miếu của Hoàng thất nhà Liêu đương thời.

Từ giữa đời Minh Đế về sau, chùa chia làm hai phần: Hoa Nghiêm thượng và Hoa Nghiêm hạ, mỗi chùa dựng sơn môn và tự thành nề nếp riêng.

“Chùa Hoa Nghiêm thượng, còn gọi là chùa thượng, bắt đầu xây dựng vào đời nhà Liêu, kiến trúc theo lối cổ, trang nghiêm hùng vĩ. Năm 1112, chùa bị binh hỏa làm hư hoại, di tích chùa Hoa Nghiêm thượng hiện còn, chính là ngôi Đại Hùng Bảo Điện được xây dựng lại trên nền chùa cũ vào đời Kim, tức vào năm 1140. Mặt trước chánh Điện rộng 9 gian, sâu vào 5 gian, tổng diện tích 1559m², là ngôi Phật điện lớn nhất vào đời Liêu, Kim còn tồn tại đến ngày nay.

Trong điện thờ kim thân của 5 vị Phật, bộ tượng gỗ Tam Tôn do thiền sư Liễu Nhiên tạo vào đời Minh năm 1427. Gương mặt của các pho tượng có trán rộng và bằng, cằm thon thả, trên đỉnh đầu có viên bảo châu hình trái đào nhô lên, gần giống với kiểu tượng Phật Tây Tạng. Hai bên bệ thờ có 20 vị Tiên đứng hầu, thần sắc khác biệt, mỗi tượng một vẻ, 4 vách tường đều có những bức họa của nước Kim, to lớn vuông vức khoảng 887m². Trong chùa có bia đá được lập vào năm 1465 và năm 1581 đời Minh (1368 - 1661). Trước điện có trụ đá Đà la ni được dựng vào năm 1076 đời Liêu.

Chùa Hoa Nghiêm hạ còn gọi là chùa Hạ, chánh điện xây dựng vào đời Liêu năm 1038, được kiến trúc theo lối cổ bằng gỗ và cũng là Giáo Tạng xưa nhất hiện còn ở Trung Quốc. Phía trong điện có 31 tượng Phật, Bồ tát Kim Cang lớn nhỏ, đều được đắp từ đời Liêu. Lầu Kinh phía sau chánh điện có lan can, chạm trổ hoa văn, trên mái có hình tứ linh, đường nét tinh tế xảo diệu, như đang biến hóa, đây là kiến trúc bằng gỗ rất tinh xảo của đời Liêu còn lại ở Trung Quốc. Bên trong có hơn 1700 hòm Kinh tạng của đời Minh và đời Thanh, chứa hơn 18000 quyển”.⁴

Đặc biệt nơi đây, đoàn đã tụng hai thời kinh ngắn (ở chùa hạ và chùa thượng, hai nơi cách nhau đi bộ khoảng 100m), do Hòa Thượng Trưởng phái đoàn làm chủ lễ. Sau khi hành lễ, đoàn cúng dường tịnh tài lên Tam Bảo. Cả hai ngôi chùa này, đều không có tăng, ni trụ trì lãnh đạo, chỉ có những vị cư sĩ điều hành mà thôi.

---o0o---

03. Thăm Cửu Long Bích

Sau khi tham quan chùa Hoa Nghiêm xong, đoàn đi thăm Cửu Long Bích. Đoàn đến nơi đây vào lúc 5 giờ 35 chiều. Cửu long bích là chín con rồng ở trên vách. Người hướng dẫn địa phương cho chúng tôi biết, di tích lịch sử này được xây dựng vào thời đại nhà Minh, do con trai của vua Thái Tổ Chu Nguyên Chương là thái tử Chu Quý sáng lập. Hình của mỗi con rồng dài khoảng 2 mét và tô đắp rất tinh xảo. Đây là một nghệ thuật tuyệt vời của thời đại chạm trổ điêu khắc tô đắp tượng. Tiếp theo đó, đoàn rời nơi đây để đi đến nhà hàng dùng cơm chiều. Sau đó, đoàn trở về khách sạn Đại Đồng để nghỉ ngơi, chuẩn bị cho cuộc hành trình kế tiếp.

---o0o---

III. Ngũ Đài Sơn

Ngày 5, tức ngày 13/9/04

Hôm nay, đoàn đã bước sang ngày thứ 5, tức ngày 13/9/04. Vào lúc 8 giờ 30 sáng, sau khi sắp xếp giải quyết mọi thủ tục ở khách sạn Đại Đồng, đoàn lên đường đi chiêm bái tiếp ở những nơi khác. Theo chương trình, thì hôm nay đoàn đi Ngũ Đài Sơn. Tuy nhiên, trước khi đến Ngũ Đài Sơn, đoàn ghé thăm ngôi Phật tự Huyền Không. Đoàn đến nơi đây vào lúc 9 giờ 20 sáng. Thời tiết hôm nay rất tốt từ 13 đến 24 độ.

---o0o---

01. Huyền Không Tự

Đường vào chùa Huyền Không, hai bên là núi đá chập chùng, hùng vĩ. Chùa nằm lưng chừng một phần ba núi, tính từ dưới đất lên đến đỉnh núi. Núi này là núi Hằng Sơn. Được biết ở Trung Quốc có 5 quả núi quan trọng, đó là : Hằng Sơn ở phía Bắc, Thái Sơn ở phía Đông, Hoa Sơn ở phía Tây, Hoành Sơn ở phía Nam, và chính giữa là Tung Sơn. Núi Hằng Sơn, nằm ở phía trước chùa và phía sau chùa là núi Thúc Bính. Phong cảnh nơi đây thật ngoạn mục hữu tình. Ngôi chùa được kiến tạo cách đây hơn 1.400 năm, thuộc thời đại Bắc Ngụy. Chùa đã được trùng tu nhiều lần, trải qua ba triều đại: Kim, Minh và Thanh. Bên trong chùa có tất cả 40 phòng. Các tượng Phật được tôn thờ tính chung lớn nhỏ có hơn 80 tượng, chạm khắc, tạc đắp bằng các loại đồng, sắt, đá và bùn rất có giá trị nghệ thuật. Đặc biệt lối thiết kế thờ phụng ở đây mang màu sắc đượm nhuần Tam Giáo: Phật, Lão, Khổng. Đây là điểm dung hợp rất kỳ thú, mà ta ít thấy ở trong các ngôi chùa Trung Quốc. Ở trên đá có khắc chữ viết của Lý Bạch, một thi hào nổi tiếng cự phách ở vào triều đại nhà Thanh.

Chùa Treo là một di tích lịch sử văn hóa quan trọng của Hằng Sơn, nên được nhà nước bảo quản một cách rất nghiêm mật chu đáo. Năm 1958, đập nước nhân tạo và cầu treo được xây dựng ở phía nam của ngôi chùa. Vì thế, nên hai nơi này đã được đánh giá là một trong mười tám bức tranh đẹp nhất ở núi Hằng Sơn. Toàn chùa được kiến trúc bằng gỗ, với tất cả là mười trụ cột nâng ở phía ngoài và cây xà ngang được đục sâu vào trong đá, nhờ vậy, mà vị thế của chùa được giữ khá vững chắc. Dưới chùa là một hoa viên rộng lớn như là một thung lũng. Trước kia nó là một con sông, bề ngang cũng khá rộng.

Đôi diện ngôi chùa có nhiều tòa nhà, đây là những nơi trưng bày bán đủ thứ vật phẩm để du khách mua làm quà kỷ niệm. Từ bãi đậu xe, muốn đi

lên chùa, du khách phải đi ngang qua cây cầu dây đu đưa, khoảng độ 50 mét. Đồi diện cây cầu này, là một đập nước khá lớn, có dòng nước từ trên núi cao chảy xuống, giống như từ trong hang động chảy ra. Chung quanh bao bọc bởi núi đá, trông cảnh rất hùng vĩ nghiêm trang. Về nguyên do xây chùa lơ lửng lưng chừng núi, theo hướng dẫn viên địa phương cho biết, là nhằm ngăn nước từ trên núi tràn xuống. Đây là do vua Hiếu Văn Đế đời Bắc Ngụy sắc chỉ.

Sau khi tham quan, mọi người ra xe để tiếp tục cuộc hành trình đến Ngũ Đài Sơn. Vì đường xa, nên mọi người ai nấy đều ngủ gà ngủ gật. Mỗi người ngủ mỗi cách, thấy thế, tôi làm bài thơ trào phúng chọc cười cho vui, để mọi người tỉnh táo.

Ngủ trên xe

Trên đường xe chạy Ngũ Đài Sơn

Nhắm mắt thả hồn ngủ hết tron

Có kẻ nghiêng đầu cười nhếch mép

Còn người gục gật lễ phép hơn

Miệng chép thấy ngon nào biết đói

Tiếng kèn ngáy ngủ thổi từng cơn

Ngủ quách cho rồi quên sự thế

Ngủ Đài, ngủ núi, ngủ xe hơn!

Xe chạy gần đến Ngũ Đài, nhìn thấy hai bên đường có nhiều núi non chón chờ, hùng vĩ, xinh tươi đẹp mắt, tôi liền lấy giấy bút ra dẹt lên một vài câu thơ để nói lên cái cảm xúc của mình.

Đường đến Ngũ Đài ôi! sao đẹp quá!

Núi trái dài vách đá nối liền nhau

Như tấm lụa xanh dàn trải chỗ thấp cao

Rồi rêu phủ bạc màu thay biến dạng

Cảnh thiên nhiên ngắm nhìn không biết chán

Vui cảnh trần ngao ngán chỉ thêm đau!

Mái tóc xanh nhìn lại đã bạc màu

Bao nỗi khổ dạt dào trong kiếp sống

Đừng theo đuổi bóng hồng trong biển động

Hãy quay về chớ dặt mộng nữa làm chi

Của, công, danh như bọt nước có ra gì

Tỉnh giấc mộng như bước đi trong núi lạnh...

Hoa lá cây rừng trời xanh bao la rộng khắp...

Mãi ngắm nhìn cảnh trí thiên nhiên nên thơ ngoạn mục, do tạo hóa ban cho con người thưởng ngoạn, mỗi người có một nếp nghĩ riêng. Có thể, có người đang suy tư theo dòng đời trôi chảy cuốn phăng bao nhiêu những thứ yêu thương, để lại cảnh chán chường trong cuộc sống. Rồi cũng có người nhìn lại đoạn đường trong mấy ngày qua thật là ý nghĩa. Vì cuộc sống luôn hòa nhập tiếp cận với thiên nhiên, với cảnh núi non hoa lá cây rừng... Và nhìn lại thấy mình đang là người đi tìm một sinh thức hài hòa trong tình thương của thầy, của bạn đang trên bước đường hành hương tìm lại chính mình. Có thể mỗi người có mỗi nếp suy tư khác nhau khi ngang qua đôi núi chập chùng...

Thế rồi, xe ngừng lại trước khách sạn khi nào không hay. “Tới rồi, xin mọi người hãy xuống xe”. Đó là lời mời của người hướng dẫn. Mọi người trở về với thực tế. Thực tế là tất cả xuống xe vào trong khách sạn khoảng 15 phút. Sau đó, mọi người trở ra xe để đi chiêm bái. Ngôi chùa mà chúng tôi đến thăm viếng đầu tiên tại núi Ngũ Đài là chùa Long Tuyền. Trước hết xin nói sơ qua về vùng núi linh thiêng này. Nói về địa thế của núi này, trong tác phẩm Mount Emei and Leshan Giant Buddha có viết: “Ngũ Đài Sơn, ngoài thế núi kỳ lạ, còn được ngợi ca là một vùng môi trường tinh khiết lý tưởng, khí hậu trong mát, cuộc sống yên lành. Hàng năm trừ các tháng 6,7 và 8, những tháng còn lại đỉnh núi liên tục bị tuyết phủ dày. Trong chín tháng đó, hầu như ở Ngũ Đài Sơn không có mùa hè. Vì vậy Ngũ Đài Sơn còn được

mệnh danh là Thanh Lương Sơn, bởi ở đây “Băng đóng suốt năm, khiến mùa hạ vẫn có tuyết bay, khí hậu quanh năm mát mẻ”.

Được gọi Thanh Lương Sơn còn vì một lẽ khác gắn liền với một câu chuyện thần kỳ: Tương truyền rằng vào thời thượng cổ, Ngũ Đài Sơn là khu vực có khí hậu khắc nghiệt khác thường, mùa đông nước đóng thành băng, mùa xuân cát bay đá lở, mùa hạ khí hậu nóng bức. Vì thế, người nông dân không thể nào cấy cấy, trồng trọt được. Để giải thoát khổ nạn này cho chúng sanh, Văn Thù Bồ Tát đến Long Cung cầu viện, mượn về một khối đá có tên là “Yết Long Thạch”. Sau khi Bồ Tát ném tảng đá xuống, cả khu vực trở nên mát mẻ, khí hậu trong lành. Từ đó dân chúng quanh vùng gọi tảng đá ấy là Thanh Lương Thạch và người đời đã xây cất Thanh Lương Tự để thờ.

Từ đời xa xưa, tín đồ Phật giáo hết lòng ngưỡng mộ Ngũ Đài Sơn và xếp vào một trong Tứ Đại Phật Sơn, vì đây là nơi hóa thân của Văn Thù Bồ Tát. Ngài thành Phật với tên Long Chung Thượng Tôn Như Lai, đã từng dẫn dắt nhiều Phật tử tu hành đặc đạo, nên được gọi là Tam Thế Phật Mẫu.

Vào thế kỷ VI trước Tây Lịch, Ngài giảng sinh ở Ấn Độ, hiện thân Bồ Tát để trợ giúp Phật Thích Ca Mâu Ni trong việc thuyết pháp. Ngài còn là vị Bồ Tát thứ nhất chủ trì lãnh vực trí tuệ. Hình tượng phổ biến của Ngài là năm búi tóc trên đầu, biểu thị năm loại Phật trí, tay cầm bảo kiếm thể hiện trí tuệ sắc bén, còn sư tử biểu hiện sức mạnh của trí tuệ.

Ngũ Đài Sơn là nơi tu luyện của Văn Thù Bồ Tát từ đời Đường. Trải qua gần 2000 năm, Ngũ Đài Sơn là nơi hình thành các tông phái Phật giáo có thế lực mạnh và ảnh hưởng rất lớn như: Thiền Tông, Hoa Nghiêm Tông, Luật Tông, Mật Tông v.v... Truyền thuyết kể rằng “vào đời Đường, niên hiệu Khai Thành, khoảng năm 838, Lãng Đạt Ma giết người anh lên ngôi, có ý đồ tiêu diệt Phật giáo, khiến các tín đồ tức giận. Một hôm vào dịp lễ trọng đại, một vị tăng của Ngũ Đài Sơn tên là Đa Nhĩ Cát, cải trang thành con bạch mã, nhuộm lông màu đen, mình mặc áo đen, vào cung ca hát. Khi đến gần Lãng Đạt Ma, Đa Nhĩ Cát đã bắn chết Đạt Ma. Khi bị truy đuổi, Đa Nhĩ Cát phi ngựa qua dòng sông, ngựa trở thành con bạch mã và ông thay áo trắng, nhờ thế ông thoát thân và từ đó Phật giáo vùng Tây Tạng ngày càng phát triển”.

Tài liệu nêu trên, chỉ đề cập phớt qua vài nét về Bồ Tát Văn Thù, một vị Bồ Tát rất quan trọng, chẳng những là Tôn chủ trú xứ Ngũ Đài Sơn mà

còn tối ư quan trọng trong các Kinh điển Đại thừa. Để hiểu rõ hơn về Bồ Tát, chúng tôi xin được trích dẫn thêm một tài liệu khác nói về Ngài.

“Bồ Tát Văn Thù tiếng Phạn là Bodhisattva Mānjusri. Văn Thù Sư Lợi cũng gọi là Mạn Thù Thất Lý, dịch nghĩa là Diệu Đức, Diệu Cát Tường. Vì thấy rõ Phật tánh, mọi đức đều tròn đầy, không sự ràng buộc nào chẳng dứt, nên gọi là Diệu Đức.

Bồ Tát Văn Thù là vị Bồ Tát có quan hệ rất sâu xa với Kinh điển Bát nhã. Ngài là một trong 4 vị Bồ Tát mà người Trung Quốc rất sùng mộ tín ngưỡng. Có thuyết cho rằng Bồ Tát này là Phật đã thành, như Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội có ghi: Thuở xưa, cách nay với số kiếp lâu xa có Long Chung Thượng Như lai, thành tựu quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ở thế giới Bình Đẳng Phương Nam, sống lâu 440 vạn tuổi và nhập Niết bàn, đức Phật ấy nay là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử. Có thuyết cho rằng Bồ Tát này là nhân vật có thật, như Kinh Văn Thù Sư Lợi Bát Niết Bàn cho rằng: Bồ Tát này sanh vào nhà Bà La Môn Phạm Đức ở tụ lạc Đa La thuộc nước Xá Vệ, lúc Bồ Tát sanh ra, ngôi nhà hóa thành hoa sen. Bồ Tát từ hông phải của mẹ sanh ra, về sau đi xuất gia, học đạo với Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngoài ra cũng có thuyết cho rằng: Bồ Tát Văn Thù là mẹ của chư Phật, Bồ Tát. Thông thường cho rằng Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi và Bồ Tát Phổ Hiền đều hầu cận đức Phật Thích Ca, Bồ Tát Văn Thù biểu thị cho Phật trí, Bồ Tát Phổ Hiền biểu thị cho Phật huệ. Sư tử mà Bồ Tát Văn Thù ngồi tượng trưng cho sự uy mãnh.

Tượng của Ngài ta thấy có nơi thờ, tay mặt của Ngài cầm kiếm sắc bén. Đây là biểu thị cho trí đức. Nghĩa là dùng trí huệ sáng suốt phá tan tất cả vô minh hắc ám. Ánh sáng trí huệ soi đến đâu, hắc ám vô minh tan đến đâu. Như dũa sắt cầm kiếm bén xông pha trong trận mạc, thanh kiếm lia đến đâu, thì đầu giặc rơi đến đâu. Sức trí huệ vô cùng mãnh liệt, như thanh kiếm báu cứng chắc san sát, dù chạm phải cùng loại kim khí vẫn không bị khờ mẻ, mà có thể chặt đứt tất cả. Còn tay trái cầm hoa sen xanh là biểu thị cho đoạn đức. Đối với tự thân cũng do sức trí huệ dứt sạch mọi nhiễm ô tham ái, như hoa sen ở trong bùn mà không nhiễm bùn. Bồ Tát không phải người ẩn nơi non cao rừng thâm, sống trong cảnh thanh tịnh u nhàn, mà là người sống chung đụng với quần chúng, lăn lộn trong đám bụi trần để cứu độ chúng sanh, nên có lúc ra làm vua, có khi làm quan, cũng có khi làm kẻ tật nguyện cùng khổ...tuy sống trong đục lặc đầy đầy, mà Bồ Tát vẫn giữ tâm thanh tịnh không bị ô nhiễm như người đời. Đó là nhờ trí huệ dứt sạch tham ái, viên thành đoạn đức”.⁵

Như vậy, người Phật tử khi đánh lễ Ngài, nên nghĩ đến trí tuệ của ta và ta phải sử dụng thanh kiếm bén trí tuệ của chính mình để chặt đứt mọi thứ dây mơ rễ má phiền não, tà chấp, mê hoặc. Có thể, thì ta mới được lợi ích thiết thực vậy.

Trở lại vấn đề, như trên đã nói, ngôi chùa mà chúng tôi đến viếng thăm chiêm bái đầu tiên là chùa Long Tuyên.

---o0o---

02. Chùa Long Tuyên

Chùa Long Tuyên cách khách sạn chúng tôi tạm trú không xa lắm, xe chạy mất khoảng 10 phút. Chùa được xây dựng vào thời đại nhà Tống (960) và đã trải qua nhiều lần trùng tu, như là ở vào hai thời đại Minh, Thanh. Từ dưới lên đến cổng chùa phải đi qua 108 bậc thang, giống như chùa Bồ Tát Đảnh. Con số 108 là tượng trưng cho 108 phiền não. Người nào cố gắng vượt qua được 108 nấc thang này, được coi như người đó đã vượt thắng hay tiêu diệt 108 phiền não và đạt được Niết Bàn an lạc. Đây là tượng trưng thôi, chớ kỳ thật đoạn trừ phiền não không phải được dễ dàng như thế. Nếu dễ như thế, thì mọi người đã thành Phật tác Tổ hết rồi. Dù mệt mỏi, nhưng tất cả mọi người đều lên đến nơi.

Cổng chùa kiến trúc theo kiểu Tam quan bằng loại đá Hán ngọc. Người ta chạm khắc rất tinh xảo, gồm có 108 con rồng. Trên cổng có 4 chữ: “Phật quang phổ chiếu”. Bên phải có 4 chữ: “Cộng đặng bi ngạn”; bên trái cũng có 4 chữ: “Phó Hội Long Hoa”. Cảnh chùa nằm lưng chừng núi, bốn bên đều bao bọc bởi núi đá, phong cảnh chung quanh rất đẹp. Hai bên chùa chánh có hai dãy nhà ngang đối diện song song nhau. Mỗi bên có khoảng 5 gian, mỗi gian đều được dùng cho mỗi công dụng khác nhau. Chùa hiện đang trùng tu. Húy danh của vị trụ trì ở chùa này là Thượng Tọa Bi Minh. Thầy Bi Minh giới thiệu sơ qua một vài chi tiết về lai lịch của ngôi chùa này. Thầy cho biết cái tháp ở bên hông chùa là của Hòa Thượng Phổ Tế, vị này là thầy của bà Từ Hy Thái Hậu. Tháp này có hơn trăm công nhân làm, thời gian sáu năm mới hoàn thành. Toàn tháp đều làm bằng đá Hán ngọc, và điêu khắc thật tỉ mỉ, tinh xảo, đòi hỏi công trình phải thực hiện khá dài lâu. Tháp là một lối kiến trúc có những đường nét sáng rõ, sắc xảo, trong kho tàng quý giá đặc thù của Phật giáo Ngũ Đài Sơn. Từ thời Bắc Ngụy đến nay, tháp được kiến tạo qua nhiều chất liệu, như: chuyên tháp (tháp xây bằng gạch) mộc tháp (tháp xây bằng gỗ) thạch tháp (tháp xây bằng đá) đồng tháp (đúc

bằng đồng) ngọc tháp v.v... Về hình thể của các ngôi tháp lớn nhỏ, cao thấp không giống nhau.

Ở Ấn Độ thời xưa, người ta xây tháp (phù đồ) bằng gạch, mục đích là để tôn thờ xá lợi Phật, nhưng về sau người ta xây tháp bằng nhiều loại. Truy nguyên về nguồn gốc xây tháp, ta thấy trong Luật Thập tụng 56 có ghi: “Trưởng giả Tu Đạt từng xin tóc và móng tay Phật để xây tháp cúng dường”. Trong Luật Ma Ha Tăng Kỳ 33 cũng có ghi: “Vua Ba Tư Nặc vâng lời Phật dạy, xây dựng tháp Phật Ca Diếp để lễ bái cúng dường”. Sau khi Phật nhập diệt có tám nước như Ba Bà, Nhân già la, La ma già tranh giành xá lợi, được Bà la môn Hương Tánh chia xá lợi Phật ra làm tám phần cho tám nước, mỗi nước đều mang xá lợi về xây tháp cúng dường, đây là những ngôi tháp được xây dựng đầu tiên. Ngoài ra, theo A Dục Vương truyện một, Thiện Kiến Luật Tỳ bà Sa một có ghi: “khoảng 200 năm sau khi Phật nhập diệt, vua A Dục nước Ma Kiệt Đà có xây 84.000 ngôi tháp báu ở các nơi trong lãnh thổ. Về kiểu loại tháp, có nhiều lối kiến trúc và tên gọi mỗi tháp khác nhau, như: Tháp Đa Bảo, có nguồn gốc từ tháp Phật Đa Bảo, trong phẩm Hiện Bảo Tháp trong Kinh Pháp Hoa. Tháp Du Kỳ, Tháp Ngũ Luân” v.v...

Những loại kiểu tháp này, phần nhiều là các kiểu tháp đặc thù chỉ Nhật Bản mới có. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, hạ cho rằng xây tháp tạo tượng là nhân hạnh vãng sanh Tịnh độ. (Tự Điển Phật Học Huệ Quang tập 9 trang 7706) Kinh Thí Dụ nêu 10 quả báo thù thắng của việc tạo tháp như sau:

1. Không sanh nơi biên quốc.
2. Không bị bần cùng khốn khổ.
3. Không thọ thân ngu si, tà kiến.
4. Có thể được làm vua 16 nước lớn.
5. Thọ mạng lâu dài.
6. Được sức mạnh như Kim Cang Na La diên.
7. Được phước đức rộng lớn không ai sánh bằng.
8. Được chư Phật, Bồ tát từ bi thương xót.

9. Đầy đủ Tam minh, Lục thông, Bát giải thoát.

10.Được vãng sanh về tịnh độ.

Trên đây, chúng tôi nêu ra dẫn chứng một số dữ kiện về nguyên ủy của việc xây tháp để tôn thờ Xá Lợi Phất cũng như linh cốt của các bậc Tôn Đức... Bây giờ xin trở lại vấn đề chùa Long Tuyền.

Về Tăng chúng trong chùa, tính chung có khoảng 17 vị, kể cả thầy trụ trì. Đời sống cơm áo, phần lớn là nhờ sự ủng hộ của các phái đoàn hành hương. Ở đây, theo vị trụ trì cho biết, hằng năm có rất nhiều phái đoàn hành hương thường đến đây để tham quan chiêm bái.

Sau khi tham quan xong, đoàn trở về khách sạn dùng cơm tối và ngủ nghỉ.

Ngày 6, tức ngày 14/9/04

Hôm nay, đoàn đã bước sang ngày thứ 6 của chương trình hành hương. Đoàn khởi hành rời khách sạn để đi thăm viếng các ngôi già lam vào lúc 8 giờ sáng. Theo hướng dẫn viên cho biết lịch trình hôm nay phải thăm viếng tất cả là mười chùa. Cần nói thêm, ở núi Ngũ Đài này, thời xưa có hơn 300 ngôi chùa. Nay hiện còn khoảng độ hơn 100 ngôi. Diện tích khoảng hơn hai cây số vuông, dân số có khoảng 10 ngàn người. Trước kia, họ sống phần lớn là nhờ hái nấm để bán kiếm tiền độ nhật qua ngày. Cho nên đời sống của họ rất cực khổ vất vả, thiếu thốn đủ mọi bề. Ngày nay thì có khác, phần nhiều họ sống nhờ vào các phái đoàn hành hương, bằng cách là họ buôn bán.

---o0o---

03. Vạn Phật Các

Ngôi chùa đầu tiên đoàn đến chiêm bái hôm nay, đó là Vạn Phật Các. Chùa nằm cạnh góc Đông Nam của Tháp Viện Tự. Chùa được xây dựng vào thời đại nhà Minh. Chùa có vạn tôn tượng Phật nhỏ, do đó mà đặt tên là Vạn Phật. Sở dĩ chùa thờ nhiều tôn tượng Phật nhỏ như thế này, vì đây là ý nghĩa biểu trưng cho “Tỳ lô giá na Phật”. Cụm từ này là tiếng phạn, Trung Hoa dịch là Biến nhưt thiết xứ. Có nghĩa là khắp tất cả chỗ. Cái gì khắp tất cả chỗ? Chỉ cho Pháp thân Phật. Vì Phật có 3 thân: Ứng hay hóa thân, Báo thân và Pháp thân. Như vậy pháp thân, nói cách khác là Phật tánh hay chơn như... không phải chỉ riêng Phật có thân này mà tất cả chúng sanh đều sẵn đủ.

Kinh Niết Bàn Phật nói : “Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”. Nghĩa là tất cả chúng sanh đều sẵn có tánh giác. Phật cũng đã từng nói trong Kinh Hoa Nghiêm: “Tất cả chúng sanh đều sẵn đủ Đức Tướng Như Lai”. Do đó, mà các chùa ở đây họ thường hay thờ có nhiều tượng Phật nhỏ là như thế. Như vậy, nơi nào mà không có Phật. Khi tâm ta tỉnh lặng, sáng suốt, thì ngay đó có Phật. Tìm Phật ở bên ngoài không bao giờ gặp được. Nếu thấy tượng Phật bên ngoài mà cho là thấy Phật thiệt, thì quả đó là một sai lầm rất lớn. Trong Kinh Kim Cang, Phật quả cho đó là hành đạo tà. Phật bên ngoài chỉ có nghĩa là tượng trưng thôi. Đó là một ý nghĩa vô cùng thâm thúy. Vì muốn cụ thể hóa cho mọi người dễ nhận hiểu, nên người ta mới bày ra như thế.

Ngôi chùa này có nhiều gian. Gian nhà đầu tiên đoàn vào thăm là nhà phát hành các thứ Phật cụ. Thời tiết hôm nay rất xấu, mưa rơi tầm tã. Cho nên cả đoàn đều phải mặc áo mưa màu vàng khi đi vào chùa. Trời khá lạnh. Có người mặc áo ấm rồi mà vẫn còn thấy lạnh. Vì núi bao bọc san sát với nhau, nên khi mưa xuống gặp hơi ẩm của đá, hơi khói sương mù bốc lên càng làm cho người ta lạnh buốt thêm. Dù trời mưa và lạnh lẽo như thế, nhưng du khách vẫn tấp nập tới lui để tham quan. Mỗi người một cây dù để che mưa, mỗi cây mỗi màu, giống như những ngôi sao đang di chuyển trên nền trời trông rất đẹp mắt.

Riêng đoàn, tất cả đều mặc áo mưa màu vàng, nên dù chen nhau đi trong đám người đông đúc, nhưng vẫn nổi bật dễ dàng nhận ra không sợ lạc. Song có điều, khó nhận diện biết rõ là ai. Dù đi dưới cơn mưa tầm tã nặng hạt như thế, nhưng mọi người đi trong khí thế rất hăng hái và vui vẻ. Tất cả những ngôi chùa ở đây, lúc nào cũng có khói hương bay lên nghi ngút. Lò hương cái nào cái nấy thật to lớn và người ta để ở trước sân chùa cho khách thập phương tha hồ thắp hương.

Rời khỏi gian nhà Phật cụ, sang tòa nhà kế bên đi thẳng vào bên trong là ngôi Bảo Điện thờ 3 vị Đại Bồ tát: Văn Thù, Phổ Hiền và Quán Thế Âm. Đối diện chánh điện là một sân khấu lớn, khi đoàn bước vào, thì đã có ba cô đào đang hát trên sân khấu. Họ trang phục giống như những đào kép hát bộ ở Việt Nam ngày xưa. Họ vừa hát vừa trình diễn có điệu bộ, có người nói, họ đang hát Hồ Quảng, vì thế, có rất nhiều du khách chăm chú lắng nghe và theo dõi từng điệu bộ của họ, nhứt là những người Hoa.

04. Tháp Viện Tự

Sau khi chiêm bái xong, đoàn bước qua ngôi chùa Tháp Viện, còn gọi là Đại Bảo Tháp Viện Tự, một ngôi bảo tháp thật lớn. Tháp nằm phía sau chánh điện. Trong tháp thờ Xá Lợi Phất và tóc Bồ Tát Văn Thù do vua A Dục thiết trí, nhờ đó mà nổi tiếng.

Sử liệu ghi lại: “Vào năm 1407 đời Minh, vua Thành Tổ ban sắc cho quan Thái Giám là Dương Thăng trùng tu đài tháp, bắt đầu xây chùa. Năm 1578, Thái hậu ban sắc lệnh cho Trung Tướng Phạm Giang, Lý Hữu xây dựng lại, tự quán nguy nga tráng lệ đứng đầu Ngũ Đài. Xá Lợi tháp còn gọi là Bạch tháp, cao đến 54.37 mét, chu vi rộng 83 mét”.⁶

Sau khi chiêm bái ngôi bảo tháp, đoàn bước sang qua chánh điện. Ngoài chánh điện có bức tường cao, trên đó có họa bức tranh tuyệt tác. Bức tranh vẽ hình ảnh vài vị sư ngồi trên chiếc thuyền đang căng buồm chạy lướt sóng, diễn tả cảnh ngày xưa muôn đến Ngũ Đài Sơn chiêm bái, người ta phải trải qua nhiều gian nan khổ cực như thế. Trong khi mọi người dừng lại chăm chú nhìn bức tranh này, nhân đó, Hòa Thượng nói, thời xưa những vị hành cước tầm sư học đạo, hay đi chiêm bái ở nơi đây, các ngài phải lặn lội rất khó khăn vất vả, trải qua nhiều gian lao khổ cực lắm mới được tới đây, còn ngày nay, mình tới đây đường đi quá sướng, nào là máy bay, xe hơi, cáp treo..., đâu có khổ cực gì, chỉ có mắc mưa chút thôi, mà mưa thì có áo mưa che phủ rồi. Như vậy, cuộc hành trình của chúng ta ngày nay, so với các ngài khi xưa, thì cực khổ vất vả không bằng một phần mười đối với các ngài. Phương tiện chuyên chở di chuyển và nơi ăn chốn ở bây giờ thật là quá tiện nghi đầy đủ.

Khi vào trong chánh điện, Hòa Thượng và mọi người đánh lễ Tam Bảo. Điều rất vui và thú vị, là tất cả đều mặc áo mưa màu vàng đánh lễ, đứng ngoài nhìn vào, trông cũng nghiêm trang đẹp mắt lắm. Trường hợp này, thật là hiếm có, không dễ mấy khi nhìn thấy. Tôi cứ ngỡ là những người từ hành tinh khác đến. Lễ Tam Bảo xong, đoàn đi bộ qua chùa Hiền Thông. Vì các chùa ở nơi đây đều nằm cạnh bên nhau, nên đoàn chỉ đi bộ là tới. Người ta thường gọi nơi đây là xóm chùa. Vì chùa nằm trong hẻm quanh co, nên khi từ chùa này qua chùa kia, chỉ cần thiếu chú ý một chút không đi sát với đoàn, thì sẽ đi lạc ngay. Trường hợp, như thầy Phước Lạc và chú Huệ Chiếu chẳng hạn, ghé shop mua chút đồ, nên đi lạc, phải vòng vo lâu lắm mới tìm gặp lại đoàn. Trước khi vào chùa Hiền Thông, bên ngoài có một cái cái cổng lớn, trên có 4 chữ: “Ngũ cơ thắng cảnh”.

05. Hiển Thông Tự

“Tương truyền, chùa này bắt đầu xây cất khoảng năm Minh Đế thời Đông Hán, đây là ngôi chùa xưa nhất ở Ngũ Đài Sơn. Chùa lúc đầu có tên Đại Phù Linh Thụ Tự, khi đến thời Võ Tắc Thiên đời Đường đổi tên là Đại Hoa Nghiêm Tự. Kiến trúc hiện thời là lối kiến trúc được trùng tu vào đời Minh, Thanh. Chùa có nhiều gian điện đường, trong đó điện Vô Lượng, điện Đồng, Tháp Đồng là nổi tiếng hơn cả. Như ngôi Điện Đồng rất nổi tiếng được nhiều người biết đến. Toàn bộ đều được đúc bằng đồng, kiến trúc này phỏng theo kết cấu của gỗ, cánh cửa và cửa sổ đều được đúc với hình dạng hoa cỏ, trong điện nhiều tượng Phật bằng đồng, đây là một tác phẩm nghệ thuật Phật giáo tinh xảo nhất của thời cổ đại”.⁷

Sau khi trải qua chiêm bái các điện, đoàn bước vào điện chánh để đánh lễ Tam bảo. Điện này thờ Tam Thế Phật. Lễ xong, đoàn đi chiêm bái Bồ Tát Đảnh. Đến đây Hòa Thượng và một vài người trọng tuổi hơi mệt, nên phải lên kiệu khiêng. Kiệu ở đây họ trang trí giống kiệu Tây Tạng, bao bọc chung quanh bằng vải nhung đỏ và có chạy viền tua rất đẹp và sang trọng. Khi họ khiêng tới bậc thang đi lên (108 bậc) chùa, thì Hòa Thượng và những vị đó đều xuống đi bộ. Trước khi vào chùa, ở đây cũng có một cái cổng tam quan lớn, trên có 4 chữ: “Linh phong thắng cảnh”.

---o0o---

06. Bồ Tát Đảnh

Chùa này, theo truyền thuyết cho rằng đây là nơi mà Bồ Tát Văn Thù thị hiện cư trú nơi đây, vì thế, còn gọi nơi đây là “Chân Dung Viện”, cũng gọi là chùa Văn Thù. Trước chùa có 108 bậc thang cấp bằng đá, biểu thị cho 108 thứ phiền não, như đã nói ở trên. Hôm nay, vì trời mưa, nên đoàn bước lên những bậc thang rất khó khăn, vì trơn trượt dễ bị té. Lên tới nơi, đoàn vào bên trong chiêm bái. Chùa này gồm có cả thảy 5 điện: 1. Thiên Vương Điện, 2. Cung Điện, 3. Đại Hùng Bảo Điện, 4. Văn Thù Điện. 5. Chân Dung Điện. Trong Chân Dung Điện, có thờ tôn tượng Bồ Tát Văn Thù. Tương truyền, thời xưa, hóa thân của Bồ Tát Văn Thù ở đây. Chùa đã trải qua mấy lần trùng tu, nhưng lần sau cùng là vào ngày 18/8/1986. Được biết, hai vua Khang Hy và Càn Long nhà Thanh mấy lần triều bái Ngũ Đài Sơn đều trú ngụ nơi đây và để lại những bài minh, bia văn. Trong chánh điện có treo một bức họa hình cây bồ đề màu vàng. tương truyền đó là tác phẩm của vua Càn

Long. Sau khi đánh lễ tại điện Chân Dung, Hòa Thượng và đoàn trở xuống núi.

---o0o---

07. Phổ Hóa Tự

Thăm viếng các nơi này xong là đã gần 12 giờ, nên đoàn đến nhà hàng để ăn trưa. Trên đường đi, đoàn ghé thăm chùa Phổ Hóa. Theo hướng dẫn viên địa phương cho biết: “Ngôi chùa này được xây dựng vào thời đại nhà Tống, và đã được trùng tu vào thời nhà Minh, Thanh, đến năm Dân Quốc thứ 23 lại trùng tu một lần nữa”. Chùa này có hai Đại Hùng Bảo Điện và hai bên điện thờ Thập Bát La Hán, nhưng mỗi nơi thờ hình tượng của các vị này đều được tạc đúc khác nhau. Cả hai chánh điện, bên trong ở gian chính giữa đều tôn thờ Tam Thế Phật. Dọc theo hai bên chánh điện đều có hai dãy nhà san sát nối liền nhau, và trong mỗi gian sử dụng nhiều Phật sự khác nhau. Đây là lối thiết kế, mà hầu hết các chùa ở đây đều có một nét giống nhau. “Chùa này, trước kia, không ai biết tên của nó là gì, người ta chỉ biết nó là một ngôi miếu thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế theo Lão giáo, sau đó, đến thời nhà Thanh Dân Quốc năm thứ 23, chùa mới được đổi tên là chùa Phổ Hóa”. (Ghi theo lời người hướng dẫn)

Chiêm bái xong, đoàn đến nhà hàng Dang Fang để dùng cơm trưa.

---o0o---

08. Đỉnh Đại Loa

Dùng trưa xong, đoàn đi đến đỉnh Đại Loa vào lúc 4 giờ chiều. Vì đỉnh khá cao, đi bộ rất khó khăn mệt nhọc nên đoàn ngồi cáp treo để lên đỉnh núi chiêm bái. Khi lên tới đỉnh, vì hôm nay trời mưa, nên khá lạnh, có người run lập cập, chung quanh núi bốc hơi mù dày đặc, đây gọi là sơn lam chướng khí. Vì thế, những ai tu ở trên núi cần phải ngồi thiền nhiều, để cho trong người tỏa ra nhiệt độ mới chống lại khí lạnh độc hại này. Chùa này còn có tên là Thanh Phong. Xưa, chùa có tên là Phật Đảnh Am. Đến đời Minh chùa được xây dựng thêm và trùng tu vào năm 1465 – 1487. Đến đời vua Càn Long năm thứ 15 (1750) chùa được đổi tên là Đại Loa Đỉnh.

Lối kiến trúc của chùa này cũng giống như những chùa khác, chùa có nhiều điện khoảng cách giữa điện này đến điện kia bởi một cái sân chừng vài mươi thước. Đa số trong mỗi Điện cách thiết trí tôn thờ đều giống nhau,

nghĩa là điện chính thì thờ Tam Thế Phật, hoặc Ngũ Vị Phật. Chỉ có chùa Báo Quốc đặc biệt là thờ Thất Phật. Ngoài những ngôi điện Phật chính giữa ra, ở hai bên song song với chánh điện là hai dãy nhà san sát nối liền nhau, mỗi gian đều sử dụng mỗi công dụng khác nhau, như khách đường, ngũ quán đường, Tổ đường, thư quán đường v.v... Riêng ngôi chùa Đại Loa này, thì thứ tự của các điện như sau:

- Điện Chiên Đàn.
- Điện thờ Ngũ Phương Văn Thù.
- Điện thờ Tam Thế Phật, tức Phật Thích Ca, Di Đà và Dược Sư.

---o0o---

09. Bích Sơn Tự

Tham quan và lễ bái ở đây xong, đoàn đến chiêm bái chùa Bích Sơn, nói đủ là: “Hộ Quốc Bích Sơn Thập Phương Phổ Tế Thiên Tự”. Vừa bước vào cửa là gặp ngay điện thờ tượng Phật Di Lặc thật to và phía sau Ngài Di Lặc là đức Hộ Pháp. Về tượng Phật Di Lặc, thì mọi người đều biết qua. Người ta tạc tượng Ngài để tôn thờ, tất cả đều mang một ý nghĩa sâu sắc. Thân hình Ngài ngồi mập mạp, bụng phệ, miệng thì cười toe toét, với một gương mặt, ai nhìn vào cũng thấy Ngài rất hoan hỷ. Có tượng, người ta còn cụ thể hóa ra có sáu đứa con nít, cỡi trên thân hình Ngài. Đứa thì móc mắt, đứa thì móc tai, đứa thì chọc tay vô miệng v.v... Đó cũng là một biểu trưng rất lý thú. Sáu đứa con nít là tượng trưng cho sáu căn: mắt, tai, mũi lưỡi, thân và ý của mỗi người chúng ta.

Khi còn là phàm phu như chúng ta, thì sáu căn này, cũng chính là sáu giặc. Hằng ngày, chúng ta bị chúng nó khuấy nhiễu luôn luôn, không lúc nào yên cả. Vì sao? Vì tâm ta luôn bị dính mắc với sáu trần, rồi theo đó mà tạo nghiệp bất thiện. Đã có tạo nghiệp bất thiện, tất nhiên là phải có thọ khổ. Bởi thế, lòng ta luôn luôn bất an. Lý do bất an, vì ta thiếu tu hạnh hỷ xả như Ngài. Cái gì cũng bám víu chấp chặt cả. Như thế, thì thử hỏi làm sao tâm ta an vui như Ngài được? Muốn có được một niềm vui an ổn thoải mái như Ngài, thì ta nên tập tu theo hạnh hỷ xả của Ngài. Cho nên, mỗi khi chúng ta đánh lễ Ngài phải nhớ đến hạnh tu của Ngài. Từ đó, ta cố gắng áp dụng vào đời sống hằng ngày. Có thế, thì việc đánh lễ Ngài mới thực sự có lợi ích. Cho nên hôm nay mọi người chiêm ngưỡng hình tượng Ngài, ai nấy đều cảm thấy có một niềm vui mát dịu trong lòng.

Đức Di Lạc ngồi trơ bụng đá

Bao bụi trần bám đã rồi rơi

Mặc cho thế sự đầy vơi

Dững dưng như một nụ cười an nhiên.

Còn tượng Hộ Pháp mà ta nhìn thấy, xem tướng mạo của Ngài thấy có vẻ hung tợn dữ dằn, chắc là ta sanh nghi. Tại sao trong chùa mà thờ tượng dữ dằn như thế? Làm sao ta dám đánh lễ Ngài? Xin thưa, đó cũng là một tượng mang ý nghĩa tượng trưng. Tên của vị Hộ Pháp này, là Vi Đà. Xin đừng lầm lẫn đức Phật Di Đà. Vi Đà, tiếng Phạn là Skanda, Pali: Khanda. Ngài này có rất nhiều tên gọi khác nhau. Người ta hay gọi là Vi Đà Thiên Vương. Theo Kinh điển ghi lại, Ngài vốn là vị thần của Bà la môn giáo, cũng vốn là vị chiến thần, có sáu đầu mười hai tay, tay cầm cung tên, cỡi chim khổng tước.

“Việc sùng bái vị thần này đầu tiên lưu hành ở Nam Ấn Độ, sau thế kỷ V truyền đến Bắc Ấn Độ, được Phật giáo Đại Thừa tiếp thu và biến thành vị thần giữ gìn già lam (chùa), là 1 trong 8 vị tướng quân của trời Tăng Trưởng ở phương Nam, đứng đầu 32 vị tướng quân dưới Tứ thiên vương. Vị thần này sanh ra đã thông minh, sớm lìa ngũ dục thế gian, tu phạm hạnh đồng chơn thanh tịnh, được đức Phật phó chúc trấn giữ 3 châu: Đông thắng thần châu, Tây ngưu hóa châu và Nam thiệm bộ châu. Tương truyền, khi đức Phật Niết bàn thì Tộc Tật quý đã trộm lấy một chiếc răng Phật, Vi đà thiên bèn cấp tốc đuổi theo lấy lại. Về hình tượng này, Vi đà thiên thân mặc kim giáp, đầu đội mũ trụ, 2 tay nâng thanh kiếm báu. Hầu hết các chùa ở Trung Quốc, kể từ sau khi Luật sư Đạo Tuyên thời sơ Đường cảm được hình tượng Vi đà thiên thì già lam ở các nơi đều có lập tượng để thờ”.⁸

Vào bên trong, thì có Tỳ Hộ Điện. Điện này còn gọi là Lô Âm Bảo Điện. Chùa đã trùng tu vào năm thứ 18, đời Thanh, Khang Hy. Tổng diện tích là 25.3, chiều sâu 18.7. Chùa có nhiều gian nhà hai bên. Trong Điện có tám biển 4 chữ: “*Hương Lâm Ngọc Minh*”, do vua Càn Long sắc tặng. Ở hai bên có hai vị đứng hầu: Đại Phạm Thiên Vương và Đế Thích Thiên Vương. Đa số các chùa ở đây đều có điện Tứ thiên vương. Tứ thiên vương là ai? Người đời quen gọi là Tứ Đại Kim Cang, cũng gọi là Hộ Quốc Thiên Vương. Trong Kinh nói, bốn vị này ở bốn nơi lưng chừng núi Tu Di. Thuộc về một trong 6 cõi trời dục, nghĩa là: Tứ thiên vương, Đạo lợi thiên, Dạ ma thiên, Đâu suất thiên, Hóa lạc thiên và Tha hóa tự tại thiên. Mỗi vị này trấn ở

mỗi phương cai trị. Ở phương Đông thì có Thiên Vương Đa La Đà (Trì Quốc Chủ). Ở phương Nam, thì có Tỳ Lưu Ly (Tăng Trường Chủ). Ở phương Tây, thì có Tỳ Lưu Bạt (Quảng Mục Chủ). Ở phương Bắc, thì có Thiên Vương Tỳ Sa Môn (Đa Văn Chủ).

Những vị này tay cầm pháp khí phát nguyện ủng hộ chốn già lam, tòi tà phụ chánh, khác với các vị thần thường mà nhơn gian thường hay thờ cúng. Chùa là nơi tôn nghiêm thanh tịnh, nên các vị Hộ Pháp đã phát nguyện bảo vệ. Nếu kẻ nào ngang tàng phá phách, thì sẽ bị các Ngài trừng phạt.

Điều này là chuyện có thật chứ không phải là đe dọa. Đối với chư Phật, Bồ tát thì các Ngài đầy lòng từ bi, dù ai đó có ác tâm muốn phá hoại chùa chiền, các Ngài cũng vẫn thương xót tìm phương hóa độ họ, cho họ hồi tâm tỉnh thức mà cải tà quy chánh. Ngược lại, đối với các vị Hộ Pháp, các Ngài không có từ bi như thế. Kẻ nào chọc đến oai phong các Ngài, khi các Ngài nổi trận lôi đình, thì kẻ đó khó lòng thoát khỏi sự trừng phạt của các Ngài.

Năm đã lâu, một buổi tối, sau giờ tụng kinh, tôi nấu nước pha trà cho thầy tôi, xong rồi, thầy tôi bảo tôi và một vài huynh đệ ngồi xuống, để nghe thầy tôi kể một câu chuyện về những kẻ ngang tàng phá phách chùa chiền hủy hoại tượng Phật bị Hộ Pháp nổi giận trừng phạt họ. Thầy tôi sợ chúng tôi nghi ngờ câu chuyện hoang đường, nên thầy nhấn mạnh đây là câu chuyện có thật. Câu chuyện là: “Huyện trưởng Họ Vương hủy tượng Phật, thần Hộ Pháp nổi cơn lôi đình”. Đây là câu chuyện xảy ra ở Trung Quốc. Sau khi uống xong chung trà nóng, thầy tôi rót tiếp một chung khác, vừa rót vừa kể cho chúng tôi nghe.

Thầy nói: Vào khoảng năm Chính Đức Triều Minh, có một ông Quan huyện họ Vương ở huyện Giang Âm, ông là một con người tánh tình nóng nảy thô bạo. Do tánh ngang bướng, nên ông không bao giờ tin tưởng trời Phật. Một hôm, có chuyện ông bèn ra lệnh triệu tập các quan viên dưới quyền ông đến để bàn việc, nhưng không ai đến cả. Ông hậm hực bực tức lắm. Lý do, các vị này không đến, là vì hôm đó ở chùa Quán Âm gần đây, người ta có tổ chức Pháp hội Quán Âm. Mọi người đến dự rất đông. Tin đồn là ở trong chùa đó, có một bức Tượng Quán Âm bằng gỗ trầm hương linh thiêng lắm. Bởi có đó, nên các ông quan viên chức này muốn biết sự linh thiêng như thế nào, nên cùng nhau kéo đến để xem.

Chuyện đó tới tai ông Huyện, ông bèn nổi xung thiên lên, liền đi đến chùa phá phách đốt tượng Phật, Bồ Tát. Vì ông ỷ vào quyền lực, nên hành

động tàn bạo như vậy. Mọi người nhìn thấy ông nổi giận hành hung như cọp dữ, không một ai dám thốt ra lời. Họ nhìn thấy rất đau lòng! Thế rồi, thời gian trôi qua không lâu, cách vài hôm sau, ông đang làm việc tại công sở của ông, bỗng nhiên ông thấy ngực ông đau nhói, rất là khó chịu. Ông rên la rất là thảm thiết. Ông đâm vào ngực, nhào lặn lộn, người ta đem thuốc gì cho ông uống cũng đều vô hiệu quả. Không cách nào làm giảm được cơn đau của ông. Các thầy thuốc giỏi cũng đều bó tay. Bảy giờ, ông trực nhớ lại hành động của mình do đốt phá tượng Phật Quán Âm mà nay phải bị trừng phạt như thế. Ông bèn sai người nhà đi thỉnh một vị cao tăng đến làm lễ để ông xin ăn năn sám hối. Thầy đó giải thích: ông đã chọc giận các vị Hộ Pháp rồi, nên các Ngài muốn cho ông biết cái quả báo hiện tiền đó thôi! Từ đó, bệnh ông càng ngày càng nặng thêm, dù ông đã hết lòng chạy chữa. Không bao lâu ông nhắm mắt lìa đời trong một cơn bệnh hoành hành ác liệt.

Kể đến đây, trông gương mặt thầy tôi lộ vẻ đăm chiêu rất buồn! Thầy buồn, vì trên đời sao có kẻ lòng dạ quá hiểm độc hung ác, làm tôi mọi cho tham sân si, vì một giây phút nóng giận không kiềm chế được, mà kết quả phải lãnh lấy một cái quả báo quá đau thương khổ sở như thế! Đây là do các vị Hộ Pháp trừng phạt kẻ ác. Thầy tôi ngừng lại trong giây phút, từ từ hớp một hớp trà rồi nhìn thẳng vào mặt chúng tôi nói tiếp: “Ồ đời có lắm kẻ ngang bướng chẳng biết trời Phật là gì, cho nên họ làm càng không sợ tội lỗi, đến khi trả quả, dù họ có ăn năn cải hối thì cũng đã muộn màng rồi. Cho nên trong kinh thường nói: “Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả” là vậy. Thầy tôi còn dạy thêm: “Ở trong chùa mấy chú phải cẩn thận. Phật, Bồ Tát thì thương mấy chú rồi đó, nhưng đối với các vị Long Thần Hộ Pháp, các Ngài không nể nang thương xót các chú đâu. Nếu như các chú làm những điều sai quấy xấn bậy tổn hại đến ngôi già lam, thì các chú sẽ bị các Ngài trừng phạt. Chừng đó đừng có than van trách móc. Các chú phải hết sức cẩn trọng. Vì đó là nhiệm vụ của các Ngài”. Lời kể chuyện và nhắc nhở của thầy tôi năm nào, giờ đây như đã hiện rõ trong tâm trí tôi. Nhớ lại câu chuyện xưa, tôi nghĩ đến, sở dĩ đạo pháp được trường tồn mãi trên thế gian này, phần lớn cũng nhờ các Ngài Hộ Pháp luôn luôn ủng hộ.

Trở lại ngôi chùa Bích Sơn, nhìn lên trên trần của điện thấy toàn là những tấm gỗ từng miếng lớn ráp lại, trong mỗi tấm gỗ đều có chạm những hình con rồng và con phụng, trông rất sắc xảo tuyệt đẹp. Không phải chỉ riêng chùa này mà đại đa số các ngôi chùa ở núi Ngũ Đài Sơn, trên trần của các ngôi Bảo Điện đều là như thế.

10. Tập Phước Tự

Kế tiếp, đoàn đến tham quan chiêm bái chùa Tập Phước, hay còn gọi là chùa Hồng Tuyền. Ngôi bảo tự này hiện là của chư Ni đang ở, và những vị này là người Hoa mà họ tu theo Phật giáo Tây Tạng. Chùa được sáng lập vào triều đại nhà Thanh, Đạo Quang năm 1821 - 1850. Chùa cũng có nhiều điện thờ khác nhau: Thiên Vương Điện, Đại Hùng Bảo Điện và Văn Thù Điện. Hai bên Điện, có nhiều gian phòng: thiên phòng, tăng phòng, ngũ quán đường ...

---o0o---

11. Thù Tượng Tự

Tiếp theo, đoàn đi đến chùa Thù Tượng. Chùa này sở dĩ có tên như thế là vì trong ngôi Bảo điện chánh có thờ tượng của Bồ Tát Văn Thù thật to lớn. Do đó mà người ta đặt tên là Thù Tượng. Tượng Bồ Tát Văn Thù ngồi trên con sư tử cao 9 mét, có hai vị Hộ Pháp đứng hầu hai bên, trông thật oai vệ. Chùa này cũng như những ngôi chùa khác đã được trùng tu nhiều lần. Chung quanh vách tường có rất nhiều vị Phật nhỏ được tạc đắp thật tuyệt mỹ tinh xảo. Phải nói, đây là một công trình nghệ thuật điêu khắc trác tuyệt. Đa số du khách thập phương khi vào điện Văn Thù, chiêm ngưỡng không muốn rời khỏi, ai này đều chắc lưỡi trầm trồ khen ngợi, họ chỉ nói gọn một câu: *"Thật là một kỳ công tuyệt hảo"*.

Chiêm bái xong, đoàn vào nhà hàng Phúc Duyên cũng trong khuôn viên của ngôi chùa này để dùng cơm chiều. Ăn xong, đoàn trở về khách sạn vào lúc 7 giờ tối.

Ngày 7, tức ngày 15/9/04

---o0o---

12. Kim Các Tự

Hôm nay, đoàn rời khách sạn Ngũ Phong vào lúc 8 giờ 40 sáng, để đi Thái Nguyên. Trên đường đi Thái Nguyên, đoàn ghé thăm chùa Kim Các. Đoàn đến nơi này, tôi nhìn đồng hồ tay là đúng 9 giờ sáng. Chùa này, được sử ghi lại như sau: "Chùa ở phía Tây bắc Nam Đài, là một trong những ngôi chùa nổi tiếng ở núi Ngũ Đài. Chùa này, do ngài Đạo Nghĩa sáng lập vào năm 736 đời Đường. Không bao lâu vua Đại Tông ban sắc lệnh cho ngài

Đạo Hoàn ở Trạch Châu khởi công xây dựng qui mô. Bảy giờ, ngài Bất Không chùa Đại Hưng Thiện cũng giúp sức trong việc xây cất, đến năm 767 mới hoàn thành, vua Đại Tông sắc thỉnh ngài Bất Không làm đạo tràng truyền bá Mật giáo. Năm 770, chùa mới đổi tên là chùa Kim Các, vì dùng ngói bằng đồng mạ vàng để lợp Phật các”. (điện thờ Phật).

“Phần lớn các công trình kiến trúc trong chùa hiện nay như Đại điện, giảng đường ...đều được xây sau đời Thanh. Trong chùa có tượng Lý Dục (vua Đại Tông), tuy được người đời sau tu bổ lại, nhưng vẫn không mất phong cách đời Đường. Cách sắp đặt trong chùa dù qua mấy lần trùng tu vẫn lấy Quán Âm Các làm trung tâm. Trước tam quan có cặp sư tử bằng đá dáng vẻ rất oai hùng, trong chùa có gác thờ cao 2 tầng, dài 7 gian, rộng 6 gian, hành lang bao quanh 4 phía, bên trong thờ tượng đức Quán Âm bằng đồng cao 17m, có 24 vị trời đứng hầu hai bên. Sau gác có điện Tỳ Lô, điện Di Đà, điện Quán Âm, điện Địa Tạng, điện Bồ tát, điện Dược Vương, có hơn một ngàn tôn tượng lớn nhỏ được đắp khắp nơi ở trên trần, cuối cùng là Đại Hùng Bảo Điện.”⁹

Vị trụ trì chùa này là Hòa Thượng Quảng Tế. Ngài trụ trì ở đây, tính đến nay (2004) là 24 năm, tức là ngài bắt đầu đến đây vào năm 1980. Theo lời ngài kể lại, thì ngôi chùa bị phá hoại toàn bộ vào những năm văn hóa cách mạng. Ngôi chùa hôm nay được khang trang như thế này, chính do ngài đứng ra chủ xướng trùng tu. Ngài rất hiền từ, có phong cách đạo hạnh, rất dễ cảm mến. Khi đoàn đến, ngài nắm tay Hòa Thượng dìu đi giới thiệu khắp nơi trong chùa. Ngài rất ít nói. Khi chúng tôi từ giả ra đi, ngài tiễn đưa Hòa Thượng và phái đoàn xuống tận bãi đậu xe, dù khi ấy trời đang mưa lâm râm. Thật là một cung cách đáng kính và rất lịch sự. Thấy vậy, anh hướng dẫn viên cứ lập đi lập lại câu: “Chưa thấy ai như ngài, đứng ngoài mưa đầu trần để chờ đợi phái đoàn lên xe hết, xe chạy đi một đôi rồi ngài mới quỳ quả trở lên chùa”.

Sau khi thăm viếng và mục kích cảnh tượng ấy, tôi cảm hứng sáng tác những vần thơ đề nói lên cảnh trí và sự thờ phượng của ngôi chùa cũng như khen ngợi cung cách tiếp đón nồng hậu của vị trụ trì chùa này đối với Hòa Thượng Trưởng phái đoàn và những vị trong đoàn.

Kim Các

Ngũ Đài từ giả sáng nay

Hơn ngày chiêm bái giờ đây giả từ.

*Bao nhiêu cảm niệm tâm tư
Ước mơ thành tựu giả từ luyện lưu
Ngũ Đài Đại Trí Văn Thù
Ứng thân thị hiện hóa du độ đời
Huệ quang phổ chiếu sáng ngời
Vạn duyên bất trụ thành thoi an nhàn
Ghé chùa Kim Các tham quan
Đoàn người từng bước nấc thang lên chùa
Dù cho trọng tuổi già nua
Quyết lòng cất bước chẳng thua ai nào
Quán Âm Điện bấu bước vào
Cùng nhau đánh lễ dạt dào bi tâm
Quán Âm tượng Thánh cao thâm
Hơn mười bảy thước quá tầm chiều cao
Ba mươi hai tay trước sau
Thân Ngài to lớn một màu vàng kim
Bồ tát thế đứng trang nghiêm
Thật chưa từng thấy khó tìm đâu ra
Phía sau chánh điện Thích Ca
Tôn thờ Tam Thế Di Đà Dược Sư
Tam Tôn Thánh Tượng Đại Từ*

Chúng sanh độ tận Vô Du Niết Bàn
Năm trăm La Hán nghiêm trang
Trên không hầu cận đạo tràng nghe Kinh
Phật tâm sẵn có hữu tình
Kể bên Hóa cảnh Phật nghìn bái tham
Khen ai khéo tạo đắp làm
Ai vào chiêm bái cũng ham Phật vàng
Hóa thân biểu tượng số ngàn
Chúng sanh sẵn có Phật toàn nơi ta
Kể bên lại có tòa nhà
Hoa tạng hải hội thật là nghiêm trang
Nơi đâu tâm thể bình an
Nơi đó ta có Phật vàng hiện ra
Hòa Thượng Quảng Tế thật là
Bậc thầy đạo hạnh đúng là chân tu
Bao năm cực khổ trùng tu
Khang trang Phật tự hiển ngu độ đời
Nêu cao bản nguyện sáng ngời
Giả từ Kim Các ta thời không quên
Công Thầy tạo dựng mới nên
Ngày nay ta đến để lên cúng dường...

---o0o---

13. Tôn Thắng Tự

Giả từ Kim Các lên đường

Ghé chùa Tôn Thắng cúng dường viếng thăm

Một trong Bảo tự tiếng tăm

Trải bao sương gió ngàn năm vẫn còn.

Ngôi chùa thứ hai mà đoàn viếng thăm là chùa Tôn Thắng. Hôm nay trời mưa lâm râm gần như suốt cả ngày. Khi đoàn vào bên trong sân chùa liền gặp thầy Trụ trì. Thầy trụ trì tiếp đón Hòa Thượng và phái đoàn đứng nói chuyện giới thiệu ở trước sân chùa. Chùa được sáng lập trước đời Tùy, đến nay đã trải qua hơn một ngàn ba trăm tám mươi năm. Chùa đã được trùng tu nhiều lần. Nhứt là ở vào hai thời đại Minh và Thanh. Khuôn viên chùa khá rộng lớn, có một diện tích là 32.300 mét vuông. Vị trụ trì hiện nay là Hòa Thượng Từ Thánh.

Lúc đó, trời vẫn còn mưa lâm râm, chú Phước Từ đứng bên che dù cho Hòa Thượng. Mọi người khác đều đứng chung quanh để nghe thầy trụ trì giới thiệu vài nét đại khái về quá trình kiến tạo ngôi chùa. Bây giờ, trong người tôi không mấy khỏe, đứng ngoài mưa sợ bệnh, tôi đi vào mái hiên chùa núp mưa, nên tôi không ghi được những gì mà thầy trụ trì nói. Tôi không hiểu lý do tại sao mà ngài không mời Hòa Thượng và đoàn vào trong chùa để ngài giới thiệu. Không biết ngài cố ý hay vô tình mà để mọi người đứng ngoài trời dưới những hạt mưa rơi lâm râm lất phất. Thật là cách tiếp đón phái đoàn, trong đó có Hòa Thượng, của ngài một cách thật khó hiểu.

Dù vậy, Hòa Thượng và mọi người trong đoàn vẫn kiên nhẫn đứng nghe thầy trụ trì nói chuyện. Sau đó, có một chú thanh niên trẻ trong chùa hướng dẫn đoàn đi qua từng điện Phật, Bồ Tát để chiêm bái. Cứ mỗi điện, vị đó giới thiệu sơ qua và chú còn chỉ dạy cho đoàn cách lạy Phật. Phải lạy như thế nào mới đúng cách.

Sau khi tham quan xong, đoàn xin phép lễ bái. Có một điều buồn cười, là đến một điện Phật, trước điện có một cái lò hương thật lớn, họ bảo đoàn, nên mua nhang lớn để đốt, theo họ, như thế mới được phước lớn. Tôi thấy, những cây nhang có nhiều cỡ: Nhứt, nhì, ba... Họ bọc giấy kiếng cứ 3

cây vào một bó. Nhang hạng nhứt thật to. Tôi không nhớ rõ giá tiền bao nhiêu, hình như 200 đồng tiền Trung Quốc cho 3 cây nhang hạng nhứt là phải. Trong tinh thần đáo xứ tùy nhờn, ngộ giang tùy khúc, hay nói theo Phật giáo là: “tùy duyên bất biến”, nên Hòa Thượng kêu đạo hữu Tâm Quang mua 3 cây nhang hạng nhì và chính tay Hòa Thượng thắp hương cầu nguyện. Dĩ nhiên, việc thắp hương dâng cúng Phật, là một điều rất quen thuộc và rất tốt đối với người Phật tử Việt Nam, nhưng có điều, ở đây họ bắt buộc phải mua. Đó là điều hơi lạ đối với đoàn. Điều này, mọi người trong đoàn đều biết.

Sau khi lễ bái xong, đoàn đi thẳng đến Thái Nguyên. Trên đường xe chạy đến Thái Nguyên, trong xe có người vì quá mệt mỏi, nên ngủ gà ngủ gật, còn có người thì ngắm cảnh làm thơ, sáng tác được bài thơ nào, thì liền đọc lên cho mọi người nghe. Có những câu thơ đọc lên mọi người không thể nín cười được. Thật là vui nhộn. Nhờ vậy mà mọi người không cảm thấy mệt mỏi. Mãi theo dõi ghi lại, nên tôi cũng không thể chợp mắt được.

---o0o---

IV. Thái Nguyên

Vài nét về thành phố Thái Nguyên

Đoàn đến Thái Nguyên vào lúc 6 giờ chiều. Thái Nguyên là một thủ phủ của tỉnh Sơn Tây. Theo lịch sử ghi lại, Thái Nguyên là một cố đô do Triệu Giản Tử xây dựng vào khoảng năm 500 trước Công Nguyên, tên là Tân Dương. Đến thời nhà Tần đổi danh xưng là Thái Nguyên. Thành phố này còn gọi là thành phố “Long Thành”, vì có nhiều vua chúa đến đây tham quan. Thành phố này đã có nhiều sự thay đổi qua mỗi thời đại. Thái Nguyên là một thành phố đã từng chịu nhiều thiên tai ách nạn, nhứt là những trận lũ lụt vào những năm 453 TCN, 969, và bị chiến tranh tàn phá vào năm 1125.

Năm 1516, vào thời đại nhà Minh tường thành Thái Nguyên đã được xây dựng lại. Thành phố Thái Nguyên có một diện tích rất rộng. Tổng số diện tích có hơn 6 ngàn cây số vuông. Dân số có khoảng 2,93 triệu người. Thái Nguyên có những thắng tích hấp dẫn lôi cuốn khách du lịch gồm có những nơi: Thánh Mẫu điện, Tân Từ, chùa Song Tháp, chùa Sùng Thiên, núi Thiên Long, núi Quạt Vi và viện bảo tàng Sơn Tây.

Chùa Song Tháp

Đoàn vào tham quan chùa Song Tháp hay còn gọi là Vĩnh Tắc. Chùa này kiến tạo vào năm 1.559, thời nhà Minh năm thứ 27 đời vua Vạn Lịch, do hai học sĩ Xương văn Phong và Hưng Văn Vận được triều đình bổ nhiệm tới đây để khai hóa. Từ đó, nơi đây mới có sự phát triển và ngôi chùa này cũng từ đó mà được xây dựng. Đoàn tới nơi đây là vào lúc 6 giờ 10 phút. Hôm nay, sau khi dùng cơm chiều, đoàn phải rời nhanh để đi Thành Đô. Do đó, mà đoàn vào tham quan rồi trở ra rất nhanh. Trước khi đến Thành Đô, đoàn ăn cơm ở nhà hàng Tân Kỳ Nguyên, tại trung tâm thành phố Thái Nguyên. Nhà hàng này có món ăn đặc biệt, đó là giám chua. Ăn xong vào lúc 7 giờ 40, đoàn ra phi trường để đi Thành Đô.

---o0o---

V. Thành Đô

Đoàn tới phi trường vào lúc 8 giờ 30 tối. Đúng 9 giờ 30 máy bay cất cánh. Đến nơi, vào lúc 11 giờ đêm, đã có 2 chiếc xe buýt chờ sẵn để đón phái đoàn về Thành Đô. Đêm nay đoàn sẽ ngủ tại khách sạn Tân Lương ở Thành Đô. Trên đường từ phi trường đến khách sạn Tân Lương, hướng dẫn viên tên là Vương Vũ (ở chiếc xe số 2 là chiếc xe mà chúng tôi đi, gồm có tất cả là 32 người). Anh giới thiệu đại khái về diện tích và dân số ở Thành Đô. Anh nói tiếng Hoa và anh Tiêu cũng là một hướng dẫn viên, anh này nói tiếng Việt và tiếng Hoa, như chúng tôi đã có giới thiệu qua.

Theo anh Vũ cho biết, Thành Đô là một thành phố khá rộng của tỉnh Tứ Xuyên, (Đặng Tiểu Bình sinh trưởng nơi đây) tổng diện tích là 2.300 cây số vuông và dân số khoảng 11 triệu người. Theo tài liệu: Du Lịch Trung Hoa của Hứa Hoàn, ông có nêu ra như sau: “Tứ Xuyên trước kia là đất Ba Thục, đất khởi nghiệp của Lưu Bang. Tứ Xuyên có nghĩa là 4 con sông, đó là sông Minh Dân, Gia Giang, Vũ Giang và Cẩm Giang, đều là phụ lưu của Trường Giang hay Dương Tử Giang. Tứ Xuyên là vùng rừng núi, cây cỏ xanh tốt quanh năm, nhiều tài nguyên, dược thảo. Khí hậu Tứ Xuyên ấm hơn Ninh Hạ, Cam Túc. Tứ Xuyên là một tỉnh rộng lớn ở phía tây Trung Hoa, thủ phủ là Thành Đô, cách Trùng Khánh 170 dặm. Thành Đô cũng là một thương cảng lớn nằm trên một phụ lưu sông Dương Tử, là một thành phố có lịch sử lâu dài, từ năm 400 trước kỷ nguyên.

Thời Đông Hán (25 - 250) Thành Đô nổi tiếng về gấm lụa nên được gọi là thủ đô gấm lụa. Thời Tam Quốc (220 - 265) Thành Đô là nơi bắt đầu con đường thương mại đi Tây Tạng, Miến Điện, Vân Nam. Thời Ngũ Đại

(Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy) Thành Đô được chọn làm Kinh Đô của Trung Quốc, là quê hương của Dương Quý Phi, Võ Tắc Thiên, Đỗ Phủ, Tư Mã Tương Như. Ở Lạc Sơn phía dưới Thành Đô có một tượng Phật tạc sâu vào núi, nằm bên bờ sông Minh Dân, khởi công từ năm 713 và hoàn tất năm 803, cao 71m”.

Được hỏi về số chùa ở nơi đây có tất cả là bao nhiêu, thì anh ta cho biết, có khoảng 20 ngôi chùa lớn nhỏ. Trong số các ngôi chùa đó, thì Bảo Quang tự là ngôi chùa nổi tiếng nhất trong toàn tỉnh. Vì trong chùa có thờ hai bảo vật quan trọng vô giá, đó là Xá Lợi và tóc của Phật. Đoàn về tới khách sạn Tân Lương khoảng 1 giờ 30 khuya, sau khi làm thủ tục nhận phòng và thu xếp hành lý phải mất hơn một tiếng đồng hồ. Đến khoảng gần 3 giờ, mọi người mới được chợp mắt để lấy sức đặng ngày mai lên đường đi tham quan tiếp.

Ngày 8, tức ngày 16/9/04

Hôm nay, ngày 16/9/04/ buổi sáng, khí trời rất tốt, nắng ấm, bầu trời quang đãng, nhiệt độ cao nhất là 26 độ. Phải nói, thời tiết hôm nay rất là lý tưởng cho việc đi tham quan chiêm bái một vài nơi thắng tích.

---o0o---

VI. Lạc Sơn

01. Đại Phật

Rời khách sạn Tân Lương vào lúc 9 giờ 25, đoàn ngồi xe buýt đi Lạc Sơn để chiêm bái Đại Phật. Lạc Sơn là một thành phố có hơn 10 ngàn cây số vuông, và dân số có trên 6 triệu người. Nơi đây, có rất nhiều đồi núi chập chùng. Đặc sản ở nơi đây là chuyên sản xuất: tơ lụa, nển trắng, và gỗ v.v... Chủ yếu đời sống của người dân ở đây là nhờ vào du lịch, công nghiệp và đường sông vận tải, nhất là đối với du lịch, nhờ có nhiều đoàn du lịch tới đây, dân chúng mở rộng thêm ngành thương mại, nên cũng dễ kiếm sống. Đồng thời, họ hợp doanh công tư với nước ngoài. Người hướng dẫn địa phương còn cho chúng tôi biết thêm, nơi đây còn là quê hương của nhà Đại Thi Hào thiên tài tuyệt tác Tô Đông Pha và Thiên Sư Phật Ấn.

Tô Đông Pha tên thật là Tô Thức (1037 - 1101). Cha ông là Tô Tuân. Ông thành công trên sự nghiệp văn chương, đã để lại cho đời khoảng 4 ngàn bài thơ và nhiều tác phẩm khác, nhưng ông lại lận đận trên con đường chánh trị.

Ông là người có thật tài, nên thường bị kẻ tiểu nhơn đồng nghiệp hãm hại. Khi nghe hướng dẫn viên nhắc đến tên hai ông, tôi nhớ đến một câu chuyện ly kỳ giữa hai nhà đại kiệt tác gia này. Do tài cao học rộng, Tô Đông Pha thường tỏ ra ngạo mạn, khinh người dưới mắt. Ông thường tự xưng là Phật tử. Ông với Thiền Sư Phật Ấn là đôi bạn chí thân. Nhà của ông và chùa của Thiền sư Phật Ấn, chỉ cách nhau một con sông Dương Tử.

Một hôm, nhà Đại Thi Hào họ Tô, đi thuyền sang thăm nhà sư Phật Ấn, nhưng khi đến nơi, thì không gặp bạn, nên ông viết vài chữ để lại có tánh cách trêu chọc bông đùa: *“Tô Đông Pha là một Phật tử vĩ đại mà dù có 8 ngọn gió (lợi, xuy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc) thổi cũng chẳng động được”*.

Phật Ấn về thấy thế, ngài mỉm cười và rồi viết một câu trên miếng giấy dó: *“Nhảm nhí! Những gì mà ông vừa viết chẳng hơn một phát rắm”* (hạ phong).

Xong rồi, Thiền sư sai đệ tử đem qua trả lại cho Tô Đông Pha. Sau khi xem qua, Đông Pha liền nổi trận lôi đình, không đành được cơn nóng giận, ông bèn sang chùa gặp Phật Ấn, ông la lên: *“Ông có quyền gì mà dám thóa mạ tôi bằng những lời lẽ vô lễ như vậy? Ông quen biết giao du với tôi lâu ngày mà ông không hiểu tánh tình của tôi, chả lẽ ông lại mù quáng đến thế sao? »*

Thiền sư Phật Ấn im lặng nhìn thẳng vào mặt họ Tô rồi mỉm cười ôn tồn nói: *“Tô Đông Pha một Phật tử vĩ đại bát phong thổi không lay động, không ngờ chỉ có một phát rắm cũng đủ thổi ông bay đến đây và với một thái độ giận dữ như vậy. Thật là đáng tiếc!”* Họ Tô nghe thế, giật mình tỉnh ngộ, biết là Phật Ấn thức tỉnh tánh tự cao tự đại của mình. Nhờ sự thức tỉnh đó mà về sau ông trở thành một người Phật tử chơn chánh hiền hòa hộ đạo.

Qua câu chuyện trên, tuy là một giai thoại ngắn gọn, nhưng nó chứa đựng một triết lý sống rất thâm trầm. Có đôi khi mình tự hào tài cao hiểu rộng, thông minh duệ trí, tu hành cao thâm, bình thường thì thấy như thế, nhưng khi đụng việc chỉ cần một ngọn gió Lợi hay Suy, hoặc Khen hay chê, cũng đủ thổi mình tróc gốc rồi, hay bay xa không biết tới đâu mà nói. Càng nghĩ thế, tôi lại càng thấy sự tu hành của mình, đối với sự giải thoát qua lời Phật dạy, thật chưa thấm vào đâu. Càng nghĩ, càng cảm thấy hổ thẹn vô cùng! Cho nên, ở đời mình không nên ngã mạn tự cao khinh thường kẻ khác.

Tôi lại nhớ thêm một câu chuyện khác cũng giữa hai nhà đại kiệt tác này. Tô Đông Pha lúc được triều đình đặc sủng, trọng dụng ông được thăng chức rất cao. Ông có bảy bà vợ. Ông muốn thử và trêu chọc Thiền Sư Phật Ấn, nên ông nói với Thiền Sư rằng, tôi có nhiều vợ, nếu ông cần bà nào, tôi sẵn sàng cho ông mượn bà đó. Thiền Sư Phật Ấn cũng không phải tay vừa, liền đáp ngay: “Ông cứ cho tôi mượn bất cứ bà nào cũng được. Tôi chỉ cần mượn qua đêm là tôi sẽ hoàn trả lại cho ông”. Tô Đông Pha bằng lòng, liền cho một bà đẹp nhứt trong số bảy bà vợ của ông sang chùa Phật Ấn. Tôi lại, Thiền Sư Phật Ấn bảo bà ta vào phòng nằm trên giường của ông. Ông không nói năng gì cả. Ông lui cui đích thân đốt bảy cái lò lửa, cái nào cái nấy lửa cháy ngùn ngụt, rồi ông bước qua, bước lại bảy cái lò lửa đó từ đầu hôm cho tới sáng.

Bà ta nhìn thấy cảnh tượng đó thật vô cùng kinh ngạc, không hiểu duyên cớ gì. Bà ta cũng thức nhìn ông cho tới sáng. Sáng lại, ông bảo bà ta về. Khi về nhà, Tô Đông Pha hỏi có sự đêm hôm qua Phật Ấn có làm gì không? Bà hãy thuật lại sự tình cho tôi nghe. Bà ta kể lại chuyện Phật Ấn đã làm như thế, mà chính bà suy nghĩ mãi cũng không biết lý do. Tô Đông Pha nghe qua, ông giật mình thức tỉnh ngay. Ông biết Phật Ấn đã dùng hành động đó để thức tỉnh ông. Hiện ông đang ở trên bảy cái lò lửa. Bảy cái lò lửa (ngâm ám chỉ bảy bà vợ của ông) này ngày đêm đốt cháy ông mà ông chẳng hề hay biết gì cả. Từ đó, ông cho các bà hầu thiếp trở về quê quán hết...

Người xưa, họ xử sự trong tình bạn với nhau sao mà hay đẹp quá thế! Họ có đủ trí huệ sáng suốt và nghị lực để giải quyết vấn đề một cách rất tốt đẹp. Họ khéo dung hợp giữa lý và tình. Nhưng lúc nào họ cũng đặt lý trí lên trên. Nhờ thế mà họ mau dứt khổ. Ngược lại, ta xử sự quá nặng tình cảm, theo hướng lèo lái của con tim thì thử hỏi làm sao không chuốc nhiều khổ lụy cho được? Một tình bạn, tình người và tình đạo giữa hai ông, thật là khó kiếm giữa một xã hội nhiều nhưng đầy hận thù, biến loạn như hiện nay. Nghĩ đến đây, bỗng tôi nghe người hướng dẫn nói lớn tiếng: đây là con sông Mạnh Giang. Muốn đến tượng Đại Phật, phải đi ngang qua cái cầu của con sông này.

Bảy giờ, tôi nhìn đồng hồ tay là đúng 11 giờ 35 phút. Qua khỏi cầu, xe chạy một đôi là đến bến tàu. Xe ngừng lại, mọi người xuống xe đi theo người hướng dẫn tiến đến chỗ mua vé. sau khi mua vé (toàn bộ mua vé thăm viếng các nơi đều do hướng dẫn viên mua lấy, vì đoàn đã bao hết toàn bộ rồi), tất cả đều xuống tàu. Chiếc tàu cũng không lớn lắm, có hai tầng, chở khoảng bảy chục người. Ở tầng dưới có vài cái ghế ngồi. Hòa Thượng và

mọi người trong đoàn đều lên tầng trên đứng để ngắm cảnh. Hòa Thượng ngồi ghế, còn tất cả chúng tôi đều đứng. Bây giờ, tôi xin kể sơ lược về tượng Phật vĩ đại này.

Sở dĩ gọi là Đại Phật, vì tượng Phật rất to lớn được tạc vào vách núi, vào khoảng thế kỷ thứ 8, ngó xuống chỗ hợp lưu của ba con sông. Đại tượng Phật này cao tới 71 thước và là một tượng Phật cao nhất nhì thế giới. Về nguyên do có ra tượng Phật khổng lồ này, theo truyền thuyết, xưa kia, nơi đây, là chỗ hợp lưu của ba con sông, người dân chuyên sống về nghề chài lưới đánh cá hay chết đuối nơi đây, vì nước xoáy mạnh ghe thuyền hay chìm đắm. Bởi do thảm cảnh tử vong đó, động lòng từ bi trắc ẩn của nhà tu hành, nên Hòa Thượng Hải Thông, mới đến đây và ngài phát đại nguyện tạo tạc tượng Phật để cầu nguyện cho dân chúng khỏi bị chết đuối. Nhưng khi ngài phát nguyện định khởi công làm, thì bị một chướng duyên thử thách khá nặng nề.

Sở là, các quan địa phương họ tìm cách làm khó dễ không cho ngài thực hiện ý định. Chỉ với một lý do đơn giản là họ muốn ngài phải đúc lót tiền bạc cho họ. Ngài bảo cho họ biết, tiền bạc thì ngài không có, ngài chỉ có cặp mắt này, nếu như các ông cần đến, thì tôi sẵn sàng hiến tặng cho. Nói xong, ngài móc đôi mắt đưa cho các ông quan đó. Những vị này thấy thế đều kinh hồn khiếp đảm, họ không còn dám đòi hỏi gì nữa. Họ để yên cho ngài thực hiện. Thật quả là một nghĩa cử hy sinh vị tha phi thường. Từ đó, ngài sống trong cảnh mù lòa. Ngài quyết định thực hiện cho kỳ được công trình tạc tượng Phật. Hành động nghĩa cử phi thường này, nếu không phải là Bồ Tát thứ thiệt, thì không một ai có thể làm được.

Qua câu chuyện này, tôi thiết nghĩ chung quanh cuộc sống của chúng ta có biết bao Bồ Tát hiện thân dưới mọi hình thức để làm lợi ích chúng sanh. Như vậy, chúng ta cũng không đến nỗi phải bi quan lạc lõng. Bên cạnh chúng ta còn có một bậc Thầy dù tuổi đời đã vượt quá bát tuần, mà vẫn bất chấp gian lao, hướng dẫn đoàn người đi trong nắng nóng gió mưa, chỉ mong sao đem lại nguồn an vui thanh thoát cho mọi người. Đừng tìm Bồ Tát ở đâu xa, mà hãy tìm ngay trong cuộc sống hiện tại. Cũng không có hạnh Bồ Tát nào xa ngoài chúng ta. Đoàn người đi hôm nay đã học được một bài học hy sinh qua hạnh nguyện vị tha vô bờ của một người xả thân vì đạo quá cao cả tuyệt vời. Được biết, thời gian từ khi khởi công tạo tượng Phật cho đến khi hoàn tất, phải trải qua 90 năm. Nhờ thế, mà từ đó cảnh chết đuối không còn xảy ra, cho nên người dân ở đây rất tin tưởng vào sự màu nhiệm của Phật Pháp.

Khi đoàn đến chiêm bái, chỉ đứng dưới tàu nhìn lên đánh lễ tượng Phật, chớ không có lên đến tận nơi, vì thời gian quá trưa, còn phải đi ăn trưa và chiều lại đi Nga Mi Sơn. Nơi đây, mọi người chụp rất nhiều bồi hình để kỷ niệm. Nhìn thấy tượng Phật và nhứt là quang cảnh chiêm bái nơi đây, cũng như qua truyền thuyết mà chúng tôi mới được nghe người địa phương kể lại, bất giác lòng chúng tôi dâng lên bao nỗi niềm chua xót xúc động. Do sự cảm xúc mãnh liệt đó, chúng tôi có làm hai bài thơ để kỷ niệm, và cũng để bày tỏ hết nỗi lòng xúc cảm sâu xa đối với tượng Phật cũng như biểu lộ chút lòng thành đối với những người bất hạnh bị chết đuối ở nơi đây. Bài thơ với danh đề là Đại Phật Cảm Tác như sau:

Đại Phật

*Lững lờ tàu chạy giữa con sông
Gió mát trời quang ngắm Phật hồng¹⁰
Đại Phật ngự cao trên vách núi
Dưới tàu ngược mắt ngưỡng vọng trông
Nhiều người chết đuối nơi sông vắng
Quyết chí vì dân tạo Phật hồng
Thử hỏi ai người nêu chí ấy?
Thưa rằng: Tăng sĩ Pháp Hải Thông.
Phật nhìn ngó xuống ngã ba sông
Cứu thoát người dân chết giữa dòng
Nỗi khổ Ta bà sao nói hết
Động lòng bi nguyện tạo Phật hồng
Duyên xưa đưa đến cùng chiêm ngưỡng
Đại Phật vách cao nguyện hết lòng
Nhớ đến người xưa công tạo dựng*

Chí thành bái phục Pháp Hải Thông.

Sau khi chiêm bái tượng Phật, đoàn đến nhà hàng Sơn Vịnh để dùng cơm trưa.

Nói đến nhà hàng ở đây, không có món nào là không có dầu. Không phải họ làm dầu ít mà là rất nhiều, nhiều đến nỗi nhìn thấy món ăn nào cũng mút rượt. Dĩ nhiên cả đoàn đều ăn chay. Thức ăn ở đây phần nhiều không mấy hấp khẩu vị. Nhứt là Hòa Thượng, trong mấy ngày qua bị cảm bệnh lại gặp thức ăn dầu quá nhiều thêm cay nữa, hầu như mười món là đã có hết bảy món họ hay để gia vị cay vào, như sả té chẳng hạn... Do đó, Hòa Thượng không ăn được, vì ngài không chịu nổi mùi cay. (Dầu và cay, gần như đây là tập quán của người Hoa, thiếu hai chất này họ không thể ăn ngon miệng.) Hòa Thượng thường ăn muối tiêu và nước tương cũng như một vài món ăn lật vặt khác mà không có dầu, do quý Phật tử trong đoàn đem theo. Những ngày qua, Hòa Thượng đã bị bệnh cảm. Tuy rằng, bị cảm cúm cũng khá nặng, nhưng xuyên qua chương trình hành hương chiêm bái các nơi, Hòa Thượng cũng quyết không bỏ một nơi nào.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin nói thêm về sức khỏe trong đoàn. Trong đoàn, có một, hai người trước khi đi đã vướng phải bệnh cảm cúm, trị chưa hết hẳn, nên khi qua đây vài ngày sau, nhứt là ngày ở Ngũ Đài Sơn, gặp cơn mưa dầm suốt ngày, hôm ấy cả đoàn tuy có mặc áo mưa, nhưng vì đi chiêm bái nhiều nơi, nên có người chưa thật hết gốc cảm, do đó, bị bệnh trở lại, như trường hợp Sư Cô Phước Nghiêm chẳng hạn.

Từ đó, bệnh bắt đầu lây lan hết người này đến người khác, gần như gần phân nửa đoàn. Thuốc trụ sinh mang theo có hạn, mà số người bị bệnh khá nhiều. Do đó, thuốc cạn, nên phải đi khám bệnh bác sĩ ở đây để xin toa mua thêm thuốc trụ sinh. Nhưng có điều lạ là ở đây mua thuốc trụ sinh không cần có toa bác sĩ. Nhờ vậy, mà đoàn mua được nhiều thuốc trụ sinh. Có lẽ, nhờ Phật lực gia hộ, nên hôm nay, mọi người đã vượt qua không còn bị lây nhiễm nữa. Tất cả đều mạnh khỏe trở lại bình thường. Có điều, tôi cũng xin thưa rõ bằng một sự thật. Tuy số người bị bệnh cảm sốt hoành hành đau nhức khá cao, nhưng không vì thế mà họ bỏ không đi chiêm bái các ngôi Đại Già Lam hay Thánh Tích, như trường hợp sư cô Phước Hỷ chẳng hạn. Tuy sư cô bị cơn sốt khá nặng, nhưng với một tinh thần quyết chí cao độ, quyết không bỏ lỡ cơ hội một ngày nào, dù nhiều người đã khuyên sư cô nên ở lại khách sạn để tịnh dưỡng, sư cô vẫn không chịu ở lại, quyết đi theo đoàn bất cứ nơi đâu.

Có lẽ, nhờ vào tinh thần dũng cảm cương quyết đó, mà sư cô đã khắc phục vượt qua cơn bệnh một cách dễ dàng. Điều đó, đủ nói lên tinh thần của đoàn hành hương chiêm bái Tứ Đại Danh Sơn kỳ đầu tiên cũng là lần cuối của đoàn (không phải cá nhân). Phải thành thật công nhận, mọi người đều nêu cao một ý chí, với một quyết tâm vững chắc và với một tinh thần đồng đội, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, nhờ đó mà đoàn đã khắc phục vượt qua mọi thử thách khó khăn, bệnh hoạn đau yếu v.v... Thật là đáng kính phục. Có nhiều vị trọng tuổi bị bệnh, mà vẫn cương quyết không hề chùn bước, như trường hợp cụ Đức Ngọc chẳng hạn. Nêu ra một vài vị điển hình như thế, để quý vị biết qua cái tinh thần dũng cảm quyết tâm chiêm bái của các vị đó đối với các vị Đại Bồ Tát như các Ngài: Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm và Địa Tạng như thế nào.

---o0o---

VII. Nga Mi Sơn

01. Báo Quốc Tự

Ăn xong, đoàn tiếp tục lên đường tham quan chiêm bái Nga Mi Sơn. Trên đường đi, đoàn ghé viếng thăm ngôi chùa Báo Quốc. Chùa ở chân núi Nga Mi thuộc tỉnh Tứ Xuyên. Nơi đây là cánh cửa của núi Nga Mi. Chùa được xây dựng vào đời Minh Thần Tông, khoảng năm 1573 - 1619 thuộc tự viện Thiên Tông. Chùa trước kia có tên là Hội Tông Đường, hay còn gọi là Hội Tông Phường. Đời Thanh khoảng năm 1662 - 1722 chùa được trùng tu và được đổi tên lại là Báo Quốc. Chùa có biển đề Báo Ân Tự do vua Khang Hy viết. Đoàn vào đến chùa là 2 giờ 20 chiều.

Chùa nằm trên đồi cao, trước khi vào trong chùa, ở ngoài cổng có tảng đá to, trên có khắc ba chữ màu vàng: "Nga Mi Sơn". Đối diện có hàng chữ: "Văn Hóa Di Sản Thế Giới Tự Nhiên". Như đa số các chùa khác, khi lên đến chùa, du khách phải đi lên nhiều bậc thang, thường là 108 bậc. Chùa gồm có các bảo điện như sau: Di Lạc Điện, Đại Hùng Bảo Điện, Thất Phật Điện và Tạng Kinh Lô. Chùa kiến trúc thật to lớn trông rất hùng vĩ. Tháp Phật đúc bằng đồng trước Điện Thất Phật cao bảy mét, nguyên là tháp Phật của chùa Thánh Tích là ngôi chùa đã hư vào đời Minh, trên tháp khắc hơn 4.700 tượng Phật và văn kinh toàn bộ Kinh Hoa Nghiêm, là một kiệt tác tinh xảo về nghệ thuật đúc tượng. Rất tiếc, khi đoàn đến, thì chư tăng và Phật tử chuẩn bị tụng kinh, nên đoàn chỉ đánh lễ Tam Bảo ba lạy thôi.

Chùa có một cảnh trí trang nghiêm hùng vĩ, có nhiều cây cổ thụ cành lá sum xuê mát mẻ, thật đúng tâm hồn của một ngôi đại già lam. Từ xa nhìn vào, phía sau có dãy núi ba tầng chạy dài như biểu hiện ba viên ngọc quý : Phật, Pháp và Tăng.

Báo Quốc cảm tác

Cảnh chùa Báo Quốc quá thâm nghiêm

Sương phủ núi bao hiện ẩn chìm

Rợp bóng cây che nhiều cổ thụ

Phật tòa đa điện chốn linh thiêng

Hồng trần lữ khách mau dừng bước

Bể tục sâu chìm lấm đảo điên

Cảnh vật ngàn vui tâm lắng động

Khách về bến giác hết nơi tìm.

---o0o---

02. Phục Hồ Tự

Rời chùa Báo Quốc, có một số người đi bộ qua chùa Phục Hồ, mất khoảng 20 phút. Hòa Thượng và một số quý thầy, quý sư cô đi xe. Tôi là một trong số những người đi bộ. Hai bên đường có vách núi và những tàn cây che mát xanh um. Chúng tôi đi bộ rất thích thú. Đến chùa, nhìn đồng hồ tay, còn thiếu mười phút nữa là đúng 5 giờ chiều. Đường vào chùa Phục Hồ đồi núi cây cối rất âm u. Từ lộ ngoài đi vào chùa, du khách phải bước lên rất nhiều bậc thang đá khá dài. Tuy không cao dốc như 108 bậc của một vài ngôi chùa khác, nhưng khi lên hết các bậc thang này, ai nấy cũng cảm thấy mệt mỏi. Đoàn đi đến nơi không đồng nhứt, có kẻ đến trước, người đến sau. “Chùa này do ngài Tâm An, vị tăng hành cước sáng lập vào đời Tống khoảng 1131 - 1162 TL.

Ban đầu chùa có tên là Thần Long Đường, sau nhân dùng phụ cận thường bị nạn cọp dữ phá hại chur tăng trong chùa bèn dựng cây phướn Tôn

Thắng để trấn áp, nên đổi tên là chùa Phục Hồ. Có thuyết nói, ngọn núi sau chùa như hình con cọp ngồi nên có tên ấy. Cuối đời Minh chùa bị hủy diệt vì nạn binh lửa. Đời Thanh năm 1651, kiến thiết tinh xá Hồ Khê hơn 10 năm mới xong. Toàn chùa tổng cộng có 13 dãy điện đường, đây là ngôi đại tùng lâm thứ nhì trong núi. Bên cạnh chùa có 4 chữ “Hồ Khê Thiên Lâm” do ông Trương Tam Phong viết. Trong chùa có tập thơ, tạc kinh của vua Khang Hy ban”.¹¹

Chùa này cũng có nhiều điện, chủ yếu là hai điện chánh, đó là điện thờ đức Phật Thích Ca và Bồ tát Phổ Hiền. Hai bên điện thờ Thập Bát La Hán. La Hán tiếng Phạn gọi là Arahāt. A La hán là quả vị tột cùng của ba quả vị: Tu đà hoàn, Tư đà hàm và A na hàm trong hàng Thanh Văn. Vị này đã dứt sạch kiến tư hoặc phiền não và không còn sanh tử nữa. Nên các Ngài còn gọi là Vô Sanh. Chữ A la hán gồm có ba nghĩa: sát tặc, vô sanh và ứng cúng. Sát tặc nghĩa là các Ngài đã diệt trừ hết “Kiến Tư” hoặc phiền não. Vô sanh như đã nói ở trên. Còn ứng cúng, những vị này đáng thọ lãnh thức ăn do trời người cúng dường. Ai là người họa ra các tượng này đầu tiên? Trong kinh có nói về Thập lục la hán, chứ không có thuyết Thập bát la hán. Người đầu tiên vẽ tượng Thập bát la hán là Ngài Trương Huyền và Quán Hưu sống ở vào thế kỷ thứ 10.

Về sau, Sa Môn Giác Phạm và Đại văn hào Tô Đông Pha đều có làm kệ tán dương Thập bát la hán. Ngoài Thập lục la hán, thì Khánh Hữu Tôn Giả là vị La hán thứ 17, Tân Đầu Lô Tôn Giả là vị La hán thứ 18. Trong thực tế, Khánh Hữu chính là Nan Đề Mật Đa La, người soạn Pháp Trụ Ký. Tân Đầu Lô chính là Tân Đầu Lô Phả La Đa, vị đầu tiên trong 16 vị La hán, vì không hiểu kinh điển và không thông tiếng Phạn mà lập thêm như thế. Nhưng từ đó mà Thập lục la hán dần dần phát triển thành Thập bát la hán.

Từ đời Nguyên về sau, trong đại điện của đa số tự viện đều có thờ Thập bát la hán, việc hội họa điêu khắc tượng La hán thông thường cũng lấy Thập bát la hán làm chính. Ngoài ra, còn có trường hợp thêm Ca Diếp Tôn Giả, Quân Đồ Bát Thán Tôn Giả thành 18 vị. Các vùng ở Tây Tạng có nơi thêm Ngài Đạt ma Đa la, Bồ Đại Hòa Thượng hoặc thêm hai Tôn Giả Hàng Long và Phục Hồ hoặc thêm hai vị Ma Gia Phu Nhân và Di Lặc. (Tự Điển Phật Học Huệ Quang)

Chùa này hiện giờ là chùa Ni.

Hòa Thượng hướng dẫn đoàn vào điện chánh lễ Phật. Xong rồi, đoàn rời khỏi nơi đây, đi nhà hàng dùng cơm và sau đó đến khách sạn nhận phòng ngủ.

---o0o---

03. Nga Mi Sơn

Ngày 9, tức ngày 17/9/04

Rời khỏi khách sạn lúc 8 giờ sáng để đi Nga Mi Sơn.

Sử liệu ghi lại: “Núi, cách phía Tây Nam huyện Nga Mi, tỉnh Tứ Xuyên, khoảng 7 cây số, là đạo tràng thuyết pháp của Bồ Tát Phổ Hiền. Phật giáo gọi là núi Quang Minh, Đạo giáo gọi là Hư Linh Động Thiên.

Mạch núi xuất phát từ Mân Sơn, chập chùng uốn lượn, như chiếc cầu vòng, dài hơn 180 cây số, chu vi từ 5 đến 6 cây số.

Hình thể núi ở xa nhìn hai dãy núi đối nhau như mây ngài, nên dân gian đặt tên núi là Nga Mi”. Từ thế kỷ thứ nhất, đời Đông Hán, ở Nga Mi Sơn đã có chùa chiền. Thuở khai sinh, Nga Mi Sơn là vùng của Đạo Giáo. Về sau Phật giáo phát triển ở Trung Quốc, nên cả Phật giáo và Đạo giáo đều song song tồn tại ở Nga Mi. Đến đời Đường - Tống, Đạo giáo suy dần, Phật giáo chiếm địa vị độc tôn. Đến đời Tùy - Đường, Nga Mi Sơn trở thành nơi tu luyện của Bồ Tát Phổ Hiền.

Nga Mi Sơn, nổi tiếng là nơi sản sinh môn phái võ thuật trứ danh, gọi là Nga Mi phái. Nga Mi phái là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa Phật giáo và Đạo giáo. Nghĩa là kết hợp phương pháp “Động cộng” của võ thuật Đạo giáo với tinh túy của phép tu thiền của Phật giáo. Nga Mi võ thuật đã sáng tạo ra phương pháp luyện công vừa động vừa tĩnh. Đến nay người ta còn giữ được nhiều tài liệu quý của đời Minh, luận về võ thuật phái Nga Mi”.¹²

Như mọi người đều biết, núi Nga Mi là trú xứ của Bồ Tát Phổ Hiền. Ngài đã hiện thân nơi đây một thời gian để giáo hóa chúng sanh. Thiết nghĩ, chúng ta cũng nên tìm hiểu sơ qua về hạnh nguyện của vị Bồ Tát này. Trong các Kinh điển đại thừa, rải rác đều có nói đến Bồ Tát Phổ Hiền, như là Kinh Hoa Nghiêm, có một phẩm nói riêng hạnh nguyện của Ngài. Trong quyển Thâm ý qua các hình tượng Phật và Bồ Tát, Hòa Thượng Thích Thanh Từ có viết: “Bồ Tát Phổ Hiền, tiếng Phạn gọi là Bodhisattva Visvabhadrha hoặc

Samantabhadra. Phổ Hiền có nghĩa là vị hiền rất gần bậc thánh hay giáo hóa khắp tất cả chỗ; khéo hay điều phục thuận thảo gọi là Phổ Hiền. Điều thiện vi diệu khắp tất cả chỗ gọi là Phổ Hiền.

Về tiền thân của Ngài, như trong Kinh Bi Hoa có nói: Thuở xưa, Ngài là con thứ tư của vua Vô Trách Niệm tên là Năng Độ. Do cúng dường đức Phật Bảo Tạng và phát nguyện độ sanh, nên Ngài được Phật thọ ký sau này tu hạnh Bồ Tát sẽ được tên là Kim Cương Trí Huệ Quang Minh Công Đức và sẽ thành Phật ở thế giới Bất Huyền Phương Đông hiệu là Phổ Hiền Như Lai.

Về hạnh nguyện của Ngài, Kinh Hoa Nghiêm có nêu rõ mười hạnh nguyện lớn của Ngài. Mười hạnh nguyện này, chúng ta hay tụng đọc trong hai thời khóa tụng tối và khuya. Mười hạnh nguyện, từ hạnh nguyện thứ nhất là: Lễ kính chư Phật cho đến hạnh nguyện thứ mười là Hồi hướng khắp hết.

Lại như trong Hội Lăng Nghiêm, Phật hỏi về căn viên thông, Ngài thuật: ‘Con đã từng làm con các vị Pháp Vương nhiều như số cát sông Hằng, chư Phật mười phương dạy đệ tử có căn Bồ tát đều tu hạnh Phổ Hiền, là do con mà đặt tên. Bạch Thế Tôn! Con dùng tâm nghe và phân biệt những hiểu biết của chúng sanh, nếu ở phương khác ngoài số thế giới như cát sông Hằng, có một chúng sanh trong tâm phát minh hạnh Phổ Hiền, khi ấy con cỡi voi trắng 6 ngàn phân thân trăm ngàn đến khắp các chỗ kia. Dù người kia bị nghiệp chướng sâu nặng chưa thấy được con, con ở trong tối xoa đầu, an ủi ủng hộ, khiến người kia được thành tựu...’

Về biểu tượng của Ngài, ta thấy ở tượng thờ Thích Ca Tam Tôn, thì Ngài hầu bên tả đức Phật Thích Ca, Bồ Tát Văn Thù hầu bên hữu. Nếu như thờ riêng mình Ngài, thì ta thường thấy tượng Ngài với hình thức người cư sĩ, cỡi voi trắng sáu ngà, hai tay chấp lại.

Về thâm ý, thì Ngài tượng trưng cho chơn lý, Văn Thù tượng trưng cho chơn trí, lý trí dung thông. Hoặc Ngài tượng trưng cho Tam muội, Văn Thù tượng trưng cho Bát nhã. Hoặc Ngài tượng trưng cho hạnh, Văn Thù tượng trưng cho giải, hạnh giải viên dung. Hoặc Ngài tượng trưng cho từ bi, Văn Thù tượng trưng cho trí tuệ. Đức Phật dùng chơn trí thâm đạt chơn lý, vì thế biểu thị hai vị Bồ tát phụ tá hai bên. Đức Phật Bi Trí viên mãn, nên hai Ngài thường có mặt bên trái, bên phải đức Phật.

Riêng tượng Bồ tát Phổ Hiền ngồi trên voi trắng sáu ngà để biểu thị hạnh nguyện rộng lớn. Trong các loài thú, về sức mạnh chuyên chở, con voi là mạnh hơn cả. Nó hay chuyên chở người và vật từ chỗ này đến chỗ khác. Bồ tát Phổ Hiền cũng thế, dùng đại hạnh hóa độ chúng sanh, đưa họ từ bờ mê đến bến giác. Lại, con voi ấy trắng có 6 ngà, biểu thị Bồ tát tuy còn lăn lộn trong trần để hóa độ chúng sanh, mà nghiệp chướng đã trong sạch. Sáu ngà là tượng trưng cho Lục độ”¹³

Tóm lại, chúng ta mỗi khi đánh lễ Ngài phải luôn tâm niệm về hạnh nguyện độ sanh rộng lớn của Ngài, mà chúng ta cố gắng tập tành làm theo công hạnh đó. Có thể, thì ta mới thực sự kính lễ Ngài. Bây giờ, chúng ta có thể thông thả bước lên núi để chiêm bái hình tượng của Ngài.

Trước khi lên đỉnh Nga Mi, đoàn phải dừng lại dưới chân đỉnh để mua vé. Đến chỗ mua vé là 9 giờ 15 phút. Theo anh Tiêu cho biết, Giá vé cho mỗi người là 120 đồng (tiền Trung Quốc) Mua vé xong, đoàn tiến hành lên đỉnh. Đường đi từ Lạc Sơn đến Nga Mi thật khó đi, đường thì nhỏ hẹp, lại thêm ngoằn ngoèo quanh co, nên xe buýt lớn đi không được. Hôm đó, đoàn đi bằng ba chiếc xe nhỏ: 2 chiếc có 26 chỗ ngồi, còn một chiếc có 17 chỗ ngồi. Xe chạy thật chậm và vì quanh co, nên mọi người ngồi bị lắc qua nghiêng lại, có nhiều người không quen cảm thấy rất khó chịu, đôi khi còn bị nôn ói.

Đến nơi, xe đậu ở dưới chân núi, còn mọi người thì đứng sắp hàng để chuẩn bị đi cáp treo. Đoàn đứng chờ đợi cả hơn tiếng đồng hồ, vì có nhiều đoàn du lịch khác cũng đến nơi đây. Trong khi chờ đợi, mọi người tha hồ nói chuyện. Họ nói huyền thuyên, không câu chuyện nào đâu vào đâu cả. Tiếng người cười nói quá nhiều, tạo thành giống như cảnh chợ búa, rất là ồn náo.

Thật là:

Nga Mi Cảnh Sắc.

Nga Mi đỉnh núi mịt mù sương

Nhìn ngắm lên trên chẳng tỏ tường

Tiếng nói, tiếng cười nghe ồm ồm

Đoàn người lần đến cáp treo nương

Từ lâu mơ ước nay tròn nguyện

Nguyện đáo Nga Mi vạn lý hương

Nặng bước đường đời muôn khổ lụy

Sao bằng niệm Phật đáo Tây Phương.

Trên đỉnh Nga Mi dập dìu du khách từ khắp nơi đến chiêm bái. Mùi khói hương bay nghi ngút lan tỏa khắp cả bầu trời. Ở các nơi có điện Phật, trước cửa đi vào đều có để một cái lò hương thật lớn để khách thập phương tha hồ đốt. Tôi chịu không nổi cái mùi hương này. Dù chịu không nổi cũng phải ráng chịu, chớ biết chạy trốn nơi đâu, vì nơi đâu, cũng có mùi nhang đốt.

Điều rất tiếc cho đoàn hôm nay, là không được vào điện chánh nơi thờ đức Phổ Hiền Bồ tát, vì người ta đang trùng tu. Do đó, mà có bài thơ tả cảnh này:

Hồng Rôi

Viếng cảnh Nga Mi đã hồng rôi

Đoàn người không được tiến vào ngôi

Điện thờ Đại Phổ đang tu sửa

Dành phải trở ra kiếm chỗ ngồi

Bụng đói tay run mờ sương khói

Nhà hàng tiến thẳng để vào xơi

Ăn rồi trở xuống ngôi chờ cáp

Bước tới nhào vô để xuống đồi.

Cáp treo ở đây lớn lắm, có sức dung chứa khoảng 70 người, vì vậy, khi xe cáp ngừng lại mọi người đứng chờ sẵn liền chạy nhào vô cho nhanh để đi. Vào đứng bên trong khác nào như đứng trong toa xe lửa, đầy chật nức cả người muốn ngộp thở. Nhờ thời gian xe cáp chạy không lâu lắm, nếu lâu, thì chắc chết vì thiếu không khí để thở. Riêng Hòa Thượng, mặc dù hôm

nay, ngài không được khỏe lắm, bởi do trong mấy ngày qua con bệnh cảm cúm hoành hành, nhưng ngài vẫn bất chấp, vẫn không chùn bước trước sự tấn công của con bệnh. Dù tuổi đã già, thêm bệnh hoạn, nhưng ngài không ngại đi đường xa, nhứt là xe lên đèo xuống dốc nghiêng lắc rất khó chịu, ngài vẫn vượt qua tất cả, vẫn vui cười, không hề than van một tiếng. Tuy thế, mọi người trong đoàn, từ già đến trẻ, không ai lại không quan tâm lo lắng đến sức khỏe của ngài.

Khi lên đến chỗ cáp ngừng xuống rồi, còn phải leo lên từng bậc thang đá dốc đứng để lên trên đỉnh, do đó, Hòa Thượng vì mấy ngày qua, ăn không được, hôm nay, phần thì quá buổi, phần thì lên cao qua từng nấc thang đá, nên ngài cảm thấy hơi mệt.

---o0o---

04. Vạn Niên Tự

Sau khi ăn trưa tại nhà hàng trên núi Nga Mi, đoàn rời nơi đây để viếng thăm chùa Vạn Niên. Chùa Vạn Niên nằm trên một khu đồi cao, thuộc huyện Nga Mi. Du khách muốn viếng chùa, phải đi bộ và đi cáp treo một đôi. Đoàn đến nơi đây vào lúc 3 giờ 30 chiều. Đi bộ lên khoảng mười phút rồi vào ngôi trong cáp treo. Cáp treo ở đây theo dạng chuyên chở nhỏ, chỉ đủ sức dung chứa khoảng sáu người một cáp.

Phong cảnh ở đây cũng rất hữu tình ngoạn mục, phải thế một ngôi đại già lam. Chung quanh chùa có rất nhiều cây thông và cây tùng bách. Thật là âm u tĩnh mịch. Chùa cũng khá khang trang rộng lớn. Phần nhiều lối kiến trúc của các ngôi chùa ở đây trong thời đại Minh, Thanh, tất cả đều rập khuôn giống nhau. Chùa nào cũng có nhiều ngôi điện thờ, có chùa, tính từ điện thờ đầu tiên rồi đi sâu vào có cả năm điện. Mỗi điện thờ Phật hay các vị Bồ Tát khác nhau.

Chùa Vạn Niên còn gọi là Bạch Thủy Thu Phong hay Thánh Thọ Vạn Niên. Chùa được tạo dựng vào thời đại Đông Tấn. Đến đời vua Vạn Lịch nhà Minh, chùa lại được trùng tu. Từ ngoài vào, có nhiều điện thờ. Điện thứ nhứt thờ tượng Bồ Tát Di Lặc với hình thể bụng phệ miệng cười toe toét đầy hoan hỷ. Điện kế tiếp là Thánh Thọ Vạn Niên. Điện này chỉ thờ duy nhứt tượng Bồ Tát Phổ Hiền, tượng tương hảo rất tuyệt mỹ. Đây là bức tượng nổi tiếng từ thời Bắc Tống. Tượng cao 7m35, đúc bằng đồng, nặng 62 tấn. Ngài cỡi trên lưng con voi trắng, hình con voi đứng rất to lớn. Dưới 4 chân của con voi có bốn hoa sen lớn đỡ chân. Tính từ chân con voi và luôn pho tượng,

chiều cao là 7m8. Tòa điện này, kiến trúc theo lối hình bầu dục, giống lối kiến trúc Thái Lan. Chung quanh tường hình tròn có rất nhiều tượng Phật nhỏ, gồm có tất cả 1500 vị. Tính từ dưới lên trên, có tất cả là 6 tầng thờ các tượng Phật nhỏ này.

Kế tiếp là Ngụy Nga Bảo Điện. Điện này thờ Tam Thế Phật. Sau khi tham quan lễ bái qua các điện, thầy trụ trì Thích Truyền Pháp hướng dẫn Hòa Thượng và phái đoàn sang qua tòa nhà kế bên, tức Pháp Đường để chiêm bái răng và Xá Lợi Phật. Ngoài Xá Lợi Phật, còn có hai bảo vật quý giá nữa đó là Bối Diệp Kinh và Ngự Ấn của vua Vạn Lịch đời Minh tặng. Sau đó, Thầy trụ trì mời phái đoàn vào phòng khách uống trà giải khát và đàm đạo. Về khí hậu, ở đây trải qua bốn mùa đều thích hợp với mọi người, không mùa nào người ta cảm thấy khó chịu. Đặc biệt là vào mùa thu, khí hậu rất mát mẻ và cảnh trí rất nên thơ, gây bao cảm hứng cho các văn nhân thi sĩ phun châu nhả ngọc.

Nhìn chung, toàn diện ngôi chùa có lối kiến trúc rất độc đáo. Nó không giống lối kiến trúc của chùa chiền Phật giáo, lại cũng không giống chùa Phật Lạt Ma. Có thể nói, chùa Vạn Niên mang kiểu thức kiến trúc của Đạo giáo nhiều hơn. Đỉnh hình tròn, phần dưới hình vuông, tượng trưng cho nguyên lý: “Trời tròn, đất vuông”. Có người còn cho rằng, nếu quan sát kỹ lưỡng hơn, thì nó giống hao hao lăng mộ Thành Cát Tư Hãn.

Nhân du lãm qua toàn cảnh của ngôi chùa này, chúng tôi có nhã hứng sáng tác một bài thơ để kỷ niệm. Bài thơ có tựa đề là:

Vạn Niên Cảm Tác

Vạn Niên Bạch Tự đến viếng thăm

Đi cáp treo lên để kiếm tâm

Đông Tấn Long An xây tạo dựng

Huệ Trì chủ xưởng vận kiên tâm

Phong quang cảnh trí lâm huy nguyệt

Vạn đại truyền phong đạt lý thâm

Nga Mi lưu tích thiên niên kỷ

In bóng tùng phong vượt thán năm.

Đoàn rời khỏi nơi đây vào lúc 5 giờ 30 chiều và lúc 6 giờ ghé khách sạn Nga Mi lấy tất cả hành lý rồi lên xe buýt lớn trở về Thành Đô. Thành Đô là thủ phủ của tỉnh Tứ Xuyên.

---o0o---

VIII. Đại Lý

Ngày 10, tức ngày 18/9/04

Đoàn rời khách sạn Kim Long để đi Đại Lý và Kê Túc Sơn. Đoàn khởi hành vào lúc 9 giờ sáng. Hôm nay, có một số người cần đi khám bệnh, do đó, những người này ở lại có xe nhỏ chở đi sau. Sau khi khám bệnh xong, hẹn gặp nhau tại nhà hàng ăn cơm trưa vào lúc 12 giờ 30.

Theo sách sử ghi lại: “Đại Lý là vương quốc của người Bạch đã từng tồn tại từ năm 937 cho đến năm 1253, nằm trong khu vực của tỉnh Vân Nam, Quý Châu và tây nam tỉnh Tứ Xuyên của Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa ngày nay. Được sáng lập bởi Đoàn Tư Bình năm 937, vương quốc này đã được cai trị kế tiếp nhau bởi 22 vị vua cho đến năm 1253, khi quốc gia này bị tiêu diệt bởi cuộc xâm lược của chế độ Mông Cổ dưới thời Mông Kha. Thủ đô của vương quốc này là thành Đại Lý. Đại Lý là một quốc gia theo Phật giáo Mật tông (Acarya) từ vua tới dân đều sùng đạo, vua thường tại vị một thời gian rồi đi xuất gia. Trong 22 đời vua, có 10 ông vua bỏ ngôi đi tu chẳng hạn như các ông: Bảo Định Đế Đoàn Chính Minh, Trung Tông Đoàn Chính Thuần, Cảnh Tông Đoàn Chính Hưng v.v...

Đại Lý có một diện tích khá rộng lớn gồm có: 24.450 cây số vuông và dân số có khoảng 335 vạn người.

Đại Lý có nhiều dân tộc thiểu số, phần lớn là dân tộc Bạch. Về Tôn giáo, đa số là Phật giáo”.

Viên Thông Tự

Điểm đầu tiên mà đoàn đến tham quan chiêm bái là Viên Thông Tự. Chùa đã có 1300 năm lịch sử. Lúc đầu, chùa có tên là Phổ Đà Loa Tự. Đến đời Thanh chùa được đổi tên là Viên Thông. Đây là một ngôi chùa lịch sử dài lâu quan trọng nhất trong tỉnh, do đó, mà chùa được sự bảo hộ của nhà

nước rất là cần trọng chu đáo, kể từ đời nhà Thanh cho đến nay. Chùa là trung tâm của toàn tỉnh. Vị trụ trì của chùa hiện nay là Thượng Tọa Thuận Pháp Phương Trọng, thuộc hệ phái tông môn của Hòa Thượng Hư Vân, vào thế hệ thứ 3.

Hôm nay, thầy trụ trì đi vắng, nên có một vị tăng tiếp chúng tôi. Trong khi Hòa Thượng và phái đoàn trò chuyện cùng vị tăng, tôi liếc mắt sang hai cây cột hai bên thấy có đôi liễn rất hay. Hai câu liễn như thế này :

" Khách chí mạc khiêm trà vị đạm.

Tăng gia bất tỷ thế tình nông".

Đại ý nói, khách đến thăm viếng chớ nên khiêm nhượng mà hãy uống thưởng thức chút hương vị trà. Uống trà trong tinh thần cảm thông tăng thêm thâm tình đạo vị, thì thật không gì có thể so sánh bằng. Sau vài phút đàm đạo, vị thầy hướng dẫn Hòa Thượng và phái đoàn lên chánh điện. Trên đường tới chánh điện, hai bên có hai cái hồ đối diện rất lớn, gọi là phóng sanh trì. Vào trong chánh điện Hòa Thượng và mọi người lễ Phật. Chùa Viên Thông cũng có nhiều Điện thờ chư Phật và Bồ Tát. Ngôi Điện đầu tiên thờ đức Di Lạc Bồ tát. Điện kế thờ đức Quán Thế Âm.

Đoàn vào trong Điện đánh lễ, trước khi đánh lễ Hòa Thượng giải thích sơ qua về ý nghĩa của Thánh tượng Quán Thế Âm. Hòa Thượng nói: "Ngài vốn là người nam, nhưng vì bản nguyện, nên Ngài hiện ra nhiều ứng thân và nhiều tai mắt để độ sanh. Ngài không có nơi chốn nhất định cho nên tướng trạng cũng rất sai khác. Những biến tướng mà người ta tạc tượng tôn thờ có nhiều hình thức không giống nhau, nhưng, lấy Quán Âm có hai tay làm hình tượng căn bản. Từ đó, người ta căn cứ vào những sự thị hiện lực dụng thân biến của Ngài mà tạo ra nhiều loại hình tượng, như: 1 đầu, 3 đầu, 5 đầu, cho đến ngàn đầu, 10 ngàn đầu, 84 ngàn đầu thước ca ra; về tay cũng vậy, có 2 tay, 4 tay, cho đến 10 ngàn tay, 84 ngàn tay mẫu đà la; về mắt cũng thế, có loại 2 mắt, 3 mắt cho đến 84 ngàn mắt báu thanh tịnh. Sự biến hiện này, cũng giống như người mẹ hiền thương con, ở đâu con kêu khóc đòi mẹ, thì mẹ đến vỗ về an ủi cho con. Đặc biệt Tôn tượng này có 24 tay, gọi là nhị thập tứ tỷ. Đây là tôn tượng rất đặc biệt đã được tôn thờ tại chùa Viên Thông".

Sau đó, Hòa Thượng và mọi người đánh lễ, và đồng thời tụng bài kinh ngắn. Ở phía sau, cũng thờ tượng Quán Âm, ở thế Ngài ngồi, một trong 32 thế. Điện kế tiếp là Đại Hùng Bảo Điện. Chính giữa Điện, tôn thờ đức Phật

Thích Ca, hai bên có hai Tôn giả A Nan và Ca Diếp đứng hầu. Chung quanh Điện ở trên trần có chạm khắc hình tượng Thiên long bát bộ hộ pháp thần vương. Điện kế tiếp là Đồng Phật Điện, tôn thờ tượng Phật Thích Ca bằng đồng, theo kiểu Thái Lan do Thái Lan hiến cúng. Tượng Phật có chiều cao là 3 mét 13 và trọng lượng là 4 tấn 7. Trước Tôn Tượng có một tấm hoành treo phủ dài xuống, trên có 4 chữ: “Trạm Tịch Viên Dung” và hai bên tấm hoành có thêu hai con rồng song song nhau với tư thế há miệng tranh một trái châu, gọi là Lương Long Tranh Châu. Hai bên có đôi liễn :

“Cần lễ thập phương chư Phật.

Quảng tu tam đức tịnh nghiệp”.

Toàn bộ mô hình kiến trúc của Điện rập theo kiểu kiến trúc Thái Lan. Nơi Điện này, có một bà Phật tử hằng ngày lo sửa sang quét dọn, bà có nói qua một vài điều về điện này. Sau đó, Hòa Thượng lì xì cho bà một bao thư tịnh tài, lúc đó thì bà nhận và lạy Hòa Thượng ba lạy. Tuy nhiên, sau khi Hòa Thượng và phái đoàn sang phòng khách hầu chuyện với một vị tăng trong chùa, lúc bước ra ngoài, thì bà hoàn bao thư tịnh tài đó lại. Vì sợ tội, nên bà không dám nhận. Pháp danh của bà Phật tử người Hoa này là Chơn Tịnh.

Rời khỏi chùa Viên Thông vào lúc 11 giờ 15, xe buýt chạy thẳng đến nhà hàng Sơn Trân Dưỡng Sanh Đường để dùng cơm trưa.

Ăn xong, mọi người vội vã lên đường ra phi trường để đi Đại Lý. Đoàn đến phi trường lúc 1 giờ 40 chiều. Sau khi làm thủ tục xong, đoàn mới biết một việc xảy ra thật bất ngờ. Có lẽ vì số hành khách đi Đại Lý ít, nên hãng hàng không đổi chiếc máy bay lớn thành chiếc máy bay nhỏ. Do đó, thiếu khoảng tám ghế, họ sẽ bao một chiếc xe nhỏ cho tám người đi, trong số tám người này có thầy Phước Tấn là Phó Đoàn và hai hướng dẫn viên, tính theo cái vé đã mua, tức tám vị này bị lọt sổ, không có số ghế. Đó là theo sự quyết định của hãng hàng không.

Từ đó, giữa công ty bán vé và hãng hàng không có sự tranh chấp cãi cọ với nhau. Lúc đầu, họ cũng muốn thương thảo tìm một giải pháp để giải quyết vấn đề một cách ôn hòa, nhưng không được. Vả lại, sau khi biết được, họ xé lẻ đoàn ra như vậy, cả đoàn phản đối quyết liệt, không ai chịu đi cả. Từ chỗ đó chuyện bé xé thành to. Việc này, đến tai tòa Đại Sứ Úc, báo chí, đài tuyên hình và đại lý sở tại địa phương, tất cả đều có mặt tại đây. Phủ bệnh phủ, huyện bệnh huyện, không ai chịu lép vế. Thay vì, hãng hàng

không điều động một chiếc máy bay khác lớn hơn để có đủ chỗ ngồi, họ nhất quyết cho tám người này phải đi bằng xe hơi. Nên biết từ Côn Minh đến Đại Lý, đi bằng xe như thế, phải mất thời gian ít nhất là 5, 6 tiếng đồng hồ, đó là chưa nói đến, không biết có chuyện gì sẽ xảy ra trên đường đi, vì xe chạy phải lên đèo xuống dốc, đường đi rất khó khăn, chớ không phải là xa lộ cao tốc.

Bằng vào sự đoàn kết và cương quyết của đoàn, nếu đi thì đi hết, nếu ở lại thì ở lại hết, quyết định không cho một người nào xé lẻ đi riêng. Nhờ vào sự quyết tâm đó, mà cuối cùng hàng hàng không phải nhượng bộ, bằng cách họ điều động một chiếc máy bay khác nhưng không đúng giờ bay như đã ấn định. Theo giờ bay, là đúng 3 giờ 45 phút chiều. Sự việc cứ dần co kéo dài như thế, đến khi có quyết định và đoàn rời khỏi nơi đây để lên máy bay, cũng đã có hơn 7 giờ và đoàn đến phi trường Đại Lý là 8 giờ tối. Từ phi trường xe buýt chờ đoàn đến nhà hàng ăn cơm tối và sau đó đoàn sẽ lên đường đi Khê Túc Sơn. Đoàn đi hai chiếc xe buýt lớn. Một chiếc đi ba nhóm. Đến mỗi địa phương, đều có những hướng dẫn viên mới.

Như đã nói ở trước, tôi và thầy Phước Tấn đi trong ba nhóm: Tinh Tấn, Thiên Định và Trí Huệ. Ba nhóm này, mỗi khi đến nơi nào đổi xe buýt thì đều đi chiếc xe có số nhỏ, vì như thế để cho mọi người dễ nhớ. Ngược lại, ba nhóm kia: Bồ Thí, Trì Giới và Nhẫn Nhục thì đi chiếc xe mang số lớn. Hòa Thượng, Thầy Phước Đạt và Thầy Phước Độ (ở Mỹ) cùng đi chiếc xe này. Mỗi chiếc đều có hai hướng dẫn viên. Một hướng dẫn viên đi suốt cuộc hành trình và một hướng dẫn viên địa phương. Chiếc xe chúng tôi đi, ngoài anh Tiêu, người hướng dẫn mà chúng tôi đã nói trước đây, hôm nay, còn có cô hướng dẫn địa phương là cô Tiểu Định Vương.

---o0o---

IX. Khê Túc Sơn

Đường đi đến núi Khê Túc phải nói rất là khó khăn vất vả, nhiều đoạn đường quanh co khúc khuỷu, uốn khúc như con rắn bò, cứ mãi lên đèo xuống dốc, cho nên xe buýt lớn chạy cũng rất là khó khăn. Khi gần đến khách sạn, bây giờ là vào khoảng 12 giờ rưỡi khuya. Vì đường nhỏ hẹp, nên khi chú tài xế queo qua cua quá gắt, nên chiếc xe bị kẹt, cứ de tới de lui, mà qua không được. Vì xe trước đi không được, thì bắt buộc xe sau cũng không thể nào đi được. Cuối cùng, cả hai xe đều phải xuống đi bộ. Trời tối đen như mực. Đoàn hơn sáu chục người mà trong tay chỉ có ba cây đèn bin nhỏ, ánh

sáng nhá nhem lập loè không đủ để mọi người thấy rõ đường đi. Có người quờ quạng, mò mẫm lần dò mà đi, rồi bị trơn trượt nên phải té quỵ, như cô Tâm Trúc chẳng hạn. Lúc bấy giờ, tôi có cảm tưởng đoàn người như là đang đi tản tránh nạn chạy giặc không khác. Cảnh này, đa số những người lớn tuổi từ 60 trở lên đều có nếm mùi tản cư vất vả này.

Nhìn lại đoàn người đi trong đêm tối mờ mịt ấy, tôi bỗng cảm thấy thương Hòa Thượng quá chừng. Tuy già nua trọng tuổi, và suốt trong mấy ngày qua, Hòa Thượng đã ngã bệnh, bị cảm sốt nặng, nay chưa thiết hết, nhưng ngài vẫn cố gắng hướng dẫn đoàn. Phần vì bệnh hoạn, phần vì đi đường xá xa xôi, lên đèo xuống dốc, lại thêm đi bộ trong đêm tối mờ mịt như thế này, nên Hòa Thượng rất là mệt nhọc. Dù rất mệt nhọc, nhưng ngài không bao giờ lộ vẻ mệt mỏi hay than van với ai một tiếng, vì ngài không muốn cho đoàn phải thối chí nản lòng.

Khi đoàn vào đến khách sạn, lúc đó là đúng 1 giờ 30 khuya. Vì đêm quá khuya, mọi người đi cả ngày trời quá mệt mỏi, ai nấy đều bơ phờ, bảỉ hoải muốn đi ngủ sớm, để sáng mai tiếp tục hành trình. Do sự mệt mỏi muốn đi ngủ sớm đó, mà xảy ra việc chia phòng nơi đây không mấy gì tốt đẹp. Việc sắp xếp danh sách chung phòng, cứ hai người một phòng từ đầu tới cuối là như thế, điều này không có gì trở ngại. Tuy nhiên, có điều ai cũng muốn mình ở dưới thấp, vì khách sạn không có thang máy, do đó, kẻ xin tới người xin lui, nên Thầy Phước Tấn giao cho tôi hoàn toàn xử lý.

Tôi cũng quá thấm mệt, nên giao lại cho thầy Phước Lạc giải quyết. Cuối cùng, đoàn viên cũng thông cảm, mọi việc đều được êm xuôi. Mọi người ngủ nghỉ chắc không mấy gì ngon giấc, vì đã quá giờ giấc ngủ thường lệ. Đến đây, tưởng chúng ta cũng nên biết sơ qua về ngọn núi Kê Túc lịch sử này.

“Núi Kê Túc nằm về hướng Tây bắc huyện Tân Xuyên, tỉnh Vân Nam. Từ Đại Lý đến đây lái xe mất khoảng từ 3 đến 4 tiếng đồng hồ. Tra cứu trong quyển Du Ký của ông Lý Nguyên Dương có ghi như sau: Phía Đông sông Diệp Du, đi bộ 80 dặm có một dãy núi cao chót vót, hướng Nam của đỉnh núi này bằng phẳng, còn 3 hướng kia có thêm 3 ngọn nhỏ, tạo thành thể chân vạc trên một đỉnh núi, nên gọi là Kê Túc Sơn (núi chân vạc)

Trên đỉnh núi này có một động đá, tương truyền, đây là nơi Ngài Ma Ha Ca Diếp nhập định, đợi Ngài Di Lặc xuất thế để trao lại y của Phật Thích Ca, cho nên núi này cũng được xem là đạo tràng của Ngài Ma Ha Ca Diếp

và là trung tâm của Phật giáo Vân Nam, chúng tăng trụ ở đây rất đông, thời Tam Quốc chỉ có một cái am nhỏ, đến đời Đường xây rộng thêm, thời hưng thịnh có hơn 100 tự viện lớn nhỏ, trong đó có 5 ngôi lớn nhất là chùa Thạch Tông, chùa Tất Đàm, chùa Đại Giác, chùa Hoa Nghiêm và chùa Truyền Y”.(13)

Phải nói nơi đây là Thánh Địa của Phật giáo, rất nổi tiếng ở Trung Quốc. Đây cũng còn là nơi hội tụ của Phật giáo Hán truyền và Phật giáo Tạng truyền và cũng là nơi khởi nguyên của Phật giáo Thiên tông.

Ngày 11, tức ngày 19/9/04

Buổi sáng hôm nay, mọi người thức dậy hơi trễ, vì đêm hôm quá mệt, nên Ban Tổ Chức cho mọi người ngủ trễ hơn mọi khi. Sau khi dùng điểm tâm sơ sài, đúng 9 giờ 30, mọi người tập họp lại ở ngã ba đường dưới tàn cây rậm mát, để phân nhóm ai đi lên núi và ai ở lại. Sau khi chia nhóm, tổng số người đi lên đỉnh núi Kê Túc là 30 người, số người ở lại hơn phân nửa. Trong số những người ở lại, có Hòa Thượng vì Hòa Thượng bị bệnh. Theo hướng dẫn viên địa phương cho biết, thì tính từ chân núi lên đến đỉnh núi có khoảng mười cây số lên xuống. Đường lên dốc có chỗ lồi, có chỗ hơi thẳng đứng, nên có hai phần ba số người lên kiệu khiêng, còn lại đều đi bộ. Vì số người đi bộ chậm, lẹ không đồng nhứt, nên khi đến trạm cáp treo, cũng có kẻ tới trước, người tới sau không đồng đều. Tôi là một trong số năm người đi bộ sau cùng. Ngoài tôi ra, còn có các cô: Nguyên Định, Diệu Huyền, Diệu Hương 1. Những người đi bộ lên trước tôi, tôi không biết rõ lắm. Đại khái tôi chỉ biết là Sư Cô Phước Hỷ, Tuệ Giác, Diệu Hương 2, Diệu Như, Tâm Hoa v.v... Những người đi bộ này, thật xứng đáng khen ngợi tặng cho họ một mỹ từ là những anh hùng đi bộ. Đây là lời thán phục của một trong số những người đi kiệu khiêng. Số người đi bộ này, dù có mệt mỏi thật, nhưng họ vẫn cương quyết kiên nhẫn khắc phục vượt qua, chẳng những thế, mà vừa đi họ còn vừa sáng tác những câu thơ dí dỏm cho vui .

Chẳng hạn như trong nhóm của tôi đi, có một hai vị khi nghĩ ra câu thơ nào hay, liền đọc lên cho những người khác nghe. Xong rồi, họ lấy giấy bút ra ghi lại. Như trường hợp hai cô: Diệu Hạnh và Nguyên Định.

Cô Diệu Hạnh có làm bài Kê Sơn Cảm Tác như sau. (khi cô còn đi bộ chưa lên kiệu).

Kê Sơn Cảm Tác

*Sáng sớm mưa bay lạnh buốt người
Đạo tràng Phước Huệ vượt ngàn mây
Đến đây chiêm bái non Kê Túc
Ca Diếp Tổ Ngài đặt đến đây
Nhập Định kiên tu chờ Long Hội
Di Lạc giáng trần cứu khổ đời
Đồi chân dốc núi vươn hun hút
Trút gánh ưu tư tâm cảnh như
Tranh mây ta bước lung linh cảnh
Vệt gió không gian khắp khởi vào
Bồng lai tiên cảnh nào đâu khác
Thoát tục về nguồn vui lắm thay!*

Cô Nguyên Định cũng chẳng chịu thua vừa đi vừa nhả ngọc liền hạ bút ghi lại mấy dòng thơ như sau:

*Trong đời mấy thuở duyên lành tới
Năm láy trong tay kéo uống đời.
Đường lên Kê Túc thật không xa
Bạc đá gập ghềnh có bước qua
Sương mù bao phủ như mây khói
Đồi núi chập chùng gió mát qua
Thầy trò cố gắng thờ vô ra
Khổ cực gian lao chẳng nệ hà*

*Quyết chí cho tròn tâm nguyện ước
Cho dầu mệt mỏi chẳng kêu ca
Cáp treo lên núi cao thăm thẳm
Đường núi bao quanh những lối mòn
Đến đỉnh non rồi tâm phơi phới
Từng bước nhẹ nhàng rất thanh thoi
Sừng sững giữa trời ngọn tháp cao
Thầy trò đều cảm thấy nao nao
Mười ba tầng tháp cao vun vút
Lúc hiện lúc không bởi sương mù
Đề đầu đánh lễ Phật Thích Ca
A Nan Ca Diếp ngự trên tòa
Cầu xin Bồ Tát từ bi độ
Hòa Thượng chúng con nạn tai qua.
Con cũng nguyện cầu Đức Quán Âm
Cả Thầy trò con được bình tâm
Bồ đề tăng trưởng tâm kiên cố
Vượt thắng muôn ngàn bệnh nạn xâm*

Nhân cảnh này, tôi cũng có ghi lại mấy dòng thơ diễn tả cảnh lên núi và phong cảnh nơi đây.

*Núi Kê Túc điều chi ghi nhớ
Bước chân đi mệt thở hển hào*

Đường lên dốc đá núi cao
Người thì đi trước kẻ sau nối liền
Được một đôi kiệu khiêng dưng lại
Bước chân lên chẳng ngại trả tiền
Hai người sau trước kiệu khiêng
Cáp treo nơi đến móc tiền trả cho
Còn người khác không lo phải trả
Dù bước đi vất vả lên cao
Một lòng cương quyết chẳng nao
Đường đi không khó chỉ nao ngại lòng
Đường rợp bóng cây tòng rêu phủ
Giữa núi rừng chim thú hoang vu
Sương giăng như khói mịt mù
Đỉnh Kim lên tới thiên thu mát lòng
Tháp cao vút nhìn trông khó thấy
Núi mờ sương một dãy hiện ra
Đứng trên chót đỉnh nhìn xa
Bồng lai Tiên cảnh khó mà tỏ phân
Niềm an lạc lâng lâng rạo bước
Điện Phật cao ngược mắt lên nhìn
Nhìn đâu cũng thấy đẹp xinh

*Tâm bình cảnh lạc hữu tình nên thơ
Rồi xuống núi người chờ kẻ đợi
Tắm tắt khen ca ngợi cảnh này
Niềm vui lên đến tầng mây
Ngàn xưa đẹp cảnh tràn đầy ngát hương...*

Nhân lúc cảm hứng đó, tôi lại làm tiếp một bài thơ nữa để diễn tả cảnh này. Bài thơ với tựa đề là Chân Gà.

Chân Gà

*Chân gà Kê Túc núi lên cao
Dốc đá đường lên mệt hên hào
Thối bộ đoàn người hơn nửa số
Số còn Phân nửa quyết đi mau
Đường xa nào ngại lòng cương quyết
Một mặt tiến hành chẳng quản lao
Ngã ngựa giữa đường lên kiệu quách
Chân gà cho đỡ khỏi than đau.*

Phải chăng, nhờ thế mà họ đỡ cảm thấy mệt mỏi. Thật là một kỳ thú, một tinh thần đáng khen ngợi.

Điều đáng ghi nhận, sau khi mọi người đi bằng kiệu hay đi bộ đến nơi chỗ cáp treo rồi, trong khi chờ đợi hướng dẫn viên mua vé đi cáp treo, chúng tôi kiểm điểm lại số người đi lên một lần nữa. Bên chur Tăng gồm có bốn vị: Thầy Phước Thái, Thầy Phước Đạt, Thầy Phước Trí và chú Phước Từ. Riêng chú Phước Từ, trong mấy ngày qua, chú bị cảm sốt cũng khá nặng, hôm nay chú cũng chưa thật khỏe hẳn, nhưng với tâm nguyện khát vọng chiêm bái, nên chú cũng cố gắng đi chung với đoàn. Bên chur Ni gồm có các vị: Sư Cô Phước Chiêu, Sư Cô Phước Định, Sư Cô Phước Liễu, Sư Cô

Phước Chơn, Sư Cô Phước Chí. Nam cư sĩ gồm có: Minh Hiền, Tuệ giác, Thiện Đức, Tuệ Phúc. Nữ cư sĩ gồm có quý cô: Diệu Hương 2, Diệu Ngọc, Diệu Như, Tâm Quang, Từ Nhân, Lê thị An, Diệu Huyền, Tâm Lạc, Hạnh Thắng, Tâm Hoa, Diệu Khiết, Diệu Hạnh, Tâm Trúc, Diệu Hương 1, Nguyễn Định. Tất cả 28 vị. Kiểm danh xong, mọi người lần lượt lên cáp treo để lên Kim Đỉnh. Ai nấy đều lộ vẻ rất vui mừng khi bước chân lên cáp treo. Ngồi cáp treo mất khoảng 20 phút mới tới trạm. Sau khi xuống ở trạm cáp treo, mọi người còn phải leo lên dốc đá ít nhất cũng phải mất khoảng 20 phút nữa mới tới Kim Đỉnh.

---o0o---

01. Kim Đỉnh Tự

Đền Kim Đỉnh, trước Tam Quan Điện, có một sân tráng xi măng cũng khá rộng. Mọi người lên đến đây ai cũng reo lên ôi! sao đẹp quá! khỏe quá! như đang ở trên cảnh Tiên. Vì chung quanh toàn mây là mây, tất cả đều mây trắng bao phủ, đứng xa nhìn nhau không thấy. Khi ẩn, khi hiện, thật là một phong cảnh nên thơ tuyệt mỹ. Mọi người thi nhau nhiếp ảnh lưu niệm. Không ai còn nghĩ đến mệt mỏi nữa. Điện đầu tiên đoàn bước vào là Tam Quan Điện. Trong Điện thờ ba vị: Địa Quan, Thiên Quan và Thủy Quan. Điện thứ hai là Kim Đỉnh Tự. Vẫn theo thường lệ như Hòa Thượng thường làm, cứ đến mỗi nơi già lam Phật Điện, Hòa Thượng đều có hướng dẫn đoàn tụng một thời kinh ngắn. Hôm nay, tuy không có Hòa Thượng, quý thầy xin phép thầy trụ trì ở đây để tụng thời kinh ngắn. Trước khi tụng, tôi đại diện đoàn cúng dường tịnh tài cho thầy trụ trì. Tụng kinh xong, đoàn đi dạo xung quanh, nhìn phía sau điện là một bảo tháp cao. Bảo tháp như đang ẩn mình trong làn sương mù dày đặc bao phủ.

Tham quan chiêm bái xong, đoàn người trở xuống chỗ cáp treo để đi xuống núi. Cáp treo chỉ đưa mọi người xuống một phần ba đường mà thôi, còn lại hai phần là phải đi bộ. Như đã nói ở trên, một số người lên xuống núi bằng kiệu khiêng, tức là mướn hai chuyển.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin nói sơ qua về việc khiêng kiệu này. Kiệu ở đây, nếu so với kiệu ở Ngũ Đài Sơn, thì họ làm đơn giản hơn nhiều. Họ không có trang trí vải sô màu mè rườm rà gì cả, chỉ một cái ghế vừa đủ một người ngồi ngã lưng. Có hai cây dài ra, rồi họ cột cây ngang 2 đầu. Một người trước một người sau để khiêng. Tôi thấy số người khiêng kiệu như là một nghề nghiệp của họ. Tức là họ chuyên sống về nghề này. Người ngồi

trên kiệu, nếu là nhỏ con trọng lượng ít ký lô, thì người khiêng thấy đỡ khổ hơn một chút. Ngược lại, nếu là người to béo mập phì, nặng khoảng trên 80 kí lô, thì chao ôi! người khiêng rất mệt nhọc, ỉ ạch, trông thấy rất là tội nghiệp!

Vẫn biết rằng, đây là nghề nghiệp sinh sống của họ, nhưng trông thấy họ khiêng leo lên từng bước dốc đá, rất là mệt nhọc cực khổ. Thỉnh thoảng, họ phải dừng chân nghỉ mệt để thở. Xong rồi, đi tiếp, cứ từng chập như thế. Như tôi đi bộ, không mang gì theo trong mình, mà còn cảm thấy vô cùng mệt mỏi. Có thể họ đã quen rồi. Tuy nhiên, dù sao họ cũng vẫn là con người, mà sức người thì đương nhiên có hạn. Dù không hỏi kỹ về việc làm của họ, nhưng tôi đoán định là họ làm như một hợp tác xã. Nghĩa là mọi người cùng khiêng, rồi chia tiền đều ra. Cho nên họ đôi ca nhau mà khiêng.

Có người nói, nếu mình không đi, thì họ không có tiền. Như thế, mình đi cũng là cách giúp họ. Lý luận này, không có gì sai trái, hợp lý một trăm phần trăm. Nhưng, với cái nhìn của riêng tôi, thì tôi không nỡ ngồi trên đó để cho họ khiêng mình. Tôi nghĩ, nếu không may, tôi là họ, thì chắc tôi cũng đau khổ lắm! Dù biết rằng, đây là cách kiếm sống. Kiếm sống bằng cách khiêng người này, theo tôi, là do nghiệp dĩ đời trước vụng tu, nói rõ hơn, là những người đời trước do tu hành lười thôi, cứ mãi lo hưởng thụ những tài vật do đàn na tín thí dâng cúng mà không lo tu hành, nên nay phải vương nợ nần đành phải làm cái nghề khiêng kiệu này để đền trả nợ trước.

Càng nghĩ đến thương họ chừng nào, thì tôi lại càng lo sợ thương mình nhiều hơn. Dù biết rằng, mình bỏ tiền ra mướn họ. Nhưng nếu chiếu theo luật nhân quả mà nói, thì hôm nay, họ nghèo đói, vì kiếm tiền độ nhật qua ngày, nên họ phải khiêng mình, rồi biết đâu mai kia một nợ, mình hết phước trở lại nghèo đói như họ, họ biết lo tu hành làm phước giàu có hơn mình, bấy giờ mình lại phải khiêng họ lại.

Khi ấy, tôi trực nhớ đến câu chuyện trong Kinh Vị Tăng Hữu diễn tả về việc năm thầy Tỳ kheo khiêng kiệu cho bà hoàng hậu Đề Vi, mà càng phát ón lạnh ghê sợ hơn nữa. Câu chuyện kể lại: Xưa kia có năm vị Tỳ kheo không thật tu hành, chỉ phô trương khoe khoang giả trá bề ngoài, để mọi người lầm tưởng các vị đó tu hành chơn chánh đua nhau cúng dường. Trong số những vị tín chủ đó, có một người phát tâm cúng kính ngày đêm hầu hạ dâng lên những món ngon vật lạ cúng dường. Kết quả, năm vị Tỳ kheo kia, do không thật tu hành, mà thọ dụng của cúng dường nhiều quá, mắc phải cái tội lường gạt của người, nên trải qua nhiều đời thọ khổ, hết khổ địa ngục, rồi

đến nga qui, súc sanh v.v... Cho đến kiếp sau cùng được làm người, nhưng phải chịu cảnh nghèo khổ và phải làm kẻ tôi đòi khiêng kiệu cho bà hoàng hậu. Ngược lại, còn bà Đề Vi hôm nay được làm hoàng hậu, là do cái phước báu xưa kia bà đã hết lòng cung phụng cúng dường những phẩm vật cho các vị đó thọ dụng, nên nay bà mới được như thế. Câu chuyện Phật kể lại dài dòng, nhưng chúng tôi nhớ lại đại khái như thế. Đây là một bài học thật đáng sợ, một tấm gương đáng ghi nhớ để lòng mà gắng công lo tu niệm.

---o0o---

02. Ca Diếp Điện

Trên đường trở xuống núi, lúc đó tôi nhìn đồng hồ tay, cũng khoảng ba giờ chiều. Mọi người ai nấy đều lộ vẻ mệt mỏi, vì đi từ sáng sớm cho tới giờ không có ăn gì cả, nên đa số vừa đói bụng lại vừa mệt, nhứt là leo dốc đá núi mau đói bụng lắm. Vì thế, đa số đều muốn xuống núi cho mau để còn kịp giờ trở về Đại Lý nữa. Tuy nhiên, dù đang mệt đói như thế, nhưng đoàn người vẫn không bỏ qua tham quan điện Ca Diếp. Vì nơi đây, theo truyền thuyết, là xưa kia Tổ Ca Diếp có đến đây và Ngài ngồi thiền trên một tảng đá to. Do đó, mọi người muốn đến trông coi cái tảng đá mà Tổ đã ngồi.

Khi vào chùa, có một vị sư hướng dẫn mọi người đi vòng quanh ra phía sau chùa, đến nơi, chúng tôi nhìn thấy một tảng đá thật to khoảng chừng ba mét vuông, vì tảng đá ở ngoài trời nằm dưới tàn cây không có gì che phủ, nên rêu phong đóng dày, trông rất là xưa. Sau khi xem xong, đoàn người trở ra phía trước sân chùa, chúng tôi thấy có một vài người trong đoàn ở đó. Tôi nghe cô Tâm Quang, một người trong Ban Tổ Chức, đang tức giận nói hơi lớn tiếng với anh hướng dẫn đại diện cho công ty ở Úc. Anh này tên là Sam. Anh theo suốt chương trình hành hương của chúng tôi. Hỏi ra mới biết, là cô Tâm Quang muốn đi tham quan chiêm bái hang động của Tổ Ca Diếp.

Theo truyền thuyết cho rằng, Tổ Ca Diếp nhập định ẩn thân nơi đây chờ Ngài Di Lặc hạ sanh truyền trao lại y bát. Do đó, mà cô Tâm Quang muốn đến nơi đây. Cô đã đến đây một hai lần, nhưng chưa lần nào cô đến nơi hang động đó để chiêm bái. Vì thế, nên hôm nay cô quyết tâm đi cho kỳ được, không thể bỏ lỡ cơ hội. Nhưng anh hướng dẫn này nói, từ đây đi đến đó phải mất khoảng một tiếng đồng hồ đi bộ. Nghe nói thế, đa số người không ai muốn đi, vì họ quá thấm mệt. Và lại, ai cũng đói bụng quá rồi. Hơn

nữa, những người này sợ rằng, Hòa Thượng ở dưới núi chờ đợi lâu, nên họ quyết định trở lại cáp treo để đi xuống núi.

Trong khi đó, thì cô Tâm Quang, Thầy Phước Đạt và Thầy Phước Trí, còn ở trước sân chùa đang bàn thảo với anh hướng dẫn. Cuối cùng, thầy Phước Đạt có điện thoại cho Hòa Thượng biết sự tình như thế. Bấy giờ, Hòa Thượng ra lệnh cho phép đoàn người cứ việc đi tham quan cho thỏa mãn. Hòa Thượng và những người ở lại sẵn sàng chờ đợi. Được lệnh của Hòa Thượng, Thầy Phước Trí xuống nơi trạm cáp treo lập lại lời Hòa Thượng nói như thế, nhưng mọi người đều nhứt quyết đi xuống núi không ai đi cả. Chỉ có cô Tâm Quang, anh hướng dẫn viên và hai thầy Phước Đạt, Phước Trí đi thôi. Việc đó, làm mất vui giữa cô Tâm Quang và anh hướng dẫn cũng như đoàn người không đi. Tuy nhiên, việc này, trước khi về Úc, trong một buổi họp chung, Hòa Thượng Trưởng Phái Đoàn có nêu ra và Hòa Thượng cũng xin lỗi về việc không vui đã xảy ra.

Chuyến đi nào cũng vậy, người đông, con nhiều cha, mỗi người một ý khác nhau, thì làm sao tránh khỏi những khúc mắc buồn vui trong đó. Dù vậy, phải công tâm mà nói chuyện đi này, nhờ đức độ của Hòa Thượng nên mọi việc không có gì khó khăn mà không giải quyết được cả.

Sau khi xuống núi, lúc đó là vào khoảng 4 giờ chiều. Số người ở lại không đi, thì đã ăn cơm trưa rồi, còn số người trở xuống núi ăn trưa mà coi như ăn chiều. Thật tình mà nói, từ ngày đầu bước chân đến xứ Trung Hoa cho đến hôm nay và còn mãi cho đến ngày đoàn trở về Úc, không nói ra, chắc hẳn ai cũng biết thức ăn của Trung Quốc món nào món nấy đều rất đậm nồng tình “Dầu” ăn. Như có lần chúng tôi đã có nói qua. Tất cả đều mượt rượt, không một món nào mà không nhìn thấy dầu, chỉ trừ cơm và cháo.

Thú thật, cứ mỗi lần nghĩ đến nhà hàng ở đây, thì tôi phát run sợ, dù rằng các món ăn họ làm rất trịnh trọng nhiều món. Song có điều, ở cái xứ Cộng Sản này, việc ăn chay đối với họ là một điều rất xa lạ. Nên tất cả nhà hàng từ những nhà hàng sang trọng có tầm cỡ, cho đến những nhà hàng kém sang trọng hơn, những món ăn mà họ dọn ra cũng chỉ có một thứ một kiểu giống nhau. Đền đòi mà Thầy Phước Độ hay nói đùa cho vui là “Đảng” đã chỉ thị xuống nhứt trí là như vậy đó. Thường thì khi bước vào bàn, trông thấy phải nói là sang trọng lắm. Đầu tiên, họ để sẵn trên đó gồm có 4 món ăn chơi. Ăn chơi thôi mà còn ăn không vô, thì nói chi đến ăn thiệt. Ăn chơi mà món nào cũng dầu láng mượt cả. Dù rằng, Ban Tổ Chức đã có yêu cầu họ nấu bớt dầu và bớt bột ngọt, nhưng vẫn còn mượt rượt như thế. Như bữa ăn

hôm nay ở đây, món nào món nấy không ai muốn gắp cả. Nhứt là Hòa Thượng, dù rất đói, mà không có món ăn nào ngài cảm thấy ăn được. Họ nấu ăn theo kiểu địa phương, nào là rẽ cây loại gì đó, tôi không rõ, họ xắt thái mỏng đem xào. Có thể đối với họ là món ăn sang quý, nhưng đối với mình thì thật là khó nuốt. Tất cả cũng chỉ do tập quán mà thôi.

Có lần tôi hỏi anh Tiêu, (người hướng dẫn viên bên xe tôi) có phải người Hoa khi họ biết ăn là họ đã ăn những món ăn có dầu mỡ rượi rồi phải không? Anh ta cười khà và nói: Đúng vậy. Anh còn nói thêm, người Hoa mà thiếu dầu, không thể nào chịu nổi. Thà thiếu vợ hơn là thiếu dầu ăn. Vì dầu là một loại nhu yếu tối cần thiết cho người đầu bếp nấu ăn. Gần như không có dầu là người ta không thể nào nấu ăn được. Đó là nói dầu ăn, còn nước tương thì sao? Nước tương của họ cũng khác hơn nước tương của mình. Nó đen kẹo như dầu hắc và lạt, mùi vị khó ăn. Còn đậu hủ thì đượm mùi hôi khói. Không biết họ bỏ chất gì mà gắp lên miếng nào cũng có mùi hôi khói cả. Thật là khó nuốt. Cũng may, nhờ có những chay xì dầu nhỏ và muối tiêu, do một vài Phật tử mang theo, họ đem đến cúng dường cho Hòa Thượng và quý thầy. Nhờ vậy, nên có nước tương chấm và xịt vào cơm ăn cũng tạm được. Điều đáng khen ngợi là cả đoàn đều ăn chay. Dù thức ăn không mấy hấp khẩu vị, nhưng tất cả đều quyết chí ăn chay không một ai ngã mặ.

Tóm lại, bữa cơm hôm nay ở đây, vì đói bụng mà phải cố nuốt cho qua bữa, chớ thật ra không món nào cảm thấy ăn được cả. Nói thế, là để chúng ta có thêm kinh nghiệm trong vấn đề ăn chay ở xứ này.

Còn một việc nữa cũng không kém phần khôi hài buồn cười. Khi đoàn đến Hàng Châu, không biết giữa công ty và nhà hàng họ bàn thảo với nhau sao đó không biết, nhưng khi đoàn đến nơi thì trời đã tối lúc đó khoảng 8 giờ, vào nhà hàng trông thấy rất sang trọng. Trên mỗi bàn, họ đã dọn sẵn một vài món ăn chơi trông thấy cũng khá hấp dẫn. Lúc này, bụng vừa đói lại thấy đồ ăn tuy nó có mỡ rượi thật, nhưng vì quá đói nên không ai để ý đến việc lảng mỡ đó nữa. Nhưng than ôi! mọi người mới vô được vài đĩa, thì bỗng có người phát hiện la lên: “đồ mặn! đồ mặn!” Thế là, mọi người đành phải ngưng đĩa lại. Có người còn nghi ngờ, đang ngon miệng, tại sao lại là đồ mặn, thật hay giả đây? Cứ hỏi người đầu bếp thì biết ngay. Hỏi ra họ cho biết quả thật đó là đồ mặn. Bây giờ, có người liền ứng khẩu ngâm hai câu thơ trêu đùa cho vui:

“Thôi rồi một kiếp đời hoa

Lỡ ăn một miếng ngon đà có sao!”

Thế là, sau đó, họ bung ra toàn là đồ chay dã chiến, không món nào ăn được cả. Bởi vì họ chuẩn bị là chuẩn bị đồ mặn, bây giờ vỡ lẽ ra là cả đoàn ăn chay, thì thử hỏi họ chạy đâu cho ra mà có đồ ăn chay liền ngay được. Thế là họ quơ trong tủ lạnh có món gì không phải đồ mặn thì họ mang ra. Ăn cái kiểu này, thà nhịn đói còn tốt hơn. Cuối cùng, có người bảo họ, thôi cho mỗi người một gói mì cũng được. Mì gói họ cũng đâu có sẵn. Họ phải chạy đi tiệm kiếm mua. Trong khi đó, một số người vừa mệt lại vừa đói phải ra xe ngồi đợi. Còn lại những người khác, sau khi nhà hàng dọn dẹp hết đồ mặn rồi, thì mọi người chỉ biết nhìn nhau ngó cười cho đỡ đói. Nhìn thấy cảnh này, tôi có làm bài thơ kỷ niệm.

Mì Gói

Mỗi người phân phát một bao mì

Chờ mãi trên xe chẳng chịu đi

Chẳng hiểu đồ chay sao chẳng book

Book toàn đồ mặn biết ăn chi!

Ngồi nhìn cảnh ấy ôi! nghe đói

Uể oải nhìn nhau hưởng được gì?

Vẫn biết trên đời ai chẳng lỗi

Mong rằng khi book nhớ tư duy

Trở lại vấn đề ở Kê Túc Sơn, sau khi dùng cơm xong, những người này lần lượt ra xe. Khi ra đến xe, tôi thấy đã có một số người ngồi sẵn trên xe. Lúc đó, là đúng sáu giờ chiều. Không bao lâu, mọi người đều có mặt và lên xe đầy đủ. Nhưng khổ nỗi là hai chú tài xế không có mặt. Thế là mọi người phải ngồi chờ. Mãi cho đến 6 giờ 30, hai chú tài xế mới đến và rồi chú tài xế bên chiếc xe chúng tôi, đề máy xe rồi chạy đến chỗ bôm bánh xe để bôm. Cứ cà rịch cà tang, cho đến khi xe bắt đầu thực thụ lăn bánh để trở lại Đại Lý, lúc đó là đúng 7 giờ tối.

Trước khi đến khách sạn Phụng Hoàng Ôn Tuyền ở Đại Lý, đoàn ghé lại nhà hàng ăn cơm tối. Đến nơi, mọi người để hành lý lớn ở trên xe buýt, chỉ xách những hành lý xách tay mà thôi. Sau khi nhận chìa khóa, mới biết là xe nhỏ chở mọi người đến những tòa nhà khác để ngủ. Chắc chắn đêm nay mọi người sẽ ngủ ngon giấc, vì suốt cả ngày đi quá mệt mỏi.

---o0o---

X Côn Minh

Ngày 12, tức ngày 20/9/04

Chương trình hôm nay phải đi đến Côn Minh, nên sáng nay, mọi người đều phải thức dậy sớm. khoảng 5 giờ sáng, xe nhỏ đến mỗi tòa nhà chở mọi người trở lại khách sạn Phụng Hoàng Ôn Tuyền để chuẩn bị ra sân bay. Vì thời gian quá gấp, nên buổi ăn điểm tâm sáng nay, khách sạn phát cho mỗi người một vài thức ăn cầm tay, như bánh bao, chuối, bôm v.v... để lên xe ăn.

Vài nét về thành phố Côn Minh

Thành phố Côn Minh là thủ phủ của tỉnh Vân Nam, thuộc cao nguyên Vân Quý. Thành phố nằm ở độ cao 1.893m so với mặt nước biển. Nhiệt độ trung bình trong năm là 15 độ C, bốn mùa đều như mùa xuân nên Côn Minh còn có tên là “Xuân Thành” (tức thành phố mùa xuân). Với lợi thế thiên nhiên, khí hậu và có nhiều công trình kiến trúc cổ kính và hiện đại, Côn Minh đang thu hút khách du lịch khắp thế giới.

Do khí hậu ôn hòa quanh năm nên khắp nơi trong thành phố Côn Minh tràn ngập hoa đủ loại, đủ màu sắc. Hoa trên tường rào các dãy phố, hoa trồng giữa dải phân cách trên đường. Trên hè phố, trong các ô vuông trồng cây lấy bóng mát người ta cũng để các chậu hoa nhỏ, màu sắc rất sặc sỡ. Sản xuất hoa là một ngành chủ chốt của Côn Minh – nơi cung cấp 70% hoa tươi cho Trung Quốc. (Theo tài liệu Vòng Quanh Thế Giới Du Lịch Trung Quốc NXB Thanh Niên, in năm 2003 trang 127 – 128)

Xét về lịch sử kinh tế ở Côn Minh sách sử ghi lại: “Từ thời Hán Tần, miền tây nam đã xuất hiện con đường giao thông quốc tế qua Côn Minh để đi đến các nước phía nam được gọi là “Trục thân độc đạo” là con đường tơ lụa quan trọng ngày xưa, điều đó cho thấy Côn Minh đã có lịch sử phát triển kinh tế xã hội lâu đời”.

Côn Minh còn có nhiều ngôi chùa đẹp nổi tiếng như Viên Thông, Hoa Đình, Kim Điện... Trong các ngôi chùa này, chỉ có chùa Kim Điện là lớn nhất. Chẳng những lớn nhất ở Côn Minh thôi mà nó còn lớn nhất ở Trung Quốc nữa. Ngoài ra, Côn Minh còn có nhiều thắng cảnh du lịch khác như hòn Ngọc, núi Tây Sơn, lầu Đại Quan, suối nước An Minh v.v... Những thắng cảnh này đã thu hút nhiều du khách đến đây tham quan.

---o0o---

01. Thất Thái Vân Nam

Đến phi trường Côn Minh vào lúc 9 giờ sáng. Lấy hành lý xong, mọi người lên hai chiếc xe buýt để đi đến một trung tâm du lịch gọi là Thất Thái Vân Nam. Đến nơi, đúng 10 giờ 20. Toàn khu du lịch rất rộng rãi, đủ màu, đủ kiểu, nên gọi là Thất thái, nghĩa là bảy màu khác nhau. Khu này rất nổi tiếng và rất hấp dẫn du khách đến đây thưởng ngoạn. Chính giữa khu có một hồ nước rất rộng lớn. Bên trong có một tòa nhà khá lớn bày bán đủ các loại hàng hóa, chủ yếu là kim thạch. Cửa hàng này có tên là Phi Thúy Châu Bảo Thương Thành. Phía sau tòa nhà có một thác nước chảy tuyệt đẹp. Trên hồ nước, có một cái quán nhỏ tên là Ba Hương Phẩm, chuyên bán đủ các loại nước giải khát.

Ngoài ra, trên hồ có nhiều tượng đá trắng đục nắn trông rất xinh lịch đẹp mắt. Những tượng đá này đục nắn thành hình người. Có một tấm bia đá trong có khắc hàng chữ nổi là: “Tích Nhựt Võ Hầu Cẩm Danh Xứ.” Được biết, những hình tượng này là các vị quan võ được tập trung tiêu biểu nơi đây.

Bên tay phải của cửa chính vào, có một tòa nhà chuyên bày bán những tranh ảnh hội họa và thư sách đủ các loại. Mô hình toàn khu, xây dựng theo lối kiến trúc Thái Lan. Đây là một lối kiến trúc theo kiểu mới, tức theo lối kiến trúc thiểu số của dân tộc Bạch. Đối diện phía trước hồ nước là nhà hàng Duy Tâm Viên Đại Tửu Điểm. Du khách rảo bước du ngoạn nơi đây, bên tai lúc nào cũng nghe phát ra những bản nhạc trầm bổng du dương theo điệu nhạc dân ca địa phương rất là tình tứ. Nơi đây, rất hấp dẫn du khách vừa thưởng ngoạn vừa nhiếp ảnh lưu niệm. Du khách ăn mặc đủ sắc phục qua lại tới lui, kẻ chụp hình, người ngồi ngắm cảnh thả hồn theo những điệu nhạc phát ra từ những cái loa chung quanh... Thật là một cảnh trí tấp nập nhộn nhịp vui chơi giải trí rất thích thú. Riêng tôi, nhìn cảnh này, liền lấy bút giấy ra ghi vội đôi dòng. Tôi ngồi viết ở cái bàn tròn bằng đá và có bốn cái ghế

tròn ngòi cũng bằng đá. Bên cạnh tôi còn có chú Tiêu và chú đang mân mê xem từng tấm giấy tiền Úc loại 50 Úc kim.

Mọi người ở đây ngắm cảnh hoặc mua sắm khoảng một tiếng đồng hồ. Thời gian ở đây, Hòa Thượng không mấy khỏe, nên các chú hướng dẫn dìu Hòa Thượng vào trong nhà hàng ở trên lầu có phòng để cho Hòa Thượng nghỉ khỏe dưỡng sức.

Đến 11 giờ 30, tất cả đều vào nhà hàng ăn trưa. Buổi ăn trưa hôm nay so với những nơi khác, thì ở đây có phần đặc sắc hơn. Họ nêm nếm mùi vị thức ăn đa phần khác xa những nơi khác. Mọi người đều nói hương vị thức ăn nơi đây tương đối khá hợp khẩu vị. Vì nơi đây vị trí gần với miền bắc của nước Việt Nam, tức giáp ranh với Lào Cay và Lào, nên sự giao lưu văn hóa tất nhiên là phải có. Do đó, nên việc ăn uống ít nhiều gì cũng có ảnh hưởng qua lại. Trong khi thưởng thức những món ăn đặc sắc, du khách còn thưởng thức những màn vũ nhạc dân ca rất độc đáo. Những diễn viên tài tử đều là giới trẻ, thật là nam thanh nữ tú. Sau khi trình diễn hết một kịch bản, họ mới kéo màn, chớ không phải mỗi lớp trình diễn là một màn. Điều này có khác hơn sân khấu nhạc kịch của mình. Có lẽ nhờ thế mà nhà hàng này du khách vào ăn rất đông. Đây cũng là một nghệ thuật thương trường làm ăn câu khách rất đặc dụng nổi tiếng của họ.

Cảm khái về cảnh này, tôi có ghi lại bài thơ kỷ niệm như sau:

Thất Thái Vân Nam Cảm Tác

Thất Thái ra vào khách ngoại du

Nam thanh nữ tú lẫn thầy tu

Kẻ vào ăn uống người mua sắm

Kẻ ngắm cá hồ nhiếp ảnh lưu

Đá tượng quan hầu lưu niệm kỷ

Thương Thành Phi Thúy hiệu Bảo Chu

Nhà hàng ăn uống còn xem vũ

Thất Thái ra vào khách thượng lưu.

02. Thạch Lâm

Ăn cơm trưa xong, đoàn rời nơi đây vào lúc 1 giờ 10 để đi đến Thạch Lâm du lãm. Từ Thất Thái Vân Nam, đến Thạch Lâm khoảng 70 cây số. Trên đường đi, bên chiếc xe của tôi và thầy Phước Tấn, tất cả đều đi vào giấc mộng đẹp an lành, mặc cho người hướng dẫn nói gì thì nói, chẳng ai nghe. Một phần vì mới ăn no, do thức ăn khá hợp khẩu vị, một phần vì quá mệt mỏi, nên khi lên xe, xe chạy được một đôi, thì trên xe chỉ còn nghe tiếng ngáy đều đều thật êm tai. Tôi nghiệp cho chú Tiêu có công thông dịch lại những gì mà hướng dẫn viên địa phương giới thiệu. Nhưng có mấy ai chú ý nghe đâu! Thật là:

Vào Mộng

Hướng dẫn nói gì hướng dẫn nghe

Thạch Lâm Thạch liết chẳng thèm nghe

Giờ đây chỉ ngủ là hơn hết

Đừng nói om sòm để ngủ nhe!

Xe chạy bình thường than nhức mỏi

Ngủ dùi lúc mệt thích trên xe

Tham quan ngắm cảnh thôi cần biết

Chỉ biết mộng huyền thích ngủ xe

Thạch Lâm là một thắng cảnh du lịch nổi tiếng nhất của Côn Minh. Nơi đây, được mệnh danh là “Thiên hạ đệ nhất kỳ quan” của Trung Quốc. Theo thống kê của sở du lịch địa phương cho biết, nơi đây hằng năm, đã có hàng triệu du khách từ khắp nơi đến tham quan. Khu du lịch được chia thành hai: tiểu thạch lâm và đại thạch lâm. Thạch lâm là một rừng đá thiên nhiên do tạo hóa ban cho. Có những hòn đá nhỏ và cũng có những tảng đá khổng lồ nằm xen kẽ nhau trông rất đẹp mắt. Hiện nay, tại đây vẫn còn lưu những bút tích in khắc trên vách đá của các bậc hiền nhân Trung Quốc ca ngợi về

hùng vĩ không nơi nào sánh kịp của Thạch Lâm, như “vân thạch tranh hùng”, “Thiên tạo kỳ quan”.

Khi đoàn đến đây, đã có rất nhiều du khách cũng tới thưởng ngoạn. Sau khi đi bộ một đôi, mọi người dừng chân lại một nơi có phong cảnh rất đẹp, thật thích hợp cho việc nhiếp ảnh lưu niệm. Vì thế, mọi người đều chụp chung một bồi hình kỷ niệm. Ngoài ra, còn có nhiều cô mướn đồ trang phục của sắc tộc thiểu số mặc vào đẹp như công chúa miền thượng du để nhiếp ảnh lưu niệm. Khung cảnh nơi đây vừa nhộn nhịp tiếng người cười nói, lại còn khoe hương khoe sắc đủ loại đủ kiểu đủ dáng trang sức làm đẹp của các cô. Rất hấp dẫn du khách nữ, các cô vào đây như lạc bước vào cảnh Tiên, tha hồ mua vui trình diễn.

Sau đó, Hòa Thượng cùng đoàn quyết định chia nhau lên từng chiếc xe nhỏ, mỗi chiếc chở chừng khoảng 10 người để đi tham quan toàn cảnh Thạch Lâm. Xa phí đi chung quanh toàn cảnh mỗi người là 10 đồng Trung Quốc. Một đồng Úc đổi ra khoảng 5đ50 tiền địa phương. Đặc biệt những chiếc xe này, do các cô thiếu nữ trẻ đẹp lái. Xe chạy một đôi, thỉnh thoảng ngừng lại để mọi người xuống chụp hình. Riêng tôi, tôi ngồi chung một chiếc xe với thầy Phước Trí và thầy Phước Lạc, cứ miệt mài ngắm cảnh làm thơ cho vui. Nơi đây, tôi có sáng tác 2 bài, xin ghi ra đây để cống hiến quý độc giả.

Thạch Lâm Cảm Tác

Thạch Lâm đá nổi giữa rừng hoang

Xen lẫn đôi cây bát ngát ngàn

Du khách nón dù trong nắng nóng

Mỗi người chạy nước dạo tham quan

Thắng cảnh thiên nhiên công tạo hóa

Đá ngàn lớn nhỏ vẫn trơ gan

Ngàn năm vẫn vật còn lưu dấu

Cảnh đó, người đây mãi hợp tan

Bao la rừng đá giữa trời xanh
Phong cảnh nên thơ đã sẵn dành
Yên tĩnh nước hồ trơ bóng nguyệt
Muôn hình tranh đá nổi thanh thanh
Xa xa muôn dặm trời mây đá
Du khách ngàn yên một chữ thành
Hỏi khách du phương dừng chân ngắm
Cảnh sắc thanh bình hết đua tranh.

---o0o---

03. Trà Lục Vũ

Ngắm cảnh tham quan xong nơi đây, đoàn ghé lại nơi trung tâm giao lưu văn hóa Trà Lục Vũ vào lúc 5 giờ 40. Đây là nơi chuyên đào tạo những sinh viên nghiên cứu trà và nghệ thuật pha trà của tỉnh Vân Nam. Đoàn vào phòng để thưởng thức hương vị trà. Vì người đông mà phòng nhỏ có giới hạn, nên đoàn người chia ra nhiều phòng để nghỉ chân thưởng thức trà. Như đã sắp xếp nhiệm vụ sẵn, nơi phòng của chúng tôi vào có hai cô thiếu nữ trẻ tuổi, một cô chuyên pha trà và một cô chuyên giới thiệu trà. Tôi ngồi kế bên thầy Phước Tấn. Thầy Phước Tấn, tuy chưa phải là người sành điệu thưởng thức trà, nhưng thầy cũng rất có hứng thú uống trà và cũng biết qua một số các loại trà nào ngon hay không ngon. Cho nên trong khi thưởng thức trà, thầy có nêu ra một vài câu hỏi có liên quan đến việc sản xuất trà nơi đây. Và cứ mỗi câu hỏi của thầy, đều được cô vừa pha trà vừa giới thiệu trả lời một cách rất trôi chảy. Vì đây là sở trường chuyên nghiệp của họ.

Riêng tôi, mù tịt về việc thưởng thức trà, vì tôi không mấy thích uống trà. Thời gian gần đây, tôi cũng cố gắng tập uống trà. Thứ nhất là để cho nó dễ tiêu hóa thức ăn, như là ăn có nhiều dầu. Thứ hai, người ta nói, lớn tuổi rồi cũng nên tập uống trà tỏ ra là người lớn già dặn có nhiều kinh nghiệm. Điều này, đối với tôi, thú thật là không mấy quan tâm. Nhưng dầu sao, uống

trà cũng là một cái thú vừa tiêu khiển vừa có lợi ích cho sức khỏe. Theo một nghiên cứu mới vừa phát hiện của ngành y học cho biết, những người uống trà và cà phê có thể ngừa được bệnh tiểu đường. Tuy nhiên, vấn đề này, thiết nghĩ, cũng còn tùy theo cơ thể của mỗi người.

Điểm đặc biệt của trà Vân Nam này có tên chung là trà Phổ Nhĩ. Cô hướng dẫn giới thiệu tuy nhiều điều thú vị, nhưng tôi không mấy chú ý lắm, chỉ nhớ đại khái là ở đây có nhiều loại trà ngon và tuy có nhiều loại, nhưng người ta gọi chung một loại là trà Phổ Nhĩ. Mục đích của họ là giới thiệu dài dòng, chung quy cũng không ngoài việc quảng cáo để bán trà cho du khách. Trong khi uống trà và nghe cô ta giới thiệu, tôi có nhã hứng làm một bài thơ nói về trà ở đây.

Phổ Nhĩ Trà

Vân Nam sản xuất Phổ Nhĩ trà

Hương vị thơm ngon khó tả mà

Đang mệt uống vào thêm khỏe khoắn

Dễ tiêu giải nhiệt lại ôn hòa

Uống vào máu huyết lưu thông dễ

Ngủ khỏe an thần mát cả da

Nghệ thuật pha trà cao tay thủ

Trà ngon hiền hữu khó tìm ra.

Rời khỏi nơi đây, đoàn đến nhà hàng ăn cơm tối vào lúc 7 giờ. Ăn xong, đoàn đi đến khách sạn Kim Long nhận phòng ngủ vào khoảng 10 giờ tối.

---o0o---

XI. Thượng Hải

Ngày 13, tức ngày 21/9/04

Rời khách sạn Kim Long vào lúc 5 giờ 30 sáng, đoàn ra phi trường để đi Thượng Hải. Đoàn lên máy bay lúc 7 giờ, máy bay cất cánh lúc 7 giờ 30. Thời tiết hôm nay không được tốt lắm. Ngồi trong máy bay, gần cửa sổ nhìn ra ngoài, tôi thấy sương mù dày đặc. Tới Thượng Hải lúc 11 giờ, nơi đây có 2 chiếc xe buýt chờ sẵn và đón đoàn về khách sạn. Nhưng trước khi đến khách sạn, đoàn đi tham quan chiêm bái chùa Ngọc Phật.

Người hướng dẫn ở Thượng Hải bên chiếc xe của chúng tôi là cô Lương. Trên đường đi đến chùa Ngọc Phật, cô có giới thiệu sơ qua một vài nét chính về Thượng Hải. Cô cho biết, Thượng Hải là một trong 4 thủ phủ lớn ở Trung Quốc. (Ba thủ phủ kia là Thiên Tân, Bắc Kinh, Trùng Khánh).

Thượng Hải là thành phố hiện đại lớn nhất Trung Quốc. Nó là một trong 4 thành phố trực thuộc trung ương của nước này. Diện tích: 6.345,5km². Tổng dân số Thượng Hải hiện nay (2004) là 18.67 triệu người. Thượng Hải được xem là thủ đô kinh tế của Trung Quốc.

Theo sách sử ghi lại: “cách đây khoảng 6.000 năm về trước, vùng phía tây Thượng Hải bây giờ đã hình thành, còn vùng phía đông có lịch sử hình thành ngắn hơn, vào khoảng 2000 năm. Vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, Thượng Hải là đất phong của Xuân Thân Quân Hoàng Yết nước Sở, do vậy Thượng Hải còn có tên là “Thân”. Vào thời nhà Tần (thế kỷ IX, V trước Công Nguyên), các cư dân ở vùng duyên hải và vùng Tùng Giang đa phần sinh sống bằng nghề đánh cá, họ chế tạo một công cụ đánh cá làm bằng nan tre gọi là “Hộ”, từ đó cả vùng này còn có tên là Hộ.

Năm 751 vào thời nhà Đường, khu vực Thượng Hải thuộc huyện Hoa Đình, phạm vi từ phía bắc đến vùng Hồng Khẩu ngày nay, phía nam giáp biển, phía đông đến Hạ Sa.

Năm 991 vào thời nhà Tống, do thượng du Tùng Giang bị tắc nghẽn, đường bờ biển mở dài ra phía đông, thuyền bè ra vào phải đỗ tại Thượng Hải Phố - một sông nhánh của Tùng Giang (cũng tức là sông Hoàng Phố đoạn từ phía đông bến Thượng Hải đến Thập Lục Phố).

Năm 1267 vào thời nhà Nam Tống, bờ tây Thượng Hải Phố bắt đầu xây dựng thị trấn, đặt tên là Trấn Thượng Hải. Năm 1292, nhà Nguyên tách Trấn Thượng Hải khỏi huyện Hoa Đình, thành lập huyện Thượng Hải, đánh dấu lịch sử bắt đầu xây dựng thành phố Thượng Hải.

Từ thế kỷ XV thời nhà Minh, Thượng Hải trở thành trung tâm thủ công nghiệp của cả nước. Năm 1658, vua Khang Hy nhà Thanh thiết lập hải quan Thượng Hải. Đến giữa thế kỷ XIX, Thượng Hải trở thành hải cảng tập trung đông đảo các thương nhân.

Từ sau hai cuộc chiến tranh nha phiến (1839 – 1842 và 1856 – 1860) Thượng Hải biến thành cửa khẩu thông thương của thực dân. Trong khoảng 100 năm sau đó, nhiều nước tiến hành xâm chiếm Thượng Hải, đặt tô giới riêng.

Ngày 27/5/1949, thành phố Thượng Hải được giải phóng, viết nên trang sử mới cho sự phát triển của thành phố. Thượng Hải hiện nay là thành phố kinh tế rất phồn thịnh”.

---o0o---

01. Ngọc Phật Tự

Đoàn đến viếng thăm chùa Ngọc Phật. Chùa này được xây dựng vào năm 1918. Vì trong chùa có thờ tượng Phật lớn bằng ngọc thạch cho nên chùa có tên như thế. Pho tượng Phật bằng ngọc này do Ngài Huệ Căn ở núi Phổ Đà thỉnh từ Miền Điện về vào đời nhà Thanh năm 1882 và được thờ ở chùa Giang Loan. Về sau, mới chuyển đến thờ ở chùa này. Các công trình kiến trúc quan trọng trong chùa gồm có: Điện báu Đại Hùng Điện Thiên Vương, Lầu Ngọc Phật, Ngọ Phật Đường. Trong Đại Hùng Bảo Điện có 3 pho tượng rất lớn đều an trí trên đàn Tu Di cao 0,9m2 pho tượng Phật Thích Ca Niết Bàn và ngòai khắc bằng ngọc, theo thứ tự được thờ ở hai khám Phật có lát pha lê trong bản đường của Ngọ Phật đường và Ngọc Phật lầu.

Sau khi tham quan chiêm bái, đoàn rời khỏi nơi đây vào lúc 1 giờ 10, và đồng đến nhà hàng Thái Hồng ăn trưa rồi sau đó về khách sạn. Đến khách sạn để hành lý trong khách sạn, đoàn tiếp tục đi tham quan một vài nơi...

---o0o---

XII. Ninh Ba

Ngày 14, tức ngày 22/9/04

Đoàn rời khỏi khách sạn Vật Vũ vào lúc 7 giờ 30 sáng để đi Ninh Ba. Ninh Ba là thành phố trực thuộc của tỉnh Chiết Giang. Về vị trí, thì Ninh Ba

nằm ở phía nam của Vịnh Hàng Châu nhìn ra biển đông Trung Hoa. Giáng Thiệu Hưng về phía Tây và Đài Châu về phía Nam.

Ninh Ba có một diện tích khá rộng lớn 9.365 km². Đường dài theo bờ biển gồm có 1.562 km. Về dân số theo thống kê của năm 2004 gồm có: 5.527.000 người. Về các dân tộc chính là Hán, Thổ Gia, Miêu, Choang.

Đoàn tới Ninh Ba và vào nhà hàng Nam Hải Ngư Thôn để ăn trưa vào lúc 12 giờ 30. Ăn xong, đoàn ra xe lúc 1 giờ 10 trực chỉ xuống bến tàu Ninh Ba để đi Phổ Đà. Đoàn xuống tàu vào lúc 3 giờ 5 phút chiều. Tàu rời bến vào lúc 3 giờ 15 phút. Chiếc tàu khá lớn, không có một hành khách nào khác, ngoại trừ 65 người chúng tôi. Ngồi trên tàu nhìn ra bên ngoài, cảnh trí trời chiều rất đẹp thơ mộng. Tàu chạy xé nước văng tung toé trắng xóa hai bên. Xa xa có những dãy núi nối liền nhau chạy dài lên xuống, mờ mờ ảo ảo bao phủ bởi những làn sương mù dày đặc.

Rời Bến

Đoàn đến bến tàu phố thị Ba.

Cùng nhau chuẩn bị đến non Đà

Người người bước xuống tàu rời bến

Tâm niệm cùng vui một chữ hòa

Tàu chạy đưa người qua bến giác

Sau lưng bỏ lại não phiền đa

Lắng nghe tiếng vọng từ tâm thức

Năng sở song vong nhập Phổ Đà

Cập Bến

Tàu chạy giữa dòng biển khắp mông

Úc Châu xa đến tám lòng mong

Phổ Đà con quyết nguyện chiêm ngưỡng

Bồ tát Quán Âm ngưỡng vọng trông

Núi Thánh hiện ra trong ánh mắt

Sông trần gió thổi ngát hương nồng

Bến tàu nắng ấm niềm mơ ước

Tan sạch buồn đau nắng sở vong

---o0o---

XIII. Phổ Đà Sơn

Tàu cập bến vào lúc 4g30 chiều, đoàn người lần lượt bước ra khỏi tàu. Mỗi người chỉ mang theo hành lý xách tay, còn những hành lý lớn nặng đều gửi lại khách sạn Vật Vũ ở Ninh Ba. Đoàn đi thẳng về khách sạn theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn địa phương. Theo lời Hòa Thượng Trưởng Đoàn, hôm nay chúng ta phải tranh thủ thời gian để đi tham quan ngay một vài nơi, trước khi về lại khách sạn dùng cơm. Do đó, đoàn đến tham quan chiêm bái ngôi chùa đầu tiên ở trên núi Phổ Đà này là ngôi chùa Phổ Tế. Trước khi nói về việc tham quan ngôi chùa này, nhân đây, thiết nghĩ, chúng ta cũng nên tìm hiểu sơ qua vài nét về vùng núi lịch sử này.

“Núi Phổ Đà còn gọi là Bồ Đà Sơn, Bồ đà lạc ca sơn, Mai sâm sơn, Tiểu bạch hoa sơn. Núi nằm ở quần đảo Chu Sơn, ngoài biển Đông thuộc huyện Định Hải (có chỗ nói huyện Phổ Đà) tỉnh Chiết Giang, là Thánh địa của Bồ tát Quán Thế Âm. Trước đời Đường, tương truyền có các vị Mai Phước, Cát Hồng ở ẩn tu đạo, nên gọi là Mai Sâm Sơn. Đời Đường năm 847- 860 có một vị Tăng Ấn Độ đến đây, tự đốt mười ngón tay, thấy được Bồ Tát Quán Âm hiện thân thuyết pháp, trao cho khối đá quý bảy màu, nên đất này được truyền tụng là đất hiển thánh của Bồ tát Quán Thế Âm.

Đời Hậu Lương thời Ngũ Đại, năm 916, khi ngài Huệ Ngạc người Nhật từ núi Ngũ Đài thỉnh tượng Bồ Tát Quán Âm về nước, thuyền đi đến đảo này, lòng vòng không chịu tiến, Ngài liền dừng lại đây lập chùa để cúng dường và phỏng theo tên Bồ đà lạc ca, trụ xứ của Bồ Tát Quán Âm tại Ấn Độ mà đặt tên là Phổ Đà. Từ thời Nam Tống về sau, các triều đại thường cúng dường nhiều tài vật, chùa lớn được xây dựng khắp núi, tăng đồ càng nhiều, người đến chiêm bái ngày càng đông đảo, Phổ đà sơn trở thành một đạo tràng lớn của Phật giáo Trung Quốc.

Đời Nam Tống, năm 1131, các tông phái Phật giáo ở núi Phở Đà thống nhất quy về Thiên Tông. Năm 1214, lại quy định phải lấy việc thờ phụng đức Quán Thế Âm làm chính. Các triều đại về sau tiếp tục kiến lập thêm tự viện. Chiều dài chiều rộng núi khoảng trên dưới 18 cây số, có khoảng 218 tự viện, am thất, thảo am, tăng ni hơn 2000 người. Trong ấy nổi tiếng nhất có 3 chùa lớn, 72 chùa nhỏ. Ba chùa lớn là chùa Phở Tế (Tiền Tự), chùa Pháp Vũ (Hậu Tự) chùa Huệ Tế, gọi chung là Phở Đà Tam Đại Tông Lâm. Mỗi năm khoảng giao mùa giữa xuân và thu, thiện nam tín nữ các nơi lũ lượt đến núi Phở Đà hành hương, nghỉ mát khiến nơi này trở thành một tùng lâm phồn thịnh nhất trong các tỉnh miền Giang Nam.

Ngọn Bạch Hoa là đỉnh cao nhất của núi Phở Đà, thường gọi là núi Phật đảnh, từ chân núi đến đỉnh có hơn 2000 bậc đá, sườn núi có bia đá tên Vân Phát Thạch, trên khắc 4 chữ Hải Thiên Phật Quốc.

Núi Phở Đà có nhiều ngọn cao vút, bốn mặt đều là biển, trong núi có nhiều hang động thiên nhiên, bí hiểm kỳ lạ. Tiếng sóng biển hòa với tiếng kinh từ các chùa tạo thành âm thanh vi diệu, thật là một cảnh thần kỳ của cõi Phật ở chốn trời biển mênh mông”.¹⁴

---o0o---

01. Phở Tế Tự

Chùa Phở Tế có một truyền thuyết thật ly kỳ hấp dẫn. Khi đoàn vừa đến, thì hướng dẫn viên cho biết là chùa sắp sửa đóng cửa. Vì vậy nên đoàn chỉ vào điện thờ Đức Bồ Tát Quán Thế Âm đảnh lễ và dâng cúng tịnh tài. Theo truyền thuyết, như trên đã nói, nơi đây xưa kia, có một nhà sư người Nhật Bản, pháp danh là Huệ Ngạc. Ngài Huệ Ngạc là một Thiên Sư Nhật Bản thuộc Tông Lâm Tế, sang Trung Quốc vào đời Đường”.

Về chuyện của ngài, dĩ nhiên, có nhiều truyền thuyết đề cập đến. Có thuyết nói rằng, vào khoảng năm thứ 2 niên hiệu Minh Trinh đời Lương, sau thời Ngũ Đại, Phật giáo Trung Quốc truyền sang Nhật Bản vào đời Đường, hồi đó có rất nhiều nhà tu hành xuất gia Nhật Bản du học cầu pháp, sang nước Trung Hoa phỏng đạo tìm thầy, trong số đó có Thiên Sư Huệ Ngạc.

Với tâm nguyện đó, ông đã vượt trùng dương trải qua nhiều ngày thật gian khổ. Ông mong sớm đến đại quốc Trung Hoa để hành hương chiêm bái và tầm thầy học đạo. Nơi đầu tiên ông đến, đó là núi Ngũ Đài. Vì ngài đã từng nghe sự linh thiêng mầu nhiệm ở nơi đây. Do đó, khi bước chân lên đất Trung Hoa, thì ngài đến nơi này trước tiên. Đến đây, việc đầu tiên là ngài đi

triều bái Bồ tát Văn Thù. Sau đó, ngài đi tham quan những danh lam thắng cảnh khác.

Một hôm, ngài nhìn thấy một bức tượng Quán Âm Đại Sĩ tuyệt đẹp, tướng hảo quang minh. Ngài khởi tâm thèm khát ao ước trong lòng ước gì có được Thánh Tượng này mang về Nhật Bản để thờ cúng chiêm bái. Lúc đầu ngài định bạch với thầy trụ trì sở tại (không thấy nói rõ chùa nào) để thỉnh. Nhưng ngài suy nghĩ, nếu hỏi thỉnh chắc là không thể nào toại ý được. Bởi vì ngài đã đoán trước là không thể nào được. Do đó, ngài liền đổi ý: Tam thập lục kế, bắt dữ nhi thủ (không cho mà lấy) là thượng sách. Ngài nghĩ đây cũng là xuất phát từ môi thiện tâm, muốn cho người Nhật Bản nhìn thấy Tôn Tượng tuyệt đẹp này mà sinh lòng kính tín. Nghĩa là: “Người quy y phước tăng vô lượng, kẻ lễ niệm tội diệt hà sa”. Như thế, chắc là không phạm vào tội trộm cắp không cho mà lấy. Ngài còn lý luận thêm, việc làm này cũng chỉ vì mục đích nghĩ đến việc lợi ích cho mọi người, không có ý lợi cho mình, thì chắc là Bồ Tát cũng không nổi bắt tội mình. Một ý nghĩ và tự lý luận thâm thấy hữu lý, nên ngài không còn ngần ngại gì nữa quyết định lén lấy mang đi.

Khi được Thánh Tượng trong tay rồi, ngài nghĩ đây là vật quý báu vô giá, mình không thể nào ở lâu trên núi này được, cần phải sớm rời nơi đây, càng nhanh càng tốt. Ngài bèn tìm cách thoát thân để khỏi phải để lộ tông tích. Sau khi chuẩn bị hành trang sắm thuyền xong, ngài liền nhắm hướng đông đi tới. Khi thuyền đến Quần Đảo Chu Sơn, thuộc Huyện Định Hải Tỉnh Chiết Giang ngày nay, nơi đây còn có tên gọi là vùng Đá Ngâm Tân La, bồng giữa mặt biển hiện ra nhiều cánh sen búp bằng sắt (nay vùng này có tên gọi là “Thiết Liên Hoa”) trước thuyền, cứ thế, trải qua 3 ngày đêm, thuyền cứ đi lòng vòng quanh không qua khỏi núi Phô Đà. Khi thuyền quay sang nhắm hướng đông, thì những búp sen kia lại hiện ra ngăn cản lại. Thấy thế, Ngài bắt đầu kinh sợ, hồi hộp lo âu, cảm thấy bối rối trong lòng. Tục ngữ có câu: “Không làm điều trái lương tâm, dù nghe sét đánh sấm gầm chẳng sao”.

Bấy giờ, ngài định tâm lại xét xem mình có làm điều chi sai quấy làm lỗi mà bị ngăn cản thế này. Nghĩ mãi không ra, ngài liền quỳ xuống trước Thánh Tượng Quán Âm cầu xin sám hối. Khi quỳ xuống trước Thánh Tượng, bất giác ngài nghĩ chắc là mình phạm lỗi lầm ở nơi Thánh Tượng không cho mà lấy. Nghĩ thế, ngài liền khẩn nguyện rằng:” Kính bạch Bồ Tát, con vì thấy Thánh Tượng Ngài tướng hảo trang nghiêm đẹp quá, nên con có ý thỉnh Ngài về nước con để mọi người chiêm ngưỡng bái lại cho họ có

thêm phước đức, nếu như Bồ Tát không chịu đi, thì con xin nguyện ở lại nơi đây vùng núi này để xây dựng tịnh xá thờ cúng Ngài”.

Lạ thay! Nguyện xong, không còn thấy những búp sen cản trở trước thuyền nữa, và thuyền tiếp tục đi đến một cửa hang, hang này có tên là Triều Âm Động, ông liền cho thuyền cập bến và ở lại nơi đây. Lúc bấy giờ, Phở Đà sơn còn là một hòn đảo hoang vu ít có người biết đến, chỉ có một vài ngư phủ thường hay vắng lai, và có người che lều tạm trú mưa nắng. Khi thuyền cập bến rồi, Huệ Ngạc Tổ Sư đi tìm mãi một lúc xa xa thấy có một túp lều cỏ, ngài mừng quá đến nơi mới biết túp lều này là của một ngư ông họ Trương chuyên nghề đánh cá kiếm sống.

Khi ông Trương nghe hết đầu đuôi câu chuyện do ngài Huệ Ngạc thuật lại, ông này giật mình biết đó là sự linh ứng của Bồ Tát không muốn đi sang Nhật Bản, mà muốn ở lại non Phở Đà này. Ông Trương quý xuống lễ bái khấn cầu Thiên Sư Huệ Ngạc ở lại đây, ông sẵn sàng nhường lại túp lều để ngài ở và tôn thờ Bồ Tát. Đồng thời, ông đi vận động những người khác để phụ lo việc cúng dường thức ăn cho Thiên sư thọ dụng và xây dựng thêm chỗ thờ phụng Bồ Tát cho được trang nghiêm hơn. Từ đó, Thiên Sư Huệ Ngạc ở luôn trên đảo này và lập thành cái am có tên là “Bát Kháng Khứ Quán Âm Viện” (nghĩa là Quán Âm không chịu đi) và cũng từ đó ngài trở thành vị Tổ khai sơn đầu tiên ở Phở Đà Sơn. Từ một cái am lều cỏ đơn sơ của thuở xa xưa, nay biến thành một ngôi chùa Phở Tế khang trang tráng lệ.

Dù thời gian cấp bách, nhưng Hòa Thượng và mọi người cũng đánh lễ Bồ Tát rồi mới đi. Song có điều hơi khó hiểu về nghi thức ở đây, khi Hòa Thượng và mọi người đánh lễ, thì họ không cho thỉnh chuông.

---o0o---

02. Viên Thông Tự

Lễ xong, đoàn vôi và rời khỏi nơi đây để đi qua chiêm bái chùa Viên Thông. Danh xưng của ngôi chùa này có liên quan rất lớn đối với pháp môn tu của Bồ Tát Quán Thế Âm. Bồ Tát Quán Thế Âm trong lúc tu nhân, Ngài ứng dụng phương pháp: “Phản văn văn tự tánh”. Nghĩa là nghe lại tánh nghe của mình. Thông thường, chúng ta nghe tiếng hay bị lệ thuộc ở nơi tiếng. Tức là chạy theo thính trần. Ta vui buồn tùy nơi âm thanh. Nghe tiếng của ai đó khen ta, thì ta vui. Ngược lại, thì ta buồn. Ta bị lệ thuộc ở nơi thính trần hoàn toàn. Ở đây, pháp tu của Bồ Tát Quán Thế Âm thì ngược lại. Ngài không theo thính trần. Ngài làm chủ âm thanh. Ngài biết âm thanh chỉ là

duyên hợp. Có hợp tất có tan. Sự hợp tan là ở nơi thịnh trần, không quan hệ gì đến tánh nghe của Ngài. Ngài nhận và sống hòa nhập với tánh thể, mà tánh thể thì vượt ngoài đôi đũa giữa chủ thể và khách thể. Nhờ hằng sống hòa nhập trọn vẹn như thế, nên Ngài được tự tại đối với các pháp. Cho nên, Ngài còn có biệt danh là Quán Tự Tại. Nói thịnh trần chỉ là tiêu biểu cho 6 trần.

Khi tâm ta còn vọng nhiễm, thì gọi là trần. Nhưng khi tâm ta không còn vọng nhiễm nữa thì gọi là cảnh. Bởi vì 6 thứ: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, bản thân của chúng, thì không có nhiễm hay tịnh, hoặc đẹp hay xấu, mà đẹp, xấu đều do tâm ta đặt định cho chúng. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng nhĩ căn để tu, khi một căn đã được thanh tịnh rồi, thì các căn kia cũng đều thanh tịnh. Nên nói là “viên thông”.

Nơi đây, thờ 3 tượng Quán Âm bằng ngọc thạch. Hòa Thượng và mọi người vào bên trong điện lễ bái. Khi đến nơi này, cửa chùa chánh vừa khép lại, nên hướng dẫn viên xin phép vị thầy đóng cửa cho nán lại vài phút để đoàn lễ bái. Do đó, sự tham quan chiêm bái của đoàn rất là vội vã gấp rút, không quan sát nhìn kỹ được gì. Thật là một điều rất đáng tiếc, nhưng vì thời giờ quá eo hẹp biết nói sao hơn!. Và lại, ở đây, sao họ làm việc quá ư là quy tắc. Dù mình có xin phép họ được kéo dài thời gian một chút, họ cũng không cho.

---o0o---

03. Đại Tôn Tượng Quán Âm Nam Hải

Rời nơi đây, đoàn cố tranh thủ thời gian để đến cho kỳ được nơi thờ tôn tượng Quán Âm Nam Hải. Đến nơi, là đúng 6 giờ chiều, trời tờ mờ tối, không còn nhìn thấy rõ lắm. Cho nên, họ không mở cửa. Dù vậy, đoàn vẫn cố chiêm ngưỡng lễ bái. Hiện nay, tượng đang đánh bóng lại, vì lâu ngày chất đồng ra ten. Từ xa nhìn lên, trông thấy hình tượng Bồ Tát đứng rất oai nghiêm hùng vĩ. Được biết, Tượng Quán Âm này, từ khi khởi công làm cho đến lúc hoàn thành, phải mất thời gian 7 năm trời. Tượng được đúc bằng đồng, có tất cả là 73 tấn. Điều cảm động nhất đối với tôi nơi đây, là Hòa Thượng và mọi người đều quỳ xuống dưới nền xi măng, để thành tâm lễ bái Thánh tượng. Nhìn thấy Hòa Thượng quỳ xuống một cách thành tâm tha thiết lặng lẽ hướng mắt nhìn về Thánh Tượng Quán Âm giây lâu, rồi sau đó, ngài mới từ từ dập đầu lạy xuống. Ngay giây phút ấy, tôi bỗng trực nhớ lại, tâm nguyện của Hòa Thượng đã gói gắm trọn vẹn trong bức tâm thư mà Hòa Thượng đã gửi cho Phật tử. (Như trước có nói qua, trong đó, có đoạn Hòa Thượng kể lại một sự thật về cuộc đời của ngài khi ngài còn nhỏ. Hòa

Thượng nói rằng, cuộc đời của Hòa Thượng sanh ra và lớn lên đầy bất hạnh. Ngài sanh thiếu thốn, ốm o, và trải qua một cơn đau thập tử nhất sinh, vì chứng bệnh nan y hoành hành dữ dội, rồi nhờ mẹ hết lòng chạy chữa và cầu nguyện, lễ bái với Thánh Tượng Bồ Tát Quán Thế Âm Nam Hải ở núi Phổ Đà. Kể từ đó, ngài được mạnh khỏe và lớn lên trong sự cứu độ của Bồ tát).

Do đó, nên hôm nay khi Hòa Thượng nhìn lại hình tượng này, ngài quá xúc động, nhớ lại ân đức muôn ngàn thâm trọng quá lớn lao và đồng thời, ngài có ước nguyện một ngày nào đó, ngài sẽ được quỳ dưới chân của Bồ Tát để ngài bái bạch dâng lên trút cạn nỗi lòng của ngài đối với Bồ Tát. Thế là, Hôm nay Hòa Thượng đã được toại nguyện. Nhìn thấy cảnh tượng này, quá xúc động, chúng tôi liền viết vài câu thơ để tưởng niệm:

Không gian lặng giữa biển trời mây thanh vắng

Một đoàn người tâm cảm lệ trào dâng

Đức mẹ hiền hiển hiện phủ toàn thân

Lòng con trẻ nguyện dâng lên niềm tin tưởng

Quỳ trước tượng với vạn lòng hướng thượng

Nỗi nghẹn ngào xúc động áng Từ Vân

Dẫn đàn con đến lễ Phật nệ nào thân

Hòa Thượng lễ, đàn con quỳ trước sân đánh lễ

Được Bồ tát chiếu soi nào sá kể

Chứng lòng thành đá bẻ giữa ngàn sao

Kính dâng lên Bồ tát nỗi nghẹn ngào

Một tâm cảm, lệ xuôi trào con luôn nhớ!

Sau những giây phút thật yên lặng thành tâm lễ bái, Hòa Thượng cùng mọi người đứng lên và rời nơi đây để trở lại khách sạn dùng cơm tối. Ăn cơm xong, mọi người nhận phòng nghỉ ngơi sớm để lấy sức ngày mai đi chiêm bái tiếp.

Ngày 15, tức ngày 23/9/04

---o0o---

04. Phổ Tế Tự, còn gọi Phật Đảnh Sơn Tự

Vào lúc 8 giờ sáng, đoàn khởi hành đi tham quan một vài ngôi chùa. Ngôi chùa đầu tiên, Hòa Thượng và mọi người đến chiêm bái là Phổ Tế Tự. Phổ Tế Tự hay Phật Đảnh Sơn, còn gọi là Bạch Hoa Sơn, hoặc Bồ Tát Đảnh. Vị trí của ngôi chùa này, nằm giữa 4 ngọn núi, cao tới 116 trượng. Chùa này là một trong 3 ngôi chùa lớn nhất ở núi Phổ Đà. “Chùa này trước kia vốn là một ngôi đình, bên trong thờ Phật. Đến đời Minh được sửa chữa lại thành am Huệ Tế. Năm 1973, lại xây thêm Điện Viên Thông, Điện Ngọc Hoàng và lầu Đại Bi v.v... mở rộng thành chùa. (về niên đại này, chúng tôi thấy trong quyển Phổ Đà Sơn Dị Truyện của Pháp Sư Chử Vân nói có khác. Theo Pháp Sư thì, năm Càn Long thứ 58 mới có thêm Bảo Điện Viên Thông).

Năm 1907, Hòa Thượng Văn Chánh xây dựng thêm thành ngôi chùa lớn, rồi thỉnh Đại Tạng Kinh về thờ. Toàn chùa có 4 điện, 7 cung, 6 lầu, trong điện rường cột chạm khắc với kỹ thuật rất tinh xảo”.¹⁵

Chùa tọa lạc trên đỉnh núi cao. Do đó, muốn lên đây, mọi người cần phải đi cáp treo. Điều trở ngại cho đoàn không ít, là thời gian được ấn định đi mỗi nơi có giới hạn. Tuy nhiên, vì số người quá đông, nên mỗi khi đi lên xe hay xuống tàu, nhất là đi cáp treo như thế này thì phải tốn mất thời giờ rất nhiều. Hơn nữa, đâu phải chỉ có đoàn mình không, mà còn có nhiều đoàn du lịch khác nữa, nên cứ mỗi lần đi cáp treo là đoàn phải chờ đợi rất lâu. Có khi cả tiếng đồng hồ mới lên được cáp treo. Do vậy, nên không thể nào giữ đúng theo giờ giấc mà chương trình đã quy định.

Hòa Thượng thảo luận cùng với quý vị hướng dẫn viên, nên đi Phạm Âm Động hay Triều Âm Động. Nơi đây, cả một rừng cây xanh bao la bát ngát. Từ trạm cáp treo lên đến chùa không đầy 5 phút. Khi đến trạm cáp treo, mọi người còn phải leo lên nhiều nấc thang đá mới lên đến Phật Đảnh Sơn. Lúc này, tôi nhìn đồng hồ tay là đúng 8g40 sáng. Từ cổng ngoài đi vào chùa cũng khá xa, hai bên tàn cây che phủ thật âm u tối tăm. Buổi sáng hôm nay, trời mưa lâm râm, nên mỗi người trên đầu đều có đội nón hoặc che dù đi vào chùa.

Phật Đảnh Sơn quả là một thắng cảnh yên tĩnh. Đứng trên đỉnh cao nhìn về phía xa trông thấy núi non chón chở trùng trùng điệp điệp, trời nước

bao la. Tôi ngấm nhìn không biết chán. Cảm thấy tâm hồn mình trải rộng ra hòa nhập cùng với núi non biển nước trời đất mênh mông bao la, thật cảm thấy tâm hồn lâng lâng nhẹ nhàng thanh thoát làm sao! Nhìn ra xa rồi nhìn trở lại ngôi chùa thấy thật là bé nhỏ. Nhứt là đoàn người hôm nay ít nhiều gì cũng gây nên bao tiếng động ồn náo phá tan cảnh tĩnh mịch thanh u của cảnh tông lâm yên vắng. Đâu phải chỉ riêng có đoàn hành hương chúng tôi, mà còn có mặt một vài đoàn hành hương khác nữa.

Cũng như các chùa khác, lối tôn trí nơi đây, đầu tiên là du khách sẽ bước vào Điện Thiên Vương. Trong Điện Thiên Vương này, có thờ tượng Bồ Tát Di Lặc. Khi Hòa Thượng và mọi người tiến vào Điện thứ hai là ngôi Bảo Điện Chánh, thì có một Hòa Thượng người Hoa đang lễ Phật nơi đây. Hai vị Hòa Thượng một Việt, một Hoa tuy mới sơ giao mà hai ngài trò chuyện với nhau trông có vẻ cũng tâm đắc lắm. Người con Phật là như thế đấy. Không phân biệt người nước nào, miễn cùng chung tôn thờ một đấng cha lành, hình thức đầu tròn áo vuông, thì xem nhau là huynh đệ một nhà.

Một đôi liễn treo 2 bên cột chánh điện nói lên ý nghĩa Phật pháp rất thâm sâu:

Mộ cổ thân chung dữ Phật hữu duyên thành vô thượng đạo.

Tùng phong thủy nguyệt gian thiên vô úy thị đại Bồ đề.

Sau khi cùng đoàn lễ Phật và nhìn qua một vòng ở trong điện Phật, tôi liền rón rén lách nhẹ mình qua đoàn người còn đang chiêm bái, bước ra ngoài để tìm tấm bảng mà thường trên đó họ có ghi lại về tiểu sử của ngôi chùa. Đến nơi, tôi thấy họ cũng chỉ ghi đại khái như tài liệu mà tôi đã có. Sau đó, tôi tìm được một tài liệu nói về một truyền thuyết vị Tổ khai sơn của ngôi chùa lịch sử này. Đó là quyển: “Phổ Đà Dị Truyện” bằng chữ Hán, tác giả là Pháp Sư Chữ Vân. Thật tôi không ngờ, vị Tổ khai sơn của chùa này lại là một chú tiểu Sa Di. Chuyện kể lại có nhiều đoạn và khá dài dòng thú vị. Nhưng ở đây, tôi chỉ xin phỏng tác một cách tóm lược mà thôi.

Truyện kể rằng: Phía sau của núi có một cái am người ta thường gọi là Am Duyệt Lĩnh. Am này chính là nơi ẩn thân của chú tiểu. Người ta không rõ chú tiểu gốc gác từ đâu, chỉ biết chú sống trong cái am nhỏ này cùng với sư phụ và một vài huynh đệ đồng sư khác. Lúc đó vùng núi Phật Đảnh Sơn này còn hoang vu vắng vẻ, không một bóng người lai vãng. Chú tiểu Sa Di, tuy tuổi còn nhỏ, mà sớm muốn làm nhà thám hiểm, chú quyết chí leo lên trên đỉnh núi. Mục đích là để khám phá những gì ở trên đỉnh núi. Vượt qua

biết bao khó khăn vất vả, leo lên từng mỗm đá gập gềnh, cây đan nhau chằng chịt, vậy mà nhà thám hiểm nhỏ bé kia vẫn lên được tới nơi. Đó mới là chuyện lạ! Nhưng cũng không lạ mấy, vì tục ngữ có câu: “Hữu chí cánh thành”. Nghĩa là có chí thì nên. Khi lên đến nơi, chú mới phát hiện trên đỉnh núi là một vùng đất bằng phẳng phải thế tạo cảnh già lam. Trong lúc ngồi nghỉ mệt, chú đưa mắt nhìn chung quanh, thấy xa xa có một cái bia đá hình vuông, trên có khắc chữ, nhưng vì xa không thấy rõ, nên chú đến gần mới thấy 4 chữ đó là: “Huệ Tuế Thiên Lâm” .

Chú vô cùng ngạc nhiên, thật lạ quá! tại sao ở nơi hoang vu vắng vẻ, mà lại có tảng đá này? Chú thắc mắc tự hỏi. Suy nghĩ mãi, như ngộ ra một điều gì. Chú nghĩ, chắc rằng, nơi đây trước kia đã có ai xây dựng chùa rồi. Nếu không, thì tại sao đất bằng phẳng lại có bia đá? Nếu người xưa xây dựng nên cảnh chùa ở đây, thì tại sao mình không xây dựng được? Nghĩ thế, bỗng thấy tâm trí sáng ngời, và chú như quyết bằng mọi giá phải thực hiện cho kỳ được.

Sau đó, chú trở xuống núi, trở về am bàn thảo cùng với sư phụ về ý định của chú muốn xây dựng ngôi chùa trên đó. Sư phụ nghe chú nói, liền cười và nói: Tuổi đời của con còn non nớt, mà dám nghĩ đến chuyện đại sự tày trời, thật là không biết lượng sức mình. Khác nào ếch nhái mà dám đo sức voi. Dù bị Sư Phụ không bằng lòng còn chê chú nữa, nhưng chú vẫn như quyết năn nỉ xin cho kỳ được. Thấy thế, cuối cùng Sư phụ đành chấp nhận, nhưng biết chú không thể nào làm được. Ông nghĩ, chấp nhận cho chú vui mà thôi. Ông còn nói, nếu chú xây dựng được cảnh chùa ở trên đó, dù sư phụ tuổi già sức yếu, nhưng cũng ráng sức mang cơm lên cho con dùng. Nghe sư phụ nói thế, như một thách thức lớn lao, có ý khi dễ chú, chú lại càng bực tức hơn nữa.

Thế là, từ đó, chú hạ quyết tâm xuống núi, rời khỏi chốn thiền môn thanh vắng nghiêm tịnh, từ giả tất cả huynh đệ ra đi... Nhưng, trước khi xuống núi, chú đối trước tượng Bồ Tát Quán Âm khẩn nguyện: “Kính bạch Bồ Tát Thánh Tôn, đệ tử xuống núi lần này để hóa duyên, nhằm xây dựng Tùng lâm, cúng dường thập phương Tăng bảo, một lòng vì đạo, ngưỡng nguyện Bồ Tát đại từ bi chứng giám gia hộ cho đệ tử tròn sở nguyện”. Nguyện lễ xong, chú từ giả sư phụ ra đi, một thân đơn côi lần dò theo đường núi đã quen thuộc rồi lần khuất trong dãy núi phủ kín sương mù...

Đâu ai biết được, một chú tiểu ngây thơ trong trắng, hằng ngày sống gần bên sư phụ cùng huynh đệ trong am vắng , nhưng đầy ắp yêu

thương, nay lại phải sống chen chúc trong cảnh bụi trần. Ngày ra chợ, trên tay cầm cái mõ, vừa đi vừa đánh mõ, cứ lang thang đầu chợ đến cuối chợ, chợ tan, đi vào những nơi thôn dã, không hang cùng ngõ hẻm nào mà chú không bước chân tới. Tối lại, tìm những nơi miếu cổ mờ hoang để ngủ nghỉ. Trên đường lặn lội hóa duyên như thế, chú trải qua biết bao khổ cảnh trăm đắng ngàn cay, bị biết bao tiếng người kích bác nặng lời. Nhưng chú không hề nản chí, ản nhẫn quyết tâm đạt cho kỳ được mục đích.

Ngày đi, đêm nghỉ, lê gót phong sương rày đây mai đó không có nơi nào cố định, trải qua 3 năm trời chịu cực chịu khổ, nhưng vẫn không sờn chí của một chú tiểu đã được núi đá cây lá hoa rừng, hun đúc tạo thành một con người cứng rắn, đầu đội trời, chân đạp đất. Đi đến đâu tiếng mõ hòa lẫn trong tiếng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm không dứt. Có đôi lúc, vì quá gian khổ, chú cũng muốn buông xuôi, trở về nơi rừng núi hoang vu sống lại với những chuỗi ngày dài ngây thơ trong sự thương yêu đùm bọc bảo dưỡng của thầy của bạn. Không thể được! Chú tự nhủ thầm, nguyện lớn chưa thành, quyết không trở lại.

Rồi một hôm, trong một buổi chiều, dưới ánh nắng vàng le lói còn vương lại chút tia nắng yếu ớt của buổi chiều tàn, chú men theo dòng suối, đến nơi mồm đá cheo leo, từ từ ngồi xuống và rời thả chiếc mõ gỗ lâu nay luôn sát bên mình chú, như là một người bạn thân chí cốt. Trước khi thả mõ xuống, chú nhắm nghiền đôi mắt lại, hướng về núi Phổ Đà nơi Phật Đảnh Sơn, chú hết lòng thành tâm cầu nguyện: Kính bạch Bồ Tát: “Đã ba năm qua, con đã mòn gót hóa duyên, nhưng cho đến nay chưa gặp một vị đại thí chủ nào phát tâm ủng hộ tài thí cho con có đủ phương tiện xây dựng một Đại Tòng Lâm để làm nơi tu học cho hàng Tứ chúng. Chắc là do nghiệp chướng của con quá sâu dày, nên khiến con không gặp được thiện tín hữu duyên ủng hộ công đức. Nay, con chỉ còn có cách là hướng về Bồ Tát, mong Bồ Tát thương xót hộ độ cho con, giờ đây con xin thả cái mõ gỗ này xuống dòng nước, chiếc mõ trôi đến đâu, con xin theo đến đó, nếu chiếc mõ dừng lại ở đâu, thì con dừng lại ở đó để tiếp tục hóa duyên”.

Nguyện xong, chú thả mõ xuống nước, mõ trôi lững lờ theo dòng nước chảy, cứ trôi tới đâu, chú theo tới đó. Cứ như thế, trải qua suốt mấy ngày trời, bỗng một hôm, chiếc mõ dừng lại. Chú mừng quá, đưa tay vớt mõ lên, rồi đến một lùm cây có bóng mát, chú ngồi xuống tay gõ, miệng xưng niệm thánh hiệu Bồ Tát. Chú nghĩ rằng, nếu ngồi đây mà không gặp một vị đại thí chủ nào phát tâm hỷ cúng, thì chú quyết nhịn đói bỏ xác nơi đây. Chớ

không mặt mũi nào trở về nhìn thấy sư phụ và chú huỳnh đệ. Nghĩ xong, chú tiếp tục niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm, âm thanh vang vọng cả khu rừng...

Trải qua ba ngày đêm niệm như thế, quyết không ăn uống, mà vẫn không thấy bóng ma nào xuất hiện. Chú nghĩ chả lẽ đời mình lại bị bẻ tắt rú xương nơi đây! Không lẽ tới đây: “Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ”. Nhưng không ngờ, đang lúc: sơn cùng thủy tận, thì lại: “Liễu ám hoa minh hựu nhất thôn”. Một xóm liễu nhỏ hoa cười, bỗng hiện loé lên một tia hy vọng.

Số là, trong vùng này gần chỗ chú ngồi, có một bà phú hộ, đã lâm trọng bệnh mấy tháng nay, không thuốc nào chữa hết. Bệnh bà càng ngày càng thêm nặng. Bà nguyện nếu có ai chữa bà khỏi bệnh thì tốn hao đến mấy, bà cũng chẳng màng. Dù cho hết gia tài, bà cũng cam chịu, miễn sao cứu được mạng sống của bà. Đang nằm trên giường, bỗng bà nghe tiếng mõ từ xa vang vọng lại. Nghe tiếng mõ, lòng bà cảm thấy tươi mát nhẹ nhàng kỳ lạ. Như có một thần diệu gì trợ lực cho bà. Bà cho rằng, người đánh mõ, chắc hẳn là một bậc y vương kỳ tài. Bà liền sai người đầy tớ đi tìm cho được người đánh mõ mời về trị bệnh cho bà. Người đầy tớ gái tới nơi gặp chú tiểu, vội hỏi: Này chú tiểu ơi! Chú có biết chữa bệnh không? Phu nhân nhà tôi đang bệnh nặng, sai tôi đi tìm chú về chữa bệnh cho bà.

Chú tiểu nói với giọng ngây thơ rằng: tôi nói thật với cô, tôi là người xuất gia, chỉ biết tụng kinh gõ mõ thôi, chớ không biết chữa bệnh. Vậy cô đi tìm lương y để trị cho phu nhân của cô đi. Cô đầy tớ hỏi: Vậy chớ tại sao chú ngồi đây gõ mõ làm gì?

- Tôi ngồi đây hóa duyên lấy tiền xây dựng Đại Tòng Lâm. Chú nói với về thiết tha chân thành, với ai chú cũng nói như thế.

- Nè! Chú nói chú hóa duyên, mà chú ngồi một chỗ gõ mõ tụng niệm như thế này, chỉ có Long Vương mới nghe giúp chú. Thôi, phu nhân tôi, nghe tiếng mõ của chú mà bà ta cảm thấy trong lòng thanh thản vui vẻ, vậy thì chú hãy theo tôi về gõ mõ cho bà nghe, nếu như phu nhân tôi hết bệnh, thì chú muốn hóa duyên bao nhiêu cũng được. Chú tiểu, tuy bụng cũng muốn đi, nhưng lòng còn e ngại. Mình không phải là thầy thuốc, nếu khi đến, người ta bảo mình chữa trị, thì biết đâu mà chữa. Suy tới, nghĩ lui, cuối cùng, thôi cũng lều một phen xem thử tới đâu hay đó.

Đến nơi, người đầy tớ báo cho bà phu nhân biết. Bà phu nhân cho mời vào.

- Phu nhân hỏi: Chú xuất gia lâu chưa?

- Dạ! được vài năm.

- Chú thuộc kinh nhiều không?

- Thưa, tôi không thuộc nhiều lắm. Chỉ thuộc chú Đại Bi.

- Thái phu nhân nói: Tôi nghe tiếng mõ của chú, tôi cảm thấy khỏe nhiều lắm. Vậy chú cứ tụng chú Đại Bi cho tôi nghe đi.

Thế là chú tụng chú Đại Bi một cách rất chân thành. Phật pháp nhiệm mầu, bệnh của Thái phu nhân lần lần thuyên giảm và hết hẳn. Bà vui mừng khôn xiết. Bà cho rằng, Bồ Tát hiển linh cứu thoát bệnh bà.

Sau khi lành bệnh, Thái phu nhân hỏi rõ đầu đuôi có sự, tại sao chú còn nhỏ tuổi, mà lại có một ước nguyện quá lớn lao như thế? Chú không e dè, từ tốn trả lời: Thưa bà, tôi chỉ có một nguyện vọng duy nhất là tạo cảnh Đại Tông Lâm nhằm vào cho có nơi kang trang yên tĩnh, vì nơi đó cảnh trí rất đẹp, phải nơi xây dựng tông lâm cho hàng Tứ chúng tu học. Nhất là cho các vị xuất gia yên tĩnh tu hành. Người ta tu đắc đạo, thì mình có phước rất lớn. Và lại, cổ đức thường nói, muốn cho Phật pháp được truyền bá lâu dài ở thế gian, thì không gì bằng tạo cảnh Tông Lâm rộng lớn, có đủ phương tiện, đào tạo tăng tài để tiếp tục hoằng dương Phật pháp. Do nghĩ thế, nên tôi quyết chí cố đi hóa duyên để xây dựng.

Thái phu nhân nghe những điều chú tiểu trình bày một cách chân thành tha thiết, bà quá xúc động, rơi lệ, cảm thương vô cùng. Bà tự nhủ thầm, tại sao chú này, tuổi đời còn quá trẻ, mà lại có một tâm hồn cao thượng như thế. Với tấm lòng và sự chịu khổ cực trong suốt ba năm qua, thật dù cho người lớn cũng chưa chắc ai làm nổi. Quả là Bồ Tát hộ độ cho chú. Vì cảm nỗi sự tha thiết chí thành của chú trong vấn đề quyên góp xây dựng, nhắm vào sự lợi ích cho mọi người, chớ đâu phải cho riêng chú, mà chú phải chịu cực khổ gian nan vất vả như thế. Còn mình hôm nay, nhờ có phước đời trước nên nay mới được giàu có. Thế thì tại sao có cơ hội đến nơi mà mình không tạo phước? Nghĩ thế, bà nói: được rồi, chú cứ yên tâm, tôi sẽ giúp cho chú hoàn thành tâm nguyện. Nghe phu nhân nói thế, chú tiểu như nhảy thót lên mây từng mây xanh, không biết có phải mình đang nằm mơ hay thực. Thật là Bồ Tát quá linh thiêng nhiệm mầu!

Thế là Thái phu nhân bỏ tiền ra thuê người, nào nhân công, thợ thuyền v.v... Trải qua thời gian làm rất vất vả tốn kém cũng khá nhiều tiền...Nhất là khi khởi công lại được nhiều người cộng lực hỗ trợ thêm, nên ngôi Tông

Lâm sớm được thành tựu. Thế là, nguyện ước của chú Sa Di đã được vẹn tròn. Nhưng muốn hoàn thành tâm nguyện đó, lúc đầu chú cũng phải gánh chịu biết bao thử thách gian nan. Thường làm việc Phật sự lớn lao, bước đầu hay bị thử thách để xem sự kiên nhẫn của đương sự như thế nào. Đó là nguyện nhân có ra Phật Đảnh Sơn mà ngày hôm nay đoàn đến chiêm bái.

Khi phỏng viết thuật lại câu chuyện truyền thuyết này, tôi liên tưởng đến Đại Tông Lâm Phật giáo tương lai mà hiện nay Hòa Thượng đang vận động xây cất. Cả hai đều có một ước nguyện giống nhau. Tuy nhiên, có điều khác hơn là một già một trẻ. Phật Đảnh Sơn là do chí nguyện của một chú tiểu Sa Di quyết tâm hóa duyên tạo thành. Còn Đại Tông Lâm Phật Giáo là do Hòa Thượng tuổi trên bát tuần đứng ra khởi xướng. Tuổi tác tuy cách biệt, nhưng chí nguyện lại gặp nhau. Trong thời gian qua Hòa Thượng đứng ra vận động kêu gọi lòng hảo tâm của mọi người, vì sự lợi ích chung mà cùng nhau đồng tâm hiệp lực xây dựng. Chú tiểu kia trải qua ba năm, chịu cực khổ gian lao lang thang rày đây mai đó, để quyết lòng đi hóa duyên, may đâu gặp được một đại thí chủ đứng ra lo hết mọi bề. Chú đã gặp được một Cấp Cô Độc thứ hai thời Phật. Thật là đúng với câu: “khổ tận cam lai”. Còn bây giờ, ai là người tuổi trẻ mang tâm nguyện chịu khó chịu cực như chú tiểu kia để đứng ra gánh vác cái trọng trách lớn lao này thay cho Hòa Thượng để thực hiện? Chú tiểu kia trải qua ba năm, gặp được đại thí chủ rộng lòng làm một việc đâu phải là chuyện thường. Xây chùa trên đỉnh núi, thật là thiên nan vạn nan. Thế mà người ta vẫn kiên tâm thực hiện được. Ở đây, mình xây trên đất liền việc di chuyển vật liệu đâu có khó khăn gì mấy. Tuy nhiên, chỉ khó khăn ở mặt đóng góp tài chánh, cũng như về mặt luật pháp mà thôi. Điều này, tùy theo mỗi thời đại mà có khác.

Mong sao, ngôi Đại Tông Lâm Phật Giáo do Hòa Thượng chủ trương xây dựng sẽ có được nhiều đại thí chủ như Thái phu nhân, hay Cấp Cô Độc của thế kỷ này phát tâm ủng hộ cho Đại Tông Lâm Phật Giáo sớm được hoàn thành, như ngôi Tông Lâm Phật Đảnh Sơn mà chúng tôi chiêm bái. Được biết, kể từ khi Hòa Thượng khởi xướng phát động sự kêu gọi đóng góp cho đến nay (2004), cũng đã được nhiều nhà thí chủ phát tâm ủng hộ. Nhứt là vừa qua đã được một đại thí chủ nhà hàng Maxims Banktown cúng dường toàn bộ phần tiệc chay gây quỹ lên đến 600 người vào đêm tối thứ sáu ngày 8/10/2004 vừa qua. Ngoài ra, theo chỗ chúng tôi được biết, có hai tờ báo lớn nhất của người Hoa tại Sydney, họ cũng hưởng ứng bằng cách cổ động kêu gọi mọi người đóng góp. Hiện tại, khi chúng tôi ghi lại những dòng chữ này, nghe Hòa Thượng nói, việc chôn tiền mua đất cũng sắp sửa kết thúc, và như thế, coi như miếng đất thuộc chủ quyền của mình. Đó là

điều đáng vui mừng cho chúng ta. Bây giờ, chúng tôi xin được kể tiếp về việc chiêm bái của đoàn ở Phật Đảnh Sơn.

Khi nhìn thấy quang cảnh sáng nay, mọi người nhộn nhịp kẻ qua người lại, kẻ lễ bái, người đi dạo chung quanh viếng cảnh. Nhân đây, chúng tôi có cảm tác một bài thơ như sau:

Phật Đảnh Sơn Cảm Tác

Phật Đảnh Sơn Phổ Đà con chiêm bái

Trước Phật đài lẳng lẳng kính dâng hương

Khách thập phương đồng chiêm ngưỡng thật hữu duyên

Hai Hòa Thượng trước Phật tiền trao đàm đạo

Người con Phật gặp nhau như huynh đệ

Đâu ngại ngần phân biệt kẻ Việt Hoa

Lòng tôn thờ một giáo chủ Phật Thích Ca

Là một đấng cha lành chung hơn loại

Phút gặp gỡ giả từ niềm ưu ái

Áng mây từ vô ngại giữa trời xanh

Bước chân đi trong nếp nghĩ mãi an lành

Thôi giả biệt bước nhanh đành trở lại

Phật đảnh sơn giữa núi rừng yên vô ngại

Lạy giả từ tuyệt cảnh đẹp nơi đây

Theo gót chân đực độ một bậc Thầy

Xin giả biệt nơi này trong ngán lệ

Đi nơi khác nếu không thì sẽ trở

Cuộc hành hương chiêm bái núi Phở Đà

Dù ngoài trời lác đác hạt mưa sa

Đoàn con quyết vượt qua không ái ngại

Đoàn rời nơi đây vào lúc 9g30.

---o0o---

05. Phạm Âm Động

Đoàn đi đến Phạm Âm Động. Đây là một trong 12 thắng cảnh của Phở Đà Sơn. Khi chúng tôi đến đây đã có nhiều người đang khấn nguyện trước hình tượng Bồ Tát Quán Thế Âm. Tượng thờ có nhiều tay. Trên có 4 chữ: “Hữu Cầu Tất Ứng”. Sự linh ứng của Bồ Tát Quán Thế Âm thật bất khả tư nghì.

Quán Thế Âm tâm thanh cứu khổ

Ngài hiện thân khắp chốn cùng nơi

Oai thần lồng lộng sáng ngời

Hiển linh cảm ứng độ đời khổ đau

Lòng Bồ Tát dạt dào bi cảm

Thương chúng sanh bể thảm sông mê

Ứng thân xoa dịu mọi bề

Lòng con xưng niệm tràn trề an vui

Niềm tin tưởng chẳng lùi, tiến bước

Cảm ơn Ngài ngũ trược độ con

Lòng này dâng trọn sắc son

Cam lồ vện hưởng nguyện tròn thủy chung

*Nhớ lúc khổ khốn cùng Ngài độ
Gặp gian truân thổ lộ Ngài nghe
On Ngài đất chỡ trời che
Bao lần lâm khổ thuyền bè vớt đưa
Nhành dương liễu tay vừa kịp nắm
Nước tịnh bình tưới tắm thân con
Phổ Đà trú xứ hằng còn
Duyên xưa đã đến vẹn tròn ước mơ.*

Đứng về phương diện tín ngưỡng dân gian, thì trong tất cả các vị Đại Bồ Tát ở Tứ Đại Danh Sơn, đại đa số người ta tin tưởng vào Bồ Tát Quán Thế Âm nhiều hơn. Bởi vì Bồ Tát Quán Thế Âm rất có nhân duyên với chúng sanh ở cõi Ta bà này. Bồ Tát Quán Thế Âm, tiếng Phạn gọi là Bodhisattva Avalokitesvara. Quán Thế Âm, nghĩa là quán sát tiếng kêu than của chúng sanh trong thế gian để độ cho họ thoát khổ. Bồ Tát Quán Thế Âm được đề cập nhiều nhất trong các Kinh điển Đại thừa. Đồng thời cũng là vị Bồ Tát mà hầu hết các nước Phật giáo đại thừa tin tưởng về mặt tín ngưỡng cũng như triết lý.

Lịch sử cho biết, Tín ngưỡng Quán Âm bắt đầu từ Ấn Độ, sau truyền đến Trung Quốc, Tây tạng, Nhật Bản, Việt Nam.... Chính vì sự phổ cập đó, nên có rất nhiều niềm tin khác nhau. Từ đó, nên người ta dùng những nghệ thuật tinh xảo tạc tượng, điêu khắc... thờ Ngài dưới nhiều dạng thức khác nhau. Bởi xứng theo danh hiệu và bản nguyện của Ngài, thì Ngài không có ở một trú xứ nào cố định. Với bản nguyện cứu khổ độ sanh của Ngài, nên Ngài tùy tâm cảm của chúng sanh mà Ngài thị hiện đủ loại thân để hóa độ. Vì vậy, nên người ta thường xưng tụng Ngài là đáng tâm thỉnh cứu khổ cứu nạn linh cảm ứng Quán Thế Âm Bồ Tát. Như trong Phẩm Phổ Môn của Kinh Pháp Hoa có nói rõ. Như vậy, Ngài đích thực là hiện thân của từ bi. Nơi nào chúng sanh có khổ, tha thiết thành tâm niệm danh hiệu Ngài, thì Ngài hiện thân bằng mọi hình thức để cứu khổ, cứu nạn. Nhưng phải niệm với một tâm thành. Để hiểu rõ hơn về những hình tượng sai biệt của Ngài, sau đây, chúng tôi xin được nêu ra một vài hình tượng tiêu biểu đã được phổ biến.

1. Quán Âm Thiên Thủ Thiên Nhãn: Theo Kinh Phật thuyết thiên thủ thiên nhãn Quán Âm Bồ Tát đại viên mãn vô ngại đại bi tâm đà la ni nói: “Bồ Tát phát nguyện vì lợi ích chúng sanh nên biến hiện ngàn mắt ngàn tay. Hai mắt hai tay buông xuống, mỗi bên trái phải có 20 tay, trong mỗi tay có một con mắt, các mắt là nhằm vào 25 hữu (trong 3 cõi có loại hữu tình tồn tại ở các cảnh như: dục giới có 14 loại, sắc giới có 7 loại, vô sắc giới có 4 loại) thành ra ngàn tay ngàn mắt. Ngoài ra còn có cách tạo hình ngàn tay mỗi bàn tay có một con mắt, đầu đội khăn báu, trên có hóa Phật. Tay ở tượng có 18 tay, trước là 2 tay chấp lại, 14 tay khác đều có cầm pháp khí như: Chùy Kim cang, Kịch, Phạm giáp, bảo ấn, cành sen, dây sợi, nhánh dương...”

2. Thánh Quán Âm: còn gọi Thánh Quán Tự Tại, đây là hình tượng thế ngồi kiết già có thể thấy ở một số nơi trong các chùa mà chúng ta đã thấy qua.

3. Mã Đầu Quán Âm: hình tượng này, ta cũng thường thấy trên đầu của Ngài có hình tượng con ngựa với một uy thế rất hùng dũng uy mãnh.

4. Thập Nhất Diện Quán Âm: đây là hình tượng đức Quán Âm gồm có 11 mặt. Hình tượng này, người ta còn gọi là Đại Quang Phổ Chiếu Quán Âm. “Trong Kinh diễn tả hình tượng này có 3 dạng thức tiêu biểu: Phía trước có 3 mặt là mặt Bồ tát, bên trái có 3 mặt là mặt tức giận, 3 mặt bên phải tựa như mặt Bồ Tát, lộ ra nanh vuốt, một mặt sau cười, ở trên là một mặt Phật. Một dạng khác với gương mặt dữ nhằm cải hóa chúng sanh , thứ hai là mặt dung từ hóa độ những người hiền, thứ ba là mặt trầm tịch với tinh thần hóa độ người xuất thế. Dạng cuối cùng là 9 mặt, trên là gương mặt tươi cười, biểu thị sự giáo hóa tối yếu đầy vẻ uy nghiêm, trên cùng là mặt Phật, biểu thị sự thành tựu tối hậu”

5. Chuẩn Đề Quán Âm: Chuẩn Đề biểu thị cho sự tinh khiết, trong Mật giáo cho rằng Bồ tát này là mẹ sanh ra tất cả chư Phật. Trong Kinh Thất Chi Phụ Mẫu sở thuyết Chuẩn Đề có nói: Trên mặt tượng có 3 mắt, với 18 làm tướng nói pháp... mô tả mỗi tay cầm một loại pháp khí khác nhau.

6. Bạch Y Quán Âm: còn gọi là Bạch y đại sĩ, hình của Ngài mặc y trắng đứng trên hoa sen trắng, tay cầm tịnh bình và cành dương liễu. Hình tượng này, ta thường thấy người ta hay tôn thờ Ngài ở ngoài trời, gọi là Quán Âm lộ thiên.

7. Quán Âm Ngư Lam: Tôn tượng này có đôi mắt hiền hậu, mũi cao, miệng nhỏ, tóc cài thường như một phụ nữ trong dân gian, tay cầm giỏ tre, trong

giỏ có con cá Lý ngư. Đây là hình ảnh vị Bồ Tát xuất thân nhập hóa nhưng lại là một thiếu phụ thôn dã.

8. Quán Âm Diệu Thiện: hình tượng này người ta dựa vào cốt truyện vua Diệu Trang Nghiêm có 3 người con gái, nàng con út tên là Diệu Thiện, tự cắt tóc móc mắt cứu vua cha. Đại đa số các học giả Trung Quốc cho rằng Quán Âm mang thân người nữ bắt đầu từ đây (?).

9. Quán Âm và Long Nữ: hình tượng này, ta thấy người ta tạc tượng bên trái Quán Âm là Thiện Tài đồng tử, bên phải là cô gái trẻ đứng, đó là Long Nữ.

10. Quán Âm Nam Hải: hình ảnh này người ta dựa vào một cốt truyện do một vị Tăng đời Nguyên sáng tác. Tác phẩm này được truyền vào Việt Nam vào khoảng thế kỷ XIV. Và tác phẩm này đã được Việt hóa hoàn toàn. Đức Quán Âm này cũng có tên là Diệu Thiện sinh ở nước Hưng Lâm nhưng đi tu tại chùa Hương Tích (Việt Nam) và thành Phật tại đây. Vì Ngài cư trú nơi biển Nam nên gọi là Quán Âm Nam Hải.

Trong quyển Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, tác giả Nguyễn Lang, có đoạn nói: “Quán Âm Thị Kính và Quán Âm Nam Hải chiếm một đức tin quan trọng trong đức tin của người dân quê Việt Nam. Thị Kính là hình ảnh của một lòng tha thứ bao dung và đức nhẫn nhục không bên bờ; còn Diệu Thiện là hình ảnh ý chí kim cương, một tình thương rộng lớn, bao trùm cả gia đình và nọn loại...”¹⁶

Ngoài ra, việc tín ngưỡng đức Bồ Tát Quán Thế Âm qua việc dịch Kinh, ta thấy cũng bắt nguồn sớm nhất ở Trung Quốc. Đầu tiên là Ngài Chi Cương Lương Tiếp dịch Kinh Pháp Hoa Tam Muội 6 quyển vào năm 225 Tây Lịch đời Ngô thuộc Tam Quốc (nay đã thất lạc). Ngài Trúc Pháp Hộ đời Tây Tấn cũng dịch phẩm Quán Thế Âm Phổ Môn trong Kinh Chánh Pháp Hoa vào năm 286 Tây Lịch. Ngài Cưu ma La Thập dịch phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa vào năm 406 Tây Lịch đời Dao Tần vân vân và vân vân... Còn và còn rất nhiều nhà dịch khác nữa mà chúng tôi không thể nào liệt kê ra hết ở đây được.

Phải thành thật mà nói, những nơi này, cũng như những ngôi Tam Bảo khác, tuyệt đại đa số là những cơ sở đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng. Thực chất, Phật pháp có kích thước chiều sâu của những thời đại trước, không còn nữa. Hầu hết, những nơi thắng cảnh ở Tứ Đại Danh

Sơn, hiện tại được nhà nước chú trọng rất nhiều về mặt sửa sang trang hoàng để câu khách du lịch tiện bề thân ngoại tệ.

Nhìn thấy cảnh đoàn người đốt hương nghi ngút khắp cầu, Bồ Tát Quán Âm hiện ra cho họ thấy, bỗng dung tôi cảm thấy xót xa trong lòng. Không phải xót xa vì tôi không tin Bồ Tát. Tôi rất tin tưởng ở nơi Ngài. Bởi vì Ngài là:

Quán Âm cứu khổ khắp trần gian

Ứng hiện oai linh tợ ánh vàng

Ngàn mắt xét soi ngoài cửa địa

Tay ngàn tế độ cảnh lâm than

Nhành dương nhân nại qua cơn bão

Nước Tịnh từ bi chảy khắp tràn

Kính nguyện ân sâu ghi tạc dạ

Tâm nguyện trải rộng độ thênh thang.

Nhưng sự tin tưởng ở nơi Ngài, còn tùy theo trình độ nhận thức sâu cạn của mỗi người mà có những niềm tin khác nhau. Tôi tự hỏi: Chẳng lẽ Phật pháp ở nơi đây chỉ ngàn ấy thôi sao?! Niềm tin tưởng vào Bồ tát, đó là điều đáng quý. Nhưng tin Bồ Tát không phải là bái lạy van xin mong Ngài hiện ra cho thấy. Nếu tin và cầu xin như vậy, thì thật là quá lầm lẫn. Vì Bồ Tát hiện ra phải có nhân duyên đặc biệt, chứ không phải lúc nào muốn thấy là thấy được. Nếu lúc đó, Bồ tát hiện ra, thì nói Bồ Tát linh thiêng. Ngược lại, nếu Bồ tát không hiện cho thấy, thì nói là Ngài không linh thiêng, hay không thương xót mình. Hiểu và tin nông cạn như thế, thì thật oan cho Bồ Tát quá! Người Phật tử mà đặt niềm tin một bề vọng ngoại như vậy, thì làm sao đúng với lời Phật dạy? Và nếu chỉ tin một bề khẩn cầu như thế, thì việc tu hành dứt trừ phiền não của chúng ta sẽ ra sao? Bồ Tát không muốn chúng ta phải y lại nơi Ngài như vậy đâu. Lạy Ngài mà không hiểu và vâng theo lời Ngài dạy để thật hành cho đời ta hết khổ, thì việc lạy Ngài đó, quả thật không đúng như ý Ngài muốn.

Thí như trong gia đình cha mẹ có hai đứa con, một đứa, thì sáng nào cũng thỉnh cha mẹ ra ghé ngồi để nó bái lạy. Xem ra, thì coi như là nó có hiếu thảo lắm. Nhưng khi lạy xong, thì nó lại đi làm những chuyện bất lương tày trời gây ra nhiều tội lỗi như: cướp của, giết người v.v... Ngược lại, đứa kia thì nó không làm như thế, nó chỉ biết cung kính cha mẹ trong lòng, tuy bề ngoài nhìn thấy nó không tỏ ra hiếu thảo, nhưng trong lòng nó ghi nhớ những gì mà cha mẹ nó dạy. Nó luôn luôn làm lành lo tu sửa bản thân, và làm những gì lợi ích cho người khác, tùy theo khả năng của nó có thể làm được, thì nó ra tay giúp ngay.

Như thế, qua hai đứa con đó, thử hỏi làm cha mẹ thương đứa nào nhiều nhất và lo cho đứa nào nhiều nhất? Chắc chắn là chúng ta đã có câu trả lời rồi. Cũng thế, người Phật tử cần phải học hiểu và vâng theo lời Phật dạy mà hành trì cho đúng. Nói thế, không có nghĩa là chúng ta khinh thường hình thức cúng bái. Đó là một nghi thức rất thiết yếu mà ta cần phải duy trì. Tuy nhiên, không phải chỉ thể hiện việc phô trương hình thức bề ngoài mà cho là đủ, mà cần phải thật hành tu sửa trong tâm. Như thế, thì Sự Lý mới dung thông. Trong Kinh Phật thường dạy: “Ngoài tâm cầu đạo, đó là ngoại đạo. Hoặc ngoài tâm tìm Phật đó là ma”. Trong Kinh Kim Cang Phật dạy:

“Nhược vĩ sắc kiến ngã

Vĩ âm thanh cầu ngã

Nhược nơn hành tà đạo

Bất năng kiến Như Lai”.

Ý nghĩa của bài kệ nói rằng, nếu người nào cho thấy sắc tướng của Phật (qua hình tượng Phật cũng thế) gọi là thấy Phật, hay nghe âm thanh (tiếng Phật nói pháp hay văn tự cũng thế) của Phật rồi đi tìm Phật, kẻ nào mang tâm trạng đó, thì kẻ đó đang thật hành theo lối tà đạo, cứ như thế, thì suốt đời mãi kiếp không bao giờ gặp Phật. Chữ “Như Lai” trong bài kệ trên, ta chớ vội hiểu là đức Phật Thích Ca Mâu Ni ứng thân thị hiện ở Ấn Độ, mà Như lai ở đây có nghĩa là Phật chỉ cho Pháp thân, hay Phật tánh, (tức tánh thanh tịnh sáng suốt) mọi người đều sẵn có. Ta chỉ cần xoay trở lại tâm ta trực nhận cái thể tánh sáng suốt đó, thì mới thực sự là thấy Phật (kiến tánh).

Nếu không như thế, dù mình có mệnh danh là Phật tử đi chăng nữa, thì cũng chưa phải là người Phật tử chơn chánh. Không nên chạy theo phần hình thức sự tướng bên ngoài mà quên phần lý tánh. Như thế là ta tự đánh

mắt Tự Tánh Quán Âm trong tâm ta rồi. Một bề chạy tìm cầu Quán Âm bên ngoài như thế, thì thử hỏi làm sao thấy được? Theo tôi, dù Bồ Tát Quán Âm có hiện ra cho ta thấy dưới bất cứ dạng thức nào, cũng nhằm mục đích thức nhắc cho ta có đủ niềm tin để mỗi người tự lo thức tỉnh tu hành. Có như thế, thì mới thực sự tin tưởng nơi Ngài. Vì bản thân Ngài, Ngài cũng nhờ nỗ lực tu hành mới thành đạt được đạo quả. Người Phật tử phải có cái nhìn thấu đáo như thế, thì mới tương ưng phần nào với đạo lý giải thoát. Nếu không, thì chúng ta chỉ là người đi mãi trong đau khổ để chờ Ngài cứu vớt mà thôi. Tin Ngài mà không hiểu Ngài, coi chừng ta sẽ mắc vào cái lỗi phỉ báng Ngài đó! Kinh điển đại thừa đã từng dạy chúng ta như thế.

---o0o---

06. Pháp Vũ Tự

Rời Phạm Âm Động, đoàn đến tham quan chiêm bái Pháp Vũ Tự. Chùa này là một trong ba ngôi chùa lớn nhất ở núi Phổ Đà. Chùa còn có tên là Hậu Tự (chùa sau). Tiền Tự là chùa Phổ Tế. Chùa được xây dựng vào thời Vạn Lịch đời Thanh, thật qui mô rộng lớn kiến trúc theo kiểu tân thời. Từ ngoài vào trong, chùa gồm có 5 điện:

1. Điện Tứ Thiên Vương. Trong Điện có thờ tượng Bồ Tát Di Lặc.
2. Phật ngọc Điện. Điện này hiện đang trùng tu.
3. Điện Quán Âm, còn gọi là Cửu Long Điện, vì trên Ngài có 9 con rồng. Trong Điện này rất rộng lớn, chung quanh là cột gỗ và có nhiều đôi liễn cũng bằng gỗ màu xanh óp lại, trông rất đẹp mắt.
4. Điện kế tiếp cũng là Điện Quán Âm. Ngài đứng với nhiều tay chiểu cao khoảng 8 mét, Ngài đứng trong lồng kiến lớn, trong điện đều có chạm nhiều rồng quấn chung quanh.
5. Đại Hùng Bảo Điện, Điện này thờ Tam Thế Phật, hiện đang trùng tu.

Riêng Đại Hùng Bảo Điện còn gọi là Cửu Long Điện, vì phía trên chánh điện có khắc trở chín con rồng vàng với tư thế nằm cuộn mình châu về một hướng, chạm trở rất công phu tinh xảo, tân kỳ, đường nét sáng rõ thật là độc đáo. Người hướng dẫn cho biết, Thái Tổ Chu Nguyên Chương (Hong Vũ) đã từng lên ngôi ở Điện Cửu Long này. (Chu Nguyên Chương đã từng

xuất gia làm tăng ở chùa Hoàng Giác), cho nên có chín con rồng vàng cuộn mình trên bảo điện, đó là điển tích về Điện Cửu Long. Ngoài ra, chùa này cũng còn có nhiều chuyện lạ lùng được nhiều người biết đến. Như chuyện chiếc nồi nấu cơm nặng một vạn cân. Mỗi lần nấu có sức dung chứa được 24 tạ gạo.

Như vậy, thời đó tăng chúng rất đông và chùa cũng rất thịnh hành. Nghe nói chiếc nồi “Ngàn Tăng” nặng vạn cân nay đã không dùng đến, lý do là vì tăng chúng quá ít, nên không thể dùng nồi to để nấu. Tục ngữ có câu: “Mổ gà không cần dùng đến dao giết trâu”. Thật là chẳng khác nào anh hùng không có đất dụng võ. Bây giờ khách hành hương chỉ đứng trước cái nồi để chiêm ngưỡng lễ bái mà thôi. Có người còn ném tiền vào đó, không biết có ý nghĩa gì. Ngoài cái nồi lịch sử này ra, chùa còn có những tấm long bào, áo tía thánh chiếu, sắc chỉ v.v... đều là những kỷ vật quý báu của Sơn môn. Chúng tôi được biết thêm cả hai chùa: chùa này và chùa Phổ Tế còn lưu giữ lại những kỷ vật vô cùng quý giá của các vua chúa thời xưa. Đặc biệt chùa này còn giữ đôi nền rồng do vua đời Càn Long ban tặng, dù trải qua thời gian khá lâu mà đôi nền vẫn không bị chảy. Tất cả những bảo vật đó, cho đến nay vẫn còn được bảo tồn đầy đủ. Rất tiếc, những bảo vật này, đoàn không được xem.

Tham quan xong, mọi người xuống chỗ bãi đậu xe đứng chờ xe để đi đến nhà hàng dùng cơm trưa. Lúc này, tôi nhìn đồng hồ tay là đúng 12g30.

Pháp Vũ Cảm Tác

Pháp Vũ tự giữa núi đôi cao rộng

Cảnh lịch thanh trang trọng biết là bao

Điện Quán Âm Bồ tát đứng trên cao

Nhiều điện Phật thanh tao ngàn trang nhã

Gương Phật ngự tòa sen ôi! cao cả

Nụ cười tươi hỷ xả vạn sâu đau

Điện Thiên Vương Di Lặc ngự quá ngọt ngào

Tam Thế Phật nhìn vào thêm hoan hỷ

Lạy Bồ tát Mẹ hiền con thủ thi
Giữa biển đời nghiệp dĩ quá đau thương
Con nổi trôi theo vọng nghiệp cảnh vô thường
Đời giả tạm như hạt sương trong nắng sớm
Nhìn Bồ tát lệ trào dâng rơm rớm
Tự hận mình lười ngợm quá ngu si
Con nhìn Ngài dưới ánh mắt từ bi
Con cố gắng khắc ghi lời Ngài dạy
Đường sanh tử nhiều đời con đã trải
Bước chân đi trong khổ hải lắm tang thương
Duyên phúc xưa hồi giác trở lại đường
Đường chánh giác thênh thang con cất bước
Đời lắm kẻ say mê trong ô trược
Từng bước đi xuôi ngược mộng viễn du
Mong chúng sanh thoát khỏi chốn ngục tù
Tỉnh giấc mộng mây mù tan biến dạng.

Phật ngồi Phật ngự ở trên tòa
Ngài thấy đàn con ở tận xa
Bái lạy mọp quỳ thương xót ruột
Phật rằng: Bái lạy chớ mong ta

Lời vàng từ trước ta hằng dạy

Tĩnh lặng Phật lòng chớ kiếm xa

Linh giác thường tri hằng luôn nhớ

Vọng cầu tìm kiếm ấy đạo tà.

Những người ở đây chờ đợi xe không bao lâu, thì có ba chiếc xe van của khách sạn đến chở mọi người về lại khách sạn để dùng cơm trưa. Thường những nơi khách sạn lớn, trong đó có nơi đãi ăn rất rộng rãi lịch sự. Ăn trưa xong, đoàn tiếp tục lên đường đi tham quan một vài nơi khác. Đoàn rời khách sạn Trung Tín Phố Đà Đại Tửu Điểm vào lúc 1 giờ 50 chiều.

---o0o---

07. Nam Thiên Môn

Nơi đầu tiên, đoàn đến tham quan là Nam Thiên Môn. Trước khi vào bên trong chùa, đầu tiên, du khách bước vào cái cổng lớn bằng đá. Hai tấm vách đá thật to đứng sừng sững như hai cánh cửa và ở trên có một tảng đá lớn nằm ngang qua, y như một cái cổng cửa không khác. Điều kỳ lạ là cánh cửa này do thiên nhiên tạo dựng chớ không phải là do bàn tay nhơn tạo. Hai cánh cửa đá chiều cao là 3 mét và chiều ngang khoảng 2 mét. Khung cảnh nơi đây toàn là đá trắng và chung quanh bao bọc toàn là bạt ngàn biển cả trời nước bao la. Cảnh trí rất nên thơ hữu tình ngoạn mục.

Bên cạnh ngôi Bảo Điện về phía bên tay phải từ ngoài nhìn vào có một tảng đá cao thật to lớn. Khi đến nơi đây, trời về chiều nắng vàng le lói yếu ớt, thỉnh thoảng từng cơn gió mát nhẹ thổi qua hây hây. Nhìn thấy cảnh trí nơi đây, trời chiều đẹp quá, nên Hòa Thượng, thầy Phước Tấn và một vài Phật tử nam nữ trong đoàn trèo lên đứng trên tảng đá cao, đưa mắt nhìn ra biển nước bao la bạt ngàn êm ả, xa xa là một dãy đồi núi chập chùng ẩn hiện bởi sương mù, thật là như ở trên bồng lai tiên cảnh không khác. Trong khi đó, một số người ở dưới chân tảng đá chạy tới chạy lui để tìm vị thế chụp hình kỷ niệm cho quý vị ở trên. Thấy vậy, tôi liền sáng tác bài thơ lưu lại kỷ niệm cảnh này như sau:

Nam Thiên Cảm Tác

Đứng trên tảng đá vẫy giơ tay

Hòa Thượng vài người đứng thẳng ngay

Trời xế nhìn xa bao cảm lạc

Biển ngàn in bóng thật vui thay!

Âm thầm tỉnh giấc trong cơn mộng

Mát mẻ lòng đây hưởng trọn ngày

Đá khắc tạc vàng tình pháp lữ

Nam Thiên lưu kỷ đứng trên đài

Phổ Đà cảnh đẹp rất nên thơ

Đất Thánh người phàm dạ ngẩn ngơ

Người đến cho rằng linh Thánh địa

Lâu năm người ở chẳng linh cơ

Phàm trần đất thánh do tâm tạo

Chấp thánh vong phàm vẫn lụy nhờ

Phàm Thánh vượt qua không vướng mắc

Gìn lòng thanh tịnh thoát vương to

Trong điện thờ tượng Đức Quán Thế Âm bằng đá ngọc. Điện không lớn lắm. Trước cửa điện trên có 4 chữ: “Liên Tâm Thủy Định”. Có rất nhiều chữ khắc vào đá như: “Phật duyên kiết tường”. “Vô nhơn ngã tướng”. “Sơn hải đại quán”v.v...

---o0o---

08. Phổ Tế Tự (Hậu Tự)

Rời Nam Thiên Môn, đoàn đến tham quan chùa Phổ Tế. Đến nơi vào lúc 2g50 chiều. Đoàn đi ngang qua 2 hồ sen lớn. Khi đi ngang qua, nhìn thấy cảnh hồ sen, gợi cho mọi người nhớ lại bài ca dao của thuở nào lúc còn nhỏ mà mọi người thường hay ca hát. Tự động không ai bảo ai, mọi người đồng cất tiếng liền hát lên: Trong đầm gì đẹp bằng sen... Vừa đi vừa ca hát nghêu ngao rất vui. Chưa bao giờ, tôi nhìn thấy mọi người vui vẻ như hôm nay. Nhờ vậy mà cảm thấy đỡ mệt.

Trước khi vào cửa có một tảng đá thật to, trên đó có khắc hàng chữ : “Quán Tự Tại Bồ Tát”. Ngôi chùa Phổ Tế này, khung cảnh rất rộng lớn và khi đoàn tới đây, tôi nhìn thấy mọi người đã có mặt nơi này thật là đông đảo. Kê qua người lại, kê tới người lui, dập dìu tấp nập. Đây là một ngôi Đại Già Lam, có thể nói lớn nhất ở núi Phổ Đà. Chùa được xây dựng từ đời Tống, trải qua hàng ngàn năm lịch sử. Chùa đã được trùng tu nhiều lần. Điện chánh Viên Thông thờ tôn tượng Bồ Tát Quán Thế Âm. Theo lời hướng dẫn viên địa phương cho biết, thì đây là một tượng lớn nhất của toàn nước Trung Hoa. Chung quanh điện có tôn thờ tượng 32 ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát.

Phổ Tế Cảm Tác

Đây Phổ Tế trời chiều người đông đúc

Kẻ ra vào lễ bái ngút hương bay

Một thiên môn có lịch sử lắm chiều dài

Hơn thiên niên kỷ dựng xây tô bồi đắp

Từ đạo ấy tiếng tăm loan cùng khắp

Biết bao người ngưỡng vọng hương về đây

Đoàn hành hương theo gót một bậc Thầy

Đến chiêm bái một ngôi chùa tiêu biểu nhất

Vào cửa Phật lắng lòng trong tịnh thức

Bụi não phiền phũi vớt chẳng còn mang
Cảnh hồng trần sao lắm nổi trái ngang
Xin chớ vọng sẽ an toàn trong biển động
Hãỷ tỉnh giác trái dài trong nếp sống
Đừng viển vông trong ảo mộng lắm đau thương
Hãỷ khắc ghi vạn cảnh chỉ vô thường
Sự tan hợp bèò mây như sương sớm
Ta nhìn lại hồn ta sao ghê tởm
Muôn vạn hình khiếp đờm chẳng hề yên
Đến Phổ Đà nên thể nhập cảnh thiên nhiên
Mới thấy được Quán Âm miền an lạc
Hương tâm ngoại sẽ chuốc sầu trong chua chát
Xoay về ta sẽ đạt cảnh sống bình an
Niệm bất sanh toàn thể sẽ hiện bày
Lặng trong động, Niết bàn đâu khó kiếm
Rời Phổ Tế lòng ta luôn không nhiễm
Đức Quán Âm không nhọc phải kiếm tìm
Chỉ sáng lặng nhãn tiền Ngài hiển hiện
Lạy Bồ Tát sáng soi niềm hạnh phúc
Vận tâm thành cầu chúc khắp chúng sanh
Cho nhơn sinh sống mãi cảnh an lành

*Khắp thế giới thanh bình trong an lạc
Vài nét mực thành tâm xin cầu chúc
Đoàn hành hương nhớ lúc Phở Đà sơn
Khi giả từ vui sống chẳng thua hơn
An phận sống nguồn chơn không xa lắm.*

Đoàn rời chùa Phở Tế vào lúc 4g30 chiều, đến bến xe rồi mọi người lên 3 chiếc xe van trở về khách sạn lấy hành lý xách tay. Sau đó, mọi người xuống bến tàu để đi tàu về Ninh Ba. Thế là hơn một ngày ở núi Phở Đà. Giờ xin giả từ tạm biệt.

Giã Biệt Phở Đà Sơn

*Thôi tạm biệt giả từ Phở Đà sơn thắng cảnh
Hẹn đủ duyên Kim Đánh trở về đây
Nhìn núi cao nhìn tôn tượng đắp xây
Bao lệ nóng ngát ngậy niềm lưu luyến
Con muốn nói nhưng lòng con sao ghen tiếng
Đoàn người đi hiển hiện bóng Quan Âm
Ngài lắng nghe trong cảnh khổ kiếm tâm
Người đi mãi tới tăm trong kiếp sống
Trên đỉnh núi xa xa còn in bóng
Bóng Mẹ hiền trông ngóng đưa con thơ
Ngài luôn luôn ngự mãi vẫn đợi chờ
Con trở lại đại khờ ôm gót Mẹ
Phút giả biệt đau thương lòng con trẻ*

*Tiếc thời gian san sẻ chẳng bao lâu
Phở Đà sơn đất khách quá thâm sâu
Lòng cầu bợn tiếp thâu không sâu sắc
Ngó nhìn lại lòng chúng con sao se thắt
Động Quan Âm như gấn chặt trái tim con
Pháp Vũ kia in bóng hầy vẫn còn
Rời Phở Tế nét sơn còn ghi đậm
Rời Phở Đà bước lên tàu xa vạn dặm
Chúng con đi trong tâm khảm một niềm tin
Phở Đà sơn con khắc mãi cố giữ gìn
Một khung cảnh đậm tình luôn thương nhớ
Quỳ dưới tượng Mẹ hiền con nức nở
Lòng ghen ngào trong nhịp thở buốt tâm tư
Nói gì đây trong giây phút giả từ
Xin nguyện nhớ một chữ “Nhu” trong kiếp sống.*

Trên đường về khách sạn, đoàn ghé lại nhà hàng ăn cơm tối, sau đó, trở về khách sạn Giang Nam Xuân Đại Tửu Điểm để nghỉ.

---o0o---

XIV. Ninh Ba

Ngày 16, tức ngày 24/9/04

01. A Dục Vương Tự

Thời tiết sáng hôm nay rất đẹp. Khí trời tươi mát ánh nắng dịu hiền, rất thích hợp cho một ngày đi du ngoạn. Theo chương trình đã quy định, hôm nay, trước tiên, đoàn sẽ đi viếng thăm chùa A Dục nằm trong địa hạt Ninh Ba. Đoàn khởi hành vào lúc 7g45 sáng. Chùa tọa lạc trên núi A Dục Vương phía Đông huyện Ngân, thuộc tỉnh Chiết Giang.

Theo Pháp uyển Châu Lâm 38 ghi lại rằng: “Chùa này được xây dựng vào thời đại Tây Tấn, đời vua Vũ Đế năm 281 (có thuyết nói 282, hoặc năm 265) có người xứ Ly Thạch Tinh Châu tên là Lưu Tát Ha, trong lúc hôn mê, mộng thấy một vị Tăng người Ấn Độ nói tội của mình sẽ đọa vào địa ngục, phải đến Cối Kê đánh lễ tháp A Dục Vương để sám hối các tội.

Sau khi tỉnh lại ông liền xuất gia, đổi tên là Huệ Đạt, đến huyện Mậu, xứ Cối Kê tìm tháp, nhưng tìm khắp nơi mà không gặp nên rất âu sầu buồn bã. Đêm ấy bỗng nghe dưới lòng đất có tiếng chuông vọng lên. Trải qua ba ngày, có tháp báu và xá lợi từ dưới đất vọt lên. Tháp này không phải vàng, ngọc, đồng, sắt, cũng không phải đất đá; hiện màu đen tím, chạm trổ khác hơn bình thường, bốn mặt đều có khắc 4 loại biến tướng: Biến tướng vương tử tát đỏa, biến tướng xả bỏ đôi mắt, biến tướng xuất não, biến tướng cứu chim bồ câu. Trên tháp không có lộ bàn (vật hình tròn giống như cái mâm đặt trên đỉnh tháp), chính giữa có chuông treo. Huệ Đạt liền xây tinh xá ở đây để cúng dường tháp này và hết lòng lễ bái sám hối. Đây là nguyên do của Điện Xá Lợi ở núi A Dục Vương.

Đời Đông Tấn 405 vua An Đế sắc chỉ xây tháp, đình, thiền thất, và thỉnh chúng tăng trụ trì giữ gìn.

Thời Lưu Tống 425, Đạo Hựu Phụng sắc sửa sang chùa này và xây tháp 3 tầng.

Năm 522 vua Lương Võ Đế xuống chiếu xây điện đường, phòng xá, hành lang và ban biễn gạch A Dục Vương Tự. Về sau, chùa này đều được sự kính ngưỡng của các vua: Giản Văn Đế, Trần Tuyên Đế, Đường Trung Tông, Đường tuyên Tông, Đường Ý Tông, và vua Thế Tông đời Hậu Chu v.v...

Chùa này vốn là Viện Luật Tông. Thời vua Tống Chân Tông ban biễn gạch Quảng Lợi Thiền Tự, từ đó trở thành thiền viện của 10 phương. Thời vua Anh Tông, Đại Giác Hoài Liên trụ ở chùa này mở rộng tông phong. Về

sau, được sự truyền giáo của các thiền sư như: Tông Cảo, Giới Thâm, Đức Quang, Sư Phạm v.v... nên đạo tràng Tông Lâm Tế hưng thịnh một thời.

Đời Minh năm 1382 chùa này được trùng tu và đổi tên là Dục Vương Thiền Tự, là sơn môn thứ 5 trong 5 sơn môn của Thiền Tông Trung Quốc. Hiện nay, còn Điện Xá Lợi, Điện Thiên Vương và Bảo Điện Đại Hùng. Trên bức tường chắn trước Điện Xá Lợi, có khảm bia gác Thần Khuê, bài minh suối Diệu Hỷ, bia ruộng thường trụ chùa A Dục Vương đời Đường v.v...”

Phía sau Đại Hùng Bảo Điện có thờ tôn tượng đức Quán Thế Âm đứng trên con cá cao khoảng 6 mét. Toàn thân Bồ tát có choàng bạch y trên có thêu hình hoa sen rất đẹp. Chung quanh đều có chạm đúc các hình tượng chư thiên, thần hộ pháp đứng xiêng người biểu lộ sự cung kính đối với Bồ tát.

Phía sau là phương trượng. Hòa Thượng và mọi người vào trong phương trượng và được thầy trụ trì hướng dẫn đi xem xá lợi Phật. Được biết, điện thờ xá lợi Phật, giữ gìn rất nghiêm mật. Nếu không phải thầy trụ trì, thì không ai được phép mở cửa. Thật là một duyên phúc lớn cho đoàn, hôm nay, có thầy trụ trì hướng dẫn. Tới cửa, thầy trụ trì lên tiếng kêu gọi đôi ba lần, một hồi lâu mới có một vị thầy đến mở cửa. Như thế, mới thấy được sự bảo trọng nơi đây rất là cẩn mật. Khi vào, mọi người lần lượt quỳ xuống để chiêm bái xá lợi. Đầu tiên, là Hòa Thượng bái xem, kế đến quý thầy, quý sư cô và sau cùng quý Phật tử. Viên Xá Lợi rất nhỏ phải quỳ xuống nhìn kỹ mới thấy. Nơi bàn thờ xá lợi Phật, có tượng Phật Thích Ca và phía trên có tấm bảng với hàng chữ: “Tâm Pháp Nhãn Tạng”. Đứng từ cửa sổ ở Điện thờ Xá Lợi Phật nhìn ra ngoài, chúng tôi thấy cảnh trí chùa quá rộng lớn và có rất nhiều gian. Phía sau chùa có một bức tường rất cao, kiên cố. Sau bức tường là một đồi cao có cả một rừng tre cao suôn đuột trông rất ngay hàng thẳng lối. Nhờ thế, tạo cho cảnh chùa thêm nét đẹp thâm huyền tĩnh mịch, phải thế cảnh Đại Già Lam trang nhã.

A Dục Vương một vị vua chánh pháp

Đã hết lòng ủng hộ Phật pháp rất vẻ vang

Đất Ninh Ba một Phật Tự khá khang trang

Tên A Dục đã trải qua hơn ngàn năm lịch sử

Thời Tây Tấn chùa dựng xây càng phần chẵn

Trong điện thờ Xá Lợi đấng Trung Tôn

Cảnh tịch liêu trong vùng núi hương thôn

Đầy tình tự bảo tồn lưu Tạng pháp.

Xá Lợi Phật an toàn trong điện tháp

Người giữ gìn chu đáo thật nghiêm trang

Duyên phúc xưa mới được chiêm bái tham quan

Nếu không có thì ôi thôi! muôn ngàn xa cách...

Sau khi chiêm bái Xá Lợi Phật xong, đoàn trở ra xe để chuẩn bị đi Thiên Thai.

Khi trở ra ngoài cổng chùa, tôi nhìn thấy một vài người đang xúm xít bu xung quanh một người ngồi trên một ghế đá. Tôi vội bước nhanh tới, thì ra đó là cô Diệu Ngọc. Cô đang bị bệnh và những người khác kẻ đánh gió, người thì đấm bóp. Mọi người, Ai nấy đều tỏ ra rất là lo lắng. Có người còn nói lớn tiếng là cô Diệu Ngọc bị cảm gió nặng. Tôi nhìn thấy cô Diệu Ngọc ngồi với dáng vẻ mệt mỏi, mặc cho mọi người cạo gió, đấm bóp. Qua giây lâu, cô từ từ khỏe lại. Sau đó, mọi người mới lên xe. Đạo hữu Minh Hiền, (tức ông xã của cô Diệu Ngọc) dìu cô Diệu Ngọc lên xe. Cô Diệu Ngọc và đạo hữu Minh Hiền đi bên chiếc xe của chúng tôi.

Đoàn rời chùa A Dục vào lúc 10 giờ sáng. Trên đường đến núi Thiên Thai, tài xế chạy lạc đường mất gần cả tiếng đồng hồ. Trên xe, mọi người lúc đó ai cũng lo lắng bệnh tình của cô Diệu Ngọc. Bệnh trạng của cô càng lúc càng thêm nặng, thấy thế, mọi người kẻ thì bảo chú Tiêu phải mau liên lạc để tìm bác sĩ chở cô Diệu Ngọc đi khám bác sĩ. Còn người thì lo tiếp tục cạo gió đấm bóp cho cô. Khổ nỗi, xe đang chạy giữa đường mà lại ở vùng quê, hai bên toàn là rừng núi, không biết nơi đâu có bác sĩ. Mọi người đều quỳnh quáng lên, ai cũng nóng lòng nên cứ hối thúc chú Tiêu liên lạc nhanh lên! Tôi và thầy Phước Tấn rất lo lắng. Nhưng biết làm sao hơn khi xe đang chạy. Hơn nữa, nơi xứ lạ quê người, mình có biết gì đâu, chỉ còn có cách là hối thúc người hướng dẫn và la ó chú tài xế. Cũng tội nghiệp cho chú Tiêu, cứ điện thoại với anh hướng dẫn viên địa phương hoài để tìm bác sĩ.

Sau khi liên lạc, chú Tiêu cho biết, nơi đây không có bác sĩ, phải về tới khách sạn mới biết được. Thế là, đành phải chịu. Xe vừa về tới khách sạn, thì kêu một chiếc taxi ngay và chở cô Diệu Ngọc vào bệnh viện cấp tốc. Sau khi đưa cô Diệu Ngọc vào bệnh viện rồi, lúc đó là 2 giờ chiều, đoàn vào khách sạn Thiên Đài dùng cơm. Ăn cơm xong, không có nghỉ trưa (làm gì có thời giờ nghỉ trưa) mọi người liền đi viếng thăm chùa Quốc Thanh.

Để diễn tả lại cảnh này, tôi có làm 2 bài thơ lưu niệm:

Lạc Đường

*Đường đi xe chạy núi Thiên Thai
Tài xế lạc đường cũng chẳng hay
Đồi núi hai bên im cảnh vắng
Tin vào hướng dẫn thẳng đường ngay
Khi mà biết lạc mười cây số
Trở lại tìm đường tới núi Thai
Cảnh lạ xứ người nào biết được
Trên xe Diệu Ngọc mệt than dài*

Bệnh

*Trên đường xe chạy tới Thiên Thai
Một việc xảy ra thật chẳng may
Diệu Ngọc mệt nhoài ngồi khó thở
Nghĩ rằng gió nhập nhức đầu hoài
Nào ngờ tim mạch đau cơn thắt
Mệt lả nằm ngồi khó chịu thay!
Bệnh viện đưa vào toan cấp cứu*

Vô thường bệnh hoạn mấy ai hay?!

---o0o---

02. Quốc Thanh Tự

Chùa Quốc Thanh nằm ở chân núi phía nam ngọn Phật lũng, thuộc núi Thiên Thai, miền Bắc huyện Thiên Thai, tỉnh Chiết Giang. Đây là nơi phát tích Tông Thiên Thai.

“Năm 596, Tùy Dạng Đế đã xây cất chùa này cho Đại Sư Trí Khải. Lúc đầu, Thiền sư Định Quang ở ngọn núi này, đã có lần nói với hàng đệ tử rằng: “Chẳng bao lâu sẽ có bậc đại thiện tri thức thống lãnh đồ chúng đến ở núi này”. Sau đó, quả nhiên, có ngài Trí Khải đến đây hoằng truyền giáo pháp, Tổ muốn xây chùa ở phía nam ngọn Phật lũng, ý định chưa thực hiện thì Tổ thị tịch. Tấn Vương Dương Quảng vô cùng thương tiếc, nên mới vì Tổ mà thiết đại lễ cúng dường một ngàn vị tăng và xây cất thêm nhiều điện đường.

Sư Định Quang từng tiên liệu 3 nước “Bắc Chu, Bắc Tề, Trần” hợp lại làm một, người nhiều thế lực có thể xây dựng chùa này, nếu chùa được xây cất xong thì trong nước được thanh bình, nên đặt tên chùa là Quốc Thanh. Năm 605 đời Tùy, vua ban cho chùa tám biển Quốc Thanh Tự.

Chẳng bao lâu có ngài Quán Đảnh đến ở chùa này. Về sau, chùa trở thành đạo tràng chính của Tông Thiên Thai.

Từ năm 785 về sau, các tăng sinh Nhật Bản du học đến chùa này rất nhiều, như các vị Tối Trừng, Nghĩa Chân, Viên Tái, Viên Trân, Thành Tâm, Tuấn Nhung, Trọng Nguyên, Vinh Tây... các vị này đều đến đánh lễ tháp thờ Tổ Trí Khải, hoặc có vị làm Phật sự, hoặc có vị đem Kinh Luận và tượng Phật về nước, nhờ đó mà Tông Thiên Thai của Phật giáo Nhật Bản được mở mang.

Theo Viên Nhân Nhập Đường cầu pháp Tuân Lễ Hành ký 1, chùa này thường có 150 vị tăng thường trụ, mùa an cư có đến trên 300 vị, do đó chúng ta có thể thấy được sự hưng thịnh của Phật giáo thời bấy giờ.

Khoảng năm 841- 846 đời Đường Vũ Tông, chùa bị binh lửa làm hư hoại. Năm 851, chùa được trùng tu. Năm 1005, đời Tống, chùa được đổi tên là Cảnh Đức Quốc Thanh Tự. Về sau lại gặp binh lửa, sách của các vua 3

triều, mấy trăm quyển mất hết, chỉ còn Liên Kinh của Tổ Trí Khải và Tây Vực Bối Diệp Kinh 1 quyển, tượng Phật bằng gỗ chiên đàn đời Tùy và Răng Phật.

Năm 1128 đời Nam Tống, vua ban sắc lệnh trùng tu, chùa được sửa lại đẹp gấp bội phần so với ngày xưa. Năm 1130, vua hạ chiếu đổi Giáo thành Thiên, từ đó về sau, chùa Quốc Thanh trở thành Thiên Tự.

Sau này trải qua nhiều lần xây cất thêm, chùa được xem là một trong tứ tuyệt của thiên hạ từ xưa đến nay, 2 bên chùa có 5 ngọn núi (Bát Trụ, Linh Cầm, Tường Vân, Linh Chi và Ánh Hà) Bao vòng xung quanh chùa, phía trước có 2 dòng suối chảy vòng hợp lại, chùa có cây cầu tên Phong can, tương truyền vào đời Đường đây là nơi mà Thiên sư Phong Can dạo chơi với các ngài Hàn san, Thập Đắc. Lại do nhân duyên của Thiên sư Phong can với chùa này mà có thể biết rằng tuy sau đời Tống chùa mới đổi thành Thiên Tự, nhưng chùa đã sớm được Thiên hóa từ đầu đời Đường.

Ngày nay các Tầng đường hoàn bị, trước chùa có ngôi tháp gạch 9 tầng, tương truyền, tháp này do vua Tùy Dạng Đế sai Tư Mã Vương Hoảng kiến tạo để thờ ngài Trí Khải, tháp cao khoảng 7 mét, mặt phẳng 6 góc, quy mô rộng lớn, đường nét tháp hiện còn, như được xây cất lại từ đời Tống. Bảo vật được cất giữ trong chùa có tháp Xá Lợi bằng đồng do Ngô Việt Vương Tiên Hoàng Thục tạo, đó là một trong 8 vạn 4 ngàn tháp, là vật đã đào được trong khu vực chùa này, cao 19cm, dưới phần cuối tháp bên trong có khắc chữ.

Cảnh chùa có 2 nơi di tích của ngài Nhất Hạnh (673 - 727) Ngài Nhất Hạnh là vị cao Tăng đời Đường, là nhà thiên văn học nổi tiếng từng hiệu đính Đại Diễn Lịch.

Người đời sau lập mộ xây bia sau tháp Thất Phật ở trước chùa, trên bia đề tháp của Thiên sư Nhất Hạnh đời Đường.

Lại truyền rằng khi ngài Nhất Hạnh đến đây, núi Bắc mưa lớn, giông suối chảy mạnh ở núi Đông trước chùa, rót vào khe núi phía Tây. Nay, bên cầu Phong Can có 1 bia đá vuông, trên đó ghi 7 chữ Nhất Hạnh Đáo Thủ Thủy Tây lưu”.¹⁷

Khi Hòa Thượng và mọi người vào trong Chánh Điện, tôi nhìn đồng hồ tay lúc đó đúng 3 giờ chiều. Sau khi đánh lễ Tam Bảo, Hòa Thượng hỏi một thầy về chỗ thờ của Tổ trí Khải. Vị thầy đó hướng dẫn đi đến nơi điện

thờ. Vào điện thờ, nhìn lên bàn thờ, chúng tôi nhìn thấy chính giữa điện là thờ pháp tướng của Tổ Trí Khải. Trên bàn thờ Tổ, còn có nhiều vị đệ tử đặc pháp cũng được thờ chung những long vị trên đó. Sau khi đánh lễ Tổ, Hòa Thượng nói sơ lược về nguyên ủy và sự truyền thừa của Tông Thiên Thai.

Hòa Thượng nói: Tông Thiên Thai là một Tông phái lớn của Phật giáo Trung Quốc, do Tổ Trí Khải khai sáng. Quốc Thanh là trụ sở chính hay Tổ đình của Tông phái này. Ngài Trí Khải vốn thờ Ngài Nam Nhạc Huệ Tư làm thầy, tu tập pháp Tam chủng chỉ quán, ngài Huệ Tư từng thọ học yếu chỉ “Nhất tâm tam trí” với ngài Huệ Văn đời Bắc Tề. Còn về sự truyền thừa của Tông phái này đại khái như sau: Học trò của Tổ Trí Khải rất đông, đệ tử đặc pháp có 32 vị. Trong đó, ngài Quán Đảnh là người rất có khả năng vượt trội hơn hết và được kế vị làm Tổ thứ 2. Từ ngài Quán Đảnh truyền xuống ngài Trí Uy là Tổ thứ 3, thứ 4 là ngài Huệ Uy, thứ 5 là ngài Huyền Lãng, thứ 6 là ngài Trạm Nhiên. Đến ngài Trạm Nhiên thì Tông Thiên Thai càng được mở rộng thêm và những vị đệ tử xuất sắc của sư gồm có các vị: Đạo Thúy, Hành Mãn, Nguyên Hạo, Đạo Xiêm, Minh Khoáng... Mãi về sau cứ tiếp nối truyền thừa cho đến ngài Đế Nhân. Ngài Đế Nhân truyền xuống mang chữ Hiên, sau chữ Hiên truyền xuống chữ Liễu, sau chữ Liễu truyền xuống chữ Đạt và sau Đạt truyền xuống chữ Tác...

Song song với bàn thờ Tổ có thờ hai pháp tướng của hai vị đệ tử của Tổ, một vị húy danh là Chương An và một vị là Hành Mãn. Đặc biệt trên trán của ngài Chương An có hình hoa sen nổi lên.

Chiêm bái xong nơi đây, đoàn đi bộ trở lại khách sạn để theo dõi tin tức cô Diệu Ngọc. Theo chương trình, thì buổi chiều nay, đoàn sẽ tới Hàng Châu để đi xem Hồ Tây. Nhưng vì cô Diệu Ngọc lâm trọng bệnh, đang điều trị tại bệnh viện, nên Hòa Thượng hủy bỏ không đi tham quan Hồ Tây. Tất cả đều ở lại nơi đây. Không nói ra, hẳn ai cũng có thể đoán biết, nỗi lòng của mọi người và khung cảnh nơi đây như thế nào rồi. Khách sạn vẫn sinh hoạt bình thường. Nhưng tất cả mọi người trong đoàn, mỗi người ngồi một nơi trong thâm lặng, hoặc có khi vài ba người ngồi gần bên nhau, khác hơn mọi khi, không ai nói năng đùa giỡn gì nhau cả. Một sự im lặng trong nỗi niềm ưu tư lo lắng cho một người bạn đồng hành của mình. Trong không khí trầm lặng đó, tôi nhìn qua những khuôn mặt, mới hồi sáng này mọi người vẫn còn vui đùa chuyện trò bên nhau thật là vui vẻ, nhưng bây giờ, thì cũng những gương mặt đó mà nhìn thấy đã đổi khác quá nhiều. Ai nấy đều lộ vẻ đăm chiêu, nhìn về hướng bệnh viện như đang sốt ruột nóng lòng trông đợi từng giây phút về tin của cô Diệu Ngọc.

Dù ai cũng biết đời là vô thường, không một ai có thể biết trước được những gì sẽ xảy ra cho chính mình. Biết thế, nhưng trong tình cảnh này, không một ai mà không đau lòng. Người xưa nói: “Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ”. Loài thú vật còn biết chia sẻ niềm đau với nhau như thế, hà tất gì là loài người, nhứt lại là người con Phật đang đi chung một tuyến đường, một hành trình hướng về cõi Phật. Họ muốn có những phút giây lặng lẽ âm thầm để cầu nguyện, để chia sẻ phần nào với bạn mình. Đoán biết được phần nào tâm trạng của họ, nên khi đi ngang qua mỗi người, tôi cũng vẫn lặng lẽ âm thầm không nói với ai một lời. Thật là chưa có một buổi chiều nào buồn bã ảm đạm thế lương như buổi chiều hôm nay. Và suốt trong những ngày qua, tôi cũng chưa từng thấy trên gương mặt của ai mà lộ vẻ buồn rầu như bây giờ.

Có chứng kiến cảnh này, tôi mới nhận ra được thế nào là tình bạn khi cùng chung cảnh ngộ. Trong khi đó, Hòa Thượng cùng quý thầy trong Ban Tổ Chức họp nhau bên trong khách sạn. Mục đích là để tìm cách giúp phần nào về vấn đề tài chánh cho cô Diệu Ngọc trị bệnh. Thật là một thâm tình không phải có tiền bạc nhiều mà mua được. Khi ghi lại những dòng chữ này, tôi thật vô cùng khâm phục những người bạn thân thương quý kính của chuyên hành hương này.

---o0o---

XV. Hàng Châu

Đoàn dừng lại nơi đây chờ tin tức cô Diệu Ngọc cũng khá lâu, đến gần 6 giờ chiều, Hòa Thượng cho biết chuẩn bị đi Hàng Châu. Được tin đó, mọi người đều lên 2 chiếc xe buýt lớn, và trước khi đi Hàng Châu, xe chạy ngang bệnh viện của cô Diệu Ngọc đang nằm điều trị, xe ngừng lại, Hòa Thượng và quý thầy trong Ban Tổ Chức vào bệnh viện thăm cô Diệu Ngọc và đưa một số tiền cho đạo hữu Minh Hiền tạm mượn khi cần đến. (Khi chúng tôi đọc và coi lại bài viết này, thì Hòa Thượng có cho tôi biết là số tiền mà Ban Tổ Chức cho đạo hữu Minh Hiền tạm mượn, sau khi về Úc, đạo hữu đã hoàn lại rồi).

Đoàn dừng lại nơi đây chờ đợi cũng khoảng hơn nửa giờ. Sau đó, đạo hữu Minh Hiền có ra xe lấy ít đồ hành lý cần thiết và cảm ơn mọi người về sự quan tâm hết lòng lo lắng giúp đỡ cho cô Diệu Ngọc. Nhân đó, mọi người có hỏi thăm về tình trạng sức khỏe của cô Diệu Ngọc thế nào. Minh Hiền cho biết, hiện giờ cô đã có phần nào tỉnh lại và tình trạng cũng chưa được

khả quan lắm. Sau khi từ giả cảm ơn mọi người xong, Minh liền trở vào bệnh viện và khi ấy Hòa Thượng cùng quý thầy cũng đang trở ra xe. Thế là, xe bắt đầu lăn bánh đến Hàng Châu.

Hàng Châu xưa kia, trước Tây Lịch có tên là Tiền Đường, là tên của một con sông chảy qua Hàng Châu. Vào thời nhà Tùy, khoảng 589, thành phố này mới có tên là Hàng Châu. Được biết, thành phố này là nơi phồn vinh nhất trải qua nhiều triều đại, nhất là thời nhà Tống. Thành phố này cũng có nhiều thắng cảnh thơ mộng, như Hồ Tây với ngọn Cô Sơn, rộng gần 6 cây số vuông. Rất tiếc, nơi này, đoàn không có đến tham quan, như đã nói rõ lý do ở trên. Hơn nữa, vì thời gian thăm viếng nơi này quá ngắn, chỉ có một buổi tối thôi, thì thử hỏi làm sao biết được những gì ở nơi đây. Dù nghe nói thành phố này có nhiều cảnh đẹp, nhưng đoàn đã thiếu duyên. Xin hẹn lại một dịp khác, đủ duyên sẽ trở lại viếng thăm thành phố có nhiều cảnh đẹp thơ mộng này. Thôi! Xin Tạm biệt giả từ nàng công chúa Hàng Châu!

---o0o---

XVI. Cứu Hoa Sơn

Ngày 17, tức ngày 25/9/04

Hôm nay, chuẩn bị đi Cứu Hoa Sơn, nên đoàn phải thức sớm vào lúc 6 giờ sáng. Như thường lệ, sau khi thức giấc, mọi người thu xếp hành lý để chuẩn bị lên đường. Thu xếp hành lý xong, tôi vừa kéo ra khỏi cửa phòng, thầy Phước Tấn ở bên phòng đối diện, thấy tôi, thầy liền kêu tôi vào phòng. Tôi vừa bước vào, thầy nói nhỏ vừa đủ tôi nghe: “*Cô Diệu Ngọc đã mất rồi*”. Ngay giây phút đầu, tôi cũng rất sững sốt bàng hoàng, nghĩ đến vô thường thật nhanh chóng. Sau giây phút đó, tôi hỏi thầy ai cho thầy biết tin? Và có xác thật hay không? Thầy nói đã chắc chắn lắm rồi. Chính anh Backer gọi điện thoại báo tin cho tôi. Backer còn nói rõ là bác sĩ đã xác quyết, cô Diệu Ngọc đã hoàn toàn tắt thở vào lúc 11 giờ 30 tối. Thầy còn dặn dò tôi vài điều, tiếp tục phụ lực cùng Hòa Thượng hướng dẫn đoàn. Phần thầy, thầy phải trở lại Thiên Thai để lo mọi thủ tục giấy tờ chuyển thi thể cô Diệu Ngọc trở về Úc. Tôi nói, thầy cứ yên tâm lo công việc của thầy. Sau đó, tôi lặng lẽ đi xuống phòng ăn để ăn điểm tâm. Đến nơi, tôi tới gần bên Hòa Thượng, nói nhỏ cho Hòa Thượng biết tin đó. Tôi cứ ngỡ là Hòa Thượng đã biết rồi. Nhưng khi tôi nói, trông thấy Hòa Thượng rất đỗi ngạc nhiên chưng hửng. Sở dĩ nói nhỏ, là vì, tôi không muốn cho mọi người biết mà ồn lên. Nhưng khi hỏi ra, thì có một số người còn biết sớm hơn tôi nữa.

Ăn điểm tâm xong, theo thường lệ, tôi tháo tất cả chìa khóa phòng để trả lại cho khách sạn. Xong rồi, tôi và mọi người lên xe. Đoàn rời khỏi khách sạn Ngũ Dương vào lúc 8 giờ sáng. Trên đường đến Cửu Hoa Sơn, lần này, khác hơn thường lệ, mọi người không cười nói vui đùa với nhau như trước mà tất cả đều im lặng. Một sự im lặng mà tôi đoán biết, là mọi người đang nghĩ đến cái chết của cô Diệu Ngọc, nên tất cả đều giữ yên lặng để thâm cầu nguyện. Trong không khí trầm lắng đó, tôi rất cảm xúc nên viết bài thơ để tưởng niệm cô Diệu Ngọc.

Tưởng Niệm Diệu Ngọc

Được tin Diệu Ngọc đã quy Tây

Ngán lệ buồn thương nhận lạc bầy

Trải những ngày qua cùng bạn đạo

Mấy nơi thắng cảnh sát bên Thầy

Hương sâu xư lạ người an phận

Nghiệp mãn dương trần gởi xác đây

Nguyện ước Thiên Thai vui tịch diệt

Não phiền rửa sạch nợ trần ai

Làm xong, tôi đọc cho mọi người trên xe nghe để cùng nhau thương tiếc tưởng niệm người bạn hiền đã ra đi. Sau những giây phút trầm lắng, xe chạy một đôi, có lẽ mọi người vì mấy ngày qua quá mệt mỏi, nên tôi ngó ngoái lại sau, nhìn thấy mọi người đang thả hồn vào trong giấc mộng. Làm sao mà không ngủ được? vì chương trình quá nhật, ngày đi, đêm đi, đoàn quân cứ di chuyển liên miên, còn hơn đi hành quân nữa. Như thế, thì thử hỏi làm sao mà không mệt mỏi cho được? Quân lính người ta thì toàn trẻ, mạnh khỏe, ở lứa tuổi căn tràn đầy nhựa sống, còn nhìn lại đoàn quân này thấy mà phát rầu, tôi hay gọi đùa là đoàn quân hỗn hợp. Nghĩa là hai phần ba là lính già. Chẳng những già thôi mà còn quá hạn tuổi nữa. Có người trên 80, vậy mà vẫn anh dũng hiên ngang quyết chiến đấu với mọi người không bao giờ chịu lùi bước. Trường hợp như người “lính già Diệu Quý” chẳng hạn, tuy tuổi già lại thêm chân yếu, luôn luôn chống gậy bên mình, tức là phải đi 3 chân. Thế mà, ai tới đâu, thì cô quyết tâm theo tới đó, chưa hề than van một

tiếng. Lúc nào cũng vui cười hỷ hạ với mọi người. Dĩ nhiên, là phải nhờ Diệụ Thanh, con gái của cô luôn theo bên cạnh để hộ tống.

Thật là một tinh thần đồng đội cao độ. Tuy mọi người có mệt mỏi vất vả thật, ngay cả như chúng tôi tuổi đời mới bước vào cái tuổi lục tuần, mà còn cảm thấy uể oải đuối sức, hà tất gì đối với các cụ trọng tuổi. Như trường hợp Hòa Thượng, năm nay ngài 84 tuổi, thế nhưng, ai tới đâu Hòa Thượng và các cụ vẫn tới đó. Chẳng những tới thôi, mà lúc nào Hòa Thượng cũng sẵn sàng đi trước mọi người, ngài tỏ ra chưa bao giờ biết mệt mỏi. Nhờ thế, mà mọi người dù có mệt, cũng noi theo cái gương của Hòa Thượng mà cố gắng tiến lên, quyết đi cho hết chương trình, không bao giờ bỏ sót. Chỉ trừ một vài vị, vì bị bệnh cảm nặng hoành hành làm hao mòn sức khỏe khá nhiều, nên đành phải bỏ cuộc một hai lần đi lên đỉnh núi cao mà thôi. Như trường hợp Sư cô Phước Hồng chẳng hạn. Dù vậy, nói chung, cho đến giờ phút này, cũng chưa có ai hoàn toàn bị bại trận. Nhờ mỗi lần lên xe đi xa, đây là cơ hội tốt để mọi người ngủ lấy sức. Dù ai có khó ngủ cỡ nào, hay có thói quen phải cần đến nệm ấm chăn êm, đối với hiện tại, thì những việc đó thấy đều vô nghĩa lý. Chẳng những thế, mà còn trái ngược lại, xe càng dẫn ngủ càng ngon. Vì đi mấy ngày qua đã quen rồi.

Riêng tôi, có thể nói là ít ngủ hơn. Bởi vì, tôi phải có trách nhiệm theo dõi những diễn tiến của đoàn để ghi lại cuộc hành trình, hầu tường thuật cho mọi người theo dõi biết tin. Do đó, mà đầu óc mãi lên dây cân não, nên cũng hơi khó ngủ. Tuy nhiên, đôi lúc quá thấm mệt, thì cũng quên đi trách nhiệm đang làm mà hòa nhịp vào cùng với mọi người để tiếp tay phụ họa trong công việc thổi kèn tây với nhau cho vui. Có thể, mới tạo thành một đại nhạc hội hòa tấu thật nghe êm tai.

Thỉnh thoảng giật mình mở mắt ra nhìn cảnh vật chung quanh, tôi thấy hai bên đường phần nhiều là đất hoang bỏ trống, ít có nhà cửa. Sâu vào trong một chút toàn là đồi núi chập chùng. Xa xa mới có chen lẫn với nhau một vài căn nhà dân chúng ở. Rồi cũng có những nơi dân cư đông đúc san sát với nhau. Càng đi sâu vào miền quê, thì sự sinh sống của dân chúng cũng lam lũ cực khổ lắm. Điều này, hẳn ở đâu cũng vậy và nước nào cũng có. Có một điều, tôi hơi lấy làm lạ, là lối kiến trúc nhà cửa ở đây, hầu như là rập khuôn với nhau, chỉ có một kiểu. Nhà họ xây không lớn lắm, không có chiều ngang mà đa số đều có chiều cao. Chắc có thể là 2 tầng. Nhà nào cũng có rất nhiều cửa sổ nhỏ. Có thể nói, từ xa nhìn vào, thấy cửa sổ nhiều giống như là cái rổ sảo. Nghĩa là không nhìn thấy vách tường nhiều, mà toàn thấy cửa sổ.

Điều này, tôi cũng chưa rõ lý do tại sao mà họ chừa quá nhiều cửa sổ

như thế. Nhà cửa ở thôn quê, tôi nhìn thấy ở hai bên đường, thú thật, không có căn nhà nào mà gây cho tôi có một sự chú ý thích thú cả. Nhà thì cao mà tím rậm, giống như mấy cái tha la ông Tà ở xứ mình.

Đoàn đã tới Cửu Hoa Sơn vào lúc 4 giờ 30 chiều. Nói về tiểu sử của núi này, chúng tôi thấy trong tập sách có nhan đề: “Nga Mi Sơn Và Đại Phật Sơn” có nêu ra vài nét về núi này như sau: “Theo các nhà địa chất, thì cách đây 200 triệu năm, Cửu Hoa sơn là vùng biển cả. Cách đây 140 triệu năm, quả đất sau một trận biến đổi, một số vùng biển cả biến thành lục địa.

Từ xa xưa Cửu Hoa sơn có tên Lãng Dương Sơn gồm 9 ngọn núi xinh đẹp, xa trông như chín anh em đứng kề vai sát cánh bên nhau, nên dân địa phương quen gọi Cửu Tử Sơn. Nhưng từ khi nhà thơ Lý Bạch (701 - 762) đã ba lần đến vãn cảnh Cửu Tử Sơn và đề thơ ngợi ca cảnh trí thiên nhiên ở đây:

Tích tại Cửu Giang Sơn

Dao vọng Cửu Hoa Sơn

Thiên hà quái lục thượng

Tú xuất cửu phù dung

Từ đó Cửu Tử Sơn được đổi thành Cửu Hoa Sơn. Vào cuối đời Đông Hán, người ta bắt đầu xây dựng ở Cửu Hoa Sơn nhiều chùa chiền. Vào năm Vinh Huy thứ 4, năm 653, một vương tộc Triều Tiên, tên là Kim Kiêu Giác, vượt biển đến đây tu hành suốt 75 năm, vị cao Tăng này viên tịch vào đời Đường, năm Khai Nguyên thứ 16, tức năm 726. Điều kỳ lạ là khi qua đời thân hình Kim Kiêu Giác vẫn tươi tỉnh, hồng hào như khi còn sống. Chỗ mai táng ông đêm đêm phát sáng. Chúng tăng cho rằng, ông là hiện thân của Địa Tạng Vương Bồ Tát, bèn chuyển vào nhục thân điện, nơi có phòng trưng bày văn vật Phật giáo với nhiều di vật quý giá như chiếu dụ viết tay của vua Khang Hy, Càn Long v.v...

Ở Cửu Hoa Sơn có 79 ngôi chùa, trải dài trên 7,5 km với con đường dốc gồm 200 ngàn bậc đá. Trong đó nổi tiếng nhất là chùa Cam Lộ, Kỳ Viên, Cung Bách Tuế, chùa Thiên Thai, Thượng Thiên đường”...

Để tìm hiểu rõ thêm về núi Hoa Sơn lịch sử này, sau đây chúng tôi xin được nêu ra thêm một tài liệu nữa: “Núi này nằm về phía Tây nam cách huyện Thanh Dương, tỉnh An Huy 20 km. Diện tích khoảng 50 km².”

Núi Cửu Hoa có 9 ngọn, trong đó có 9 ngọn được coi là hùng vĩ nhất: Thiên đà, Liên hoa, Thiên trụ, Thập vương...

Thái Bình Hoàn Vũ Ký cho tên cũ núi này là Cửu Tử. Do vì đỉnh núi này có 9 ngọn nhỏ, hình dạng như những đứa bé ngồi xoay tròn xúm xít cùng nhau nô đùa.

Nhà thơ Lý Bạch đời Đường đến vùng này, thấy 9 ngọn núi hùng vĩ cao vút, giống như hoa sen, nên đặt tên núi là Cửu Hoa. Ông có làm bài thơ như sau:

Tích tại Cửu Giang thượng

Diêu quán Cửu Hoa phong

Thiên hà quải lục thủy

Tú xuất cửu phù dung.

Từ đó Cửu Tử Sơn dần dần được gọi là Cửu Hoa Sơn, trong núi có nhiều khe nước, suối, thác, quái thạch, cổ động, thương tông, trúc xanh, cái đẹp đẽ của núi và màu sắc của nước chan hòa chen chúc nhau những danh lam thắng cảnh rất đẹp, nên khen là “Đông nam đệ nhất sơn”. Núi này cũng được xem là nơi hóa thân của Bồ Tát Địa Tạng hóa độ chúng sanh và là trung tâm tín ngưỡng Địa Tạng. Vì thế nơi đây có rất nhiều ngôi chùa nổi tiếng như: Chùa Hóa Thành, chùa Cửu Tử, chùa Vô Tướng”...¹⁸

Nói đến Bồ Tát Địa Tạng, đại đa số Phật tử đều có nghe qua vị Bồ Tát này. Bồ Tát Địa Tạng tiếng Phạn là Bodhisattva Kstigarbha. Chữ Địa Tạng có nghĩa là an nhẫn, bất động như đại địa; tư duy sâu xa kín đáo như kho tàng bí mật. Bồ Tát Địa Tạng có một hạnh nguyện cũng rất sâu rộng. Câu nguyện mà chúng ta thường nghe: “Bao giờ địa ngục trống không, chúng sanh độ hết, tôi mới thành Phật”. (Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật, chúng sanh độ tận, phương chứng Bồ đề).

Về hình tượng của Ngài, đa số các chùa thuộc Phật giáo Bắc Tông đều có tôn thờ, qua biểu tượng hình thức xuất gia. Nghĩa là thân hình đầu tròn áo

vuông mặc áo ca sa, đặc biệt tay mặt của Ngài cầm cây tích trượng có 12 khoen, tay trái nắm hạt minh châu. Thâm ý của biểu tượng này, nói lên một ý nghĩa rất sâu xa. Có lẽ mọi người thắc mắc: tại sao các hình tượng của những vị Bồ Tát khác, đều hiện thân qua hình thức cư sĩ ? Riêng Ngài Địa Tạng lại hiện tượng người xuất gia, đấng y Tỳ kheo? Xin thưa, bởi vì bản nguyện của Ngài rất đặc biệt là độ chúng sanh thoát khỏi cảnh địa ngục. Muốn tương hợp với bản nguyện đó, phải là hình ảnh người xuất gia, bản thân mình có giải thoát mới nói đến sự giải thoát cho người.

Chúng sanh nhìn thấy hình ảnh giải thoát đó, mới phát tâm hâm mộ cầu mong Ngài độ thoát. Tuy nhiên, muốn độ thoát chúng sanh, cần phải có phương tiện. Phương tiện đó là trong tay sẵn có tích trượng và minh châu. Tích trượng là một cây gậy, có tác dụng đuổi các loài độc vật, gây nhiều hại cho mình, khi đi đường rừng vắng. Trên đầu cây tích trượng có 12 khoen là tượng trưng cho 12 nhân duyên. Muốn giác ngộ cần phải phá vỡ 12 cái mắc xích này. Mà muốn phá tan chúng, người tu cần phải có trí huệ chiếu soi. Do đó, bên tay trái của Ngài cầm hạt minh châu để tiêu biểu cho ánh sáng trí huệ. Ánh sáng trí huệ chiếu soi đến đâu, thì bóng tối vô minh tan biến đến đó. Khi vô minh không còn, thì sẽ được tự do tự tại. Đó là ý nghĩa qua hình tượng tiêu biểu của Ngài. Vì vậy, mỗi khi lễ bái Ngài, ta phải luôn nhớ đến cái ý nghĩa này. Từ đó, ta cố gắng ứng dụng trí huệ chiếu soi qua mọi lãnh vực trong đời sống của chúng ta. Có thế, thì sự lễ bái Ngài mới có lợi ích thiết thực vậy.

Trên đây, chúng tôi nêu ra hai tài liệu nói về núi này cũng như nói qua vài nét về ý nghĩa tiêu biểu của Bồ Tát Địa Tạng, giờ đây, chúng tôi xin được kể tiếp những diễn tiến của đoàn khi đặt chân lên đây.

---o0o---

01. Hóa Thành Tự

Đầu tiên, đoàn đến tham quan ngôi Tam Bảo Hóa Thành Tự. Hòa Thượng và mọi người đều đi thẳng vào ngôi điện chánh. Sở dĩ hôm nay khác hơn thường lệ, là vì Hòa Thượng muốn cần phải tranh thủ thời gian để tụng một thời kinh ngắn cầu siêu cho cô Diệu Ngọc. Nên sau khi đến nơi, Hòa Thượng đi thẳng một mạch vào ngôi Bảo Điện. Ngôi điện chánh này thờ Tam Tôn Phật: Thích Ca, Di Đà Và Dược Sư.

Sau khi cúng dường Tam Bảo và xin phép thầy trụ trì cho đoàn tụng thời kinh, thầy trụ trì đồng ý. Hòa Thượng liền bảo chúng tôi nói vài lời về

lý do của buổi lễ này. Tôi chỉ vắn tắt vài lời, cho mọi người biết, đây là tôn ý của Hòa Thượng, chúng ta nên hết lòng cùng với Hòa Thượng và chư tôn đức Tăng Ni, để tụng kinh cầu siêu cho cô Diệu Ngọc. Sau đó, Hòa Thượng và mọi người đều quỳ xuống niệm hương cầu nguyện. Thời kinh tuy ngắn gọn, nhưng hết sức thành kính trang nghiêm. Vì mọi người đem hết tâm tư lắng lòng nhiếp tâm cầu nguyện. Thật là trang trọng!

Sau khóa lễ cầu siêu, mọi người đi chung quanh chùa để tham quan. Được biết, nơi đây, xưa kia có một vị Hàn Quốc (Triều Tiên) tên là Kiêu Giác (tiền thân của Bồ Tát Địa Tạng) như đã nói ở trên, đến đây tu hành và Ngài còn lưu lại ba bảo vật: Đôi giày, đôi dép, và cái mào, cả ba thứ đều to lớn. Theo người hướng dẫn cho biết, thì thân hình của ngài rất to lớn, cao 2 mét. Phía sau Bảo điện là Tạng Kinh lâu, nơi để Tạng Kinh từ thời nhà Minh. Cách thờ phượng thiết trí nơi đây, hình thức giống như một số chùa ở Việt Nam. Nghĩa là hai bên: một bên thì thờ Đức Bồ Tát Quán Âm và bên kia là Đức Địa Tạng. Phía bên phải là tượng Bồ tát Văn Thù cỡi con sư tử bằng gỗ rất xinh đẹp, và phía bên trái là Bồ tát Phổ Hiền cỡi con voi trắng cao lớn.

Toàn cảnh chùa nơi đây không mấy gì rộng rãi, vì chu vi đất hẹp, và lại chung quanh có những ngôi nhà của dân chúng ở san sát nối liền nhau, trông rất là chật chội. Do đó, nên cảnh chùa không mấy gì thoáng khí và dĩ nhiên cảnh trí không được đẹp, nhìn cảnh chùa đượm chất thành thị hơn là ở trên núi.

Rời khỏi chùa Hóa Thành, mọi người đến khách sạn để nhận phòng. Nhận phòng xong, đúng 7 giờ tối và sau đó, mọi người dùng cơm cũng ở trong khách sạn này.

Dùng cơm xong, số người nào mệt, thì ở khách sạn nghỉ ngơi, còn người nào cảm thấy khỏe khoắn và muốn mua sắm chút đỉnh đồ để làm quà tặng, thì đi bán shop. Nói bán shop, hẳn mọi người nghe hơi lạ tai. Sở dĩ có danh từ này, là do chúng tôi đặt ra. Bởi lẽ, trên đường đi, có một số quý vị hay ghé lại hai bên dãy shop ở hai bên đường vào chùa, làm cho chú hướng dẫn phải kêu gọi nhắc nhở hoài. Chú kêu gọi: yêu cầu mọi người phải đi theo cho kịp đoàn. Nhân đó, chúng tôi có làm một bài thơ với tựa đề là: “*Bán chùa hay bán shop*”, để tặng cho quý vị nào hay thích ghé vào shop để mua sắm và hay gây ra sự trễ nải cho đoàn.

Bán Chùa Hay Bán Shop

Bái chùa bái shop bái nào hay?

Khỏi nghĩ chi lâu xin đáp ngay

Bái shop bao giờ cho biết chán

Bái chùa phước báo hưởng lâu dài

Khuyên ai khôn kiể vào chùa bái

Chớ bái shop hoài sẽ hết tài (tiền)

Thăm thăm đường dài khuyên phải nhớ

Đồ nhiều xách nặng khổ mang thay!

Từ đó về sau, danh từ bái shop được mọi người nhắc đến luôn. Hòa Thượng và quý thầy cũng hay nhắc đến. Cứ mỗi lần đi vào chùa lễ bái, thì thường là hai bên đường vào chùa họ bày biện bán những món hàng mà khách du lịch thường hay ghé mua để làm quà kỷ niệm. Vì vậy cho nên trên đường đi, ít ai không ghé lại ngắm nghía nhìn tới nhìn lui, rồi cò kè trả giá bớt một thêm hai. Do đó, mà thường gây ra sự trở ngại cho đoàn rất nhiều. Nói gì thì nói, đó là cái nghiệp của quý cô, quý bà. Người hướng dẫn có hối thúc cỡ nào, thì quý cô cũng không thể nào bỏ qua cho được. Chân bước đi mà đôi mắt đã gởi trọn vào hai bên shop mắt rồi. Thật là những món đồ, nó có một sức hút mãnh liệt còn hơn là nam châm hút sắt nữa. Nghĩa là quý cô đã bị hoa mắt, mỗi khi đi ngang qua chỗ bán hàng. Nói như thế không có nghĩa là Ban tổ chức quá khắc khe trong việc mua sắm. Mà Ban Tổ Chức chỉ lo sợ, thứ nhứt là mất thời giờ rất nhiều trong việc đi tham quan chiêm bái. Vì thời gian đi thì ngắn, mà chỗ chiêm bái thì nhiều. Cho nên Ban Tổ Chức cần phải tranh thủ thời gian để đi cho đúng theo chương trình đã quy định. Thứ hai, vì sợ cho quý vị phải nhọc nhằn trên đường đi chuyển khó khăn, cũng như khi trở về vì quá nặng tải, rất là phiền phức. Ban Tổ Chức chỉ lo ngại có hai điều đó thôi.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin mở ngoặc nói thêm: trong khoảng thời gian mấy ngày đầu, nhứt là ngày viếng thăm Thạch Động Vân Cương ở Đại Đồng, mặc dù lúc đó có đi ngang qua dãy shop bán cũng khá nhiều đồ, nhưng mọi người còn tuân hành kỷ luật một cách rất nghiêm chỉnh, không một ai ghé lại mua bất cứ thứ gì, chỉ đến khi ra xe, thì mấy người bán họ mang tới, bấy giờ trên xe cũng có một vài người xuống mua. Nhưng càng về

sau, thì máu mua sắm càng nổi lên, nên không ai có thể dừng lại được. Tuy rằng, Hòa Thượng cũng muốn cho đoàn đi có trật tự, nhưng ngài cũng rất thông cảm cho quý bà, quý cô trong việc mua sắm này. Lý do là vì khi đi xa về, ít ra ai cũng có một vài món quà nào đó để tặng cho những người thân hay bạn bè của mình. Điều đó, không thể nào không có. Tuy nhiên vì đi trong tập thể, cần phải có sự nhắc nhở, và cần phải tôn trọng kỷ luật chung. Vì không phải ai cũng đi mua sắm hết. Muốn tránh cho những người không thích mua sắm, họ khỏi sanh lòng phiền. Đó là trách nhiệm của Ban tổ chức phải làm như thế thôi. Nếu không có sự nhắc chừng, thì chắc chắn rất phiền phức xảy ra trên đường di chuyển thường xuyên và như thế, thì cũng rất trở ngại cho chương trình thăm viếng, như đã nói rõ ở trên.

Mong quý vị cũng thông cảm cho việc làm của Ban tổ chức. Nhưng phải công tâm thừa nhận, chuyến đi này, mọi người đều có một ý thức và tinh thần chung cao độ. Nghĩa là rất tôn trọng việc thức nhắc của Hòa Thượng cũng như những điều luật của đoàn. Nhờ thế, mà kết quả rất tốt đẹp. Hòa Thượng và Ban tổ chức, xin chân thành gửi lời cảm ơn toàn thể quý vị trong chuyến đi lịch sử này. Bây giờ, chúng tôi xin được trở lại vấn đề trên.

Đặc biệt hôm nay, sau khi ăn cơm rồi có chút thời giờ rảnh rỗi, hơn nữa, gần khách sạn có nhiều cửa hàng bày bán nhiều vật phẩm rất hấp dẫn, làm sao mà không đi dạo cho được. Thế là, có một số quý cô và quý thầy, quý chú, trong số đó có tôi. Hôm nay, rảnh rỗi, tôi cũng muốn đi dạo qua một vòng cho biết sự tình ở nơi đây, xem họ chuyên bán những thứ gì. Đã đi, thì ít nhiều gì cũng phải vướng vào mua sắm. Ở đây, họ nói thách giá rất cao. Khách hàng dù trả giá cỡ nào, trước sau gì cũng bị dính chấu. Họ có một cái thuật dương bẫy rất hay, phải nói rất là cao tay ẩn trong nghề nghiệp của họ.

Thí dụ họ muốn bán một món hàng là 25 đồng (tiền địa phương) thì họ phải nói giá là 120 đồng chẳng hạn. Thế là người mua không trả quá thấp, sợ coi không được. Họ gài cho mình trả giá nào cũng bị sa lưới của họ. Cho nên có rất nhiều cô chưa biết rõ cái mảnh khóc của họ, đa số đều bị vướng bẫy. Khi biết được, bắt đầu có kinh nghiệm, bấy giờ nhìn lại túi tiền, thì chao ôi! Nó đã cao bay xa chạy hết rồi! Thật là khô khô!

Tuy nhiên, cũng có nhiều người già dặn kinh nghiệm hơn, nên không vội mua liền. Họ phải dò giá rà soát thật cẩn thận. Tương đối, những người này, phải nói họ ít bị sập bẫy. Như hôm nay, tôi đi chung với một vài cô: Diệu Huyền, Nguyên Định, Diệu Hương, Tâm Hoa, Hạnh Thắng v.v.. Bên cạnh đó còn có quý Thầy quý chú như: Thầy Phước Trí, Phước Lạc. Chú

Phước Từ, Huệ Chiêu. Nói về quý thầy quý chú, khỏi phải nói, nghĩa là bị mắc bẫy dài dài. Thí dụ, một món đồ, họ bán 5 đồng, thì họ bán cho quý thầy khoảng 40 đồng. Bởi vì họ biết, quý thầy ít có trả giá cò kè bớt một thêm hai. Do đó, mà họ chém thật ngọt sớt! Như trường hợp Thầy Phước Lạc bị họ chém rất ngon lành.

Đi dạo một lát, mọi người đều trở về khách sạn để nghỉ ngơi. Mọi người an giấc để lấy sức ngày mai tiếp tục cuộc hành trình.

Ngày 18, tức ngày 26/9/04

Thông thường, trước khi lấy chìa khóa nhận phòng ngủ, hướng dẫn viên sẽ thông báo cho mọi người biết qua về chương trình hành hương của ngày kế tiếp. Hôm nay cũng thế. Sáng nay, mọi người thức dậy sớm vào lúc 6 giờ. Đúng 6 giờ 30, tất cả hành lý đều mang xuống để ở phòng lê tân. Xong rồi, ăn điểm tâm. Đúng 7 giờ, mọi người ra xe để tiếp tục đi chiêm bái một vài nơi khác.

---o0o---

02. Bái Kinh Đài

Điểm đầu tiên hôm nay mà đoàn đến là Bái Kinh Đài. Vì chùa ở trên đỉnh núi cao, nên tất cả đều phải sắp hàng theo thứ tự để đi cáp treo. Chờ cáp treo ở đây cũng khá lâu. Ngồi trong cáp treo nhìn ra ngoài trông cảnh núi đồi chập chùng san sát nối liền nhau, thật là đẹp mắt. Càng lên cao chừng nào, nhìn chung quanh và rồi nhìn xuống, mới thấy được cảnh trí thiên nhiên do tạo hóa tạo nên, phong cảnh thật là tuyệt đẹp, thơ mộng, giống như một bức tranh thủy mặc. Mỗi một cáp treo vừa chỗ cho 6 người ngồi. Và mỗi lần lên xuống là 3 cáp treo. Cho nên số người đi phải chờ đợi lên từng đợt một. Trong cáp treo có tiếng đàn nhạc trôi mà không có lời ca. Thật là:

Ngồi cáp, nhạc reo nhìn ngắm cảnh

Gập đá cheo leo vạn tượng hình

Núi xanh sương phủ ngàn mây trắng

In bóng nhàn du cảnh lịch thanh.

Mọi người đến Bái Kinh Đài vào lúc 9 giờ. Bái Kinh Đài được xây dựng vào cuối đời nhà Minh, tức đầu nhà Thanh. Vị trụ trì hiện nay là Thượng Tọa Thích Thánh Minh. Ngài này có nhiều chức vụ, hiện là Bí Thư của Cửu Hoa Sơn. Vì đi từng đợt, nên số người đi lên trước, họ đi thẳng vào trong chùa. Hòa Thượng và một số người khác đi lên sau. Tôi đi chung với số người lên trước. Khi chúng tôi đến đây, dù mới 9 giờ sáng, mà đã có rất đông du khách có mặt nơi đây rồi. Chúng tôi thấy, nơi đây, có hai dấu chân in dưới đá thật lớn, đó là hai dấu chân của hóa thân Địa tạng Vương Bồ Tát. Tức là Ngài Kiều Giác người Triều Tiên như đã nói ở trên. Hai dấu chân ở phía trước bàn Phật trong chánh điện. Mọi người chen chúc nhau để đứng vào vị trí của đôi chân này để lạy Phật. Họ cho như vậy là được phước rất lớn. Chánh điện không được rộng lớn lắm mà số người quá đông, họ chen lấn nhau gần như muốn nghẹt thở. Tôi không chịu nổi cảnh này, đành phải bước ra ngoài.

Khi bước ra ngoài, đến bên thành đá tường ở phía trước chùa nhìn xuống núi, chao ôi! sao mà nó sâu thăm thẳm. Khi ấy, tôi có một ý nghĩ, đường lên núi cao vút, chập chùng quanh co, nếu như đi bộ không mang gì hết, e rằng không dễ gì đi được. Thế mà không biết sao, người ta tạo được cảnh Già lam khang trang nguy nga tráng lệ như thế này? Không phải chỉ có nơi đây thôi, mà hầu hết những ngôi chùa ở trên đỉnh núi cao đều như thế cả. Thế mới biết, công trình của người xưa làm, thật là một kỳ công tuyệt hảo. Không phải có phương tiện kỹ thuật máy móc như bây giờ mà không hiểu sao người ta có thể di chuyển những vật liệu lên đây để xây cất cho được? Đâu phải chỉ xây cất đơn giản dã chiến sơ sài. Mà là một công trình rất quy mô vĩ đại. Công trình này, nếu như xây cất ở dưới mặt đất bằng phẳng, thì cũng là một việc rất khó khăn chớ không phải dễ dàng. Nói chi là ở trên cao tận cùng của đỉnh núi.

Ngắm nhìn ngôi chùa nơi đây, cũng như những nơi khác ở trên đỉnh cao như thế này, tâm trí tôi cứ nghĩ mãi và cứ tự hỏi mà không tìm ra câu giải đáp thỏa đáng. Nếu chỉ làm bằng sức người, khuôn từng cục gạch lên đây hay vác từng cây cột, nói chung là mọi vật liệu nặng nhẹ đều có đủ, thì thử hỏi làm cách nào mà họ mang lên trên này cho được. Như bây giờ có cáp treo, người ta còn có thể di chuyển được. Ngày xưa làm gì có cáp treo? Do nghĩ như thế, tôi vô cùng bái phục người xưa. Khỏi óc và tay chân của họ, thật không phải vừa. Quả đúng với câu: “Dùng sức người sỏi đá cũng phải thành cơm”.

Mãi suy nghĩ vẫn vơ, mọi người đã lễ xong. Sau đó, Hòa Thượng và một số người đã lên tới. Hôm nay, thầy trụ trì đi vắng, nên có một thầy thay mặt tiếp đón Hòa Thượng và phái đoàn. Thầy này mời Hòa Thượng và mọi người vào phòng khách uống trà giải khát. Được biết, hiện nay thầy trụ trì đang dự định kiến tạo ngôi Vạn Phúc điện. Sau đó, Hòa Thượng và mọi người qua chánh điện để hành lễ. Hành lễ xong, đoàn đi tham quan một vài nơi như: Vạn Phật Ngọc Điện và Pháp Hoa Điện... Xong rồi, Hòa Thượng và một số người ngồi kiệu đi lên Thiên Thai Đài.

Bái Kinh Đài đã là cao quá rồi, bây giờ còn phải lên Thiên Thai Đài nữa. Quý vị cứ thử tưởng tượng nó cao cỡ nào. Đứng từ Bái Kinh Đài nhìn lên Thiên Thai Đài, phải ngước mắt cao lên mới thấy rõ. Tôi và một số người trong đoàn quyết chí đi bộ. Những người đi bộ lên xuống dập dìu như trảy hội, thật là vui nhộn. Kẻ khiêng kiệu, người đi bộ, cứ đi từng chập rồi ngồi nghỉ mệt. Ở Bái Thiên Đài, tính từ mặt biển trở lên chiều cao là 1.300m. Từ chỗ trạm cáp treo lên Bái Kinh Đài, gồm có 1.196 nấc thang đá leo lên. Chính nơi này là chỗ ẩn thân của hóa thân Địa Tạng ẩn tu trên 70 năm và Ngài có lưu lại dấu chân in vào đá như đã nói ở trên. Nhân cảnh này tôi có làm bài thơ như sau:

Bái Đài Cảm Tác

Hoa Sơn in bóng một Hàn nhơn

Tâm đạo khổ tu dạ chẳng sờn

Hơn bảy mươi năm trên đỉnh núi

Trần đời bất nhiễm chí keo sơn

Hóa thân Bồ tát tên Địa Tạng

Lưu dấu đôi chân cứu độ nhơn

Du khách Bái Đài đông hội chợ

Quyết lòng Lễ bái đáng chơn nhơn.

---o0o---

03. Thiên Thai Đài

Lên đến Thiên Thai Đài, nhìn đồng hồ tay, bây giờ là đúng 11 giờ trưa. Bước vào Đại Hùng Bảo Điện, người hướng dẫn cho biết, Điện Phật này đã xây từ đời Tống cách đây khoảng một ngàn năm. Điện Phật rất kang trang rộng lớn. Điện thờ Tam Thế Phật. Đây là nơi cao nhất ở Cửu Hoa Sơn. Khi tôi đang ngồi ghi những dòng chữ này, thì Hòa Thượng đến bên tôi và nói: “Thật đây là một kỳ công không thể nào tưởng tượng nổi. Họ làm bằng cách nào có thể chuyển những vật liệu lên đây để tạo dựng nên một ngôi chùa to lớn như thế này”. Không ngờ sự thắc mắc của tôi cũng trùng hợp với sự thắc mắc của Hòa Thượng. Hòa Thượng trầm trồ khen ngợi công trình xây cất vĩ đại này hết lời.

Tham quan xong nơi đây. Hòa Thượng và những người đi bằng kiệu khiêng trở xuống chỗ kiệu khiêng để đi xuống trạm cáp treo. Tôi và một số người đi bộ cũng theo họ trở xuống. Đến trạm cáp treo mọi người đứng sắp hàng chờ đợi cũng khá lâu. Tôi có làm bài thơ diễn tả cảnh này như sau:

Chờ Cáp treo

Đoàn người bước xuống đợi lên treo

Kẻ bước, người đi nói gót theo

Kẻ nói người cười như chợ nhóm

Thật là vui nhộn cảnh thang leo

Núi cao người bước lòng không nản

Đến tận Thiên Đài chỉ sắt keo

Thắng cảnh Hoa Sơn ngàn dặm dẫu

An hòa đất Thánh cảnh non đèo

---oOo---

04. Kim Thánh Điện

Sau đó, đoàn đi thăm nhục thân của ngài Từ Minh vào lúc 12 giờ 55. Đoàn đi thẳng vào trong Kim thánh điện. Trong điện, chính giữa là tượng Bồ

Tát Địa Tạng, cao 7 mét 7 và hai bên, bên trái thờ ngài Mãn Công, bên phải thờ ngài Đạo Minh. Ngoài ra, trong Điện này còn có hai bảo tháp, một lớn, một nhỏ. Cái tháp nhỏ, thờ nhục thân của ngài Từ Minh. Một cái tháp lớn có 7 tầng, thờ hóa thân của Bồ tát Địa Tạng. Được biết, hóa thân của Bồ tát Địa Tạng 99 tuổi, do đó, để tưởng niệm Ngài, người ta làm 99 nấc thang đi lên điện.

Khi vào điện tháp, Hòa Thượng hướng dẫn mọi người đi kinh hành chung quanh bảo tháp niệm danh hiệu Địa Tạng 3 vòng. Được biết, Ngài Từ Minh tịch năm 1991, trụ thế 88 tuổi. Vấn đề lưu nhục thân, hay lưu xá lợi, không phải người xuất gia tu hành nào cũng lưu lại như thế. Đây là tùy theo cái bản nguyện của các Ngài. Có nhiều vị khi tu hành đạt đạo rồi, các Ngài muốn lưu lại một phần hay toàn phần xá lợi để làm niềm tin cho mọi người. Mục đích là để cho họ phát tín tâm quy hướng về Tam Bảo tu tạo phước đức. Đó cũng là bản nguyện của Bồ Tát.

Nhân chiêm bái cảnh này, chúng tôi nhớ lại một câu chuyện cũng tương tự như đây. Câu chuyện này, do một thầy dạy chúng tôi học kể lại. Chuyện rằng, vào đời nhà Thanh, có một vị Hòa Thượng, tu hành đức độ khá cao, dân trong làng ai cũng kính mộ đức độ của Ngài. Họ thường kéo nhau đến chùa của Ngài tu học khá đông. Ngài thọ hơn 90 tuổi. Nhờ vào đức độ hoằng hóa của Ngài, nên người ta xuất gia cũng như quy y với Ngài khá đông. Một hôm, trước khi sắp tịch, Ngài biết trước, nên cho gọi các đệ tử đến để Ngài di chúc: Ngài bảo: “sau khi Thầy theo Phật, các con đừng hỏa táng thầy, hãy để thầy ngồi trong một cái bồn rồi đem chôn. Sau 3 năm, mở nắp bồn ra, nếu thấy thi thể của thầy bị hư rã thì thôi, còn nếu như nó còn nguyên vẹn như lúc sống, thì các con nên thỉnh ta ra nạm vàng tạc tượng, đặt thờ ở cửa động, để mọi người đến lễ bái cúng dường. Các đệ tử làm đúng theo lời căn dặn của vị Hòa Thượng đó dạy, quả thật, sau 3 năm đào lên mở nắp bồn ra, thi thể của Ngài vẫn còn nguyên vẹn y như lúc còn sống. Nhìn thầy như Ngài đang nằm ngủ. Các đệ tử làm đúng theo lời di chúc của Ngài, họ đem thi thể của Ngài nạm vàng thành tượng. Đến nay (1978) trải qua mấy trăm năm rồi mà bức tượng của Ngài vẫn còn nguyên vẹn. Nghĩa là bức tượng đó trong xương ngoài da, ngồi với tư thế kiết già trên một tòa sen, cao hơn một thước. Do đó, người ta đặt tên là Cổ Phật Động.

(Động này ở núi Phổ Đà Sơn. Khi đến Phổ Đà Sơn tôi cũng có ý muốn đến đây để tham quan cho biết, nhưng rất tiếc là không có thời giờ, vì trong chương trình không có đi đây. Thế là đành chịu!)

Trước khi rời khỏi nơi đây, Hòa Thượng và mọi người đánh lễ Tam Bảo.

Từ Minh Cảm Tác

Từ Minh điện bái đến tham quan

Lễ bái người người nguyện kiết an

Chuông sớm khách trần mau thức tỉnh

Mõ chiều réo gọi nhớ Tây Phang

Chí cao gương sáng Từ Minh phổ

Thánh Điện nêu cao hạnh khắc vàng

Thọ thế tuổi đời hai tám tám

Nhục thân lưu lại cõi trần gian.

Sau khi tham quan chiêm bái xong, đoàn đến nhà hàng Trung Lữ Tửu Điểm gần bên chùa để dùng cơm trưa. Nhà hàng này rất nhỏ, có 4 bàn ở tầng trệt và 3 bàn ở trên lầu. Chỉ có 7 bàn vừa đủ cho đoàn ngồi. Khi đoàn vào dùng cơm, lúc đó là 1 giờ 50 chiều.

---o0o---

05. Bá Tuế Cung

Dùng cơm xong, một số người trở lại khách sạn Tự Long Đại Tửu Điểm để nghỉ, một số khác còn khỏe, thì đi bộ đến cáp treo để đi tham quan Bá Tuế Cung. Khi đến nơi, tôi nhìn đồng hồ tay, lúc đó đúng 2 giờ 30.

Bá Tuế Tự hay Cung Bách Tuế được xây cất để tưởng niệm Thiên sư Vô hà đời Minh. Thiên Sư Vô Hà sanh năm 1497, quê ở Bắc Kinh. Năm 24 tuổi, Ngài đến Ngũ Đài Sơn xuất gia, có pháp danh là Hải Ngọc. Đến năm 26 tuổi, Ngài rời Ngũ Đài Sơn đi đến Cửu Hoa Sơn. Suốt thời gian ở đây, Ngài là người trường kỳ tu khổ hạnh, trăm tuổi qua đời, người đời gọi "Bách tuế công". Ngài qua đời 3 năm mà thân không hư thối, vua Sùng Chính nhà Minh cho rằng ông là Bồ Tát Địa Tạng chuyển thế, nên phong là ứng thân Bồ Tát. Trong điện đường có cúng phụng chơn thân của Thiên Sư Vô Hà

đến nay vẫn tồn giữ, bộ phận đầu thì còn nguyên vẹn không kém người bình thường, tuy nhiên, thân thể xương cốt thì co rút lại như một đứa bé nhỏ.

---o0o---

06. Đông Nhai Tự

Tham quan chiêm bái Bá Tuế Cung xong, đoàn đến tham quan Đông Nhai Tự. Chùa này cách mặt biển 871 mét. Đồi Đường khai nguyên 741, Tân La Quốc Cao Tăng Kim Địa Tạng, ban đầu đến Cửu Hoa Sơn, ngài an tọa ở đây. Chúng tôi nhìn thấy có một tảng đá thật lớn, tương truyền, chính nơi này là chỗ ngồi của Kim Địa Tạng. Vương Thủ Nhơn, đời Minh du lãm nơi đây có ghi câu thơ : « Tân nhật nham đầu tọa lạc hoa ». Phía Đông là động Địa Tạng trú ngụ của Kim Địa Tạng. Trước thời kỳ kháng chiến chống Nhật, chùa Đông Nhai là ngôi tòng lâm lớn nhất ở Cửu Hoa Sơn này.

---o0o---

07. Kỳ Viên Tự

Sau đó, đoàn đến thăm Kỳ Viên Tự. Ngôi chùa này nằm phía trước mặt tiền của khách sạn Tự Long Đại Tửu Điểm. Chùa này cũng như các ngôi chùa vừa thăm qua, tất cả đều thuộc về huyện Thanh Dương, tỉnh An Huy. Chùa này được xây dựng vào đời Minh khoảng năm 1522 - 1566, với tên là Kỳ Thọ Am. Kỳ Viên, vào đời Thanh, trải qua mấy lần trùng tu và xây dựng thêm, nên chùa có quy mô rất lớn, đứng đầu toàn núi Cửu Hoa. Khoảng năm 1796 - 1820, ngài Long Sơn khai đàn truyền giới tại đây, môn phong ngày càng thịnh, trở thành tòng lâm của thập phương.

Sau khi viếng thăm chùa này, đoàn trở lại khách sạn để chuẩn bị đi Nam Kinh. Đoàn rời khỏi nơi đây vào lúc 5 giờ chiều. Trên đường đi có ghé lại khách sạn Tân Nam Cảnh Đại, nơi đây cũng là nhà hàng để dùng cơm. Ăn xong, đoàn tiếp tục lên đường, lúc đó, là 7 giờ 20 tối.

Đến khách sạn Tân Thế Kỷ Đại Tửu Điểm vào lúc 10 giờ tối. Sau khi thu xếp hành lý, mọi người nhận phòng và rồi ngủ nghỉ.

---o0o---

XVII. Nam Kinh

Ngày 19, tức ngày 27/9/04/

Thăm Lăng Tôn Dật Tiên

Sáng nay, trời quang đãng, thời tiết rất tốt. Sau khi ăn điểm tâm, đoàn rời khỏi khách sạn vào lúc 8 giờ 20 để đi thăm lăng nhà cách mạng Tôn Trung Sơn hay Tôn Dật Tiên thuộc thành phố Nam Kinh, tỉnh Giang Tô. Trên đường đi, cô hướng dẫn có giới thiệu khái lược về thành phố này. Cô nói: Thành phố Nam Kinh là thủ phủ lâu đời của tỉnh Giang Tô. Tổng diện tích là 6.500 km² và dân số có khoảng 680 vạn người. Để hiểu rõ thêm về thành phố này, theo Hứa Hoành tác giả quyển Di Tích Lịch Sử Văn Hóa Trung Hoa cho biết như sau: “Nam Kinh là Thủ đô phương nam, nằm phía hữu ngạn Trường Giang, là một trong những thành phố lâu đời nhất của Trung Quốc. Trước Tây lịch 600, Nam Kinh là một trung tâm đồ sắt và đồ đồng, là kinh đô của chúa Đông Ngô thời Tam Quốc, là Thủ đô nhà Nam Tống vào thế kỷ thứ 10, là trung tâm văn hóa Phật giáo sau Trường An.

Đầu thế kỷ 14, Nam Kinh là Yên Kinh, nơi Nguyễn Phi Khanh bị bắt giải về. Năm 1356, Chu Nguyên Chương chiếm Nam Kinh làm kinh đô cho nhà Minh, mãi đến năm 1400 mới dời về Bắc Kinh. Năm 1842 Hiệp Ước Nam Kinh được ký kết trên một chiến hạm đậu trước thành phố này, cắt 5 thành phố nhường cho Anh Quốc. Vào năm 1853 Hồng Tú Toàn nổi dậy chiếm 10 tỉnh Nam Hoa, chọn Nam Kinh làm thủ đô, đặt tên nước là Thái Bình Thiên Quốc, nhưng 11 năm sau bị nhà Thanh tiêu diệt. Khi cuộc cách mạng Tân Hợi thành công (1911), Tôn Dật Tiên được bầu làm Tổng Thống Lâm Thời, chọn Nam Kinh làm kinh đô, là nơi quân đội Nhật đã tàn sát hàng trăm nghìn lương dân già trẻ gái trai.

Thời nhà Đường thi hào Lý Bạch và Bạch Cư Dị đến cư ngụ tại Nam Kinh một thời gian. Mặc dầu thành lập rất lâu, Nam Kinh chỉ có hơn 5 triệu dân, chỉ còn những di tích lịch sử đồ nát, hầu như hoang phế, ngoài khu vực lăng tẩm của nhà Minh được giữ gìn, trong đó có lăng tẩm Đại Minh Hồng Võ, người sáng lập Minh triều và lăng Tôn Dật Tiên. Ngoài ra, di tích thời nhà Minh còn sót lại là một bức tường do Đại Minh Hồng Võ xây bằng gạch đất nung từ năm 1366 đến 1386 và phế tích cổ thành thời Đông Hán. Bức tường này bao bọc diện tích 41 km, là bức cổ tường thành lớn nhất thế giới, chỗ cao nhất 18m. Ở đây có lầu chuông xây dựng năm 1382, lầu trống xây dựng năm 1388.

Vào năm 1958 các nhà khảo cổ đã tìm ra ngôi cổ mộ của quốc vương xứ Bornero, Banajiana, đến triều cống vua nhà Minh năm 1408, mất tại đó năm 28 tuổi, yêu cầu chôn cất tại Trung Quốc. Nam Kinh còn có đài kỷ niệm thái Giám Trịnh Hòa, người Trung Hoa hải ngoại gọi là đền Ông Bồn (do tước hiệu Bồn Đầu Công) là người chỉ huy 62 chiến hạm, 27000 thủy thủ từ năm 1405 đến 1433 đến Mã Lai, Ấn Độ, Ba Tư, Á Rập, Đông Phi, Hồng Hải, tổng cộng 37 quốc gia, vào khoảng 100 năm trước khi nhà thám hiểm Bồ Đào Nha Vascode Gama đi vòng Hảo Vọng Giác và một thế kỷ trước khi Columbus khám phá Mỹ Châu”.

Cô hướng dẫn còn cho biết thêm: Nhà cách mạng lão thành Tôn Trung Sơn, là người lãnh đạo Đảng Quốc Gia. Ông cũng là cha đẻ của Tân Hoa xã, trong thời đại Mãn Thanh. Ông là người chủ trương Tam Dân Chủ Nghĩa. Và ông ta đã thành công trong cuộc cách mạng năm 1911, tức năm Tân Hợi. Nhưng rất tiếc, ông cai trị không lâu, chỉ làm tổng thống được hơn 3 tháng. Kết thúc cuộc đời chánh trị của ông quá ngắn ngủi, nhưng ông là người có công trong việc lật đổ chế độ phong kiến nhà Thanh. Do đó, ông được mọi người dân Trung Quốc rất kính trọng.

Buổi sáng sớm hôm nay, khi đoàn đến đây, chúng tôi thấy đã có rất nhiều du khách vào ra tấp nập. Từ cửa cổng ngoài đi vào lăng của ông, kể ra cũng hơi xa và du khách phải bước lên từng bậc thang đá. Phong cảnh chung quanh rất nên thơ, có nhiều cây che mát và nhiều loại hoa tỏa hương khoe sắc. Lên đến lăng, tôi đi vào bên trong, nhìn thấy có hai bức tượng màu trắng ngà không rõ xây đắp bằng chất liệu gì, Vị thế của hai tượng, một ngồi và một nằm. Du khách đứng chung quanh lăng nhìn xem rất đông.

Nhân cảnh này, tôi có làm hai bài thơ lưu niệm:

Trung Sơn Lãm Mộ

Đường vào lăng mộ Tôn Trung Sơn

Du khách tới lui tấp nập nhơn

Cảnh trí núi đồi phong cảnh tuyệt

Đường lên dốc đá cấp cao hơn

Tòa nhà kiến trúc xây kiên cố

*Vách núi dựa vào thế kỷ hơn
Tượng đá ngồi nằm oai cốt cách
Một nhà lãnh đạo chủ Tam Dân*

*Rợp bóng tùng che lối cửa vào
Dập dìu du khách nói theo nhau
Đá xây từng bậc lên cao thấp
Sừng sững dương cao cổng lớn chào
Phong cảnh núi đồi trang mỹ tuyệt
Hoa tươi khoe sắc đẹp làm sao
Cách mạng Tôn Tiên nêu vạn kỷ
Tri ân vì nước một tâm bào*

---o0o---

XVIII. Vô Tích

Vài nét về thành phố Vô Tích.

Rời khỏi lăng Tôn Dật Tiên, đoàn đến nhà hàng Đánh Sơn Mỹ Thuật Thành để dùng cơm trưa. Ăn xong, đoàn đi bộ ra xe để đi Vô Tích. Vô Tích, theo sử liệu ghi lại, thì tên gọi Vô Tích bắt đầu từ cuối thời Chiến Quốc, khi chiến tranh tàn khốc giữa 7 nước thất hùng tranh nhau đi vào giai đoạn kết. Ban đầu vùng này có tên là Tích Sơn. Năm 223 TCN, tướng nước Tần là Vương Tiễn đánh bại quân nước Sở, đi bình định đất đai nước Sở, xuống miền nam, đến núi Tích Sơn. Quân lính đào đất làm bếp, đặt nồi thổi cơm, tìm được cái bia đá, ở trong có khắc 12 chữ rằng:

“Hữu tích: bình, thiên hạ tranh; vô tích: ninh, thiên hạ thanh”.

Nghĩa là:

“Có thiếc thì đánh nhau, thiên hạ loạn; không có thiếc thì yên, thiên hạ thanh bình”.

Vương Tiễn cho đòi cỗ nhân đến hỏi, thì biết từ khi vua Bình Vương nhà Chu dời sang đất Lạc (722 TCN), núi ấy sản sinh ra nhiều chì, thiếc nên gọi là Tích Sơn, đã 40 năm nay lấy dùng không hết nhưng gần đây thấy ít dần; tấm bia ấy cũng không biết người nào làm ra. Vương Tiễn than rằng:

*Bia này lộ ra thiên hạ từ đây được yên ổn. Có lẽ người xưa đã thấy trước được điều này, nên chọn bia để báo cho người sau đó chăng! Từ nay nên đặt tên nơi này là **Vô Tích** (không có thiếc).*

Chỉ hai năm sau, các chư hầu hoàn toàn bị tiêu diệt dưới tay nước Tần. Nhà Tần thành lập, từ đó thiên hạ thống nhất, chấm dứt chiến tranh chia cắt Xuân Thu - Chiến Quốc kéo dài 550 năm trong lịch sử Trung Quốc.

Thành phố Vô Tích tổng diện tích là 4.787,61 km². Nếu chỉ tính nội thành thì gồm có: 1.659 km². Về dân số có khoảng 4.471.900 ngàn người và dân số trong nội thành là 2.235.700 ngàn người (2004) Dân tộc chính là người Hán. (Theo tài liệu của Sở Du Lịch đăng trên trang Website)

---o0o---

01. Huệ Sơn Tự

Điểm đầu tiên mà đoàn đến tham quan là Cổ Hoa Sơn Môn, tức Huệ Sơn Tự. “Chùa này vốn là “Linh Sơn Thảo Đường”, một biệt thự của quan Tư Đồ Trường Sử Trạm Mậu đời Tống. Năm 423, trở thành tinh xá Hoa Sơn. Khoảng năm 535 - 545 TL đổi thành Thiên Viện Pháp Vân, về sau trải qua nhiều lần hưng phế, đến đời Thanh lại được trùng tu và đổi tên là Huệ Sơn Tự.

Trong chùa có dòng suối trong vắt tên là Lục Tuyền, trên vách đá gần đó đến nay vẫn còn 5 chữ “*Thiên hạ đệ nhị tuyền*”, do ông Triệu Mạnh Phủ đời Nguyên khắc. Phía Bắc của chùa có trụ đá khắc Kinh đà la ni do ông Lý Đoan Phù xây dựng vào năm 876, phía Nam là trụ khắc thần chú Đại Bạch Tán Cái, hình thức và kích cỡ của 2 trụ này rất giống nhau, đều cao 5m 33, chia làm 3 phần: Đảnh, thân và tòa; phần đảnh thì phía trên có khắc hình hồ lô, mái cong, tòa Phật, hoa sen nở v.v...; phần thân có văn kinh và bài tựa; phần tòa có khắc hoa sen nở, Phật ngồi, áng mây, nhà v.v...Hình thức của tháp được tạo dựng bằng phương pháp nhiều lớp chồng lên nhau, với thủ

pháp điêu khắc tinh xảo, tạo nên hình dáng rất đẹp đẽ”. Đây gọi là Giang Nam đệ nhứt sơn.

---o0o---

02. Ký Xương Viên

Vô tích là thị trấn của tỉnh Giang Tô. Đoàn vào thăm Ký Xương Viên, còn gọi là Phụng Viên.

Ký Xương Viên

Vô Tích ngàn xưa Ký Xương Viên

Cây nhiều đá quý cảnh thiên nhiên

Tạo hình đẹp mắt trông kỳ thú

Cảnh trí thâm u tựa cảnh thiên

Suối nước đường vào tuôn róc rách

Ao hồ sơn thủy dọi nghiêng nghiêng

Nhạc hòa lộng cảnh vang âm hưởng

Du khách vào đây lạc cảnh Tiên.

Sau đó, Hòa Thượng và mọi người vào chùa Huệ Sơn đánh lễ Tam Bảo. Lễ xong, đoàn rời khỏi nơi đây đi đến nhà hàng Trung Cử để dùng cơm chiều vào lúc 5 giờ 30. Rời nhà hàng về khách sạn vào lúc 6 giờ 30.

Buổi tối hôm nay, có một buổi họp chúng đúc kết qua 20 ngày hành hương. Khách sạn cho đoàn mượn phòng họp khá rộng rãi. Buổi họp này, do Hòa Thượng triệu tập để Hòa Thượng nói chuyện trước khi đoàn trở về Úc.

Buổi họp đã diễn ra vào lúc 8 giờ tối. Sau khi niệm Phật, Hòa Thượng thông báo về việc di chuyển thị thể của cô Diệu Ngọc. Hòa Thượng cho biết, thị thể của cô Diệu Ngọc sẽ được chuyển về Hàng Châu. Rất khó khăn trong vấn đề xin xác chở về Úc. Từ ngày hôm nay cho đến thứ năm, mọi thủ tục phải hoàn tất. Nếu không, thì qua ngày thứ năm sẽ có nhiều rắc rối khó khăn hơn, vì ở đây sắp đến ngày lễ Lao Động của họ. Nếu trễ qua ngày thứ sáu, thì ít nhất phải chờ đến 15 ngày sau họ mới giải quyết cho mình. Việc này,

mình có nhờ đến Tổng Lãnh Sự Úc ở đây giúp đỡ và họ đã nhiệt tình giúp đỡ cho mình. Thầy Phước Tấn nhờ Hòa Thượng chuyển lời, thầy xin chào mọi người và chúc mọi người vui vẻ, thầy sẽ về sau một ngày. Tường cũng nên nói thêm, kể từ khi cô Diệu Ngọc vãng sanh theo Phật, Thầy Phước Tấn phải tức tốc trở lại Thiên Thai để lo mọi vấn đề thủ tục giấy tờ chuyển thi thể của cô Diệu Ngọc về Úc. Do đó, nên thầy không có đi Cửu Hoa Sơn cũng như cho đến khi đoàn trở về Úc.

Với tư cách là Trưởng Phái Đoàn của chuyến hành hương chiêm bái Tứ Đại Danh Sơn lần này, trước hết, Hòa Thượng ca ngợi tán thán tinh thần chịu khó, chịu cực trong những ngày qua của tất cả mọi người, dù một số người bị bệnh, nhưng cũng cương quyết đi chiêm bái những nơi Thánh tích, không chùn bước nản chí, đó là điều thật đáng tán dương. Hòa Thượng cũng xin lỗi mọi người, hãy bỏ qua những gì mà Ban Tổ Chức lo không chu đáo. Vì hạnh nguyện Bồ Tát, nên xả chớ không nên chấp nhứt. Nhứt là Hòa Thượng xin lỗi về việc xảy ra khi ở Kê Túc Sơn. Hòa Thượng trình bày nói rất rõ về việc này, để mọi người nghe qua mà thông cảm.

Tóm lại, Hòa Thượng đã tổng kết mọi việc, từ việc ăn, ở cho đến việc đi đứng v.v... cái gì cũng có cái hay và cái dở của nó. Vì chúng ta còn sống trong vòng tương đối là phải như thế. Ngày xưa, những vị hóa thân Bồ Tát khi đến ẩn tu nơi Tứ Đại Danh Sơn, các Ngài cũng chịu không biết bao nhiêu gian lao cực khổ. Chớ không phải sung sướng như mình bây giờ. Bây giờ, mình đi thì bằng máy bay, xe hơi, tàu, cáp treo, lộ bộ cũng ít thôi, có người còn ngồi trên kiệu cho người ta khiêng nữa. Xét lại, thật mình sướng quá chừng. Các Ngài thành công trong khó khăn, ngược lại mình bây giờ sướng quá rồi sanh tệ. Nghĩ thế mà hổ thẹn. Hòa Thượng nhắc lại, theo chương trình mình có đi thăm Hồ Tây, nhưng vì sự việc xảy ra bất ngờ, nên mình không đi. Công Ty nói, họ sẽ hoàn lại một số ít tiền cho việc này, nghĩa là họ sẽ trả lại cho mỗi người là 3 Úc kim. Và số tiền này, sau khi mình về Úc, họ sẽ đưa lại cho mình.

Hòa Thượng có đề nghị, số tiền này sẽ hiến tặng cho anh Sam, là người thay mặt cho công ty hướng dẫn đoàn đi từ Úc, tất cả đều đồng ý. Đồng thời, sau khi tổng kết số tiền, những người đi trong đoàn cúng dường cho các chùa, hiện số tiền còn lại tính theo tiền tệ Trung Quốc là hai ngàn đồng. Số tiền này, sẽ hiến tặng cho hai hướng dẫn viên đi theo đoàn suốt lộ trình, mỗi người là một ngàn đồng, đó là anh Tiêu và anh Backer.

Hòa Thượng thay mặt cho đoàn cảm ơn hai anh và tận tay Hòa Thượng đưa hai bao thư tiền cho hai anh, hai anh rất vui mừng và xin cảm ơn Hòa Thượng và toàn thể phái đoàn. Hai anh rất mong có ngày gặp lại và được phục vụ cho đoàn, như là anh Tô Định Tiêu, anh đã được mọi người trong đoàn tỏ ra rất có cảm tình thương mến.

Buổi họp kết thúc vào lúc 10 giờ tối. Mọi người rất vui vẻ và trở về phòng nghỉ ngơi để ngày mai đi viếng thăm một vài nơi khác, trước khi trở về Úc.

Ngày 20, tức ngày 28/9/04

---o0o---

03. Đại Phật Linh Sơn

Hôm nay là ngày cuối cùng, đoàn đi tham quan một vài nơi trước khi trở về Úc. Đoàn rời khách sạn Hiệp Hòa Quảng Trường Đại Tửu Điểm vào lúc 8 giờ sáng, để đi tham quan Đại Phật ở Linh Sơn. Trên đường đi, xe chạy ngang qua Tân Thành Lễ Hồ. Hồ này rộng lớn và cảnh trí chung quanh rất đẹp. Vì thời gian không cho phép, nên đoàn chỉ ở trên xe nhìn ngắm sơ qua thôi. Xe chạy một đôi nữa, ngang qua cảnh Thái Hồ. Được biết, hồ này có một diện tích khá rộng lớn khoảng 4000km². Ngồi trên xe nhìn xuống, chúng tôi thấy xa xa có một vài chiếc ghe đang chạy qua lại hình như họ đang đánh cá là phải. Chung quanh hồ, cảnh trí cũng khá thơ mộng. Rất tiếc, không có đủ thời gian để đoàn xuống đi dạo ngắm cảnh.

Đoàn đến nơi Đại Phật vào lúc 9 giờ. Xe đậu lại, mọi người xuống xe và đi bộ đến cổng ngoài chờ đợi mua vé. Được biết, vé bán ở đây cũng khá đắt. Mỗi vé là 70 đồng tiền Trung Quốc. Quy ra tiền Úc khoảng 12 đồng. Trên cổng tam quan lớn có những chữ: Bồ Thí, Trì Giới và Nhân Nhục. Nhìn thấy những chữ này, tôi nói đùa là ở đây người ta chỉ cho có ba nhóm vào cổng thôi, còn ba nhóm Tinh Tấn, Thiền Định và Trí Huệ thì không được vào. Mọi người đều cười xòa. Nhưng ở mặt trong đi ra lại có những chữ của ba nhóm sau: Tinh Tấn, Thiền Định Và Trí Huệ. Từ ngoài cổng đi vào tới chỗ thờ tượng Đại Phật, độ cũng vài trăm thước. Tuy nhiên, mặt đường tương đối bằng phẳng, chớ không có nhiều bậc đá cao như ở một vài nơi khác. Tượng Đại Phật cao khoảng 88 thước. Trung Quốc có 5 tượng Phật cao lớn ở những nơi như sau: Hồng Kông, Sơn Tây, Thạch Động ở Long Môn, Lạc Sơn ở Tứ Xuyên Và Linh Sơn ở Vô Tích.

Hòa Thượng và một vài người khi vào gần đến tượng Phật lớn, có người nói ở phía ngoài sắp đến giờ họ cho Phật hiện ra trên một cái đài sen đúc bằng đồng cao và ở phía dưới là một cái hồ tròn rộng lớn chứa đầy nước. Chung quanh có 9 con rồng cũng được đúc bằng đồng, trong tư thế sẵn sàng phun nước lên trên cao, tới đỉnh của tượng Phật sơ sanh đứng trên tòa sen.

Theo lịch trình là một ngày họ cho hiện ba lần : Sáng, trưa, chiều. Buổi sáng hôm nay bắt đầu vào lúc 10 giờ. Tôi đang đứng ghi chép, thì Hòa Thượng kêu tôi ra ngoài để xem cảnh tượng này. Khi mọi người trở ra đến nơi, bấy giờ bên tai nghe tiếng nhạc trôi inh ỏi và xen lẫn giọng nói của một người đàn ông, mà tôi đoán chắc là họ đang giới thiệu về cảnh này. Tiếng nhạc trôi khi nhạt, khi khoan, lúc lớn, lúc nhỏ, lúc trầm, lúc bổng, tạo cho người nghe phải luôn luôn để tâm chú ý theo dõi.

Đúng 10 giờ, nghe điệu nhạc trôi lên thật lớn, tôi nhìn chung quanh thấy người ta đứng nhìn như một rừng người. Tôi đưa mắt nhìn lên trên, thấy bông sen bằng đồng đang búp bỗng nở xòe ra từ từ theo điệu nhạc, rồi trong hoa sen có hình tượng Phật Thích Ca sơ sanh tay chỉ trời tay chỉ đất đang từ từ hiện đứng lên, trông rất đẹp mắt. Khi ấy, có nhiều vòi nước phun lên, nhưng đẹp nhất là 9 con rồng như hải miêng to ra rồi phun nước lên thật cao phủ đầu tượng Phật, cảnh tượng này nhìn giống như đang tắm Phật. Chín con rồng cứ tiếp tục phun nước từng chập. Sau khi tượng Phật đứng thẳng lên rồi, thì họ điều khiển cho hình tượng Ngài xoay qua một vòng, tất cả mọi động tác đều làm theo điệu nhạc.

Chính vì thế, tạo cho người xem, trải qua những giây phút thật là hồi hộp. Chừng khoảng 10 phút, tượng Phật sơ sanh từ từ thụt xuống và những cánh sen từ từ khép kín lại. Khép lại cho đến khi nào không còn thấy tượng Phật nữa là chấm dứt. Qua cảnh tượng này, tôi thấy mọi người dõi mắt nhìn theo, một sự chú ý gần như muốn ngừng thở. Thật là hồi hộp, nếu họ làm không, thì không mấy gì hồi hộp, nhưng, họ rất khéo léo ở chỗ là họ cho những động tác theo từng điệu nhạc thật lớn và trầm hùng. Chính vì vậy, mà làm cho người xem mãi mê theo dõi hồi hộp từng giây phút. Thật là một nghệ thuật gây sự chú ý thu hút người ta chẳng khác nào như thôi miên. Quả thật một nghệ thuật vừa tinh xảo trên mặt kỹ thuật mà cũng vừa tinh xảo trên bình diện tâm linh. Nhìn cảnh tượng này, cảm hứng, tôi có sáng tác một vài bài thơ như sau:

Hoa Khai Kiến Phật.

*Sen đồng quang đại giữa đài cao
Phật ngự giữa tòa sen phủ bao
Sen nở tươi xoè chơn Phật hiện
Chín rồng phun nước trắng lên cao
Nhạc trời vang trời ngàn cây động
Mắt đôi rùng người bắt động dao
Phật huệ nhãn từ luôn cứu khổ
Hoa khai kiến Phật hết sầu đau*

*Hoa khai kiến Phật hết sầu đau
Ai nấy trong tâm cánh sen bao
Phật ngự lâu rồi sao chẳng biết
Hồi tâm trực nhận Phật tìm đâu
Quên mình theo cảnh thương khôn xiết
Trực vật phan duyên khổ lụy sầu
Phật tướng hiện ngoài ta thấy đó
Qua rồi thì mắt khó bền lâu*

*Giả từ Phật ngự ở trên cao
Tự xét lòng mình mãi động dao
Bao phủ mây tan in bóng nguyệt*

Vô minh vọng động sóng ba đào

Bóng mờ sương khói nào chơn thật

Nhận lại Phật mình hết khổ đau

Kiến sắc minh tâm lời Phật dạy

Tìm ngoài Phật tượng chỉ nhọc lao!

Xem xong cảnh này, tôi nghe mọi người đều trầm trồ khen ngợi. Hòa Thượng và một vài người trở vào chiêm bái Đại Tượng Phật. Tôi vừa đi vừa ghi, nên sơ ý bước xuống bậc thang đá bị trượt té hơi đau, nên tôi đến bực thềm đá ngồi nghỉ chân với một vài người. Theo thông báo của hướng dẫn viên, thì mọi người vào tham quan nơi đây, không quá 11 giờ. Nghĩa là đúng 11 giờ phải có mặt ở xe. Nói thì nói thế, nhưng có bao giờ mọi người giữ đúng giờ giấc như đã ấn định đâu. Đó là giờ dây thun của đa số người Việt mình mà! Khi xem xong, mọi người có mặt đầy đủ trên 2 chiếc xe, lúc đó, tôi nhìn đồng hồ tay là đúng 11 giờ 30.

---o0o---

04. Shop Bán Hạt Trai

Trên đường đi đến nhà hàng ăn cơm trưa, đoàn có ghé thăm một nơi chuyên bán hạt trai. Khi vào, họ đã bày sẵn trà nước và ghế ngồi. Ông giám đốc của shop bán hạt trai này, còn trẻ tuổi, dáng người trông có vẻ khôi ngô tuấn tú, phải thế một ông giám đốc shop hạt trai, bởi vì hạt trai cũng trắng trẻo trông rất xinh đẹp dễ thương. Sau khi giới thiệu, tên họ và nghề nghiệp của ông, ông liền quảng cáo tràng giang đại hải về những hạt trai. Ông nói cách nuôi con trai như thế nào để lấy được hạt của nó nhiều và ông cho biết khách hàng dễ bị lừa gạt giữa những hạt trai giả và thật. Muốn biết giả hay thật, thì trước khi mua, khách hàng nên cầm từng hạt trai rồi mài vào trong cái gương, nếu nó có bột thì đó là hạt trai thật, còn như mài vào mà mặt gương bị trầy, thì biết đó là hạt trai giả. Ông ta vừa nói vừa làm cho mọi người xem. Đó là cách thức phân biệt dễ biết nhất.

Phải thành thật mà nói, khi vào đây, đối với mấy ông, trông có vẻ chán lăm, còn đối với quý cô, quý bà thì khỏi phải nói, khác nào như lạc vào mê hồn trận. Cứ hết sấm soi hết hạt này rồi đến hạt kia, bốc lên để xuống trầm trồ khen đẹp mãi. Nhưng rất tiếc, thời gian tham quan ở đây không lâu,

chỉ giới hạn có nửa giờ thôi. Do đó, mà quý cô chân bước ra xe mà lòng vẫn còn nuối tiếc. Có người còn nói tiếc quá xem chưa đã mắt!

---o0o---

05. Phi Trường Thượng Hải

Sau đó, đoàn đến nhà hàng dùng cơm. Dùng cơm xong, đoàn lên đường thẳng đến Phi trường Thượng Hải để trở về Úc. Đến phi trường chưa đến giờ cân hành lý, nên mọi người vào đứng xếp hàng chờ đợi cả tiếng đồng hồ. Khi mọi thủ tục làm xong, nhìn đồng hồ tay, hơn 8 giờ tối. Mọi người vào bên trong chờ đợi lên máy bay. Chuyến bay khởi hành vào lúc 10 giờ 30.

Buổi chiều hôm nay, chương trình không có bữa ăn chiều, mọi người phải tự túc lấy. Nghe bao tử cồn cào khó chịu, tôi bèn rảo bước qua một vòng, xem họ có bán thức ăn gì không. Thời may, khi đến một cái quán bán cà phê, tôi nhìn thấy có Sư cô Phước Liễu đang ngồi ăn tô mì bốc hơi lên nóng hổi, tôi liền đến bên hỏi cô một tô mì ở đây là bao nhiêu? Không cần suy nghĩ, cô trả lời ngay: Dạ thưa 38 đồng tiền Trung Quốc. Khi ấy, trong túi tôi còn 40 đồng, thì thật là vừa đủ tô mì. Thế là, bụng đang đói gặp tô mì nóng hổi này, cho vào bao tử thì quá tuyệt rồi. Tuy nhiên, có điều chờ họ làm hơi lâu, ít nhất cũng khoảng 20 phút.

Sau khi vô được vài đĩa, nhìn lại phía sau, tôi thấy Hòa Thượng cũng vừa mới vào ngồi. Sở dĩ Hòa Thượng biết ở đây có bán mì, là do Sư Cô Phước Trường đi mời. Vì Sư Cô Phước Trường đã biết qua cùng với Sư cô Phước Liễu. Thế là, kêu cho Hòa Thượng một tô. Thật ra, mì ở đây họ nấu chay không có gì đặc biệt cả. Họ chỉ luộc mì xong, rồi họ nấu chút nước súp với vài miếng cải bắp trắng, thêm vài miếng củ cải đỏ và bỏ vào ít tai nấm, thế là xong. Vậy mà ăn cảm thấy rất ngon lành. Thế mới biết, hễ đói bụng thì cho thứ gì vô bụng cũng cảm thấy ngon lành cả. Ăn xong, trở lại chỗ ngồi chờ. Mãi đến 10 giờ mới vào máy bay. Đúng 10 giờ 30 máy bay cất cánh.

---o0o---

06. Trên Máy Bay

Ngồi trên máy bay, có thể mỗi người có mỗi nếp suy tư khác nhau. Cũng có người, vì quá mệt mỏi, hôm nay như đã trút đi một gánh nặng, không cần phải suy nghĩ gì thêm cho mệt, cứ nhắm nghiền đôi mắt lại rồi từ

từ thả hồn phiêu lưu theo mây gió, cho nó sướng cuộc đời, để bù lại những ngày dài thắm mệt. Rồi đến khi mở đôi mắt ra, thấy mình đang ở Úc. Mọi người thân đang chờ đợi tiếp đón mình, tay bắt mặt chào niềm nở tươi cười vui vẻ, bao nhiêu ngày trông đợi nay gặp mặt nhau thì còn gì vui sướng bằng.

Càng nghĩ đến cảnh tượng đó, tôi lại càng cảm thấy thương buồn cho gia đình cô Diệu Ngọc hơn. Rồi ngày mai đây, gia đình của cô cũng ra phi trường Sydney đón cô, nhưng họ chỉ đón cái xác không hồn của cô. Nhớ lại, ngày cô ra đi, những người thân vui vẻ chúc mừng cô và đạo hữu Minh Hiền thượng lộ bình an, trải qua nhiều cảnh đẹp, rồi sau đó, mang về cho những người thân, những bạn bè một vài món quà lưu niệm, ở nơi Tứ Đại Danh Sơn của những vùng sơn cước âm áp tận phương trời xa xôi Trung Quốc. Ngày trông, đêm đợi, bây giờ, cũng trông đợi mà trông đợi một cách bi thương nào nê, đau buốt tâm can ngược mặt thở than trong bầu trời trống vắng âm đạm.

Càng nghĩ đến tình cảnh đó, tôi không thể an tâm yên ngủ. Vẫn biết rằng, luật vô thường, mình không thể trốn chạy được. Nhưng rồi, sau đó, tôi lại nghĩ, biết đâu mình còn nặng nghiệp hơn cô. Cô đã tròn nguyện ước, đã bỏ thân tứ đại huyễn hóa, mà tâm thức của cô đã về với Phật Tổ, và với nguyện lực đó, cô lại tiếp tục chuyển thân làm lợi ích cho chúng sanh. Trong khi đó, thì mình vẫn còn mang cái hình hài nặng ký lô thịch này, để tiếp tục trả cho hết nghiệp.

Nghĩ vậy, bỗng tôi lại mừng cho cô mà tự cảm thương cho mình. Tại sao mình cứ nhìn trên cái xác thân hư giả này mà đánh giá cho sự sống chết? Hễ mất cái thân giả tạm này, mình cho là chết. Đó là một ý nghĩ thật quá đơn giản thường tình. Chứng tỏ mình chưa hiểu được lý lẽ của sự sống chết. Theo Phật giáo, chết chỉ là sự hoại diệt của một hiện tượng. Vì đã có sanh tất nhiên là phải có diệt. Sanh diệt chỉ là trò ảo thuật huyễn hóa, không thật.

Hiện tượng thì có sanh diệt, nhưng bản thể thì không. Lâu nay, vì dính mắc chấp chặt trên hình tướng nên chúng ta rất đau khổ, vì không thấy được cái Vô Tướng của sự vật. Hiểu và chứng nghiệm được lý sanh diệt rồi, tất nhiên, chúng ta sẽ không còn lo âu sợ hãi nữa.

Ngày nào mà ta chưa hiểu thấu được cái “Vô Tướng” của vạn hữu, thì chắc chắn ngày đó ta còn phải chịu khổ đau dài dài. Nhìn thấu được cái lý Vô Tướng là ta đã nhận ra được cái lý duyên sinh vô ngã. Nhìn theo lý duyên sinh, thì không có một vật gì thường còn tồn tại. Khi đủ duyên, thì

tạm gọi là còn sống. Khi nhân duyên tan rã, thì tạm gọi là chết. Sống chết chỉ là hiện tượng hoa đốm giữa hư không. Nói rõ hơn, sáng và tối chỉ là hiện tượng sanh diệt đối đãi trong hư không. Hư không thì không có sanh diệt. Nhưng hoa đốm thì có sanh có diệt. Bản chất của hoa đốm thì không, nhưng vì mắt bị bệnh nhặm mà thấy có. Khi mắt hết bệnh, thì hoa đốm kia cũng không còn. Khi giác ngộ được chân lý rồi, thì mọi hiện tượng chỉ là trò đùa mà thôi. Chúng nào có thật đâu mà mình phải đau khổ?

Căn cứ trên lý duyên sinh như huyền giả hợp này, thì rõ ràng khác nào như bọt tan về biển. Đã thế, mất bọt chớ nào mất biển. Biển nước bao la sao ta không chịu nhận mà chỉ nhận một cái bọt nhỏ xíu trôi nổi trên đại dương. Ta nên nhớ rằng, khi đủ duyên thì chúng hội tụ lại thành bọt, đã là bọt làm sao khỏi tan? Duyên hợp, duyên tan đó là chuyện của bọt nước. Nhưng thể của nước biển bao la kia nào có tan có hoại đi đâu? Cũng thế, cái xác thân tứ đại này, có khác nào như bọt nước nổi trên đại dương bao la kia. Ngay khi bọt nổi, đã có mang chất nước trong đó. Nên khi bọt biển tan ra, thì hòa tan về biển nước. Như vậy, tuy có mất bọt, nhưng thể nước kia vẫn còn.

Thế nhưng, thông thường, người ta chỉ nhìn trên bọt nổi phập phều, mà quên mất đi cái biển cả bao la của đại dương. Cái mê lầm của chúng ta là ở chỗ đó. Rồi tôi lại nghĩ thêm, xác thân của chúng ta khác nào như chiếc xe. Xe chạy lâu năm, thì phải hư hoại. Mỗi lần hư, thì mỗi lần đem sửa, khi sửa hết được, thì phải quăng. Thân này cũng thế. Đã xài lâu rồi, thì nó phải hư hoại. Muốn nó còn hoài sao được? Tuy nhiên, xe tuy hư hoại, tan biến đi, nhưng anh tài xế làm gì có mất. Tại sao đại đột, cứ một bề nghĩ thương tiếc chiếc xe hư mục, mà không nghĩ gì đến anh tài xế? Đã lâu rồi, mình quá nặng chấp thân, sâu hơn nữa, là cho những thứ vọng tưởng suy nghĩ vẫn vơ là thật mình, trong khi đó, mình lại quên mất đi cái bản tâm sáng suốt chơn thật thường hằng. Cũng như nhận chút xíu bọt nổi trên biển cả, mà quên đi mặt biển đại dương bao la. Nhận chiếc xe, mà quên mất đi anh tài xế. Thật là đáng thương xót và tôi nghiệp cho mình quá! Chính vì vậy, mà trong Kinh Phật thường quở chúng sanh ngu si là như thế!

Nhĩ nhớ đến những lời Phật Tổ dạy trong kinh điển như vậy, tôi tự cười thầm, và rồi tự nhủ thầm chính mình rằng, trong chuyến đi này, quả cô Diệu Ngọc đã vượt xa hơn mình rồi. Cô ta đã có chiếc xe mới hơn nhiều chiếc xe mình và cô ta đang nhìn lại mình mà thương xót cho bọn mình. Tôi nhìn thấy cô thật có một tấm lòng quảng đại hơn, và có một tình thương rộng lớn hơn, nên cô đã tâm nguyện quyết xả bỏ thân trước ối, nhận thân khác tinh anh hơn! thù thắng hơn! để có đủ phương tiện trong công việc tiếp sanh

độ chúng. Có thể giờ này, linh hồn cô đang an lạc phơi phới nhẹ bồng thanh thoát như chiếc máy bay đang bay trong bầu trời cao rộng giữa mây trắng bạt ngàn, không một chút vướng bận vào đâu. Cầu nguyện linh hồn cô được tiêu diêu tự tại nơi miền lạc cảnh. Nguyện xong, tôi nhắm nghiền đôi mắt lại để dưỡng thần, và rồi niệm Phật, mệt quá ngủ thiếp đi khi nào không hay biết, đến khi giật mình mở mắt ra thì trời đã gần sáng...

---o0o---

C. Phi trường Sydney

Ngày 21, tức ngày 29/9/04

Đến phi trường Sydney, lòng mọi người thật phơi phới vui mừng. Xuống máy bay mọi người đi thẳng đến quầy nhận hành lý. Nhận xong, mọi người lần lượt đẩy xe vào chỗ hải quan kiểm soát. Vì mọi người đều có khai rõ, hơn nữa cũng không có ai mua sắm những loại hàng quốc cấm, nên việc kiểm soát cũng rất nhanh, không có ai bị trở ngại. Thế là, mọi người sau đó, kẻ về Melbourne người về Phước Huệ, chia tay nhau trong nỗi nghẹn ngào lưu luyến.

Chia tay

Thôi! Giả từ nhau biết nói gì

Mỗi người lặng lẽ bước chân đi

Kẻ về Phước Huệ người nơi khác

Kỷ niệm ngày qua khó quên vì

Dấn dẫm ơn Thầy con nhớ mãi

Bạn bè nghĩa nặng khắc tâm ghi

Sự đời tan hợp là như thế

Bịn rịn làm chi cũng chia ly

---o0o---

D. Nhìn lại

Người xưa nói: “*Đi một ngày đàng, học một sàng khôn*”. Đó là kinh nghiệm thực tiễn của người xưa. Nếu thế, thì nhìn lại trong 20 ngày qua, chúng tôi có được 20 cái sàng khôn. Ngẫm kỹ, cái túi khôn của người đời chuyên đựng những kinh nghiệm già dặn trong cuộc sống, với mục đích là để xử thế, mưu cầu danh lợi. Đó chỉ là cái khôn trong sự bon chen, giành giật, hơn thua, tạo nghiệp bất thiện để đi mãi trong vòng sanh tử khổ đau. Ngược lại, cái khôn mà mọi người học được hôm nay, là cái khôn tìm về nguồn sống của đạo lý giải thoát. Cái khôn không sử dụng theo thế trí thường tình: tính toán, mưu mô, lừa bịp, khuynh loát, gian xảo, thủ đoạn... để chơi khâm triệt hạ tàn hại lẫn nhau.

Cái khôn ở đây là học hỏi những hạnh nguyện qua ánh sáng trí huệ cao siêu mà chư Đại Bồ tát, các bậc Tổ sư đã thể hiện soi sáng cứu khổ độ đời. Cái khôn đó mới thật là cái khôn miên viễn vượt ngoài sự sống chết khổ đau. Cũng chính vì muốn học những cái khôn đó, mà mọi người đã phải chịu nhiều gian khổ trong suốt cuộc hành trình. Sự gian khổ của chúng tôi ngày nay, nêu so với những người xưa hành cước tìm đến những nơi này để chiêm bái học đạo, thì thật chẳng có là bao. Ngày nay, chúng tôi di chuyển từ nơi này đến nơi khác, đều đi bằng những phương tiện: máy bay, tàu cáp, xe hơi v.v... Những thứ này thử hỏi ngày xưa làm gì có? Thế mà các ngài vẫn lặng lẽ đến những nơi này để chiêm bái tu học. Thế mới biết cái ý chí kiên nhẫn chịu đựng can trường của người xưa thật sắt đá đến mức độ nào.

Trên đường đi, chúng tôi luôn được hun đúc tăng thêm ý chí nghị lực qua những lời khuyên bảo chí tình chí thiết của Hòa Thượng trưởng phái đoàn. Nhờ đó, mà chúng tôi vượt qua mọi khó khăn trở ngại. Từ xưa tới nay, không có một cuộc hành trình nào mà không đòi lấy những kinh nghiệm khó khăn gian khổ. Có khó khăn, con người mới có rèn luyện thêm ý chí nhẫn nại. Và nguồn sống hương thượng cũng bắt nguồn từ đó mới có thêm những năng lực dồi dào.

Nhìn lại 20 ngày qua, đoàn quân của chúng tôi tuy binh lính hỗn hợp, già nhiều hơn trẻ, nhưng với tinh thần tương trợ đồng đội, tìm hiểu học hỏi và chiêm bái đối với các vị Đại Bồ tát, nên mọi người bất chấp trở ngại, vượt thắng kiên cường, quyết tiến không lùi, dù phải tán thân mất mạng. Đó là một tinh thần phấn đấu thật cao, nếu không có được sự rèn luyện hun đúc của một bậc Thầy lãnh đạo hướng dẫn chỉ giáo, thì thử hỏi làm sao mọi người có thể chiến thắng một cách anh dũng vẻ vang được. Đó là điều mà

những vị này đã được Hòa Thượng tán thán ca ngợi hết lời trong một buổi họp chúng trước khi về Úc.

Nhân chuyến đi này, ngoài việc di chuyển, ăn ở ngủ nghỉ ra, chúng tôi còn học được nhiều điều thú vị mới lạ. Trước hết, chúng tôi mỗi người học qua từng kinh nghiệm sống lẫn nhau, dĩ nhiên, học cả tánh tốt lẫn tánh xấu của mỗi người. Thứ đến, chúng tôi học được những đức độ kiên nhẫn, hiền hậu, điềm đạm, vui vẻ... từ trên quý thầy, quý sư cô dưới đến đại chúng, trong lúc gặp những khó khăn trở ngại. Mỗi người thể hiện mỗi nét trong thái độ, lời nói và cử chỉ. Ngoài ra, nhìn xa hơn, chúng tôi còn học được rất nhiều về những di tích lịch sử lâu đời mà do bao công trình gian khổ của người xưa đã để lại. Nhất là qua các lãnh vực: mỹ thuật, hội họa, điêu khắc, chạm trổ v.v... tất cả là những kỳ công vô cùng tinh xảo tuyệt vời. Chúng tôi còn học qua những hình thái tổ chức, cách đối xử tiếp xúc qua những người có trách vụ trong các ngôi Già lam hay những cơ sở thế tục mà chúng tôi đến.

Nói chung, chuyến đi này, nếu nói theo cách sống kinh tế lời lỗ của thế nhân, thì thú thật, chúng tôi có lời và lời rất nhiều chớ không có lỗ. Điều mà chúng tôi rất đau lòng tiếc nuối cho những thời vàng son của Phật giáo ở nơi đây. Nhưng sau một vài phút giây trầm tư nuối tiếc đó, chúng tôi bỗng trực nhớ đến bài kệ của Thiên Sư Vạn Hạnh đời Lý:

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô

Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô

Nhậm vận thanh suy vô bố úy

Thanh suy như lộ thảo đầu phô.

Dịch:

Thân như bóng chớp chiều tà

Xuân qua tươi tốt, thu qua rụng rời

Sá chi suy thanh việc đời

Thanh suy như hạt sương rơi đầu cành.

(Bản dịch của Ngô Tất Tố)

Sự thanh suy là một định luật tất yếu của các pháp hữu vi, là quy trình sinh diệt tự nhiên của vũ trụ vạn hữu, Phật giáo, ít ra trên bề mặt hình thái tổ chức như một tôn giáo, cũng đều chịu chung một quy luật đó.

Từ xưa tới nay, luật tắc đó cứ đắp đổi thay nhau, hết suy đến thịnh, hết thịnh đến suy. Trải qua các ngôi đại Già lam ở Tứ Đại Danh Sơn cũng như một vài nơi khác, chúng tôi nhận thấy nhà nước đang tập trung xây dựng, phát triển những cơ sở này để đáp ứng cho nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng trong nước. Trên bề mặt, thấy Phật giáo như là khởi sắc, nhưng nhìn vào kích thước chiều sâu, thì than ôi! đã không còn nữa! Thời của các bậc cao Tăng đức độ cao tột, như các ngài: Huyền Trang, Ấn Quang, Hư Vân, Thái Hư v.v... đã qua rồi.

Ngày nay, thấp đuốc đi tìm, dù cho có mỗi gỏi chồn chân cũng không bao giờ có. Chỉ có các sư tăng làm việc cho nhà nước, trong nhiệm vụ quản trị ngôi chùa, nói rõ hơn nhà nước đặt định người trông nom ngôi chùa đừng cho ai trộm chuông mõ hay rình Phật, thế thôi! Hoặc hơn chút nữa, là để mọi người nhìn vào còn thấy có hình bóng của một người đầu tròn áo vuông, khác hơn người đời một tí, để nhà nước tiện bề thân ngoại tệ. Đó là một sự thật mà chúng tôi học hỏi được rất nhiều ngôi chùa mà chúng tôi đến thăm viếng. Nói thế, chúng tôi không dám có ý là quơ đùa cả nắm, tuy cũng có một vài vị còn giữ được chút phong thái đạo hạnh của người xuất gia, như trường hợp Hòa Thượng Quảng Tế trụ trì chùa Kim Các chẳng hạn. Ngoài ra, chúng tôi chưa thấy có vị nào như thế. Thấy người mà ngẫm đến ta! Ngẫm đến ta, thì chắc cũng có những nỗi xót xa đau lòng! Nói theo cụ Tiên Điền Nguyễn Du rằng: *“Những điều trông thấy mà đau đớn lòng!”* Mong sao Phật giáo Việt Nam đừng đi vào quỹ đạo này.

Tóm lại, chuyến đi này, dù chương trình và thời gian không mấy cân xứng, nên việc di chuyển có phần gấp rút và mệt mỏi. Từ đó, đưa đến việc tham quan chiêm bái ở mỗi nơi không được thoải mái như ý. Có người nói: *“đoàn mình đi giống như cỡi ngựa xem hoa”*. Rồi cũng có người nói: *“tuy có mệt mỏi thật, nhưng nhờ vậy, mà mình biết được nhiều nơi khỏi phải uổng tốn kém lệ phí, như vậy có phải lợi ích hơn không?”.* Tứ Đại Danh Sơn mình đều đi hết và còn đi tham quan chiêm bái những nơi khác nữa. Một lần đi phải đi cho xứng đáng. Đâu phải chúng ta có đủ duyên được quý thầy tổ chức như thế này, rồi cũng đâu phải có dư giả tiền bạc mà đi hoài được”.

Qua hai ý kiến nêu ra, chúng tôi thấy ý kiến nào cũng có lý cả. Dù sao chúng ta cũng vẫn được toại nguyện.

Như trong phần đầu của tập sách Kỷ yếu này, chúng tôi có nói: việc tổ chức chuyến đi hành hương này, là do tâm nguyện tha thiết của Hòa Thượng đối với đức Bồ Tát Quán Thế Âm. Vì vậy, nên Hòa Thượng tổ chức chuyến đi này, coi như cả một tâm huyết của ngài. Do đó, nên Hòa Thượng chỉ ưu tiên dành riêng cho chư Tăng Ni và Phật tử ở ba chùa: Phước Huệ, Quang Minh và Hoa Nghiêm thôi. Bởi thế, nên mọi người đi trong niềm hoài vọng thiết tha hướng về chư Đại Bồ Tát, nhứt là đối với Bồ Tát Quán Thế Âm. Nhờ vào tâm nguyện lớn lao đó, mà Hòa Thượng đã dẫn dắt mọi người vượt qua mọi chướng ngại khó khăn. Dù có lúc, Hòa Thượng gần như kiệt sức, thậm chí mọi người còn khuyên Hòa Thượng nên trở về Đại Lý để dưỡng sức, lúc Hòa Thượng lên Kê Túc Sơn. Nhưng mọi người đã bị thất vọng, vì Hòa Thượng đã quyết tâm ở lại với đoàn. Hòa Thượng không bao giờ muốn rời xa mọi người. Vì thâm ý của Hòa Thượng là không muốn cho bất cứ ai phải vì mình mà thôi chí nản lòng. Thế là, mọi người đành phải im lặng. Và cũng chính vì thế, mà cả đoàn càng tăng thêm sức phấn đấu, bất chấp mọi khó khăn khổ cực, hăng say quyết tâm mạnh mẽ hơn để hoàn thành tâm nguyện.

Trong suốt cuộc hành trình, phải thành thật mà nói, có đôi lúc, Hòa Thượng cũng đã quá mệt mỏi, dù ngài cố tỏ ra cho mọi người nhìn thấy để được yên tâm, nhưng ngài cũng không thể che giấu được những cặp mắt quan tâm của mọi người. Chính nhờ tình thương luôn gần gũi bên cạnh mọi người để an ủi xoa dịu của ngài, mỗi khi mọi người gặp khó khăn hay chán nản. Nhờ vậy, mà mỗi người trong đoàn đều vượt qua tất cả. Đó là một thâm ân mà mọi người luôn khắc sâu ghi đậm trong lòng.

Đoàn hành hương hôm nay quyết tâm theo gót chân Thầy để hoàn thành tâm nguyện. Một tâm nguyện sáng ngời trong tinh thần cầu tiến học hỏi của người con Phật. Và hình bóng của một bậc Thầy đã trải dài trong những ngày hành trình qua bao nhiêu gian khổ vẫn mãi mãi khắc đậm trong tâm thức của mỗi người. Chúng con không biết nói sao cho hết được cái ân đức mà Hòa Thượng đã ưu ái xót thương dành cho chúng con.

Một lần nữa, trước khi ngừng bút ghi lại tập sách kỷ niệm này, thay mặt cho đoàn, chúng con xin thành tâm cầu Phật lực gia hộ cho Hòa Thượng luôn được khỏe mạnh, để tiếp tục dìu dắt chúng con trên bước đường tu học. Và chúng tôi cũng xin kính chúc các đoàn viên luôn được an Khang Hạnh

phúc, phước huệ song toàn, luôn tắm mình trong ánh hào quang của chư Phật.

Lời sau cùng, nếu có điều gì lầm lẫn sai sót trong khi ghi chép, kính mong quý độc giả, nhất là quý đoàn viên hãy niệm tình thứ lỗi bỏ qua cho. Chân thành cảm ơn tất cả quý vị.

Viết xong ngày 20 tháng 10 năm 2004

Kính ghi

Tỳ Kheo Thích Phước Thái

---o0o---

Phần Phụ Lục

CẨM NANG HÀNH HƯƠNG

DANH XŨNG VÀ PHÂN NHIỆM CÁC NHÓM

HÀNH HƯƠNG TRUNG QUỐC

---o0o---

Vài Nét Về Ý Nghĩa Hành Hương

Hành hương là một cơ hội rất tốt để chúng ta có dịp mở rộng tầm mắt học hỏi và thưởng ngoạn những gì tai nghe mà mắt chưa thấy. Người ta thường nói, tai nghe không bằng mắt thấy. Những danh lam thắng tích như Tứ Đại Danh Sơn và các ngôi Đại Già Lam Phật giáo Trung Quốc trải qua hàng ngàn năm có một giá trị lịch sử về mọi mặt, nhứt là về mặt văn hóa. Có những ước vọng mà cả đời người từ khi sanh ra cho đến khi nhắm mắt chưa bao giờ được toại nguyện. Dù sự ước vọng đó rất là đơn giản. Hôm nay, hội đủ duyên lành rất lớn, nên chúng ta mới có dịp đi chiêm bái qua một vài thắng tích Phật giáo nổi tiếng ở Trung Quốc. Điều diễm phúc hơn nữa là chúng ta đi trong một phái đoàn mà do một bậc Thầy có đầy đủ đức độ và có nhiều kinh nghiệm trong việc hành hương hướng dẫn. Việc hành hương, ngoài ý nghĩa bổ ích phần ngoại diện cho việc thu thập kiến thức, thưởng ngoạn, nó còn mang một ý nghĩa thâm sâu về mặt hướng dẫn tâm linh, thể hiện làm tăng trưởng Bồ Tát hạnh; vì Bồ Tát đa hạnh và đa dạng dưới nhiều

hình thức làm lợi ích cho chúng sanh. Nói cách khác cụ thể hơn, trong khi đi, chúng ta cũng mang sứ mạng của một người thật hành công hạnh của Bồ Tát, mang nguồn vui chánh pháp gieo rắc đến cho mọi người, để cho họ hiểu và thấm nhuần pháp lạc.

Để cho việc hành hương của chúng ta có nhiều ý nghĩa trong ý nghĩ, lời nói, việc làm, đạt được nhiều kết quả tốt đẹp hơn, theo tôn ý của Hòa Thượng Trưởng Phái đoàn thì, tất cả người đi được chia thành 6 nhóm. Mỗi nhóm là 10 người. Trong 10 người này, có một người làm trưởng nhóm. Danh xưng của mỗi nhóm, lấy Lục Độ, tức 6 pháp Ba La Mật mà đặt tên. Từ Độ thứ nhất là Bố Thí v.v... cho đến Độ cuối là Trí Huệ. Ở đây, thiết nghĩ, chúng ta cũng cần nên biện biệt rõ về ý nghĩa của bố thí và cúng dường. Nếu không, thì dễ gây ra sự hiểu lầm. Hai từ ngữ này, xét kỹ nó khác nhau. Khác nhau trong cung cách, thái độ và ý nghĩa.

Ai cũng biết, động lực thúc đẩy bố thí là từ bi. Vì thương người, thương vật mới bố thí. Thâm nghĩa của nó là buông xả, không dính mắc chấp trước vào hành động và sự vật. Theo nghĩa thường, thì nó mang tính xã hội phổ cập đại chúng có tánh cách từ thiện tu phước nhiều hơn. Ngược lại, cúng dường, xét từ căn nguyên của nó, thì nó có nghĩa là nuôi lớn. Vì cúng dường là đọc trại âm của chữ Hán là cung dưỡng. Cung là cung cấp; dưỡng là nuôi nấng hay phụng dưỡng. Phụng dưỡng ở đây, ngoài ý nghĩa thông thường, như con có hiếu phụng dưỡng vật chất, chăm sóc cho cha mẹ ra, nó còn mang một ý nghĩa rất thâm sâu về nội tâm. Trong Kinh thường nói : “trưởng dưỡng Pháp thân huệ mạng, hay nuôi lớn căn lành”. Xét bề ngoài, nó còn biểu hiện cung cách, thái độ rất kính trọng đối tượng, phát xuất từ thâm tâm của người cúng dường. Thí dụ : người ta nói, bố thí chén cơm manh áo cho những kẻ tàn tật cơ hàn, chớ không ai nói là cúng dường cho những kẻ đó. Vì vậy, đối tượng của sự cúng dường phải là đối tượng được kính trọng. Nói thế, không có nghĩa là đối tượng của sự bố thí không được kính trọng, có thái độ xem thường khinh rẽ họ. Nhưng sự kính trọng xuất phát từ thâm tâm của hai việc làm mang hai ý nghĩa khác nhau. Như một người mang phẩm vật tới chùa dâng lên cho Tam Bảo hay chư Tăng, Ni , thì họ không thể nói là bố thí cho Tam Bảo hay cho chư Tăng Ni, mà phải nói một cách rất cung kính thành tâm là cúng dường Tam Bảo và cúng dường chúng Tăng.

Như vậy, sự khác biệt giữa hai từ ngữ này, ta cần hiểu rõ và ứng dụng cho đúng nơi, đúng chỗ, tùy thời, tùy lúc và đúng với việc làm của chúng ta. Còn một điều nữa , chúng ta cũng cần phải phân biệt rõ ràng về phẩm vật

cúng dường hay bố thí là tịnh tài và bất tịnh tài. Nếu không, thì cũng dễ gây ra sự ngộ nhận. Phạm nói tịnh tài, tức là tiền bạc hay của cải chính do ta tạo ra bằng công lao mồ hôi nước mắt của ta. Không phải món vật mà mình tạo ra bằng cách phi nghĩa. Như lường gạt hay trộm cướp v.v... của người ta rồi mình đem bố thí hay cúng dường. Như thế, thì những vật này được gọi là Tịnh tài. Ngược lại, là vật Bất tịnh tài.

Để mọi người hiểu rõ hơn về nhiệm vụ và sự sinh hoạt của từng nhóm, sau đây, chúng tôi xin tạm nêu ra một vài yếu kiện thực hiện qua hai phần lý thuyết và thực hành như sau:

Nhóm 1 : Bố Thí Độ

I / Lý Thuyết

1/ Khái Quát về Ý Nghĩa Bố thí.

Bố thí là một nghĩa cử cao đẹp của một người tập tu Bồ Tát Hạnh. Bố là cùng khắp; thí là cho, là trao tặng. Bố thí là cho cùng khắp, cho tất cả mọi người, mọi vật, mọi nơi. Người Bố thí Ba La Mật là người không dính mắc vào việc làm của mình. Bố thí gồm có 3 thứ : Tài Thí, Pháp Thí và Vô Úy Thí.

a/ Tài Thí : Tài thí tức là đem tiền bạc, của cải, vật thực của mình ra cho. Tài thí có hai loại : Nội tài và ngoại tài. Nội tài là hiến tặng những vật quý giá của tự thân. Thí dụ như máu, thận v.v... Ngoại tài là hiến tặng những vật dụng, tiền bạc, của cải, tài sản v.v....

b/ Pháp Thí : Dùng tất cả những lời lẽ phù hợp với chân lý mà khuyên giải mọi người để họ giác ngộ tu hành thoát khổ.

c/ Vô Úy Thí : Đem cái không sợ cho người. Như người sợ chết, ta giải thích cho họ biết, chết không phải là hết.... Tóm lại, ta đem những điều gì phù hợp với chân lý để trấn an lòng sợ hãi của mọi người, đó là bố thí vô úy.

Trên đây, là nêu ra một cách khái quát về những loại bố thí, để chúng ta có khái niệm biết sơ qua mà hành trì. Điều quan trọng trong cách bố thí, phù hợp với chân lý, là khi bố thí ta không nên để tâm dính mắc vào việc làm của ta. Như thế, thì việc Bố thí của ta mới thật sự có lợi lạc.

II / Thật hành

2 / Nhiệm Vụ của Trưởng Nhóm và các đoàn viên trong nhóm.

Khi đến mỗi Danh Lam Thắng Tích, vị trưởng nhóm và các đoàn viên của nhóm Bồ thí này, có những nhiệm vụ thiết yếu cần phải thực hiện sau đây:

Kêu gọi sự phát tâm đóng góp cúng dường Tam Bảo v..v..trong nhóm mình.

Kêu gọi mọi người trong các nhóm khác đóng góp tịnh tài để cúng dường.

Thay mặt mọi người dâng tịnh tài cúng dường Tam Bảo, các chùa.

Cần ghi rõ số tịnh tài đóng góp.

Sinh hoạt trong nhóm và giải thích cho những nhóm khác biết qua về việc làm của nhóm mình.

Yêu cầu mọi người cần phải chấp hành nghiêm chỉnh theo sự hướng dẫn trong phạm vi hoạt động của nhóm.

Mọi người trong các nhóm khác không được tự động cúng dường hay bố thí, làm mất trật tự cho đoàn có khi còn gây sự nguy hại.

Giải thích và hướng dẫn qua phương pháp bố thí, cúng dường, theo tinh thần Bồ tát hạnh.

Khuyến khích mọi người bố thí trao tặng vật phẩm cho những người nghèo khổ, tàn tật, bệnh hoạn ...

Dùng lời chánh pháp an ủi khuyên giải những người hoạn nạn, tàn tật cơ hàn ...

Tóm lại, thực hiện việc lợi mình lợi người đó là công hạnh của Bồ tát. Ngoài việc biểu dương tinh thần Lục hòa của từng nhóm nói riêng, của đoàn nói chung, nó còn biểu dương tinh thần từ bi vị tha hỷ xả của một người Phật tử chân chánh là tri hành hợp nhất. Mong sao trưởng nhóm và các đoàn viên của nhóm bồ thí này thật hành đúng theo hạnh nguyện bố thí của Bồ tát. Bồ thí là hạnh tu đứng đầu trong lục độ. Đây là công hạnh lợi tha rất thực tế vậy.

---o0o---

Nhóm 2 : Trì Giới Độ

I / Lý Thuyết

1 / Khái quát về các loại giới luật.

Giới luật là căn bản của đạo giác ngộ giải thoát. Trong Tam Vô Lậu Học giới học đứng đầu. Người tu hành muốn tiến đến Phật quả, dù tại gia hay xuất gia cũng đều phải lấy giới luật làm đầu. Có nghiêm trì tịnh luật, thì Định Huệ mới phát sanh. Do đó, trong Giới Kinh nói :” Giới luật là mạng mạch của đạo pháp, giới luật còn, đạo pháp còn.”

Người tại gia và xuất gia. Người tại gia, Phật chế 5 giới và 8 giới. Người xuất gia, thì gồm có: Tỳ Kheo Tăng : 250 giới. Tỳ Kheo Ni : 348 giới. Sa Di và Sa Di Ni : 10 giới. Thức Xoa ma na ni ngoài việc giữ 10 giới còn phải giữ thêm 6 điều giới và tập 296 hạnh giới. Đây là các loại giới luật thuộc của hàng Thanh Văn, nói rõ hơn là giới Tiểu thừa. Còn giới Đại Thừa Bồ tát thì có khác.

Giới Bồ tát thì Phật chế bao gồm cho Phật tử tại gia và xuất gia. Thuật ngữ chuyên môn của Phật giáo gọi là : “ Giới đạo tục thông hành “. Trong phạm vi của độ thứ hai này, chỉ nói về sự Trì giới Ba la mật của Bồ tát mà thôi. Nói chung giới Bồ tát gồm có 3 thứ : 1/ Nhiếp luật nghi giới. Nghĩa là giữ đúng 10 giới trọng và 48 giới khinh. 2/ Nhiếp thiện pháp giới. Nghĩa là sau khi lãnh thọ giới pháp rồi, nên cố gắng làm tất cả những điều lành, dù việc lành đó rất nhỏ nhặt. 3/ Nhiêu ích hữu tình giới. Nghĩa là Bồ tát làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, không có tâm phân biệt, trong khi thật hành.

Bồ tát trì giới có hai cách : Trì giới sai chánh pháp và trì giới đúng chánh pháp, nói cách khác là trì giới chấp tướng và trì giới không chấp tướng. Thế nào là trì giới chấp tướng? Người trì giới chỉ có hình thức bên ngoài, chứ bên trong thì rất nhiễm ô. Như háo thắng để được tiếng khen, hay tự cao tự đại cho mình giữ giới hơn người, tỏ thái độ hách dịch khinh người phạm giới v.v... Trì giới như thế không đúng hạnh trì giới Ba la mật của Bồ tát. Thế nào là trì giới không chấp tướng ? Dù giữ đúng giới luật đã thọ, nhưng người trì giới không khởi tâm chấp trước bất cứ điều gì chứng tỏ mình giữ giới hơn người.

Tóm lại, người giữ giới đúng đắn, không những lợi ích cho bản thân mình mà còn đem lại sự lợi lạc cho những người chung quanh. Nhứt là trong một đoàn thể, nếu như mỗi cá nhân biết tôn trọng và giữ gìn giới cấm đúng theo lời Phật dạy, thì sẽ góp phần đem lại sự tốt đẹp chung cho đoàn thể. Nhứt là đoàn thể hành hương của chúng ta mỗi người đã được thấm nhuần đạo pháp, thì chúng ta càng nên cẩn thận giữ gìn giới cấm nghiêm mật, để mọi người được tiếng thơm và lợi ích chung.

---o0o---

II / Thật Hành

2/ Nhiệm vụ của Trưởng Nhóm và các đoàn viên trong nhóm.

Để giữ cho đoàn được trật tự và mọi người được an ổn lợi lạc trên đường hành hương cũng như đền những danh lam thắng tích, nhiệm vụ của Trưởng nhóm và các đoàn viên trong nhóm Trì Giới Độ này, cần thực hiện và công bố cho mọi người của các nhóm khác cùng giữ gìn một số quy luật căn bản sau đây :

Tất cả đều phải nghiêm chỉnh tuân theo sự chỉ thị của vị Trưởng Đoàn.

Những đoàn viên trong các nhóm khác phải nghe và tuân hành theo những gì mà vị Trưởng nhóm nêu ra và yêu cầu.

Hành lý và giấy tờ, nhứt là giấy thông hành cá nhân của mỗi người mang theo cần phải giữ gìn cẩn thận. (Vị Trưởng đoàn và Ban Tổ chức không chịu trách nhiệm sự mất mát hay lạc quên)

Tất cả hành lý đều có cùng chung một dấu hiệu. (như buộc vải vàng vào mỗi hành lý chẳng hạn)

Khi lên xuống xe đò, hay xe treo hoặc máy bay, tàu thủy, tất cả cần phải hết sức cẩn trọng, nhứt là đối với các vị trọng tuổi.

Khi đến mỗi trạm trình giấy thông hành làm thủ tục giấy tờ, mọi người phải sắp hàng trật tự và cẩn thận giữ gìn giấy tờ.

Khi đến cũng như khi rời khỏi mỗi khách sạn, mỗi người cần phải tuân theo sự sắp xếp phòng ngủ của mỗi vị trưởng nhóm và đồng thời phải kiểm soát thật kỹ đồ đạc.

Khi dùng thực phẩm ăn uống phải hết sức thận trọng, nhứt là đối với thời tiết khác lạ.

Khi đến các chùa, các nơi thờ cúng, mọi lễ nghi cần phải giữ gìn thận trọng, tất cả đều phải nghe theo sự hướng dẫn của vị Trưởng nhóm.

10. Khi rời khỏi mỗi nơi đi nơi khác, vị Trưởng nhóm nên kiểm soát thật kỹ những đoàn viên trong nhóm của mình cũng như thức nhắc những vị Trưởng nhóm khác.

11. Mọi giờ giấc tới lui những nơi chiêm bái, yêu cầu mọi người cần phải giữ cho thật đúng.

12 . Tránh sự kêu réo, la lối, chạy tới chạy lui làm mất trật tự và làm phiền mọi người.

13 . Đề bảo vệ giữ gìn sức khỏe cho mọi người suốt trong thời gian hành hương, yêu cầu tất cả mọi người phải tôn trọng giờ giấc ngủ nghỉ của người khác, nhứt là ban đêm.

14. Khi cần đi shopping, mọi người nên cho mỗi vị trưởng nhóm của mình biết và không nên tự động đi riêng rẽ, cần phải đi theo trong đoàn.

Những điều luật nêu trên, yêu cầu các vị trưởng nhóm của mỗi nhóm cũng như tất cả đoàn viên nên nghiêm chỉnh chấp hành tuân theo. Mỗi người có tôn trọng luật lệ như thế, thì cuộc hành hương của chúng ta mới có ý nghĩa và mới đem lại sự lợi lạc chung cho đoàn.

---oOo---

Nhóm 3 : Nhân Nhục Độ

I / Lý Thuyết

1/ Khái quát về ý nghĩa nhân nhục.

Trong Kinh Hoa Nghiêm Phật đã dạy : “Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai”. Câu này có nghĩa là một niệm lòng sân nổi lên, thì trăm ngàn muôn ức cửa nghiệp chướng đều mở ra. Sân hận là nguyên nhân gây ra biết bao hậu quả tai hại khốc liệt. Điều này, đã xảy ra hằng ngày trong xã hội. Có biết bao cảnh thương tâm ly tán, vì một phút giây sân hận, không kiềm chế được, nên vợ chồng xa cách, cha mẹ phân ly, anh em thù hận, bạn bè sát hại lẫn nhau v.v... Muốn cho những cảnh tượng trên không xảy ra, thì mỗi người chúng ta cần phải tu hạnh nhẫn nhục. Vậy nhẫn nhục là gì? Nhẫn là nhịn, chịu đựng những cảnh trái mắt nghịch lòng. Nhục là điều sỉ nhục, điều xấu hổ, làm tổn thương đến lòng tự ái của mình. Người tu hạnh nhẫn nhục, luôn phải kèm theo lòng từ bi, thì việc thực hiện nhẫn nhục mới có kết quả. Nhẫn nhục là một sức mạnh mãnh liệt, đối với những ai có một đời sống nội tâm phong phú. Đó là sức mạnh của những bậc hiền nhân quân tử. Ngược lại, sức mạnh của kẻ thất phu thường sử dụng bằng võ lực. Tiến cao hơn, nhẫn nhục ở đây là nhẫn nhục của người thực hiện hạnh Bồ tát. Tức nhẫn nhục Ba la mật.

2/ Thành phần của nhẫn nhục Ba la mật.

Người tu hạnh nhẫn nhục cần phải biết rõ động cơ xuất phát sân hận. Có 3 chỗ xuất phát : Thân, khẩu, ý. Muốn chế ngự khắc phục sự sân hận đó, chúng ta cũng phải từ 3 chỗ đó mà khắc phục.

a/ *Về thân nhẫn*, phải khắc phục, chịu đựng những nghịch cảnh như : đói khát, nắng mưa, nóng lạnh bất thường do sự đổi thay của thời tiết. Ngoài ra, còn phải chịu đựng khi cơ thể bị đau nhức, bệnh hoạn v.v...

b/ *Về khẩu nhẫn*, phải giữ cái miệng, khi gặp nghịch cảnh. Người xưa nói : “ Phải thủ khẩu như bình.” Hoặc: “Luận người ở đời như búa bén ở trong miệng, sờ dĩ chém mình là do lời nói ác”. Vì vậy cho nên ta phải cẩn thận ở nơi lời nói. Ví: “Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”. Người xưa nói : « nhẫn nhưt thời chi khí, miễn bá nhưt chi ưu ». Nghĩa là, chỉ nhẫn nhịn trong một hơi thở, thì khỏi phải lo sợ cả trăm ngày. Có lắm người phật tử tạo nhiều phước đức, nhưng bị cái lỗ miệng bất cẩn mà nó thiêu đốt hết trơn. Thế nên, muốn cho mọi việc chẳng lành đừng xảy ra, thì ta nên cố gắng gìn giữ ở nơi cái miệng, gọi là khẩu nhẫn.

c/ *Thân nhẫn và khẩu nhẫn*, tuy cũng quan trọng, nhưng nó không quan trọng bằng ý nhẫn. Vì xét qua 3 thành phần này, thì ý nhẫn mới là quan trọng nhưt. Nếu như gặp nghịch cảnh mà ta dần được ở trong tâm, thì làm gì

có chuyện bất tường xảy ra. Ta đã diệt trừ ở nơi cái gốc rồi. Thế nên, ý nhẫn thật hết sức quan trọng đối với những ai tập tu theo hạnh nhẫn nhục của Bồ tát. Điều quan trọng hơn nữa, ở đây ta cần phải lưu ý, là phải nhẫn nhục Ba la mật, tức là phải buông xả tất cả không ôm ấp, chất chứa trong lòng.

3/ Phải nhẫn nhục như thế nào mới đúng chánh pháp ?

Có 2 loại nhẫn nhục :

a/ Nhẫn nhục chấp tướng

b/ Nhẫn nhục không chấp tướng.

Thế nào là nhẫn nhục chấp tướng ? Nhẫn nhục chấp tướng, nói cho dễ hiểu hơn là nhẫn nhục mà còn thấy cái ta của mình quá lớn. Vì chấp ngã tướng nặng, nên chỉ nhẫn nhịn chịu nhục nhứt thời, sau đó tìm mọi cách để báo thù. Hoặc nhẫn nhục, vì có những mưu đồ: mong được người khen, quyền cao chức trọng chịu đấm ăn xôi v.v... Tóm lại, nhẫn nhục do lòng dục vọng tham, sân, si, mạn thục đầy chưa phải là nhẫn nhục Ba la mật.

Thế nào là nhẫn nhục không chấp tướng ? Nhẫn nhục không chấp tướng là người nhẫn nhục không còn chấp ngã. Vì không chấp ngã, nên tương ưng với hạnh nhẫn nhục Ba la mật của Bồ tát. Người tu hạnh nhẫn nhục, theo Bồ tát hạnh cần phải thực hiện cho kỳ được hạnh nhẫn nhục này. Hạnh nhẫn nhục này mới thực sự là thật hành đúng với chánh pháp.

---o0o---

II / Thật Hành

1 / Nhiệm vụ của Trưởng nhóm và các đoàn viên trong nhóm.

Nhằm mục đích để ngăn ngừa những ý nghĩ, hành động, hoặc lời nói bất chánh có thể xảy ra không tốt cho trong nhóm cũng như trong đoàn, trưởng nhóm và các đoàn viên trong nhóm cần thực hiện và đồng thời giải thích cho những nhóm khác biết qua về những việc làm sau đây :

Khi thấy có những chuyện không hay xảy ra, vì lòng sân hận, tật đố của người nào đó, có thể gây nên sự xáo trộn bất an trong nhóm hoặc trong đoàn, thì vị Trưởng nhóm nên cố gắng dàn xếp dập tắt ngay.

Trường hợp không thể giải quyết được, thì vị Trưởng nhóm báo ngay cho vị Trưởng đoàn biết.

Khi gặp nghịch cảnh bất trắc xảy ra, không thể ngăn chặn kịp thời được, thì vị Trưởng nhóm nên tìm mọi cách để dàn xếp trong tinh thần hòa ái.

Trên đường hành hương, không phải lúc nào cũng gặp toàn những kỳ hoa dị thảo, hay những điều êm đẹp, thoải mái hết đâu, khi gặp những cảnh trái mắt nghịch lòng, tất cả hãy nhớ đến hạnh nhân nhục của Bồ tát mà cố gắng vượt qua.

Vì khi phát tâm tham dự cuộc hành hương lễ bái chư vị Bồ tát là chấp nhận sống nếp sống tập thể, khác hơn nếp sống bình nhật của ta ở nhà, nên mọi người cố gắng gìn giữ sự hòa khí, nhường nhịn tương kính lẫn nhau.

Vị Trưởng nhóm nên giải thích về 6 pháp Hòa kính : 1/ Thân hòa đồng trụ. 2/ Khẩu hòa vô tranh. 3/ Ý hòa đồng duyệt. 4/ Giới hòa đồng tu. 5/ Kiến hòa đồng giải. 6/ Lợi hòa đồng quân, của đạo Phật, để cho mọi người áp dụng.

Theo đúng tinh thần từ bi vị tha của Bồ tát, nên chúng ta có cái nhìn thương yêu người, dù cùng màu da hay khác chủng tộc, cũng phải khéo xử sự trong tình yêu thương hơn loại.

Tóm lại, đã là người tập tu theo hạnh nhân nhục Ba la mật của Bồ tát, thì tất cả nên lấy chữ nhẫn làm đầu. Nhẫn không chưa đủ mà phải có tình thương thật sự để hỗ trợ cho sức nhẫn nhịn của ta đạt được hiệu năng cao độ.

---o0o---

Nhóm 4 : Tinh Tấn Độ

I / Lý Thuyết

1/ Khái quát về ý nghĩa tinh tấn.

Tinh tấn có nghĩa là tinh chuyên ròng rã, một mặt tiến tới. Tinh tấn theo chiều hướng thiện, thì chính nó là một động lực thúc đẩy con người tiến đến thành công tốt đẹp. Dù ở bất cứ lãnh vực địa hạt nào, ngoài đời hay trong đạo cũng thế. Một người có siêng năng thì mới chịu khó làm việc. Muốn đạt được kết quả tốt đẹp, mà không chịu nỗ lực siêng năng làm việc

hoặc học hỏi, thì chắc chắn người đó sẽ không bao giờ có được. Ở đây, chỉ xin nói đến phạm vi tinh tấn trong lãnh vực tu hành theo công hạnh của Bồ tát mà thôi. Theo Kinh Hoa Nghiêm, tinh tấn là tiêu biểu cho hạnh Bồ Tát Phổ Hiền. Vì thế, người thật hành hạnh tinh tấn, tức là tu theo công hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền. Mà hạnh Phổ Hiền, là làm mọi điều lành phổ độ khắp cả chúng sanh. Ở chính mình phải diệt trừ phiền não, ở những kẻ khác phải khắp độ thoát ly. nhờ vậy tâm đồng thể Đại bi muốn độ thoát chúng sanh của ta ngày một tăng tiến. Ấy mới là thắng hạnh của Đức Phổ Hiền.

Người Phật tử tập tu theo công hạnh này, trước tiên mỗi người chúng ta cần phải trang bị cho mình một chiếc áo giáp sắt tinh tấn. Khi mặc vào chiếc áo giáp tinh tấn này, chúng ta mới có đủ năng lực chiến đấu với bọn ma quân phiền não : nội ma và ngoại ma. Trên bước đường hành hương chiêm bái những nơi tôn nghiêm của chúng ta, có khác nào chúng ta đang đi đến những nơi Thánh địa, tất nhiên, trên bước hành trình đó, không phải lúc nào chúng ta cũng gặp toàn những chuyện suông sẽ an vui , mà cũng có lúc chúng ta sẽ gặp những chướng ngại từ bên trong lẫn bên ngoài, nhứt là đối với giặc phiền não nội tâm, nếu chúng ta nỗ lực tinh tấn dẹp trừ chúng, thì giặc ngoại cảnh khó có thể tấn công ta được. Cho nên, muốn được mọi việc an ổn, thì mỗi đoàn viên cố gắng khắc phục chính mình và luôn luôn khoan dung hỷ xả kẻ khác. Chúng ta luôn tâm niệm, hằng nhớ đến công hạnh của Bồ tát Phổ Hiền, vì lợi ích rộng độ chúng sanh, không nên vì bản ngã cá nhân mà gây ra đau khổ cho mình và người. Như thế, thì sẽ mất hòa khí an vui trên bước hành trình tiến đến sự an lạc của ta. Thế nhưng, phải tinh tấn như thế nào mới đúng chánh pháp ?

Tinh tấn, cũng như bố thí và trì giới, đều có hai phương diện :

a/ Tinh tấn có chấp tướng. Có người trước mặt mọi người, thì rất tinh tấn, lăng xăng làm việc này việc khác, tỏ ra cần mẫn chăm chỉ để được tiếng khen, nhưng khi không có ai dòm ngó, thì lại rất giải đãi. Có người vì sợ người trên la rầy, quở phạt mà tinh tấn; nhưng khi được tự do, không ai kiểm soát thì lại buông lung. Có người tinh tấn với một tâm lý háo thắng, quyết hơn người để tự cao tự đại.

Tinh tấn với một dụng tâm bất chánh như thế, nên nói là tinh tấn chấp tướng, không đúng là tinh tấn Ba la mật.

b/ Tinh tấn không chấp tướng. Tinh tấn không chấp tướng tức là tinh tấn một cách rất chân thành, không vì dục vọng, lợi lạc, tiếng khen... cho riêng

mình. Một lòng cương quyết tiến tu để đạt được giác ngộ giải thoát. Với tâm nguyện lợi mình, lợi người đến chỗ viên mãn mới thôi, đó là tâm nguyện quyết tinh tấn làm mọi việc lành mà không dính mắc vào việc làm nào hết, như thế mới thực sự là tinh tấn không chấp tướng.

---o0o---

II/ Thật Hành

2 / Nhiệm vụ của trưởng nhóm và các đoàn viên trong nhóm

Để khuyến khích mọi người làm lành trong chiều hướng tinh tấn theo bản nguyện Bồ tát hạnh, vị Trưởng nhóm và các đoàn viên trong nhóm Tinh Tấn này có những điều nên thực hiện và khuyên bảo mọi người khác như sau :

Khuyến khích những đoàn viên trong nhóm cũng như ngoài nhóm nên phát tâm siêng năng làm mọi việc lành dù việc lành rất nhỏ như giúp một cụ già băng ngang qua đường, hay cứu một con kiến chẳng hạn.

Nên có tâm thương người như thể thương thân, thấy ai hoạn nạn đau khổ, lâm vào hoàn cảnh nghèo đói, bệnh hoạn v.v...thì ta nên hết lòng giúp đỡ tùy theo khả năng tài chánh chúng ta sẵn có.

Tụng kinh, niệm Phật, lễ bái, ăn chay đó là việc mà người Phật tử không thể nào thờ ơ xao lãng, nên trên bước đường hành hương, ta cũng nên cố gắng tinh tấn làm những điều này trong một hoàn cảnh và thời gian cho phép thích hợp.

Trong khi đi, những gì mà vị Trưởng phái đoàn đề ra khuyên bảo, mọi đoàn viên nên cố gắng siêng năng thực hiện cho đúng, đó là ta vừa tự trọng mình cũng vừa tự trọng cả đoàn.

Tinh tấn theo tinh thần Bồ tát hạnh, nói rõ ra là tinh tấn làm mọi việc lành, nhưng phải có tâm niệm không nên dính mắc vào việc làm của mình mà đôi khi sẽ khởi tâm phiền não, thì thật là không lợi lạc gì cho chính mình.

Những điều nêu trên đây, chỉ có tánh cách tiêu biểu, mong rằng vị trưởng nhóm triển khai rộng thêm để hướng dẫn các đoàn viên trong cũng như ngoài nhóm hiểu rõ hơn về hạnh tinh tấn này mà ứng dụng cho đúng

theo tinh thần tinh tấn của một vị tập tu theo công hạnh của Bồ tát. Có thể, thì mới đem lại một sự lợi lạc thiết thực cho nhóm cũng như cho toàn thể phái đoàn.

---o0o---

Nhóm 5 : Thiên Định Độ

I / Lý Thuyết

1 / Khái quát về ý nghĩa Thiên định.

Người tu hành muốn đạt đến quả vị Phật, tất nhiên phải gồm tu cả phước lẫn huệ, nếu chỉ tu phước không, thì thuộc về phước hữu lậu của thế gian. Nói cách khác, phước báo hữu lậu do chúng ta tu tạo có giới hạn, nên khi chúng ta hưởng hết, thì sẽ bị sa đọa trở lại. Do đó, người tu Bồ tát hạnh, phải chuyên tu cả hai. Trong Lục Độ, 4 Độ trước mà chúng ta đã biết qua, đa phần nói về tu phước, còn ở hai Độ cuối cùng, riêng nói về tu huệ. Ở Độ này nói về Thiên Định.

Thiên định là gì ? Thiên phiên âm theo tiếng Phạn là Thiên na, xưa dịch là tư duy, nay dịch là Tĩnh lự. Tu Tư duy có nghĩa là tu tập bằng phương pháp suy nghiệm, nghiên tầm và suy cứu về những đối tượng của tâm thức. Tĩnh lự đồng nghĩa như định, là giữ tâm thể vắng lặng thâm sát các vấn đề đạo pháp. Còn chữ Định phiên âm theo tiếng Phạn là Tam Ma địa hay Tam ma đề. Tam muội (Samadhi) dịch nghĩa là chánh định, có nghĩa là tập trung tâm ý vào một đối tượng duy nhất không để cho tâm ý tán loạn. Hợp hai chữ Thiên và Định lại, ta có một định nghĩa chung : Tập trung tâm ý vào một đối tượng duy nhất không cho tán loạn, để tâm thể được vắng lặng và cho tâm dụng được mạnh mẽ, hầu quán sát và suy nghiệm chân lý.

Qua định nghĩa trên cho chúng ta thấy sự tập trung tư tưởng không cho tán loạn, suy nghĩ vớ vẩn lung tung, thật hết sức quan yếu trong cuộc sống của chúng ta. Nhìn quanh trong xã hội hiện tại, đã có biết bao người mang nhiều chứng bệnh rối loạn tâm thần. Chính vì tính chất quan trọng đó, nên ở trong Phật pháp dù là Tiểu thừa hay Đại thừa, đều lấy việc tu Thiên định làm chỗ chí yếu. Bao nhiêu pháp môn, bao nhiêu cách thức phương pháp tu hành đều có thể là tu Tam muội. Như : Do niệm Phật được định thì gọi là “ Niệm Phật tam muội “, do tụng Kinh Pháp Hoa hay Kim Cang được định, thì gọi là “ Pháp Hoa tam muội “ hay “ Kim Cang tam muội “.

Về Thiên định có nhiều loại, nhưng đại khái có hai loại : Chánh định và Tà định.

Tà Định : Tà định cũng do tịnh tọa chuyên chú vào một cảnh. Thường là chuyên chú vào đan điền (dưới rún 3 tấc), chót mũi v.v... và cho đó là “Tánh đạo”, nên vừa được phát minh đôi chút, liền tưởng là đã được “Đạo thể”. Từ đó, lại khởi ra tà kiến phân biệt và mong cầu các thứ thần thông. Khi được định này, người ta cũng biết được quá khứ, vị lai và ý nghĩ của kẻ khác (Tha tâm thông) v.v... Trong Kinh , Luận đã có nói thần thông và tà định... một cách rõ ràng, nhưng chỉ vì người thường không am hiểu Phật pháp, nên chẳng thể phân biệt được tà chánh, nhận lầm Tà định là Đạo.

Người đời trọn ngày chìm đắm trong biển lợi danh, ân ái, may mắn được phát tâm theo Phật, lại thường bị lạc vào ngoại đạo tà định, thật hết sức đáng thương ! Người mới tu hành, trước phải phân biệt thế nào là tà, thế nào là chánh, đề khởi phí uổng công phu và hối hận sau này. Vì tu theo tà định rồi, thì mắc phải bệnh thiên kiến rất khó dẫn dụ hơn là những người chưa được định lực. Ấy là điều vô cùng tai hại !

Những người không có đạo đức chân thật, chỉ có tài xảo trá họ cũng đánh lừa được một số rất đông quần chúng để làm điều bất chánh, cái kết quả đó chẳng qua sẽ làm hại mình và hại người mà thôi. Nên khi chưa trừ dẹp được căn bản vô minh phiền não, thì những thứ Thiên định đã được cũng chỉ là Tà định mà thôi. Vì thế, người tu Thiên định, tất nhiên trước phải thành tựu chánh kiến, nghĩa là bình thường tham thiền chẳng chú trọng đến chỗ được định mà chỉ cần làm sao cho đầy đủ chánh kiến mới là điều quan trọng. Nếu không như thế, chẳng khác nào những người mù đi trên con đường đầy sự nguy hiểm !

Chánh Định : Chánh định có chia làm hai : Phạm phu định và Thánh nhơn định.

Phạm phu định : Tức là định không do tà kiến. Các tà định nếu ly khai tà kiến cũng đồng với chánh định. Phạm phu chánh định thông cả Tứ thiền và Tứ không, nhưng chưa được phù hợp với thánh huệ, nên chẳng phải là Thánh định.

Thứ chánh định này cũng do trì Thập thiện giới, chẳng còn tà kiến, từ nơi nghiệp quả chánh tín, tu được Thiên định. Ở đây không có tà kiến mà chỉ có thiện hạnh nên được gọi là Chánh định, định này còn được gọi là Đạo quả của Thiên thừa.

Thánh Nhơn Định : Về Thánh nhơn định thì người ta phải quán từ Sơ thiên, Nhị thiên v.v... cho đến Phi phi tướng định đều là “khô”, chẳng tham trước, chẳng si mê, vì nhờ quán như vậy mà được thiên định, hiện ra bao nhiêu cảnh giới thắng diệu, nhưng chưa đoạn được nghiệp phiền não hữu lậu, bây giờ mới dùng trí huệ giản trạch mà đoạn nó, ấy chính là thắng định của Phật giáo vậy.

Ở đây chỉ tóm tắt giải thích và phân loại các Thiên định một cách tổng lược mà thôi. Điều ta nên chú ý là : Các thứ Thiên định tuy có khu biệt mà vẫn đồng nhất, vì tất cả Thiên định đều lấy “Vô tánh chơn không” làm căn bản, nếu ai triệt ngộ được Vô tánh chơn không tức là đồng với trí huệ bình đẳng không hai của Phật, ấy là được Thiên định của Phật.

Tóm lại, người Phật tử khi ứng dụng tu Thiên, cần phải biện biệt thật rõ qua các loại Thiên định. Vì trong Phật giáo có nói đến nhiều loại Thiên. Sau khi nghiên cứu kỹ càng, cặn kẽ, Thiên nào thuộc về Tổ Sư thiên, Thiên nào thuộc Đại thừa thiên, Thiên nào thuộc về Tiểu thừa, và Thiên nào của Phạm phu, nhứt là ta phải tránh Thiên Ngoại đạo, chừng đó ta mới ứng dụng để tu. Nếu ai thực hành đúng theo phương pháp Thiên định của Phật giáo, nhứt là Thiên Đại thừa theo Bồ tát hạnh, thì sẽ được lợi lạc rất lớn : Ngũ căn được tự tại, phiền não được dứt trừ; từ bi được mở rộng, và trí huệ phát chiếu, đạt được cảnh giới giải thoát an vui hoàn toàn.

---o0o---

II/ Thật Hành

2 / Nhiệm vụ của trưởng nhóm và các đoàn viên trong nhóm.

Để khuyến khích các đoàn viên trong nhóm cũng như ngoài nhóm tập tu chánh niệm cho có hiệu quả, vị trưởng nhóm trong nhóm Thiên định này, nên hướng dẫn, giải thích cho mọi người biết về ý nghĩa Thiên định của Phật giáo. Đồng thời, cũng nên thức nhắc mọi người tránh xa những loại Thiên Ngoại đạo, vì một khi lầm lẫn dính mắc vào, thì thật là tai hại. Đại khái, nên khuyến mọi người thực tập cụ thể những điều sau đây :

Khi bước chân lên các loại vận chuyển như : máy bay, xe đò, xe treo, tàu hỏa, tàu thủy v.v... các đoàn viên trong nhóm cũng như ngoài nhóm, mỗi người tốt nhất, nên nhiếp tâm niệm Phật.

Trong suốt thời gian hành trình, khi đến mỗi nơi tôn nghiêm chiêm bái, mỗi người cần phải giữ sự yên tĩnh, lắng lòng cho thật thanh tịnh, không cho niệm phân biệt phiền não dấy khởi, nhất là trong lúc hành lễ.

Để bớt sự chi phối bởi ngoại cảnh, nhất là suy nghĩ tính toán những chuyện không đâu, làm cho tâm lực bị suy yếu, từ đó dẫn đến cơ thể bất an sanh ra đau yếu, nên mỗi người cần phải có những giây phút tịnh tâm, tùy theo chỗ nơi cá nhân thích hợp.

Trưởng nhóm nên có những buổi thực tập chánh niệm cho trong nhóm và cũng như ngoài nhóm, để di dưỡng tinh thần.

Khi nói năng hoặc hành động, tất cả đoàn viên nên thực tập cho mình có chánh niệm, đừng bao giờ lơ cảnh giác mà có thể xảy ra những chuyện không hay cho mình và cho đoàn.

Tóm lại, trong nhóm Thiên định này cần phải thức nhắc cho nhau trong việc thực tập chánh niệm trong mỗi lời nói và việc làm để làm gương cho các nhóm khác noi theo. Vị trưởng nhóm nên có trách nhiệm cổ võ cho mọi người luôn có một nếp sống nội tâm phong phú, đúng theo tinh thần của Bồ tát, làm việc chung đưng với mọi người mà tâm vẫn luôn luôn an lạc, đó là nhờ mỗi người biết và khéo gìn giữ chánh niệm.

---o0o---

Nhóm 6 : Trí Huệ Độ

I / Lý Thuyết

1/ Khái quát về ý nghĩa trí huệ

Trong đạo Phật, trí huệ đóng một vai trò thật hết sức quan trọng. Dù chúng ta tu bất cứ pháp môn nào, nếu không lấy trí huệ làm đầu, thì sự tu hành của chúng ta khó có thể đạt được kết quả tốt đẹp. Tuy nhiên, trong đạo Phật có chia ra nhiều loại trí huệ. Trí huệ của phàm phu, trí huệ của hàng Nhị thừa và trí huệ của hàng Đại thừa cuối cùng là trí huệ Phật. Trí huệ là Prajna dịch theo âm Hán là Bát nhã, dịch nghĩa là Trí huệ (Nam) hay trí tuệ (Bắc), đây là một trong 6 hạnh của Bồ tát, nói cho đủ là Ma ha bát nhã Ba la mật đa, nói theo âm Hán là Đại trí huệ Đáo bỉ ngạn. Trong Kinh thường dùng Trí huệ Bát nhã hay Trí Bát nhã, vì muốn lựa khác với chữ trí huệ thông thường thế gian.

Trí huệ Bát nhã Ba la mật là thể tánh sáng suốt có khả năng soi sáng sự vật một cách thấu đáo tinh tường đến nơi đến chốn, không thể sai lầm được. Khi nói đến Trí Bát nhã (Prajnà) trong nhà Phật có chia ra 3 loại Bát nhã : 1/ Văn tự bát nhã, cũng gọi là Phương tiện bát nhã. Nương Văn tự để hiển đạt Lý tánh. 2/ Quán chiếu Bát nhã : Dùng tâm trí huệ chiếu rõ lý thật tướng, vì trí tỏ lý bày, phá trừ mê hoặc, hiển bày Diệu thể, nên gọi là Quán chiếu. 3/ Thật tướng Bát nhã : Không có các tướng, tướng không cũng không, gọi là Thật tướng. Nghĩa là không có tướng sanh tử, Niết bàn và những tướng của các pháp đến cái không tướng cũng không.

Làm thế nào để có được trí huệ bát nhã ? Muốn có được trí huệ, đức Phật chế ra nhiều pháp tu. Trong số nhiều pháp tu ấy thì ba huệ : Văn, Tư, Tu và ba môn vô lậu học: Giới, Định, Huệ là những pháp thường được nhắc đến và thực hành nhiều nhất. Thế nhưng, thật hành như thế nào để được phát sanh trí huệ? Theo tiến trình của 3 huệ, trước hết, chúng ta cần phải có Văn huệ. Văn huệ nói chung là chúng ta nghe từ âm thanh của các vị giảng sư thuyết giảng những lời Phật dạy, hoặc là chúng ta học hỏi qua các Kinh điển Phật dạy mà hiểu được nghĩa lý. Tư huệ, sau khi nghe rồi, chúng ta cần phải có tư duy quán chiếu, tìm hiểu thấu đáo cặn kẽ vấn đề, điều nào chưa rõ, ta cần phải hỏi. Tư huệ này rất là thiết yếu trong khi chúng ta nghe pháp, học hỏi. Cuối cùng là Tu huệ. Tu huệ, sau khi chúng ta đã suy tư chín chắn kỹ càng rồi, bấy giờ chúng ta đem ra ứng dụng, tức thật hành hay thể nghiệm. Nhờ sự ứng dụng thật hành này mà chúng ta đạt được chân lý hay tỏ ngộ thâm nhập được Lý đạo giác ngộ giải thoát. Sự tương quan của ba môn học này rất là hệ trọng. Nếu thiếu một trong ba, thì trí huệ không thể nào phát sanh được.

Đến tiến trình tương quan của Tam vô lậu học : Giới, Định, Huệ cũng thế. Nghĩa là ba môn học ra khỏi sanh tử. Nếu chúng ta ứng dụng ba môn học này một cách triệt để thì chắc chắn chúng ta sẽ được giải thoát sanh tử, chứng được cảnh giới Niết bàn an lạc, vì nhờ giữ giới nghiêm mật mà được Định, nhờ Định mà phát Huệ. Nhờ có trí huệ mà diệt trừ hết vô minh phiền não. Khi vô minh phiền não không còn, tức là trí huệ sáng suốt hiển bày trọn vẹn. Như mây mù tan biến, thì ánh sáng của trăng sẽ hiển lộ hoàn toàn.

Tóm lại, người Phật tử tu học Phật, đối với Trí huệ bát nhã Ba la mật này, rất là quan trọng. Nhờ có trí huệ sáng suốt mà chúng ta dứt trừ được phiền não, thể nhập được chơn lý và biện biệt được lẽ chánh tà chân ngụy, từ đó, chúng ta sẽ tránh được những sự lỗi lầm sa đọa, tiến đến an vui giải thoát hoàn toàn.

---o0o---

II / Thật Hành

2 / Nhiệm vụ của trưởng nhóm và các đoàn viên trong nhóm.

Để hướng dẫn trong nhóm cũng như ngoài nhóm có những nhận định đúng theo tinh thần trí huệ của Bồ tát, vị trưởng nhóm của nhóm Trí huệ này, nên cố gắng thực hiện những điều đại khái sau đây :

Giải thích rộng ra về Tam huệ học cho các đoàn viên nhận hiểu rõ ràng.

Thường xuyên hun đúc tinh thần học hỏi qua những nhận xét về những cảnh vật mà đại chúng đã trải qua.

Tổ chức những buổi học tập, hội thảo về những vấn đề thực tế mà mọi người đã thu lượm gặt hái cũng như thực nghiệm trong khi đi, và trong đời sống hiện thực, tùy nơi chốn và thời gian thích hợp.

Trình bày phương cách tu tập thế nào để được phát sanh trí huệ, bớt đi phiền não và thân tâm được an lạc.

Giải thích qua tiến trình tu tập của Bồ tát ngang qua Tam vô lậu học.

Khuyến khích các đoàn viên nên sáng tác thơ văn qua những Danh lam Thắng tích

Ứng dụng trí huệ Bát nhã vào mọi hoàn cảnh, khi đối xử tiếp vật.

Tóm lại, vị trưởng nhóm của nhóm trí huệ này cần phát huy trí huệ bằng mọi phương pháp qua kinh nghiệm bản thân và học hỏi để truyền đạt đến cho mọi đoàn viên thực tập cho có kết quả an lạc. Đồng thời nêu cao trí huệ Bát nhã của đạo Phật qua hình ảnh của chư Bồ tát cũng như của những người đang tu tập hướng tiến đến Phật quả.

---o0o---

Sách Tham Khảo và trích dẫn

Sách Chữ Hán

1. Hằng sơn, Huyền không tự .

2. Phật Giáo Thánh Địa Ngũ Đài Sơn
3. Tây Sơn Bát Đại Xứ
4. Phở Đà Sơn, tác giả Phương trường Sanh biên.
5. Ngũ Đài Sơn Lục Thập bát Tự.
6. Phở Đà Sơn Dị Truyện, tác giả Pháp sư Chử Vân

Sách Việt Ngữ trích dẫn

1. Danh Lam Phật Giáo Cổ Tích Phật Giáo Trung Hoa- Ngô Giác.
2. Thâm ý qua hình tượng Phật và Bồ Tát, tác giả Hòa Thượng Thích Thanh Từ.
3. Những tài liệu trên trang mạng.

Hành Hương Tứ Đại Danh Sơn

---o0o---

Hồi Hương Công Đức

Nguyện đem công đức này
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu khổ ba đường
Nếu có người thấy nghe
Đều phát lòng Bồ Đề
Hết một báo thân này
Sanh qua cõi Cực Lạc
Nam mô A Di Đà Phật

DEDICATION OF MERIT

May the merit and virtue
accrued from this work
adorn Amitabha Buddha's Pure Land,
repay the four great kindnesses above,
and relieve the suffering of
those on the three paths below.
May those who see or hear of these efforts
generate Bodhi-mind,
spend their lives devoted to the Buddha Dharma,
and finally be reborn together in
the Land of Ultimate Bliss.
Homage to Amita Buddha!

NAMO AMITABHA

---o0o---

HẾT

¹ Tự Điển Phật Học Huệ Quang

² Mùi Hương Trầm - Nguyễn Tường Bách

³ Theo tài liệu của Sở Du Lịch đăng trên trang Website.

⁴ Danh lam cổ tích Phật giáo trung Hoa - Ngô Giác

⁵ Tự Điển Phật Học Huệ Quang

⁶ Thâm Ý Qua Hình Tượng Phật và Bồ Tát của H T. Thích Thanh Từ.

⁷ Danh Lam Cổ Tích Phật Giáo Trung Hoa - Ngô Giác

⁸ Tự Điển Phật Học Huệ Quang

⁹ Tự Điển Phật Học Huệ Quang, tập 4 trang 3303.

-
- ¹⁰ Vì tượng Phật có đá màu hồng đỏ ửng
- ¹¹ TỰ ĐIỂN PHẬT HỌC HUỆ QUANG, tập 6 trang 5649.
- ¹² Mount Emei and Leshan Giant Buddha
- ¹³ Thâm Ý Qua Hình Tượng Phật và Bồ Tát của H.T. Thích Thanh Từ.
- ¹⁴ TỰ ĐIỂN PHẬT HỌC HUỆ QUANG, tập 4, trang 3231
- ¹⁵ TỰ ĐIỂN PHẬT HỌC HUỆ QUANG, tập 6, trang 5603.
- ¹⁶ TỰ ĐIỂN PHẬT HỌC HUỆ QUANG
- ¹⁷ ĐÔI ĐIỀU VỀ ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT, tác giả Thích Thiện Bảo.
- ¹⁸ TỰ ĐIỂN PHẬT HỌC HUỆ QUANG, tập 7, trang 5898.